

# TẠP CHÍ HÀN QUỐC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA HỘI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ HÀN QUỐC CỦA VIỆT NAM

ISSN: 2354 - 0621

TẠP CHÍ HÀN QUỐC Số 2(49) 6/2024

Số 2(49)  
6/2024

# TẠP CHÍ HÀN QUỐC

Số 2(49)  
6/2024

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA HỘI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ HÀN QUỐC CỦA VIỆT NAM

ISSN 2354 - 0621

**TỔNG BIÊN TẬP**  
**MAI NGỌC CHỦ**

**TRƯỞNG BAN BIÊN TẬP**  
**LƯU TUẤN ANH**

**TRƯỞNG BAN TRỊ SỰ**  
**TRẦN THỊ HƯỜNG**

**HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**  
**Chủ tịch**  
**MAI NGỌC CHỦ**

**Phó chủ tịch**  
**PARK JI HOON**

**Ủy viên**

LƯU TUẤN ANH  
TRẦN THỊ HƯỜNG  
ĐẶNG THIẾU NGÂN  
BÙI PHAN ANH THƯ  
NGUYỄN THỊ THẨM  
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI  
PHẠM THỊ NGỌC  
NGUYỄN PHẠM THU HƯƠNG  
TRẦN THỊ THU PHƯƠNG  
HÀ MINH THÀNH  
PHAN HOÀNG MY THƯƠNG  
NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

**Tòa soạn:** P.407, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

**ĐT:** 0918485969; 0914990281

**Email:** [tapchihanquoc@gmail.com](mailto:tapchihanquoc@gmail.com)

Giấy phép xuất bản số: 1232/GP-BTTTT

In tại: Công ty TNHH Hương Khánh

Số 22 ngõ 8 đường Lê Trọng Tấn, Phường La Khê,  
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## Mục lục

|                                                                                                                                                                                          |     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| <b>NGHIÊM THỊ THU HƯƠNG</b><br>Đề xuất tiêu chí đánh giá chất lượng bản dịch: Áp dụng<br>cho các khoa đào tạo tiếng Hàn định hướng biên phiên dịch                                       | 3   |
| <b>PHẠM HOA MAI</b><br>Xây dựng chương trình giảng dạy biên phiên dịch tiếng Hàn<br>bậc đại học phù hợp với thực tiễn ứng dụng tại Việt Nam                                              | 12  |
| <b>PHẠM THỊ NGỌC</b><br>Thay đổi các học phần biên phiên dịch trong chỉnh sửa<br>chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc<br>năm 2024 của Trường Đại học Hà Nội                      | 22  |
| <b>LÊ THỊ YẾN THU, NGUYỄN THỊ THANH TRÚC</b><br>Phương pháp giảng dạy học phần Thực hành dịch nói cho<br>người học ngành ngôn ngữ Hàn Quốc, trường Đại học<br>Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng | 34  |
| <b>NGUYỄN THỊ NGUYỆT MINH</b><br>Vai trò và hiệu quả của phương pháp tích hợp kỹ năng dịch<br>trong giảng dạy thực hành tiếng Hàn                                                        | 42  |
| <b>BÁ THỊ NGÀ</b><br>Phân tích lỗi dịch số trong phiên dịch Việt - Hàn                                                                                                                   | 55  |
| <b>TRẦN TÙNG NGỌC</b><br>Xây dựng học phần Biên dịch nội dung văn hóa dành<br>cho đối tượng sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn<br>(Tập trung vào lĩnh vực biên dịch phim ảnh và webtoon)   | 65  |
| <b>NGUYỄN LỆ THU</b><br>Định hướng trong đào tạo biên phiên dịch cho sinh viên<br>ngành tiếng Hàn ở Việt Nam                                                                             | 81  |
| <b>BÙI THỊ OANH, HÀ THU HƯỜNG</b><br>Khảo sát lỗi phiên dịch tiếng Hàn của học viên khóa biên<br>phiên dịch tại học viện King Sejong Hà Nội 2                                            | 92  |
| <b>THÂN THỊ THÚY HIỀN</b><br>Phân tích lỗi dịch máy Việt-Hàn và một vài đề xuất về áp<br>dụng dịch máy trong giảng dạy biên dịch tiếng Hàn                                               | 103 |

KOREA **KF**  
FOUNDATION

This Journal is supported by the Korea Foundation  
이 학술지는 한국국제교류재단의 지원을 받아 출판되었습니다

# 한국학 저널

베트남 한국학술연구회

제2(49)호

2024년 6월

ISSN 2354 - 0621

발행인  
MAI NGOC CHU

편집 팀장  
LUU TUAN ANH

행정 팀장  
TRAN THI HUONG

편집위원회  
위원장  
MAI NGOC CHU

부위원장  
PARK JI HOON

위원  
LUU TUAN ANH  
TRAN THI HUONG  
DANG THIEU NGAN  
BUI PHAN ANH THU  
NGUYEN THI THAM  
NGUYEN THI PHUONG MAI  
PHAM THI NGOC  
NGUYEN PHAM THU HUONG  
TRAN THI THU PHUONG  
HA MINH THANH  
PHAN HOANG MY THUONG  
NGUYEN MANH CUONG

발행: Room 407, 336 Nguyen Trai street,  
Thanh Xuan district, Hanoi, Vietnam

문의: 0918485969; 0914990281

이메일: tapchihanquoc@gmail.com;

발행허가: 1232/GP-BTTTT

인쇄: Huong Khanh 인쇄사

No. 22, 8 lane, Le Trong Tan street, La Khe ward,  
Ha Dong district, Hanoi, Vietnam

## 목록

|                                                              |     |
|--------------------------------------------------------------|-----|
| NGHIEM THI THU HUONG                                         | 3   |
| 번역 품질의 평가 기준에 대한 제안: 베트남 대학교에서의<br>통번역 전공 한국어 교육 과정을 중심으로 하여 |     |
| PHAM HOA MAI                                                 | 12  |
| 실용적 한-베 통번역 교육과정의 개선 방안에 관한 연구                               |     |
| PHAM THI NGOC                                                | 22  |
| 하노이 대학교에서의 2024 년 한국어 교육과정 개선에 있는<br>통번역 교육의 변화              |     |
| LE THI YEN THU, NGUYEN THI THANH TRUC                        | 34  |
| 다양 외국어 대학교 한국어 전공자를 위한 한국어 통역 연습의<br>교수법에 관한 연구              |     |
| NGUYEN THI NGUYET MINH                                       | 42  |
| 한국어 표현·이해 교육에 있어 통번역 기술활용의 역할 및 효과                           |     |
| BA THI NGA                                                   | 55  |
| 한·베 통역에 있어서의 숫자 오역 분석                                        |     |
| TRAN TUNG NGOC                                               | 65  |
| 한국어 전공 학생을 위한 문화 콘텐츠 번역 과목의 개설에 대한<br>연구 - 영화, 웹툰 번역 중심으로    |     |
| NGUYEN LE THU                                                | 81  |
| 베트남내 한국어 통번역 교육 방향 연구                                        |     |
| BUI THI OANH, HA THU HUONG                                   | 92  |
| 하노이 2 세종학당 통번역과정 수강생들의 한국어 통역 오류에<br>대한 조사                   |     |
| THAN THI THUY HIEN                                           | 103 |
| 기계번역 오류 분석 및 한국어 번역교육에서의 기계번역 활용을<br>위한 제안                   |     |

KOREA KF  
FOUNDATION

This Journal is supported by the Korea Foundation  
이 학술지는 한국국제교류재단의 지원을 받아 출판되었습니다

## ĐỀ XUẤT TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BẢN DỊCH ÁP DỤNG CHO CÁC KHOA ĐÀO TẠO TIẾNG HÀN ĐỊNH HƯỚNG BIÊN PHIÊN DỊCH

**Nghiêm Thị Thu Hương\***

### Tóm tắt

Cho đến nay ở Việt Nam các nghiên cứu về tiếng Hàn nói chung, về đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn nói riêng chưa bàn đến vấn đề đánh giá chất lượng dịch thuật. Có một số mô hình đánh giá của học giả nước ngoài nhưng việc áp dụng nó vào thực tiễn còn rất xa vời. Bài viết này đặt mục tiêu (1) xem xét thực trạng của hoạt động đánh giá bản dịch ở các cơ sở đào tạo ngành ngôn ngữ Hàn Quốc định hướng biên phiên dịch, (2) xem xét cơ sở lý thuyết và một số mô hình đánh giá chất lượng dịch thuật, (3) tập trung vào xem xét sự phù hợp của đánh giá dịch thuật dựa trên các tiêu chí năng lực thực hành dịch của người học, từ đó (3) đề xuất Bảng tiêu chí đánh giá chất lượng dịch thuật cho các học phần thực hành biên phiên dịch tiếng Hàn.

**Từ khóa:** tiêu chí đánh giá, năng lực dịch, chất lượng dịch thuật, đánh giá bản dịch

### 1. Đặt vấn đề

Việc giảng dạy tiếng Hàn tại Việt Nam đã sớm được bắt đầu ngay từ sau khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hàn Quốc. Các thế hệ người học đã và đang đóng góp tích cực vào sự thành công trong quan hệ hợp tác giữa hai nước, trong quan hệ giao lưu nhân dân. Các thành tựu trong hoạt động giao lưu kinh tế, văn hóa, chính trị, an ninh quốc phòng, quan hệ hợp tác quốc tế... không thể không có bóng dáng của người phiên dịch.

Theo thống kê của Quỹ Giao lưu quốc tế Hàn Quốc (Korean Foundation) công bố trên trang fanpage Đại sứ Quán Hàn Quốc tại Việt Nam hôm 12/3/2024, hiện trên cả nước có 25.110 sinh viên đang theo học ngành Hàn Quốc, tại 38 trường Đại học và 8 trường Cao đẳng. Việc nghiên cứu và giảng dạy tiếng Hàn theo thời gian, theo đòi hỏi của nhu cầu xã hội đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Có nhiều hội nghị, hội thảo với các chủ đề cụ thể đã quy tụ được những giáo viên, nhà nghiên cứu tâm huyết, đưa ra và xem xét những vấn đề cụ thể trong giảng dạy tiếng Hàn, nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Hàn. Trong số các vấn đề đó, lác đác có một số nghiên cứu đề cập đến vấn đề chương trình dạy dịch, giáo trình dạy dịch, lỗi trong dịch thuật... nhưng chưa có nghiên cứu nào xem xét về vấn đề đánh giá chất lượng dịch thuật nói chung và đánh giá chất lượng bản dịch nói riêng.

\* Tiến sĩ; Trường Đại học Hà Nội; Email: nghiemhuong2@gmail.com

Trong suốt một khoảng thời gian dài, người ta coi dịch thuật là một phương cách để đánh giá trình độ ngoại ngữ, coi dịch là một kỹ năng ngôn ngữ. Nhưng biết ngoại ngữ mới chỉ là 1 yếu tố của người làm nghề biên phiên dịch, để làm nghề biên phiên người ta còn cần có những kỹ năng riêng biệt khác cho nên dần dần việc đào tạo bên phiên dịch mới tách ra ngoài đào tạo ngoại ngữ. Nhìn vào chương trình đào tạo của 46 cơ sở đào tạo ngành Hàn, số lượng các cơ sở đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn khiêm tốn hơn nhiều so với số lượng các trường đào tạo tiếng Hàn - đào tạo ngôn ngữ. Mục tiêu đào tạo biên phiên dịch khác với mục tiêu đào tạo ngoại ngữ, đào tạo biên phiên dịch đã dần chuyển thành hoạt động để người học làm việc sau khi tốt nghiệp - tức là đào tạo nghề. Việc đánh giá năng lực dịch thuật nói chung và đánh giá chất lượng bản dịch nói riêng bao gồm đánh giá năng lực ngoại ngữ.

Trong bài viết này, chúng tôi không bàn đến sự khác biệt cần có trong mục tiêu đào tạo - giữa đào tạo dịch như một kỹ năng ngôn ngữ & đào tạo dịch như một định hướng nghề nghiệp. Chúng tôi bàn về việc dạy dịch theo định hướng nghề nghiệp - trang bị năng lực để sinh viên thực hiện được bản dịch thành công thì (1) cách đánh giá ở môi trường sư phạm như hiện nay đã phù hợp hay chưa? (2) lý thuyết đánh giá nào là phù hợp. Từ đó (3) đóng góp cho người dạy dịch thuật có cái nhìn rõ hơn về đánh giá chất lượng bản dịch và xây dựng các tiêu chí chấm điểm cụ thể trong đánh giá chất lượng bản dịch phù hợp với học phần dịch thuật mà mình đang giảng dạy.

## 2. Cơ sở lý thuyết

Liên quan đến các quan điểm trong đánh giá chất lượng dịch thuật<sup>1</sup>: Tác giả Sonia (2015) phân chia 2 loại đối tượng để đánh giá

là (1) sản phẩm dịch của người hành nghề chuyên nghiệp và (2) sản phẩm dịch của người học. Tác giả Campbell & Hale (1990) chỉ ra có 2 quan điểm chính trong đánh giá chất lượng dịch thuật gồm: (1) Đánh giá cấp phép nghề nghiệp (accreditation): được thực hiện bởi các đơn vị, công ty đào tạo chuyên nghiệp trong nghề dịch thuật, với mục tiêu cấp chứng chỉ hành nghề; (2) Đánh giá sư phạm (pedagogy): được thực hiện tại các cơ sở giáo dục, nhằm chứng nhận trình độ của người học như một phần không thể thiếu trong quá trình đào tạo.

Liên quan đến đánh giá chất lượng bản dịch trong đào tạo dịch thuật, có 2 cách tiếp cận phổ biến là: (1) Đánh giá theo hướng toàn diện (Holistic) - đánh giá chức năng (Functional) và (2) Đánh giá theo hướng phân tích (Analytical) - phân tích lỗi.

Ngoài ra, đánh giá chất lượng dịch thuật cũng gắn với quan điểm của lý thuyết dịch. Lập trường lý thuyết dịch khác nhau sẽ dẫn đến góc tiếp đánh giá khác nhau, tiêu chí đánh giá khác nhau và dẫn đến kết quả đánh giá khác nhau. Vì thế cho nên, trước khi bàn về tiêu chí đánh giá dịch thuật, cần xem xét các tiếp cận đánh giá dịch thuật.

### 2.1. Tiếp cận đánh giá trong dịch thuật

Giống như sự gắn kết của đào tạo biên phiên dịch với đào tạo ngoại ngữ, lý luận dịch thuật lấy ngôn ngữ học làm cơ sở là một trường phái chủ đạo ở Đức trong một thời gian dài. Theo đó, trường phái này coi trọng bản gốc, đề cao bản gốc. Như vậy, việc đánh giá bản dịch theo trường phái này sẽ có xu hướng quan tâm đến việc chuyển tải đúng nghĩa ngôn từ từ bản nguồn sang bản đích.

Trong quá trình chuyển tải từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích người dịch cần hiểu và chuyển tải đúng được dụng ý của tác giả ở ngôn ngữ nguồn, tức là người dịch phải tái tạo được văn bản nguồn ở ngôn ngữ đích làm sao để gây tác động, hiệu quả

<sup>1</sup> Tham khảo lại từ Nguyễn Thị Như Ngọc, Nguyễn Thị Kiều Thu (2000)

tương đương như dụng ý ở ngôn ngữ nguồn. Đại diện của trường phái dịch tương đương là Jakobson (1959), Catford (1965), Koller (1972,1979), Newmark (1981, 1988), Eugene Albert Nida (1964, 2000) ... Theo lý thuyết tương đương này, việc đánh giá bản dịch cần tính đến tương đương hình thức & tương đương hiệu ứng (Nida), tương đương ý nghĩa (Jakobson), tương đương biểu niệm, biểu thái, chuẩn văn bản, ngữ dụng, hình thức (Koller) ... Điều này có nghĩa là việc đánh giá bản dịch đòi hỏi tính tương đương từ 3 góc độ (1) tương đương trên bình diện ngữ pháp - từ vựng, (2) tương đương trên bình diện chức năng, và (3) tương đương trên bình diện ngữ dụng.

Sau này, vào những năm 80-90 các nghiên cứu của Katharian Reiss với công trình nghiên cứu lý thuyết loại hình văn bản (Text typology), Hans J. Vermeer với công trình nghiên cứu về lý thuyết mục đích (Skopostheorie) đã đặt nền tảng cho trường phái dịch chức năng - gọi là trường phái dịch thuật chức năng Đức. Christiane Nord (1997) đã công bố công trình *Translating as a Purposeful Activity: Functionalist Approach Explained* chỉ rõ ràng với thể loại diễn ngôn và loại hình văn bản khác nhau, người dịch quyết định cách dịch khác nhau. Như vậy, việc đánh giá bản dịch theo trường phái này sẽ có xu hướng quan tâm đến kết quả cuối cùng ở bản dịch đích. Một bản dịch phải chuyển tải được một cách chính xác (tính chính xác/accuracy) thông tin ở văn bản nguồn, sử dụng trôi chảy các diễn đạt ở ngôn ngữ đích.

Rất thú vị khi ở các góc độ tiếp cận khác nhau, mỗi trường phái dịch thuật lại mở ra những phân loại trong đánh giá bản dịch khác nhau. Mặc dù có sự khác biệt lớn giữa các hướng tiếp cận đánh giá bản dịch nhưng có thể thấy việc đánh giá bản dịch không thể chỉ dừng lại ở việc dịch đúng (tìm sự giống nhau trong ngôn từ - các ký

hiệu ngôn ngữ) mà ở đó cần xem xét những thay đổi phù hợp chuyển từ ngữ nguồn sang ngữ đích, xem xét sự phù hợp để đảm bảo được sự tương đương giữa bản nguồn và bản đích. Chính vì thế, tiêu chí đánh giá bản dịch không nên chỉ được xem xét ở một góc tiếp cận riêng rẽ, rời rạc, nên được xem là các công cụ để phân tích và đánh giá mức độ thỏa đáng ở ngôn ngữ đích so với bản nguồn.

## 2.2. Tiêu chí đánh giá trong dịch thuật

Ở phương Đông, trong một thời gian dài người ta lấy Tín - Đạt - Nhã<sup>2</sup> làm tiêu chí đánh giá bản dịch. Trong đó: (1) Tín - là dịch chuẩn; (2) Đạt - là đảm bảo mạch lạc, dễ hiểu, (3) Nhã - là đảm bảo tiêu chuẩn thẩm mỹ, dễ hiểu nhưng phải mang vẻ đẹp của ngôn từ. Về sau, các tiêu chí này không còn phù hợp để đánh giá chất lượng bản dịch bởi nó khá mơ hồ và mang tính chủ quan rất cao.

Ở phương Tây (đại diện là nước Đức): Lý thuyết dịch tương đương đánh giá bản dịch dựa vào tiêu chí phong cách hoặc dựa vào phương pháp dịch (dịch sát - literal hay dịch thoát - free). Tác giả Nida (1964) đã đưa ra 3 tiêu chí để đánh giá bản dịch gồm: (1) Hiểu nội dung, (2) Truyền đạt được thái độ của ngữ đích và (3) tạo hiệu ứng tương đương lên người đọc ở ngữ đích.

Theo lý thuyết dịch chức năng, tác giả Nord (1997, tr 75-78) đã chỉ ra lỗi dịch gồm có 4 nhóm để làm căn cứ mô tả tiêu chí đánh giá :

- (1) Lỗi ngữ dụng: lỗi do phương pháp dịch không phù hợp khiến cho người tiếp nhận thông tin khó tiếp nhận được vấn đề; để nhận diện được lỗi này cần người có năng lực so sánh bản ngữ

<sup>2</sup> Đây là quan điểm của Nghiêm Phục (Yan Fu, 1853-1921), nhân vật quan trọng trong lịch sử ngành dịch thuật Trung Quốc, là người có nhiều thành tựu ấn tượng trong việc truyền tải tư tưởng với kiến thức phương Tây đến với người dân Trung Quốc.

nguồn và bản ngữ đích, đối chiếu cùng với yêu cầu dịch.

- (2) Lỗi văn hóa: lỗi do văn hóa nguồn và văn hóa đích có các tiêu chuẩn không giống nhau. Lỗi này có thể kéo theo bản dịch không đạt được mục đích, chức năng của mình.
- (3) Lỗi dịch ngữ nghĩa: lỗi do năng lực ngôn ngữ (cả ở ngữ nguồn và ngữ đích) của người dịch hạn chế hoặc do không hạn chế về năng lực ngôn ngữ nhưng dịch ẩu - lỗi tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp
- (4) Lỗi dịch ở thể loại văn bản, văn phong: Ví dụ như bản dịch báo chí là bản dịch văn bản thông tin, cần ưu tiên và đạt được các chức năng thông tin, khác với các loại văn bản diễn cảm.

Có thể thấy rằng, các nghiên cứu về dịch thuật ở phương Tây đã đi trước, khá đầy đủ và sâu sát để chúng ta tham khảo và tìm kiếm cách thức áp dụng.

### 2.3. Đánh giá dịch thuật ở môi trường sư phạm

Tác giả Newmark (1995, tr 185) đã chỉ ra đánh giá dịch thuật là một phần tất yếu trong khóa học dịch, bởi nó giúp cải thiện năng lực dịch của người học, giúp mở rộng tri thức và hiểu biết của người học cả ở khía cạnh ngôn ngữ, ngoại ngữ và chủ đề dịch thuật; giúp cải thiện năng lực diễn đạt của người học.

Không những thế, trong công tác đào tạo biên phiên dịch, việc đánh giá chất lượng bản dịch có ý nghĩa to lớn với cả người dạy và người học.

- (1) Đối với người dạy: Hoạt động đánh giá giúp người dạy chuẩn đoán các vấn đề của người học, để giúp ra quyết định trong hành vi sư phạm; giúp người dạy xác định hoặc đo lường kết quả đào tạo đã đáp ứng được mục tiêu đào tạo hay chưa.

- (2) Đối với người học: Hoạt động đánh giá có chức năng dẫn dắt người học trong suốt quá trình học tập, đồng thời cũng là một công cụ học tập chính của người học.

Xu thế hiện nay là các trường đại học đang cố gắng hướng nghiệp hóa các chương trình đào tạo nhằm mục tiêu rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo nhà trường với thực tế công việc... Theo đó, việc dạy dịch ở các cơ sở đào tạo có 2 hướng:

- (1) Thứ nhất: Dạy dịch theo hướng dạy dịch sư phạm - Chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ. Ở đây coi dịch là một kỹ năng ngôn ngữ nên các học phần dịch dạy sau các học phần thực hành tiếng, có thể coi là các học phần thực hành tiếng ở mức cao hơn
- (2) Thứ hai; Dạy dịch theo hướng đào tạo nghề - Chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ định hướng biên phiên dịch. Ở đây có thiết kế một số học phần trang bị các kỹ năng riêng biệt cho nghề biên phiên dịch.

Liên quan đến dạy dịch theo hướng đào tạo nghề, gần đây tác giả Vũ Văn Đại và các cộng sự (2022) đã cụ thể hóa một hướng tiếp cận trong đánh giá chất lượng dịch thuật là đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực. Nhóm tác giả chỉ rõ các tiêu chí đánh giá nên được xây dựng trên cơ sở xác định các năng lực thực hành dịch. Cụ thể là hoạt động đánh giá cần căn cứ vào tiêu chí khách quan để chỉ ra bản dịch chất lượng tốt / hay không tốt về mặt nội dung, hình thức, hiệu ứng giao tiếp đối với độc giả đích. Nội dung này chúng tôi sẽ tiếp tục phân tích cụ thể ở phần sau.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nhiệm vụ này, bài viết hướng về các câu hỏi nghiên cứu sau: (1) Trong cách đánh giá dịch thuật ở môi trường sư phạm như hiện nay, các tiêu chí của một bản dịch đạt là gì? (2) Đối với các

cơ sở đào tạo biên phiên dịch theo định hướng đào tạo nghề nghiệp lý thuyết nào là phù hợp? (3) Các tiêu chí áp dụng cho đánh giá chất lượng bản dịch nên là gì?

Nhằm tìm câu trả lời cho những câu hỏi trên, chúng tôi đã thực hiện việc xem xét các mô tả về Phương pháp kiểm tra - đánh giá các học phần dịch viết trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc định hướng biên phiên dịch được công bố theo yêu cầu 3 công khai của 5 trường đại học; thực hiện phỏng vấn trực tiếp 5 giảng viên (GV) có ghi âm xoay quanh 2 nội dung được nêu trên và ghi chép lại sau đó. Chương trình và giảng viên của khoa tiếng Hàn thuộc 5 trường đại học ở các địa phương khác nhau trên khắp Việt Nam, cụ thể là các trường Đại học Hà Nội, Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia, Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế, Đại học ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng và Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

##### 4.1. Thực trạng về đánh giá chất lượng bản dịch hiện nay

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, tại tất cả các cơ sở đào tạo, ở mỗi học phần dịch có 3 loại kiểm tra đánh giá gồm (1) Đánh giá chuyên cần, (2) đánh giá quá trình và (3) đánh giá kết quả học phần. Đánh giá chuyên cần đơn thuần là đo đếm sự tham gia /vắng mặt của sinh viên trong các lớp học, việc có/ không có nộp các bài tập theo yêu cầu. Chỉ có việc Đánh giá quá trình và đánh giá kết quả học phần là hoạt động đánh giá chất lượng dịch thuật và chúng thường được tiến hành cùng vào một thời điểm nhất định - gọi là kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ. Tỷ lệ thông thường của 3 loại kiểm tra này là 10 % - 30% - 60% hoặc 10% - 40% - 50%. Lác đác một số lớp học, bên cạnh cách thức đánh giá truyền thống, giáo viên cho phép người học cũng tham gia vào

việc đánh giá bằng phương thức tự đánh giá bài của mình hoặc đánh giá bản dịch của bạn trong lớp nhưng ý kiến đánh giá hoặc kết quả đánh giá không được đưa vào trong 3 loại kiểm tra trên, đơn thuần là một hoạt động khuyến khích tư duy và khả năng nhận diện vấn đề, phát hiện lỗi và học tập cùng nhau ở người học.

- Khảo sát về hình thức đánh giá chất lượng dịch thuật

Các học phần dịch hoàn toàn không áp dụng các dạng câu hỏi kiểm tra kiến thức, chỉ đánh giá trên kết quả là bản dịch. Các học phần dịch viết đều thực hiện đánh giá kết quả bản dịch trên cơ sở giao trước 01 văn bản nguồn.

- Khảo sát về tiêu chí đánh giá và quy cách tính điểm, thang điểm

Thông thường các tiêu chí đánh giá được thiết kế cho từng nội dung cụ thể trong bài kiểm tra và do chính giáo viên ra đề quy định. Đối với các học phần dịch viết, ở tất cả các đơn vị đào tạo chỉ quy định số điểm cho mỗi đoạn dịch trên toàn bài kiểm tra tối đa là thang 10 điểm, hoàn toàn không có các quy định hoặc chỉ dẫn rõ ràng về trừ điểm khi mắc lỗi.

Nghiên cứu về đánh giá chất lượng dịch trong đào tạo dịch thuật bậc đại học ở Việt Nam, tác giả Nguyễn Thị Như Ngọc, Nguyễn Thị Kiều Thu (2000, tr37) đã khái quát rằng *cánh đánh giá chất lượng dịch thuật cho các học phần dịch thuật hoàn toàn khác nhau ở từng trường*. Tuy nhiên, trên cơ sở khảo sát và thu thập ý kiến của các giáo viên dạy dịch ngành tiếng Hàn chúng tôi lại nhận thấy điểm chung trong công tác đánh giá chất lượng bản dịch hiện nay là đều dựa trên 2 yếu tố chính là (1) khả năng hiểu đúng bản nguồn và (2) khả năng diễn đạt tương đương sang bản dịch đích. Tức là đặt trọng tâm vào năng lực ngôn ngữ.

Khi được hỏi về các tiêu chí của một bản dịch đạt là gì, chúng tôi nhận được câu trả lời “ *Khi đọc bản dịch (toàn văn hoặc đoạn dịch) thì đầu tiên người đọc phải hiểu được nội dung; sau đó mới xem xét đến sự tương đương giữa bản nguồn với bản dịch - có trường hợp bản dịch đích có nội dung, nhưng nội dung nó không tương đương với bản nguồn; sau đó nữa mới tính đến các lỗi từ và ngữ pháp*”. Điều này cho thấy cách tiếp cận đối với một bản dịch đạt là cách tiếp cận theo hướng toàn diện (Holistic).

Khi được hỏi về các tiêu chí đánh giá cụ thể để lượng hóa và tính điểm, chúng tôi nhận thấy một giảng viên có thể liệt kê được 3 hoặc 4 trên 5 các tiêu chí gồm: (1) từ vựng, (2) Cấu trúc ngữ pháp (đối với dịch ngược thì tiêu chí này là tiêu chí cao nhất, đúng ngữ pháp ở ngoại ngữ...), (3) Diễn đạt ngôn ngữ đích chuẩn xác, mượt mà; (4) Đảm bảo sự tương đương với ý ở ngôn ngữ nguồn; (5) Đúng văn phong (trang trọng, hành chính, xưng hô...). Tất cả các giáo viên đều nêu tiêu chí (1) và tiêu chí (2) trước hết, thứ tự liệt kê các tiêu chí (3)-(5) ở các giáo viên là không giống nhau. Điều này cho thấy ở bước lượng hóa để chấm điểm - nghiêng về cách đánh giá theo hướng phân tích (Analytical) - phân tích lỗi, việc phân tích lỗi dịch cũng đặt nặng vào việc đánh giá năng lực từ vựng và ngữ pháp. Ngoài ra, kết quả khảo sát cũng cho thấy một số giảng viên đề cao sự tương tác trong giờ học dịch của mỗi học sinh và sự tích cực trong hoạt động tương tác của người học với giáo viên và với bạn học cũng là một yếu tố điểm cộng.

- Khảo sát về trọng số điểm

Khi được hỏi về trọng số điểm ứng với các tiêu chí: Một số giáo viên trả lời “*không quy định trọng số điểm, là tùy xem bài dịch mà chấm thôi*”, một số giáo viên cảm thấy lúng túng để mô tả trọng số ứng với từng tiêu chí. Điều này có thể là nguyên nhân chính dẫn đến kết quả điểm đánh giá không

chính xác giữa các đoạn trong bài dịch và giữa các bài dịch với nhau. Điều này cũng là nguyên nhân của sự thiếu thống nhất cách tính điểm giữa các giáo viên trong cùng một học phần hoặc giữa các học phần với nhau.

Phần đông giáo viên áp dụng phương pháp chấm trên toàn bộ : “*Nhìn chung toàn bài, tức là xem tổng thể để cho điểm; chỗ dịch tốt bù trừ cho chỗ dịch chưa tốt hoặc ngược lại*” - điều này nghiêng về đánh giá toàn diện (Holistic) hơn là đánh giá phân tích (Analytical). Tức là sẽ xem xét mức độ đạt (trong truyền tải thông tin, trong diễn đạt ở ngữ đích - viết câu đúng ngữ pháp, nói trôi chảy .v.v...) và có trừ điểm các lỗi. Cũng có trường hợp giáo viên áp dụng song song 2 phương pháp chấm : chấm toàn bộ - để xem mức độ hoàn chỉnh và chấm phân tích - để trừ điểm các lỗi, sau đó cho chung một tổng điểm.

Việc trừ điểm các lỗi hoàn toàn không xác định chính xác điểm trừ cho mỗi loại lỗi và sự tương quan mức độ giữa các lỗi với nhau. Điều này, tương tự như việc không quy định trọng số - có thể nảy sinh sự không tương quan / công bằng giữa các lỗi trong một bài đánh giá, giữa các bài làm kiểm tra đánh giá ... Tính chủ quan của người chấm rất cao, đồng thời cách thức này cũng không giúp người chấm bài xuyên suốt các nhóm lỗi để khái quát được các nhóm lỗi, giúp chuẩn đoán các vấn đề của người học và ra quyết định sự phạm ở các giờ học sau. Rõ ràng là trọng số điểm chỉ có thể có khi tiêu chí chấm điểm đã được gọi tên.

Nhìn chung, cách đánh giá chất lượng bản dịch ở môi trường sư phạm như hiện nay nổi lên rất rõ vấn đề không có sự nhất quán. Sự không nhất quán thể hiện ở không nhất quán tiêu chí đánh giá bài dịch, không nhất quán quy cách tính điểm, thang điểm và trọng số điểm. Sự không nhất quán này diễn ra trong đơn vị đào tạo, bộ môn và cả trong một học phần cụ thể.

#### 4.2. Phương hướng và giải pháp áp dụng lý thuyết đánh giá bản dịch

Các nghiên cứu đánh giá dịch thuật ở Việt Nam dường như với chỉ dừng ở trường hợp một số dịch giả văn học trao đổi ý kiến qua một số bài viết đăng trên các trang báo (gồm báo giấy và báo mạng - dành cho đại chúng) và tập trung vào việc chỉ ra lỗi (lỗi từ vựng, lỗi ngữ pháp, lỗi diễn đạt) trong các bản dịch. Điều này cho thấy trong bức tranh đào tạo bên cạnh các nghiên cứu thiết kế xây dựng chương trình, thiết kế đề cương học phần, thì nghiên cứu liên quan đến tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá vẫn còn đang bỏ ngõ.

Các công trình nghiên cứu về lý luận dịch thuật nói chung ở Việt Nam còn rất khiêm tốn. Chủ yếu là các nghiên cứu của các tác giả GS.TS. Vũ Văn Đại, GS.TS. Hoàng Văn Vân, PGS.TS. Lê Hùng Tiến .v.v...

Chuyên khảo Phê bình đánh giá dịch thuật: một số vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn dịch thuật Anh- Việt của tác giả Lê Hùng Tiến (2018) đã phân tích và chỉ ra một số mô hình đánh giá dịch thuật phù hợp với thực tiễn dịch thuật Anh - Việt (tr 154-163), và đề cập đến khả năng áp dụng các mô hình phê bình đánh giá trong dịch thuật Anh- Việt (tr 163-165). Theo tác giả, mô hình đánh giá theo 4 nhóm lỗi của Nord (1991, 2005) có thể sử dụng trong đào tạo dịch thuật.

Tác giả Ngô Thu Hà (2020) từng là giảng viên khoa Sư phạm tiếng Anh trường Đại học Ngoại ngữ, ĐH Quốc gia Hà Nội đã đề cập đến 22 gồm 22 loại lỗi ([https://www.atanet.org/certification/about\\_exams\\_error.php](https://www.atanet.org/certification/about_exams_error.php).) dùng làm tiêu chí chấm điểm bản dịch của các dịch giả chuyên nghiệp do Hiệp hội dịch thuật Hoa Kỳ (ATA) đã xây dựng. Tác giả cũng chỉ ra rằng danh sách này vẫn thiên về khía cạnh ngữ học của việc dịch, tập trung nhiều vào

các lỗi ở cấp độ câu thay vì cấp độ văn bản, do đó nó phù hợp cho những người học dịch để học ngôn ngữ hơn là phù hợp với những người làm dịch chuyên nghiệp.

Gần đây, tác giả Vũ Văn Đại và các cộng sự (2022 tr 190-191) đã làm rõ các tiêu chí năng lực thực hành dịch căn cơ, làm kim chỉ nam cho các hoạt động đào tạo ngành ngoại ngữ theo định hướng biên phiên. Cụ thể các năng lực người BPD cần có gồm:

- (1) Về kiến thức: Có kiến thức sâu, rộng về ngôn ngữ nước ngoài, văn hóa của nước sử dụng ngôn ngữ này và liên thức liên văn hóa; Có kiến thức sâu, rộng về tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Có kiến thức bách khoa về xã hội, chính trị, giáo dục... của Việt Nam và của nước sử dụng ngôn ngữ nước ngoài; Có kiến thức cơ bản về một số lĩnh vực chuyên ngành như tài chính, thương mại nghệ thuật...
- (2) Về kỹ năng: Giao tiếp bằng tiếng nước ngoài (nghe, nói, đọc, viết); Truyền đạt đủ và trung thành văn bản nguồn, tạo được sự tương đương trong hiệu quả giao tiếp; bản dịch đảm nhiệm tốt vai trò trung gian văn hóa; người dịch lựa chọn được các chiến lược dịch phù hợp; Diễn đạt viết đúng, phù hợp với hệ thống thuật ngữ và văn phong của ngôn ngữ đích...

Theo đó, chúng tôi cho rằng xu thế các trường đại học đang cố gắng hướng nghiệp hóa các chương trình đào tạo thì việc đánh giá trong đào tạo cũng nên hướng đến chuẩn đánh giá của đào tạo nghề nghiệp. Vì vậy, theo chúng tôi mô hình đánh giá của nước ngoài và đề xuất ứng dụng vào thực tiễn dịch thuật ở Việt Nam cũng là một hướng nghiên cứu. Tuy nhiên trường học cần một bộ tiêu chí đánh giá có cơ sở khoa học, rõ ràng, và bám sát vào các khía cạnh năng lực hành dịch. Đây cũng chính là căn cứ để chúng tôi đề xuất lấy các tiêu chí năng lực

thực hành dịch để làm công cụ đo lường chất lượng của bản dịch.

#### 4.3. Đề xuất tiêu chí đánh giá chất lượng bản dịch

Bản thân hoạt động đánh giá chất lượng bản dịch trong đào tạo biên phiên dịch cũng là một lĩnh vực không nhỏ. Việc đánh giá chất lượng bản dịch không nên chỉ đặt trọng tâm và năng lực ngôn ngữ, không chỉ nên dừng lại ở việc chỉ ra lỗi dịch và sửa lỗi dịch mà hơn thế còn cần hướng dẫn cho người học về phương pháp luận.

Như những phân tích của chúng tôi ở trên, người dạy dịch cần có cái nhìn rõ hơn về đánh giá chất lượng bản dịch trong môi trường sư phạm và cần nhận thức rõ về tầm quan trọng của các tiêu chí chấm điểm cụ thể. Kế thừa một số tiêu chí đánh giá, tham khảo bảng gợi ý đánh giá trong nghiên cứu của Vũ Văn Đại và các cộng sự (2022), chúng tôi đề xuất bảng tiêu chí đánh giá đối với các học phần thực hành dịch trong chương trình đào tạo ngành tiếng Hàn, định hướng biên phiên dịch như sau:

| Điểm toàn bài            | Tiêu chí đánh giá theo tỷ lệ %                                                                                                               |                                                                                                                                                                                       |                                                                                             |
|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
|                          | Đúng nghĩa (70%)                                                                                                                             | Chất lượng diễn đạt bằng ngữ đích (20%)                                                                                                                                               | Thích ứng với hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp mới (10%)                                    |
| 10<br>9.5<br>9.0         | Bản dịch trung thành với ngữ nguồn: về nội dung ngữ nghĩa và chức năng giao tiếp.<br>Bản dịch không có lỗi ngược nghĩa, sai nghĩa, vô nghĩa. | Không có lỗi dùng từ, lỗi ngữ pháp.<br>Không có dấu vết của ngữ nguồn.<br>Diễn đạt phù hợp ở ngữ đích.<br>Thể hiện được nội dung và văn phong của ngữ nguồn.                          | Sử dụng đặc ngữ, biện pháp tu từ sinh động.<br>Xử lý tốt các vấn đề giao tiếp liên văn hóa. |
| 8.5<br>8.0<br>7.5<br>7.0 | Bản dịch nhìn chung đúng nghĩa chứng tỏ người dịch đã hiểu đúng nguyên bản;<br>Còn mắc lỗi dịch xa nghĩa, dịch thiếu ý hoặc thêm ý.          | Có lỗi nhỏ trong dùng từ, lỗi nhỏ trong ngữ pháp.<br>Có ít có dấu vết của ngữ nguồn.<br>Có thể cấu trúc đoạn văn đã được tổ chức lại cho dễ hiểu, nhưng vẫn đảm bảo liên kết văn bản. | Chưa xử lý tốt tất cả các vấn đề giao tiếp liên văn hóa.                                    |
| 6.5<br>6.0<br>5.5<br>5.0 | Bản dịch mắc ít lỗi về nghĩa, tuy nhiên không đến mức khiến độc giả hiểu sai ý ở bản nguồn.                                                  | Lỗi sử dụng từ ngữ không hoàn toàn tương đương với nguyên bản;<br>Lỗi xử lý cấu trúc câu, liên kết văn bản còn vụng.                                                                  | Chưa tính đến đặc trưng văn hóa của độc giả đích.                                           |
| 4.5<br>4.0<br>3.0<br>2.0 | Bản dịch nhiều lỗi dịch sai nghĩa, bỏ nhiều ý không dịch.                                                                                    | Người dịch chỉ dịch kiểu từ đối từ gây khó hiểu, không phù hợp văn phong ngữ đích.                                                                                                    |                                                                                             |

#### 5. Kết luận

Vấn đề chúng tôi đặt ra trong bài viết này là thực trạng thiếu khách quan và thiếu thống nhất trong đánh giá chất lượng bản dịch ở các cơ sở đào tạo ngành tiếng Hàn

định hướng biên phiên dịch. Tổng quan các bài viết đã tập trung vào việc xem xét các vấn đề lý thuyết cơ bản liên quan đến đánh giá chất lượng bản dịch trong môi trường đào tạo ngành tiếng Hàn định hướng biên

phiên dịch. Trong bối cảnh đó, chúng tôi đề xuất một bảng tiêu chí đánh giá đối với các học phần thực hành dịch tiếng Hàn dựa trên các năng lực thực hành dịch được mô tả là định hướng trong hoạt động giảng dạy của ngành ngôn ngữ tiếng Hàn. Dư địa của nghiên cứu lĩnh vực đánh giá bản dịch, đánh giá năng lực dịch thuật còn rất nhiều, bài nghiên cứu này là một nội dung cơ bản để từ đó gợi mở sự quan tâm của các nhà nghiên cứu và giảng dạy tiếng Hàn nói chung, giảng dạy dịch thuật tiếng Hàn nói riêng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Hùng Tiến (2018), Phê bình đánh giá dịch thuật: một số vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn dịch thuật Anh- Việt. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Ngô Thu Hà (2020), Đánh giá trong nghiên cứu dịch thuật, link <https://zzzreview.com/2021/11/30/danh-gia-trong-nghien-cuu-dich-thuat-2020/>
3. Nguyễn Thị Kiều Thu (2017), Khảo sát cánh đánh giá môn dịch thuật tại một số trường đại học Việt Nam, *Tạp chí phát triển KH&CN*, tập 20, số X1-2017. Tr83-90
4. Nguyễn Thị Như Ngọc, Nguyễn Thị Kiều Thu (2020), Đánh giá chất lượng dịch trong đào tạo dịch thuật bậc đại học, *Tạp chí khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, tập 7, số 65 - 2020, ISSN 2354-1075, tr 37-47
5. Phạm Vũ Phi Hồ, Hiệu quả của việc nhận xét - góp ý bản dịch cho sinh viên trong môn biên dịch; *Tạp chí khoa học Đại học Mở thành phố HCM*. Tháng 11 năm 2016
6. Vũ Văn Đại (2020). Cơ sở của tiêu chí đánh giá dịch thuật. *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ*, số 61, tr. 94-105.
7. Vũ Văn Đại, Nguyễn Thị Cúc Phương, Kiều Thị Thúy Quỳnh, Nghiêm Thị Thu Hương (2022), Nghiên cứu năng lực dịch thuật ứng dụng trong đào tạo biên phiên dịch, NXB Giáo dục Việt Nam
8. Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc hệ chính quy của các trường Đại học Hà Nội, Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế, Đại học ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng và Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

### Abstract

PROPOSING CRITERIA FOR EVALUATION OF TRANSLATION QUALITY APPLIED FOR KOREAN TRAINING FACULTIES WITH INTERPRETATION AND TRANSLATION ORIENTATION

**Dr. Nghiêm Thị Thu Hương**  
**Hanoi University**

*Up to now in Vietnam, research on Korean in general and Korean translation and interpretation training in particular has not discussed the issue of translation quality assessment. There are a number of evaluation models from foreign scholars, but the application in practice is still very far away. This article aims to (1) review the current status of translation evaluation activities at Korean language training institutions oriented toward translation and interpretation, (2) review the theoretical basis and some translation quality assessment models, (3) focus on considering the appropriateness of translation assessment based on the criteria of learners' translation practice capacity, from which (3) propose a Table of assessment criteria on translation quality for Korean translation and interpretation practice modules.*

**Keywords:** evaluation criteria, translation capacity, translation quality, translation evaluation

## XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY BIÊN PHIÊN DỊCH TIẾNG HÀN BẬC ĐẠI HỌC PHÙ HỢP VỚI THỰC TIỄN ỨNG DỤNG TẠI VIỆT NAM

Phạm Hoa Mai\*

### Tóm tắt

*Hiện nay các trường Đại học ở Việt Nam có các khoa tiếng Hàn hoặc Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc với các chuyên ngành biên phiên dịch tiếng Hàn/ Sư phạm tiếng Hàn. Tuy nhiên nếu như trước đây, số lượng sinh viên theo học tiếng Hàn rất ít và phần lớn sinh viên ra trường đều có thể làm phiên dịch thì thực tế hiện nay nhu cầu, yêu cầu về nghề biên phiên dịch tiếng Hàn có nhiều sự thay đổi. Trình độ sinh viên, giảng viên, mục tiêu đào tạo của các trường, các địa phương cũng khác nhau do đó cần xây dựng chương trình giảng dạy biên phiên dịch hệ đại học sao cho phù hợp thực tiễn, bảo đảm sinh viên có việc làm sau khi ra trường.*

**Từ khóa:** Giảng dạy tiếng Hàn, biên phiên dịch, chương trình giảng dạy thực tiễn

### I. Đặt vấn đề

Quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Hàn Quốc được chính thức thiết lập vào ngày 22 tháng 12 năm 1992. Đến năm 2001, quan hệ hai nước đã được nâng lên “Đối tác hợp tác toàn diện”, năm 2009 lại được nâng cấp lên quan hệ “Đối tác hợp tác chiến lược” và tháng 12 năm 2022, hai nước ra tuyên bố chung nâng cấp quan hệ giữa hai nước lên “Đối tác chiến lược toàn diện”. Tính chất chiến lược của mối quan hệ thể hiện rõ rệt ở sự phát triển năng động và hiệu quả toàn diện trong mọi lĩnh vực hợp tác, từ chính trị - kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng đến giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và giao lưu nhân dân. Chính vì thế nhu cầu nhân lực thành thạo tiếng Hàn Quốc ở Việt Nam tăng nhanh chóng trong những năm vừa qua. Hiện cả nước có 46 cơ sở Đại học và Cao đẳng đào tạo chính quy tiếng Hàn Quốc và Hàn Quốc học như là chuyên ngành. Ngoài ra tại các cơ sở đào tạo này và một số lượng lớn các cơ sở đào tạo khác còn đào tạo tiếng Hàn Quốc theo các hình thức như ngoại ngữ một, ngoại ngữ hai, tại chức, văn bằng kép. Những năm gần đây chúng ta có thể thấy sự bùng nổ những trung tâm đào tạo tiếng Hàn, các lớp học tiếng Hàn được vận hành bởi các doanh nghiệp tư nhân hoặc các cá nhân theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

Tuy nhiên nếu so với tiếng Anh - ngoại ngữ được đào tạo nhiều nhất tại Việt Nam thì đào tạo tiếng Hàn có những nét khác biệt rõ nét. Nếu người học tiếng Anh tại Việt

---

\* Nghiên cứu sinh trường Đại học Ngoại ngữ Hankuk;  
Email: hoamaipham@gmail.com

Nam phần lớn sử dụng tiếng Anh như công cụ để giao tiếp, phục vụ chuyên môn của mình hoặc là ngoại ngữ để đi du học thì phần lớn những người học tiếng Hàn Quốc tại Việt Nam lại dùng chính tiếng Hàn là nghiệp vụ của mình. Nói cách khác, việc người học tiếng Hàn trở thành phiên dịch tiếng Hàn gần như là chuyện tất yếu. Thực tế lịch sử quan hệ ngoại giao giữa hai nước chỉ hơn 30 năm, khá là ngắn nếu so với các quan hệ ngoại giao khác của Việt Nam nên số lượng người thông thạo hai ngôn ngữ vẫn hạn chế. Người Hàn Quốc cũng muốn sử dụng tiếng mẹ đẻ trong công việc hơn là sử dụng ngôn ngữ trung gian là tiếng Anh tại Việt Nam. Do vậy vai trò của biên phiên dịch tiếng Hàn Quốc trong quá trình phát triển quan hệ giữa hai nước là không thể phủ nhận.

Hiện nay, hầu hết những người làm việc trong các ngành liên quan đến Hàn Quốc tại Việt Nam đều tốt nghiệp các trường đại học chính quy của Việt Nam. Biên phiên dịch Hàn - Việt là toàn bộ hay một phần trong các nghiệp vụ hàng ngày của những người này nhưng không phải ai cũng có đầy đủ kỹ năng và kiến thức liên quan đến biên phiên dịch. Có rất ít cơ sở đào tạo cung cấp các khóa học biên phiên dịch tiếng Hàn Quốc dành cho những người đã tốt nghiệp, và mặc dù có doanh nghiệp tự tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ nhưng cơ hội đào tạo lại không thường xuyên. Công việc phiên dịch, biên dịch có thể nói là một trong những công việc khó khăn nhất. Điều này là do, ngoài việc có kỹ năng tiếng Hàn ở trình độ nhất định, người làm nghề này còn phải có kiến thức nền tảng vượt xa người bản xứ trong bất kỳ lĩnh vực cụ thể nào mình phải dịch, đồng thời phải có sự nhanh nhẹn, bền bỉ để phản ứng nhanh với các tình huống xảy ra trong thời gian thực. Tùy thuộc vào môi trường phiên dịch, các kỹ năng mềm ngoài kỹ năng dịch

thuật đôi khi cũng vô cùng cần thiết. Việc học nghề đòi hỏi nhiều năng lực như vậy cũng không hề dễ dàng.

Để đáp ứng nhu cầu thị trường này, môn học biên, phiên dịch Hàn - Việt đã được mở tại các trường đại học chính quy hoặc các trung tâm dạy tiếng Hàn, hoặc các công ty, tổ chức cần nhiều phiên dịch viên đã mời các giảng viên có tiếng hoặc phiên dịch viên chuyên nghiệp về cung cấp dịch vụ đào tạo dưới hình thức các bài giảng đặc biệt hoặc chương trình trò chuyện. Ngoài ra cũng có những trường hợp tự phát, tự xây dựng nội dung giảng dạy biên phiên dịch dưới dạng video thu phí hoặc đăng tải miễn phí trên mạng xã hội.

Không giống như các trường sau đại học chuyên đào tạo về biên phiên dịch trên thế giới vốn chỉ tập trung vào việc cung cấp kỹ thuật, bí quyết biên phiên dịch, chương trình đào tạo hệ cử nhân tại Việt Nam tập trung đào tạo tiếng Hàn từ cơ bản cho người Việt Nam và bổ sung thêm các môn học liên quan biên phiên dịch mang tính lý thuyết và một thời lượng chương trình nhất định dành cho luyện tập. Bài viết này nhằm đề xuất các biện pháp xây dựng chương trình đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn - Việt ở các trường đại học chính quy sao cho phù hợp nhu cầu thực tế của xã hội, đặc biệt là thị trường việc làm. Ngoài ra, tôi hy vọng kết quả nghiên cứu sẽ là tài liệu hữu ích cho những ai muốn nghiên cứu về giáo dục tiếng Hàn tại Việt Nam, đặc biệt là giáo dục tiếng Hàn cho mục đích biên phiên dịch.

## II. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu của Lim Hyeong-jae và Song Eun-jeong (2015) về giáo dục tiếng Hàn với mục đích biên phiên dịch cho người nước ngoài xem xét các môn liên quan đến biên phiên dịch trong các khoa chuyên ngành biên phiên dịch tại các trường đại học và sau đại học Trung Quốc. Các môn thuộc chương trình cử nhân chỉ bao

gồm các nội dung giới thiệu lý thuyết cơ bản về biên phiên dịch, tuy nhiên lại thiếu đào tạo tập trung vào việc tăng cường tiếng Hàn cho biên phiên dịch tiếng Trung. Tình trạng này không chỉ xảy ra ở tiếng Trung Quốc mà còn ở các ngôn ngữ khác. Vì vậy, giáo dục tiếng Hàn với mục đích biên phiên dịch ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu của những người học tiếng Hàn trình độ cao là rất cấp thiết.

Lim Hyeong-jae (2016) đã thảo luận về chương trình giảng dạy tiếng Hàn cho mục đích biên phiên dịch thông qua việc xây dựng nội dung đào tạo tiếng Hàn với mục đích biên phiên dịch cho người nước ngoài và đánh giá người học, làm nền tảng và cơ sở cho việc đào tạo biên dịch viên tiếng Hàn người nước ngoài. và các dịch giả. Trong nghiên cứu này, một chương trình giảng dạy có mục tiêu và chuyên sâu hơn dành cho người học tiếng Hàn nước ngoài được thiết kế để giúp người nước ngoài vượt qua trình độ tiếng Hàn nâng cao và có được các kỹ năng chuyển đổi ngôn ngữ chuyên nghiệp để biên phiên dịch cũng như phát triển các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ như phiên dịch đồng thời. Ông cho rằng nội dung giáo dục cần được phát triển. Theo đó, chương trình và nội dung giáo dục đào tạo người học tiếng Hàn ở trình độ cao cấp trở thành biên dịch viên chuyên nghiệp có kỹ năng ngôn ngữ và văn hóa đã được đề xuất.

Do nghiên cứu của Lim Hyeong-jae và Song Eun-jeong (2015) và nghiên cứu của Lim Hyeong-jae (2016) đề xuất cấu trúc chương trình giảng dạy tiếng Hàn cho mục đích biên dịch và biên dịch tại các trường đại học ở Hàn Quốc, các trường đại học ở nước ngoài phải xem xét trình độ tiếng Hàn của người học, nguồn lực nhân sự như giảng viên và phát triển tài liệu giảng dạy.

Jang Jeong-yeon (2011) đã thực hiện một cuộc khảo sát đối với người học và giảng viên tại các trường đại học Việt Nam

và nhận thấy rằng nhược điểm của sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành biên phiên dịch là trình độ tiếng Hàn thấp, thiếu kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn cần thiết của một biên dịch viên cũng như trình độ kiến thức về dịch thuật. Dựa trên kết quả khảo sát này, mô hình đào tạo dịch thuật là 'học lý thuyết dịch → thực hành dịch → phân tích so sánh và đánh giá kết quả dịch thuật của người học và các bản dịch mẫu → sửa lại bản dịch đã được trình bày. Lý thuyết cơ bản về dịch thuật cùng các kỹ năng dịch thuật và hỗ trợ cho dịch thuật là những gì mà các sinh viên tốt nghiệp và nhiều người làm công tác dịch thuật cảm thấy cần thiết nhưng lại khó xác định như thế nào là đủ. Ở một thị trường như Việt Nam đang thiếu hụt biên dịch viên chuyên nghiệp, ngay cả những người mới bắt đầu học tiếng Hàn cũng làm công việc dịch thuật nên tôi nghĩ khoa tiếng Hàn ở các trường đại học cũng cần đưa nó vào chương trình giảng dạy ngay từ những năm đầu. Tuy nhiên, nghiên cứu này trình bày một mô hình giáo dục đào tạo phương pháp dịch thuật cho học viên trình độ cao đã có trình độ tiếng Hàn và kiến thức nền tảng nhất định. Thực tế, ở các trường đại học ở Việt Nam, trình độ tiếng Hàn của sinh viên năm thứ ba và năm thứ tư khá khác biệt do đặc trưng đào tạo của từng trường và có thể có sự khác biệt về trình độ giữa khối trường công lập và tư lập. Tôi nghĩ khó có thể áp dụng mô hình đào tạo dịch thuật này vào các trường đại học ở Việt Nam vì đây là mô hình đào tạo khó.

Kim Jina và cộng sự (2014) cho rằng ba điều sau đây là cần thiết để tạo ra những biên dịch viên và biên dịch viên cạnh tranh có năng lực thực tế và lý thuyết được thị trường đón nhận. Trước hết, chúng ta cần tập trung xây dựng một chương trình đào tạo có hệ thống, và đặc biệt cần có những nghiên cứu cụ thể, thực nghiệm về phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc điểm của

từng ngôn ngữ. Thứ hai, đào tạo biên dịch và phiên dịch trong tương lai nên xem xét một chương trình giảng dạy kết hợp biên phiên dịch với một lĩnh vực chuyên ngành khác để đào tạo các chuyên gia biên phiên dịch theo yêu cầu đa dạng của thị trường biên phiên dịch chuyên nghiệp. Thứ ba, để đào tạo được những biên dịch viên có kỹ năng thực hành phiên dịch ngay sau khi tốt nghiệp, việc thực tập bên ngoài lớp học là rất quan trọng nhưng việc thực hành bên ngoài lớp học lại không được diễn ra. Có ý kiến cho rằng cần tạo cơ hội cho sinh viên được đào tạo thực tế. Vì nghiên cứu này là một khuyến nghị về nội dung đào tạo ở phương pháp giảng dạy của các trường cao học dịch thuật và phiên dịch tại Hàn Quốc nên khó có thể áp dụng trực tiếp vào các chương trình đại học tại Việt Nam. Tuy nhiên nó có thể được sử dụng làm dữ liệu để xác định nội dung đào tạo nào nên đưa vào trong việc đào tạo tiếng Hàn với mục đích biên phiên dịch.

Jeong Hyeyeon (2015), bốn nội dung cần được giảng dạy trong thời gian bốn năm dành cho đào tạo biên dịch và phiên dịch trong chương trình đại học. Bốn nội dung bao gồm đào tạo kỹ năng ngôn ngữ, giáo dục lý thuyết về ngôn ngữ học, biên phiên dịch, đào tạo kiến thức chuyên môn và kiến thức thực tế theo hiện trạng từng khu vực cho biên phiên dịch, cũng như đào tạo dịch thuật và phiên dịch thực tế. Cô cho rằng nên dạy môn này cho tất cả sinh viên từ năm nhất đến năm thứ ba, lớp phiên dịch và lớp biên dịch nên được dạy riêng ở năm thứ tư. Ngoài ra, sau khi hoàn thành nội dung đào tạo này, sinh viên cần phải tham gia kỳ thi chứng chỉ để lấy chứng chỉ phiên dịch, biên dịch do các tổ chức liên quan (cơ quan chính phủ, cơ sở đào tạo biên phiên dịch, cơ quan có nhu cầu phiên dịch, dịch thuật cấp). Sau đó theo thời gian, biên phiên dịch viên phải trải qua quá trình đào tạo lại

và gia hạn chứng chỉ của mình. Bốn nội dung được đề xuất trong nghiên cứu này là những chương trình giảng dạy thiết yếu trong khoa tiếng Hàn tại các trường đại học Việt Nam hiện nay.

Park Hye-kyung (2003) chỉ ra rằng rằng mục đích chính của các lớp biên dịch ở trường đại học là nâng cao trình độ tiếng Anh tổng thể và kỹ năng ngôn ngữ, và khi thiết kế chương trình biên dịch trong một khóa học đại học, mục đích cần được phân biệt rõ ràng với các lớp biên dịch ở một trường đại học chuyên về biên dịch. Ngoài ra, người ta cho rằng các yếu tố về mức độ thông thạo ngôn ngữ nên được đưa vào kế hoạch chương trình giảng dạy trước hoặc song song với việc đào tạo tiếp thu kỹ năng biên dịch.

Lê Đăng Hoan (2010) cho rằng, để đưa giáo dục biên dịch, dịch thuật vào giáo dục tiếng Hàn thì trước hết người dạy tiếng Hàn phải có nhận thức về nó. Thứ hai, cần xây dựng phương pháp giảng dạy biên dịch, dịch thuật tiếng Hàn-ngoại ngữ, xây dựng các nguyên lý-lý thuyết cơ bản và xây dựng chương trình giáo dục phù hợp với từng ngoại ngữ trên cơ sở đó. Thứ ba, giáo viên biên dịch phải được đào tạo. Thứ tư, nghiên cứu đề xuất rằng kỹ năng biên dịch, biên dịch và nội dung đào tạo nên được kết hợp với đào tạo bốn kỹ năng ngôn ngữ Hàn Quốc và nên thiết lập một phương pháp giảng dạy tích hợp. Những gợi ý về bồi dưỡng giáo viên giảng dạy biên phiên dịch và giáo dục năng lực tiếng Hàn được đề xuất trong nghiên cứu này hiện nay là rất cần thiết ở Việt Nam.

Trên đây là một số nghiên cứu trước đây về đào tạo biên phiên dịch trong trường đại học. Trong bài viết này, tôi xem xét quá trình đào tạo biên phiên dịch và đề xuất các cách để cải thiện nó. Trong quá trình nghiên cứu, tôi so sánh mô hình phát triển chương trình giảng dạy lấy mục tiêu

làm trung tâm và mô hình phát triển chương trình giảng dạy lấy quá trình làm trung tâm được phát triển theo các triết lý giáo dục khác nhau, đồng thời đề xuất một mô hình phát triển chương trình giảng dạy tích hợp phát huy điểm mạnh của hai chương trình giảng dạy này và bổ sung cho những điểm yếu của chúng. Ngoài ra, mô hình phát triển chương trình giảng dạy phiên dịch và biên dịch của Dorothy Kelly cũng được giới thiệu và so sánh với mô hình phát triển chương trình tích hợp được đề xuất trong nghiên cứu này. Trong bài viết này, mô hình phát triển chương trình giảng dạy của Kelly được đề cập nhằm đề xuất các phương pháp cải thiện chương trình giảng dạy biên phiên dịch.

### III. Phương pháp nghiên cứu

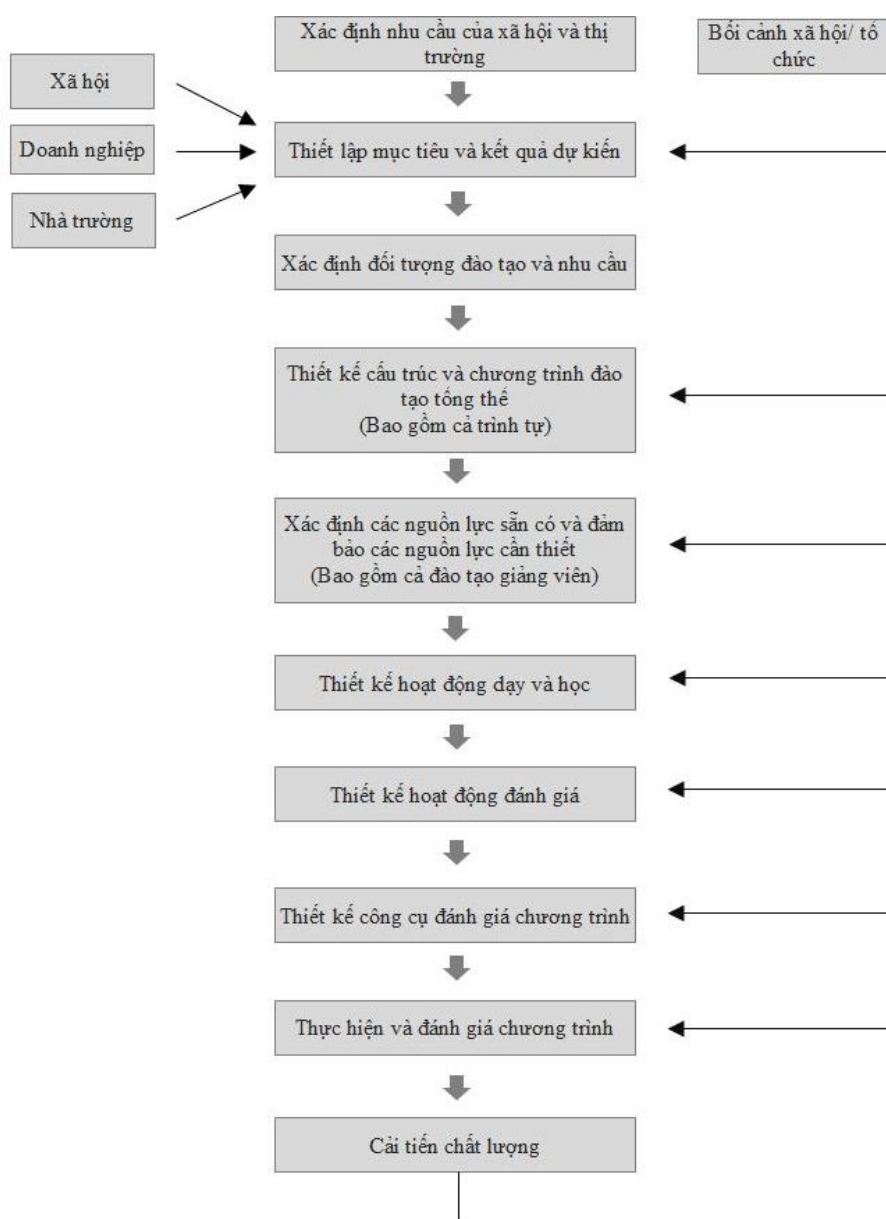
Bài viết này nhằm đề xuất những giải pháp nhằm chuẩn hóa chương trình đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn - Việt tại Việt Nam. Để tìm hiểu các chương trình biên phiên dịch tiếng Hàn-Việt, trước tiên tôi phân tích tài liệu hiện có và xác định hiện trạng qua nghiên cứu trước đây và các báo cáo hiện có. Tôi sẽ đối chiếu, phân tích chương trình giảng dạy của khoa tiếng Hàn hiện đang được áp dụng tại các trường đại học của Việt Nam và so sánh với chương trình giảng dạy của các trường đại học có giảng dạy biên phiên dịch tại Hàn Quốc.

Ngoài ra, tôi sẽ xác định hiện trạng và phân tích các vấn đề cũng như nhu cầu thực tế thông qua các cuộc khảo sát bổ sung để phát hiện những lĩnh vực cần cải thiện. Các cuộc phỏng vấn sâu được thực hiện với các chuyên gia (giáo sư), quản lý cơ sở giáo dục, giảng viên, sinh viên đang theo học, sinh viên tốt nghiệp, doanh nhân Hàn Quốc và các khách hàng phiên dịch, biên dịch. Bằng cách áp dụng lý thuyết phiên dịch và lý thuyết phát triển chương trình giảng dạy biên phiên dịch, tôi đã thiết kế một chương

trình giảng dạy biên phiên dịch phù hợp thực tiễn ứng dụng tại Việt Nam.

### IV. Kết quả nghiên cứu

Mô hình phát triển chương trình giảng dạy do Kelly trình bày có hình thức tương tự như mô hình phát triển chương trình giảng dạy tích hợp do Jeong Cheol-ja (2011) đề xuất. Nó kết hợp tính hiệu quả của mô hình phát triển chương trình giảng dạy lấy mục tiêu làm trung tâm và những ưu điểm của mô hình lấy quá trình làm trung tâm. Khi thiết kế chương trình giảng dạy, mô hình phát triển chương trình giảng dạy của Kelly thiết lập mục đích của giáo dục thông qua sự kết nối với xã hội, doanh nghiệp và giới học thuật có nhu cầu phiên dịch và biên dịch, xác định kết quả đào tạo sẽ đạt được, từ đó thiết kế các hoạt động dạy và học. Đây là quá trình thiết kế các hoạt động đánh giá và các công cụ đánh giá quy trình, sau đó thực hiện và đánh giá quy trình, cuối cùng nâng cao chất lượng dựa trên các kết quả đánh giá này. Lý do áp dụng mô hình của Kelly trong bài viết này là vì nó có thể được áp dụng vào việc thiết kế các hoạt động dạy và học bằng cách xác định năng lực của phiên dịch viên và biên dịch viên mà xã hội và doanh nghiệp mong muốn, những người thực sự sử dụng biên phiên dịch, làm mục đích của việc áp dụng mô hình của Kelly trong bài viết này. Lý do quan trọng hơn là trong mô hình của Kelly, một công cụ đánh giá chương trình đào tạo được thiết kế và việc đánh giá được tiến hành sau khi thực hiện khóa học được sử dụng làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng. Hiện nay, trong đào tạo phiên dịch, biên dịch ở các trường đại học Việt Nam không có đánh giá sau khi thực hiện khóa học và do không có đánh giá nên không thể hiện ở việc nâng cao chất lượng. Trong bài viết này, tôi muốn đề xuất một kế hoạch cải tiến chương trình giảng dạy bằng cách áp dụng mô hình của Kelly.



Như đã xác định biên phiên dịch có thể coi là một kỹ năng thì để phát triển hay luyện tập đều cần có nền tảng cụ thể. Khi việc giao lưu giữa Hàn Quốc và Việt Nam ngày càng thường xuyên, nhu cầu về phiên dịch, biên dịch viên ngày càng tăng, thị trường phiên dịch Hàn - Việt được hình thành ngày càng rõ nét tại Việt Nam. Tuy nhiên, nếu như ở Hàn Quốc nghề biên phiên dịch được coi là một ngành nghề chuyên môn cao, người sử dụng dịch vụ biên phiên

dịch tin tưởng và mặc định trong đầu về trình độ của người phiên dịch theo các loại như: người có chứng chỉ phiên dịch, người tốt nghiệp cao học phiên dịch dưới hai năm, trên hai năm, hướng dẫn viên du lịch kiêm phiên dịch... Từ đó, họ đòi hỏi những kỹ năng và kiến thức tương ứng của người cung cấp dịch vụ trên cương vị người chi trả, song thực tế việc biên phiên dịch Hàn Việt tại Việt Nam vẫn chưa thể phân loại theo một quy chuẩn chính thức, cụ thể nào

cả. Nhiều người quan niệm phiên dịch Việt-Hàn là việc làm thêm của giảng viên, của sinh viên, của người đi làm hoặc người đang chờ việc. Điều đó cho thấy trên thực tế tính chuyên nghiệp chưa được thể hiện giữa người phiên dịch và người biết tiếng. Việc dạy môn liên quan biên phiên dịch như một phần kiến thức của năm thứ ba và năm thứ tư đại học được áp dụng đồng đều và đại trà cho tất cả sinh viên và phương thức giảng dạy giống như hình thức kiểm tra các kỹ năng thực hành tiếng. Nghĩa là kiểm tra kỹ năng đọc, viết thông qua biên dịch và kiểm tra kỹ năng nghe, nói thông qua phiên dịch. Chính vì vậy nên mức độ chuyên sâu và thực tế còn thiếu. Sinh viên tốt nghiệp dường như gặp khó khăn đáng kể khi tìm và làm công việc biên phiên dịch. Thị trường phiên dịch và biên dịch rất rộng, không chỉ bao gồm phiên dịch hội nghị mà còn cả phiên dịch toàn thời gian, phiên dịch tư vấn, hướng dẫn viên du lịch, phiên dịch tại các cơ sở y tế, cơ quan công như cảnh sát, công an, tòa án. Còn biên dịch thì không chỉ có biên dịch văn học mà còn có biên dịch các văn bản nội dung thực tế, biên dịch các tác phẩm nghệ thuật hay nội dung giải trí đa phương tiện. Để phiên dịch trong các lĩnh vực khác nhau này, người dịch cần phải có cả kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng biên phiên dịch. Ngoài ra, khi số lượng các công ty Hàn Quốc vào Việt Nam hay các công ty Việt Nam hướng tới đối tượng khách hàng Hàn Quốc ngày càng tăng, nhu cầu phiên dịch viên có năng lực cũng tăng lên kèm theo yêu cầu ngày càng khắt khe. Do đó, cạnh tranh trong thị trường việc làm khiến đào tạo biên phiên dịch viên có trình độ phù hợp với nhu cầu thực tế cần được coi là một trong những mục tiêu đào tạo của các khoa tiếng Hàn tại Việt Nam.

Vì đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn cho phù hợp thực tiễn ứng dụng là mục tiêu của bài viết nên tôi muốn nêu ra một số ứng

dụng nghề nghiệp trong thực tế. Mỗi vị trí công việc biên phiên dịch lại cần những kỹ năng và kiến thức khác nhau do đó chúng ta cũng không thể phân loại sinh viên theo nhu cầu đa dạng của xã hội để đào tạo tất cả được. Tuy nhiên những yếu tố vùng miền hay đặc trưng của các doanh nghiệp, cơ quan tổ chức theo từng địa phương có thể được coi là những yếu tố cân nhắc khi xây dựng nội dung chương trình đào tạo. Ngoài ra, mỗi trường cũng có những mục tiêu đào tạo đặc trưng của trường, các định hướng hợp tác của trường với doanh nghiệp. Có thể thấy rằng hiện nay các nhà máy sản xuất điện tử tập trung ở khu vực Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hải Phòng... các nhà máy công nghiệp nhẹ, thực phẩm tập trung phía Nam như Đồng Nai, Bình Dương.. các công ty tài chính, dịch vụ và các ngành khác tập trung ở các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Miền Trung như Đà Nẵng, Nha Trang lại tập trung các doanh nghiệp dịch vụ liên quan du lịch. Đào tạo phiên dịch theo hướng phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp trên địa bàn tương ứng sẽ giúp tăng cao tỷ lệ có việc làm của sinh viên sau khi ra trường. Ngoài ra có những trường Đại học được vận hành bởi các doanh nghiệp tư nhân thì tùy theo thế mạnh của doanh nghiệp đó mà có thể hướng sinh viên theo hướng phiên dịch chuyên môn tương ứng (ví dụ: Công nghệ thông tin)

Khi nhắc đến phiên dịch thường nhiều người hay nghĩ đến phiên dịch hội nghị hội thảo. Tuy nhiên khác với tiếng Anh được nhiều quốc gia và các tổ chức quốc tế sử dụng nên nhiều hội nghị, hội thảo được tổ chức mỗi năm thì số lượng hội nghị hội thảo tiếng Hàn không quá nhiều, nhu cầu phiên dịch ở cấp độ này không lớn nên nếu tập trung đào tạo theo hướng này thì thực sự không hiệu quả. Nhu cầu phiên dịch tập trung vào phiên dịch làm trong doanh nghiệp, phiên dịch hội chợ triển lãm, phiên

dịch hỗ trợ tìm hiểu thị trường, xúc tiến đầu tư, hướng dẫn du lịch, phiên dịch tại bệnh viện, cơ sở thẩm mỹ, phiên dịch cho các đơn vị tổ chức sự kiện... Những vị trí việc làm này cần kiến thức chuyên môn, tiếng Hàn chuyên môn và cả các kỹ năng hỗ trợ khác ngoài ngôn ngữ. Chương trình đào tạo không nhất thiết đưa tất cả những nội dung này vào nhưng có thể dạy các kỹ năng khai thác, tìm kiếm thông tin, hướng dẫn cách tự học, tự luyện cho tương ứng với vị trí công việc.

Trước hết cần tăng cường kỹ năng ngôn ngữ. Đầu tiên là phải tăng cường năng lực tiếng Hàn của sinh viên. Để làm được điều này, sinh viên không chỉ cần học các nội dung thực hành tiếng thông thường mà cần luyện tập khả năng “diễn đạt” - một bước rất quan trọng trong dịch thuật. Để diễn đạt tốt cần luyện nói và viết sao cho thể hiện được tốt nhất suy nghĩ của mình. Sinh viên phải được luyện cách hình thành câu văn sao cho phù hợp hoàn cảnh nhất. Sinh viên cần học phân tích nội dung nghe, nội dung đọc, có thể hiểu và tóm tắt sau đó diễn đạt lại chính nội dung đó theo cách của mình. Điều quan trọng tiếp theo là xác định tình huống, đối tượng tiếp nhận thông tin dịch thuật để viết hay nói phù hợp nhất. Ngoài ra sinh viên cần được học cách sử dụng hiệu quả các chương trình hỗ trợ dịch máy và hậu kiểm. Tuy nhiên, không phải một người giỏi tiếng Hàn Quốc sẽ trở thành phiên dịch giỏi. Việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong cuộc sống không có nghĩa là người dịch có thể chuyển tải ngôn ngữ khác sang tiếng mẹ đẻ nuốt nà và cũng không bảo đảm là nội dung tiếng mẹ đẻ có thể được diễn đạt lại đầy đủ sang tiếng nước ngoài. Việc tập trung học ngoại ngữ trong một thời gian liên tục có thể ảnh hưởng đến khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ tự nhiên và linh hoạt của người giỏi ngoại ngữ. Do vậy để dịch tốt, người giỏi ngoại ngữ cần giỏi cả

tiếng mẹ đẻ. Đặc biệt giọng nói là điều rất quan trọng, quyết định chất lượng truyền tải thông tin phiên dịch. Luyện giọng, luyện phát âm cũng là những hoạt động mà sinh viên cần thực hiện thường xuyên dưới sự giám sát, đánh giá, hỗ trợ của các thầy cô hoặc chuyên gia ngôn ngữ.

Thứ hai sinh viên cần tìm hiểu lý thuyết biên phiên dịch. Trên thực tế biên phiên dịch là một hoạt động đưa ra kết quả nhưng không có nghĩa là duy nhất một kết quả. Hiện nay có nhiều lý thuyết và nguyên tắc khác nhau trong lý thuyết biên phiên dịch do đó điều quan trọng là phải dạy cho sinh viên những nguyên tắc và lý thuyết cơ bản về biên phiên dịch cũng như giải thích các phương pháp biên phiên dịch khác nhau cũng như thảo luận xem tình huống nào nên áp dụng phương pháp hay lý thuyết nào.

Thứ ba là thực hành trên thực tế. Phiên dịch hay biên dịch là một dịch vụ cung cấp cho khách hàng cụ thể do vậy luôn đi kèm theo các điều khoản bảo mật. Không phải tài liệu dịch hay sự kiện nào cũng được mở rộng công khai để sinh viên có thể có được thực hành biên dịch và phiên dịch thực tế. Vậy nên để cải thiện kỹ năng này, giảng viên có thể xây dựng các hoạt động như chọn và dịch các văn bản khác nhau như bài báo, trang web và sách, sau đó so sánh chúng với văn bản gốc, bản dịch của người khác, bản dịch của máy để tìm và sửa lỗi. Luyện tập phiên dịch cũng có thể thực hiện thông qua xây dựng tình huống, tham gia các hoạt động tình nguyện, hỗ trợ sự kiện. Điều này đòi hỏi tính chủ động và nhiệt tình của cả nhà trường, giảng viên và sinh viên.

Thứ tư là cung cấp phản hồi. Nếu sinh viên không nhận được nhận xét, phản hồi minh bạch, mang tính xây dựng kịp thời của giảng viên về bản dịch, nội dung dịch của mình thì rất khó để rút ra kinh nghiệm và tiến bộ. Giảng viên có thể giúp sinh viên bạn tiến bộ bằng cách chỉ ra lỗi, đề xuất cải

thiện những cách diễn đạt phù hợp hơn cho những nội dung dịch thuật khó hiểu.

Thứ năm là nâng cao hiểu biết về văn hóa. Để dịch thuật hiệu quả, điều quan trọng là phải hiểu nền tảng văn hóa của ngôn ngữ mình hướng tới. Việc tăng cường những nội dung giúp sinh viên hiểu rõ hơn về lịch sử, văn hóa, phong tục Hàn Quốc, Việt Nam sẽ giúp sinh viên có thể hiểu rõ hơn về ngữ cảnh khi dịch thuật. Những nội dung có thể tự nghiên cứu trên mạng internet không nhất thiết cần nhiều thời gian trên lớp mà những nội dung văn hóa xã hội cần được cập nhật và truyền tải theo hướng mở để sinh viên có tư thế luôn luôn cầu thị.

Thứ sáu là cần sử dụng nhiều nguồn tài nguyên khác nhau. Nếu chúng ta nói thiếu tài liệu, giáo trình giảng dạy thì vừa đúng và cũng vừa sai bởi kỹ năng dịch thuật của sinh viên hoàn toàn có thể cải thiện bằng cách sử dụng nhiều loại tài liệu văn bản công khai trong thực tế. Giảng viên hoàn toàn có thể giúp sinh viên phát triển kỹ năng dịch thuật trong nhiều lĩnh vực khác nhau bằng cách sử dụng các bài báo, tác phẩm văn học và tài liệu, nội dung được công khai trên các nền tảng internet và di động..

Cuối cùng là cung cấp trải nghiệm thực tế. Giảng viên có thể cung cấp kinh nghiệm trong lĩnh vực biên phiên dịch thực tế để giúp sinh viên phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề trong lĩnh vực này. Trong điều kiện có thể, giảng viên có thể kết nối cho sinh viên tham gia các hoạt động biên phiên dịch thực tế và tích lũy kinh nghiệm thông qua các đợt thực tập hoặc đào tạo tại cơ sở kinh doanh, nơi diễn ra sự kiện.

Trên đây là những nội dung đề xuất cho giảng viên để xây dựng chương trình giảng dạy biên phiên dịch tiếng Hàn cho sinh viên đại học một cách hiệu quả, phù hợp ứng dụng thực tiễn nhất. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp với trình độ và nhu cầu của

sinh viên và đối tượng sử dụng dịch vụ biên phiên dịch.

## V. Kết luận

Các hoạt động đề xuất để xây dựng chương trình đào tạo biên phiên dịch hệ đại học sao cho phù hợp thực tiễn ứng dụng theo mô hình trên đây cũng có những hạn chế. Việc xác định đối tượng đào tạo và nhu cầu hay xây dựng chương trình có thể không phải là việc khó. Tuy nhiên việc huy động tài nguyên nhân lực, vật lực phù hợp cho công tác đào tạo biên phiên dịch thì không phải cơ sở đào tạo nào cũng có thể đáp ứng. Đặc biệt là quy trình đánh giá để cải tiến cũng khó thực hiện do biên phiên dịch không dễ đánh giá trong trường học. Công việc này mang tính ứng dụng thực tế nhiều hơn lý thuyết và kết quả đánh giá có ý nghĩa được đánh giá bởi những người sử dụng dịch vụ trong thực tế. Việc tạo cho sinh viên những cơ hội thực tế khó một thì việc thu thập được đánh giá của người dùng dịch vụ biên phiên dịch một cách chính thống sẽ khó mười. Ngoài ra, do kinh nghiệm biên phiên dịch quan trọng hơn trình độ học vấn ở trường nên ý kiến của sinh viên tốt nghiệp cũng cần được coi là yếu tố quan trọng trong việc thiết kế hoạt động dạy và học nhưng cũng khó khả thi trên thực tế để thu thập và công nhận để áp dụng những ý kiến này.

Bài viết này đưa ra một vài suy nghĩ của tôi dựa trên kinh nghiệm làm nghề biên phiên dịch và giảng dạy biên phiên dịch với mong muốn đưa ra những đề xuất ứng dụng thực tế nhất để xây dựng chương trình sao cho sinh viên ra trường có được những nền tảng tốt nhất khi tìm việc và làm việc. Hy vọng bài viết có thể là những nội dung tham khảo, gợi ý cho những ai quan tâm đến đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn Quốc một cách thực tế, phù hợp với bối cảnh hợp tác giữa hai nước đang ngày một phát triển.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Dr. Le Dang Hoan. 2010. 베트남 한국어 통·번역 교육현황과 한국 문학 작품 번역 실제. 한국문화기술, 9(0): 157-171 (Lê Đăng Hoan, 2010, Tình hình đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn và thực trạng dịch tác phẩm văn học Hàn Quốc ở Việt Nam, Korea Culture-Technology)
- 2) 김진아, 강수정, 김유미, 박혜원. 2014. 한국 통번역 교육의 과거, 현재와 미래: GSIT를 통해 본 한국 통번역교육의 발전사. 통번역학연구, 18(3): 315-340 (Kim Jin-ah, Kang Soo-jeong, Kim Yu-mee, Park Hye-won, 2014, Quá khứ, hiện tại và tương lai đào tạo biên phiên dịch của Hàn Quốc: Lịch sử phát triển đào tạo biên phiên dịch Hàn Quốc nhìn từ GSIT)
- 3) 박혜경. 2003. 학부과정에서의 통역교육모델의 개발. 人文科學論文集 Vol.35 No.- [2003]: 177-186(10쪽) (Park Hye-gyeong, 2003, Phát triển mô hình đào tạo thông dịch trong chương trình đào tạo cử nhân, Kỷ yếu nghiên cứu Khoa học Nhân văn)
- 4) 임형재, 송은정. 2015. 외국인을 위한 통번역 목적 한국어 교육 연구 -중국어 화자의 한국어 통번역 교육현황과 교육내용을 중심으로-. 외국어로서의 한국어교육, 42(0): 303-332 (Im Hyoun-jae, Song Eun-jeong, 2015, Nghiên cứu đào tạo tiếng Hàn định hướng biên phiên dịch cho người nước ngoài: Lấy thực trạng và nội dung đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn cho người nói tiếng Trung Quốc làm trọng tâm, Tạp chí Đào tạo tiếng Hàn như ngoại ngữ)
- 5) 임형재. 2016. 통번역 목적 한국어교육을 위한 교육과정 개발 기초 연구 -중·일 학습자의 교육과정에 대한 평가를 중심으로-. 중한언어문화연구, 10(0): 125-155 (Im Hyoun-jae, 2016, Nghiên cứu nền tảng phát triển chương trình đào tạo giáo dục tiếng

Hàn định hướng biên phiên dịch: Lấy đánh giá chương trình đào tạo người học là người Trung Quốc, Nhật Bản làm trọng tâm, Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa ngôn ngữ Trung-Hàn)

- 6) 정철자. 2011. 통번역 교육: 교육과정 개발을 중심으로. T&I review, 1(0) : 127-139 (Jeong Cheol-ja, 2011, Đào tạo biên phiên dịch: Lấy phát triển chương trình đào tạo làm trọng tâm, T&I review)
- 7) 정혜연. 2015. 학부생을 위한 외국어로의 번역교육 -과정 중심의 협동학습 보고-. 통번역학연구, 19(2) : 45-65 (Jeong Hye-yeon, 2015, Báo cáo học tập hợp tác trọng tâm hướng đến quá trình giáo dục sinh viên đại học phiên dịch ngoại ngữ)

## Abstract

*Currently, many universities in Vietnam have departments of Korean or Korean Language and Culture with majors in Korean translation and interpretation. However, if in the past, the number of students studying Korean was very small and most graduates could work as interpreters, in reality today the needs and requirements for the Korean language translation and interpretation profession have many changes. The qualifications of students, lecturers, and training goals of schools are also different. So it is necessary to build a university-level translation and interpretation curriculum that is practical and ensures that students could find good jobs after graduation*

**Keywords:** Korean education, translation and interpretation, practical curriculum

## THAY ĐỔI CÁC HỌC PHẦN BIÊN PHIÊN DỊCH TRONG CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC NĂM 2024 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Phạm Thị Ngọc\*

### Tóm tắt

Chương trình đào tạo (CTĐT) phiên bản mới nhất 2024 của Trường Đại học Hà Nội chỉ đào tạo duy nhất một định hướng Biên phiên dịch (BPD) khác với các phiên bản CTĐT trước đó của nhà trường có cả định hướng Du lịch. Trong tầm nhìn và chiến lược đào tạo chung của nhà trường thể hiện rõ việc tập trung đào tạo nguồn lực có kiến thức chuyên môn sâu, kỹ năng nghề nghiệp vượt trội trong lĩnh vực chuyên ngành đào tạo để cung cấp cho thị trường lao động nguồn nhân lực có chất lượng, luôn sáng tạo, tự chủ và có khả năng thích ứng cao trong môi trường làm việc đa văn hóa. Nội dung các học phần Biên phiên dịch (BPD) tiếng Hàn trong CTĐT ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc các phiên bản 2017, 2022, 2024 của nhà trường luôn được sửa đổi, cập nhật theo hướng tiếp cận lấy người học làm trung tâm, giúp người học trang bị các kiến thức, kỹ năng và hình thành năng lực tự chủ, trách nhiệm. Các học phần BPD tiếng Hàn của nhà trường luôn được thay đổi theo hướng tăng hàm lượng kiến thức chuyên ngành, tăng tính ứng dụng, tính thực tiễn trong nội dung đào tạo, tăng cường thời lượng tín chỉ các học phần thực hành và giảm thời lượng tín chỉ học phần lý thuyết. Bên cạnh đó, các học phần tự chọn cũng được giảm bớt để tạo điều kiện cho người học có cơ hội tập trung lựa chọn các học phần bắt buộc có tính ứng dụng, tính thực hành và tính phổ biến cao hơn trong tác nghiệp tại các vị trí công việc liên quan đến

chuyên ngành BPD sau khi tốt nghiệp ra trường. CTĐT của nhà trường trong đối sánh với các CTĐT tương ứng của các cơ sở đào tạo khác trong nước cũng cho thấy có sự khác biệt về hàm lượng kiến thức chuyên ngành BPD được tăng cường nhiều hơn, số giờ tín chỉ thực hành, giờ tự học đều nhiều hơn ba lần so với số giờ tín chỉ lý thuyết. Các học phần BPD tiếng Hàn trong CTĐT của Trường Đại học Hà Nội cũng được chia rõ các cấp độ từ cơ bản, trung cấp đến cao cấp trong khi CTĐT của các cơ sở đào tạo trong nước như ĐHNH- ĐHQG hay Phenikaa được đối sánh lại không có sự phân chia cấp độ rõ rệt này. Điều đó thể hiện, CTĐT ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc của Trường Đại học Hà Nội đang dần được điều chỉnh theo hướng tập trung sâu trong định hướng nghề nghiệp, không phân tán, dàn trải nội dung giảng dạy sang các định hướng khác, tăng cường tính thực hành, tính ứng dụng cao trong rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho người học ở cấp độ vượt trội để đáp ứng nhu cầu đòi hỏi ngày càng cao của các nhà tuyển dụng và sử dụng lao động là sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc.

**Từ khóa:** Chương trình đào tạo; học phần Biên phiên dịch, định hướng ứng dụng, định hướng nghề nghiệp, tính thực hành.

---

\*Tiến sĩ; Trường Đại học Hà Nội; Email: omonisaranghe@gmail.com

## 1. Đặt vấn đề

Khoa tiếng Hàn Quốc, Trường Đại học Hà Nội với chặng đường lịch sử hơn 20 năm hình thành và phát triển, đến nay đã thu được nhiều thành tựu quan trọng trong đào tạo nguồn lực tiếng Hàn chất lượng cho cả nước. Để có được những thành tựu quan trọng đó, không thể không đề cập tới các chương trình đào tạo (CTĐT) của nhà trường luôn được cập nhật, sửa đổi và hoàn thiện định kỳ, đặc biệt các học phần Biên phiên dịch (BPD) luôn được chỉnh sửa, cập nhật cả về khối lượng kiến thức và nội dung giảng dạy trong toàn bộ khối kiến thức chuyên ngành định hướng Biên phiên dịch của CTĐT để đáp ứng các yêu cầu mới cao hơn của nhà tuyển dụng và nhà sử dụng lao động là sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Trong 5 năm gần đây, CTĐT ngành Ngôn ngữ các hệ Chính quy tiêu chuẩn, Chất lượng cao (CLC) và Vừa làm vừa học (VLVH) đã được nhà trường cập nhật, chỉnh sửa, đổi mới định kỳ vào các năm 2019, 2021, 2022 và 2024 theo định hướng ứng dụng giúp người học được trang bị đầy đủ các kiến thức, kỹ năng tiếng Hàn và các kỹ năng bổ trợ khác để có thể đảm nhận các vị trí công việc liên quan tại các cơ quan, doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp. Đặc biệt, năm 2024 nhà trường đã tiến hành chỉnh sửa các CTĐT ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc trong đó có xây dựng mới CTĐT tiên tiến thay thế cho CTĐT chất lượng cao trước đó. Với mong muốn chia sẻ tới các nhà nghiên cứu, giảng viên và những người quan tâm những thay đổi trong CTĐT mới, đặc biệt là những thay đổi trong học phần BPD của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, Trường Đại học Hà Nội nên người viết đã quyết định thực hiện nghiên cứu về ***“Những thay đổi về các học phần Biên phiên dịch trong chỉnh sửa CTĐT ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc năm 2024 của Trường Đại học Hà Nội”***

## 2. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu này được thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý và những cơ sở lý thuyết như sau:

### 2.1. Các căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 29-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và yêu cầu trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN).
- Thông tư 17/2021 ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
- Quy định về đối sánh chất lượng giáo dục của Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm Quyết định số 1440/QĐ-ĐHHN ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;
- Kế hoạch số 3633/KH-ĐHHN ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội về việc thực hiện đề án mở ngành và xây dựng chương trình đào tạo;
- Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm Quyết định số 1566/QĐ-ĐHHN ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội.

### 2.2. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên cơ sở lý thuyết về chương trình đào tạo tiếp cận trên kết quả chuẩn đầu ra (*Outcome-based education* - OBE). Đó là tập trung chính vào người học, lấy người học làm trung tâm và đặt ra những gì cần đạt đối với người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. OBE

được xem là cách tiếp cận hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển giáo dục chung hiện nay trên thế giới. Với cách tiếp cận này, chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng xác định rõ năng lực cần đạt của người học theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, tất cả các hoạt động tổ chức dạy và học đều phải đảm bảo lấy người học làm trung tâm, giúp người học trang bị các kiến thức, kỹ năng và hình thành năng lực tự chủ, trách nhiệm sau khi tốt nghiệp. Do đó, việc phát triển, chỉnh sửa, cập nhật CTĐT để đáp ứng nhu cầu chung của xã hội và theo xu thế thay đổi, phát triển giáo dục của thế giới được cho là rất cần thiết. CTĐT của Trường Đại học Hà Nội đã nắm kịp xu thế đó nên luôn có sự cập nhật và thay đổi theo hướng cải tiến tích cực, đặc biệt là các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành Biên phiên dịch luôn có sự đổi mới, cập nhật theo định hướng ứng dụng để đảm bảo tạo nguồn lực tiếng Hàn có chất lượng cho xã hội. Do đó, người viết thực hiện đề tài nghiên cứu này dựa trên những cơ sở lý thuyết đề cập trên để phân tích rõ những

#### 4. Kết quả nghiên cứu

##### 4.1. Khung CTĐT và các học phần BPD tiếng Hàn phiên bản 2019, 2022, 2024 của Khoa tiếng Hàn Quốc- Trường Đại học Hà Nội

##### 4.1.1. Khung CTĐT phiên bản các năm 2019, 2022 và 2024 của khoa tiếng Hàn Quốc - Trường Đại học Hà Nội

Bảng 1

| Số TT                          | CTĐT                                     | SỐ LƯỢNG TÍN CHỈ HP |      |      |
|--------------------------------|------------------------------------------|---------------------|------|------|
|                                |                                          | 2019                | 2022 | 2024 |
| I                              | Kiến thức giáo dục đại cương             | 43                  | 41   | 39   |
| II                             | Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp         | 102                 | 104  | 99   |
| 2.1                            | Kiến thức cơ sở ngành                    | 10                  | 10   | 10   |
| 2.2                            | Kiến thức ngành                          | 64                  | 66   | 61   |
| 2.2.1                          | Kiến thức tiếng                          | 49                  | 49   | 49   |
| 2.2.2                          | Kiến thức Ngôn ngữ - Văn hóa             | 15                  | 17   | 12   |
| 2.3                            | Khối kiến thức chuyên ngành              | 28                  | 28   | 28   |
| 2.3.1                          | Định hướng Biên - Phiên dịch             | 28                  | 28   | 28   |
| 2.3.2                          | Định hướng Du lịch                       | 28                  | 28   |      |
| III                            | Thực tập và khóa luận tốt nghiệp         | 9                   | 9    | 12   |
|                                | Thực tập                                 | 3                   | 3    | 6    |
|                                | Khóa luận tốt nghiệp ( môn học thay thế) | 6                   | 6    | 6    |
| Khối lượng kiến thức toàn khóa |                                          | 154                 | 154  | 150  |

thay đổi trong CTĐT phiên bản mới 2024, đặc biệt là những thay đổi trong các học phần Biên phiên dịch để từ đó chỉ ra những điểm tích cực, cải tiến trong giảng dạy và đào tạo nguồn nhân lực tiếng Hàn theo xu hướng giáo dục mới, tập trung vào việc nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, tính sáng tạo và độc lập, tự chủ, thích ứng tốt với môi trường làm việc đa văn hóa trong xu thế hội nhập của người học.

#### 3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, người viết đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản như thu thập thông tin, dữ liệu trong các CTĐT phiên bản các năm gần nhất của các trường Đại học Hà Nội, ĐHNH- ĐHQG Hà Nội và Đại học Phenikaa; tiến hành tổng hợp, phân tích các thông tin thu thập được từ các CTĐT đó gồm Khối lượng kiến thức, số lượng tín chỉ bắt buộc và tự chọn và số lượng các học phần về định hướng chuyên ngành Biên phiên dịch sau đó tiến hành so sánh, đối chiếu để đưa ra các kết quả đối sánh tương quan và kết quả nghiên cứu của báo cáo.

Đối sánh CTĐT trong ba phiên bản các năm 2019, 2022 và 2024 ở bảng 1 cho thấy khối lượng kiến thức giáo dục đại cương có xu hướng giảm dần trong các năm và khối lượng kiến thức ngành và chuyên ngành lại có sự dao động tương đối ít hoặc gần như được giữ nguyên. Tuy nhiên, tổng khối lượng kiến thức toàn khoá lại giảm dần trong phiên bản CTĐT năm 2024. Đặc biệt, số lượng các học phần thực hành có khối lượng giảng dạy bắt buộc tăng nhiều hơn so với các phiên bản trước đó như *Thực hành tiếng*, *Dịch chuyên đề* v.v.. nhưng ngược lại các học phần Lý thuyết có nội dung khó, tính ứng dụng nghề nghiệp không phổ biến như *Đối chiếu*

*ngôn ngữ*, *Lý thuyết tiếng* đã được lược bỏ hoặc giảm dần. Đặc biệt, CTĐT phiên bản 2024 của nhà trường chỉ có duy nhất một định hướng đào tạo là Biên phiên dịch và định hướng du lịch đã được lược bỏ so với các phiên bản trước đó. Điều này cho thấy, CTĐT chỉnh sửa theo phiên bản 2024 của Trường Đại học Hà Nội thể hiện hàm lượng kiến thức theo định hướng ứng dụng và định hướng nghề nghiệp cao hơn, tập trung trọng tâm vào việc xây dựng và hình thành kỹ năng nghề nghiệp Biên phiên dịch cho người học. Người học sẽ được tăng cường trang bị nhiều kỹ năng và kiến thức chuyên sâu để nắm bắt cơ hội việc làm có mức thu nhập hấp dẫn sau khi tốt nghiệp.

#### 4.1.2. Các học phần BPD tiếng Hàn trong CTĐT phiên bản các năm 2019, 2022 và 2024 của khoa tiếng Hàn Quốc - Trường Đại học Hà Nội

##### 4.1.2.1. Phiên bản 2019

Bảng 2

| Khối kiến thức chuyên ngành             |                                                                                                         |       |           |           |        |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------|-----------|--------|
| Định hướng chuyên ngành Biên phiên dịch |                                                                                                         | 28 TC | Lý thuyết | Thực hành | Tự học |
| Bắt buộc                                |                                                                                                         | 22 TC |           |           |        |
| 1                                       | Nhập môn Biên-Phiên dịch (Introductory Translation & Interpretation)                                    | 2     | 30        | 0         | 60     |
| 2                                       | Biên dịch 1 (Translation Practice 1)                                                                    | 3     | 15        | 60        | 60     |
| 3                                       | Phiên dịch 1 (Interpreting Practice 1)                                                                  | 3     | 15        | 60        | 60     |
| 4                                       | Biên dịch 2 (Translation Practice 2)                                                                    | 3     | 15        | 60        | 60     |
| 5                                       | Phiên dịch 2 (Interpreting Practice 2)                                                                  | 3     | 15        | 60        | 60     |
| 6                                       | Biên dịch 3 (Translation Practice 3)                                                                    | 3     | 15        | 60        | 60     |
| 7                                       | Phiên dịch 3 (Interpreting Practice 3)                                                                  | 3     | 15        | 60        | 60     |
| 8                                       | Biên -Phiên dịch nâng cao (Advanced Interpretation & Translation )                                      | 2     | 15        | 30        | 45     |
| Tự chọn                                 |                                                                                                         | 6     |           |           |        |
| 9                                       | Phân tích đánh giá bản dịch (Translation Quality Assessment)                                            | 2     | 30        | 0         | 60     |
| 10                                      | Biên phiên dịch chuyên đề báo chí (Press Interpretation & Translation)                                  | 2     | 30        | 0         | 60     |
| 11                                      | Biên phiên dịch chuyên đề Kinh tế - Thương mại (Translation & Interpretation in Economics and Commerce) | 2     | 30        | 0         | 60     |

|    |                                                                                                      |   |    |   |    |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|---|----|
| 12 | Biên phiên dịch chuyên đề Du lịch<br>(Interpretation & Translation in Tourism)                       | 2 | 30 | 0 | 60 |
| 13 | Biên phiên dịch chuyên đề Văn hóa - Xã hội<br>(Interpretation & Translation in Socio-Cultural Areas) | 2 | 30 | 0 | 60 |
| 14 | Biên dịch chuyên đề Pháp luật<br>(Legal Translation)                                                 | 2 | 30 | 0 | 60 |

#### 4.1.2.2. Phiên bản 2022

Bảng 3

| Khối kiến thức chuyên ngành             |                                                                                                 |    |           |           |        |
|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----------|-----------|--------|
| Định hướng chuyên ngành Biên phiên dịch |                                                                                                 | 28 | Lý thuyết | Thực hành | Tự học |
| Bắt buộc                                |                                                                                                 | 22 |           |           |        |
| 1                                       | Nhập môn Biên-Phiên dịch<br>(Introductory Translation & Interpretation)                         | 2  | 30        | 0         | 70     |
| 2                                       | Biên dịch cơ bản<br>Para- Professional Translation                                              | 3  | 15        | 60        | 75     |
| 3                                       | Phiên dịch cơ bản<br>Paraprofessional Interpreting                                              | 3  | 15        | 60        | 75     |
| 4                                       | Biên dịch trung cấp<br>Professional Translation                                                 | 3  | 15        | 60        | 75     |
| 5                                       | Phiên dịch trung cấp<br>Professional Interpreting                                               | 3  | 15        | 60        | 75     |
| 6                                       | Biên dịch nâng cao<br>Advanced Translation                                                      | 3  | 15        | 60        | 75     |
| 7                                       | Phiên dịch nâng cao<br>Advanced Interpreting                                                    | 3  | 15        | 60        | 75     |
| 8                                       | Dịch chuyên ngành<br>(Specialized Translation)                                                  | 2  | 15        | 30        | 55     |
| Tự chọn                                 |                                                                                                 | 6  |           |           |        |
| 9                                       | Phân tích đánh giá bản dịch<br>(Translation Quality Assessment)                                 | 2  | 15        | 30        | 55     |
| 10                                      | Dịch chuyên đề báo chí<br>(Press Interpretation & Translation )                                 | 2  | 15        | 30        | 55     |
| 11                                      | Dịch chuyên đề Kinh tế - Thương mại<br>(Translation & Interpretation in Economics and Commerce) | 2  | 15        | 30        | 55     |
| 12                                      | Dịch chuyên đề Du lịch<br>(Interpretation & Translation in Tourism)                             | 2  | 15        | 30        | 55     |

|    |                                                                                              |   |    |    |    |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|----|----|
| 13 | Dịch chuyên đề Văn hóa - Xã hội<br>(Interpretation & Translation in<br>Socio-Cultural Areas) | 2 | 15 | 30 | 55 |
| 14 | Dịch chuyên đề Pháp luật<br>(Legal Translation)                                              | 2 | 15 | 30 | 55 |

## 4.1.2.3. Phiên bản 2024

Bảng 4

| Khối kiến thức chuyên ngành             |                                                                                                    |    |           |           |        |
|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----------|-----------|--------|
| Định hướng chuyên ngành Biên phiên dịch |                                                                                                    | 26 |           |           |        |
| Bắt buộc                                |                                                                                                    | 22 | Lý thuyết | Thực hành | Tự học |
| 1                                       | Nhập môn Biên-Phiên dịch<br>(Introductory Translation &<br>Interpretation)                         | 2  | 30        | 0         | 70     |
| 2                                       | Biên dịch cơ bản<br>Para- Professional Translation                                                 | 3  | 15        | 60        | 75     |
| 3                                       | Phiên dịch cơ bản<br>Paraprofessional Interpreting                                                 | 3  | 15        | 60        | 75     |
| 4                                       | Biên dịch trung cấp<br>Professional Translation                                                    | 3  | 15        | 60        | 75     |
| 5                                       | Phiên dịch trung cấp<br>Professional Interpreting                                                  | 3  | 15        | 60        | 75     |
| 6                                       | Biên dịch nâng cao<br>Advanced Translation                                                         | 3  | 15        | 60        | 75     |
| 7                                       | Phiên dịch nâng cao<br>Advanced Interpreting                                                       | 3  | 15        | 60        | 75     |
| 8                                       | Dịch chuyên ngành<br>(Specialized Translation)                                                     | 2  | 15        | 30        | 55     |
| Tự chọn                                 |                                                                                                    | 4  |           |           |        |
| 9                                       | Phân tích đánh giá bản dịch<br>(Translation Quality Assessment)                                    | 2  | 15        | 30        | 55     |
| 10                                      | Dịch chuyên đề báo chí<br>(Press Interpretation & Translation )                                    | 2  | 15        | 30        | 55     |
| 11                                      | Dịch chuyên đề Kinh tế - Thương mại<br>(Translation & Interpretation in<br>Economics and Commerce) | 2  | 15        | 30        | 55     |
| 12                                      | Dịch chuyên đề Du lịch<br>(Interpretation & Translation<br>in Tourism)                             | 2  | 15        | 30        | 55     |
| 13                                      | Dịch chuyên đề Văn hóa - Xã hội<br>(Interpretation & Translation in<br>Socio-Cultural Areas)       | 2  | 15        | 30        | 55     |
| 14                                      | Dịch chuyên đề Pháp luật<br>(Legal Translation)                                                    | 2  | 15        | 30        | 55     |

Đối sánh khối lượng kiến thức chuyên ngành ở ba phiên bản trong các bảng trên cho thấy trong các học phần bắt buộc không có sự thay đổi về nội dung giảng dạy. Tuy nhiên, số lượng giờ tự học trong các học phần này ở các phiên bản 2022 và 2024 được thiết kế tăng thời lượng nhiều hơn. Điều này thể hiện *Mục tiêu và Chuẩn đầu ra* của CTĐT các phiên bản mới 2024 đòi hỏi người học phải thể hiện được khả năng học tập suốt đời, có trách nhiệm với bản thân và xã hội. Mặt khác, trong các học phần tự chọn tuy cũng không có sự khác biệt lớn về nội dung giảng dạy nhưng nếu ở phiên bản 2019 được thiết kế tập trung chủ yếu vào số giờ lý thuyết thì ở phiên bản 2022 và 2024 lại được xây dựng giảm bớt số giờ lý thuyết và tăng cường nhiều hơn số giờ thực hành đồng thời cân đối hài hòa số giờ tự học. Qua đó, có thể thấy trong các phiên bản chỉnh sửa mới CTĐT 2024 của nhà trường, các nội dung kiến thức chuyên ngành BPD được tăng cường tính thực hành và tính ứng dụng nghề nghiệp nhiều hơn cho người học. Mặt khác, CTĐT chỉnh sửa mới 2024 còn tập trung tăng cường phát triển các kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, kỹ năng thích ứng và làm việc dưới áp lực cao, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng giao tiếp và nói trước đám đông thông qua phương pháp giảng dạy và học tập tích cực gồm thảo luận nhóm, thuyết trình, bài tập giải quyết vấn đề, bài tập mô phỏng, bài tập dự án...hay phương pháp kiểm tra đánh giá đồng cấp (*người học tự đánh giá lẫn nhau*), đánh giá của các chuyên gia từ các doanh nghiệp tham gia trong quá trình giảng dạy. Thêm vào đó, các học phần tự chọn cũng được giảm bớt khối lượng kiến thức trong phiên bản 2024 nhằm tạo cho người học cơ hội được tập trung lựa chọn các học phần bắt buộc có tính ứng dụng, tính thực hành và tính phổ biến cao hơn trong tác nghiệp tại các vị trí công việc

liên quan đến chuyên ngành BPD sau khi tốt nghiệp ra trường. Những phân tích trên cho thấy các học phần BPD thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT phiên bản mới nhất 2024 của Trường Đại học Hà Nội đặt ra mục tiêu cao hơn về chuẩn đầu ra trong đào tạo và thể hiện rõ định hướng ứng dụng trong CTĐT ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc các hệ đào tạo khác nhau. Đó là đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Hàn Quốc có kiến thức chuyên sâu và toàn diện về tiếng Hàn Quốc. Người học sau khi tốt nghiệp sử dụng thành thạo tiếng Hàn Quốc trong dịch thuật, làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Hàn và phải có năng lực tự chủ và thích ứng với môi trường làm việc đa ngôn ngữ, đa văn hóa, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và những thay đổi nhanh chóng của thời đại khoa học công nghệ tiên tiến và toàn cầu hóa.

#### **4.2. Đối sánh với một số khung CTĐT các học phần BPD ở các cơ sở đào tạo khác**

##### **4.2.1. Đối sánh với khung CTĐT của khoa tiếng Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc của Trường ĐHNN- ĐHQG Hà Nội**

Trong đối sánh CTĐT Ngôn ngữ Hàn Quốc của Trường Đại học Hà Nội với CTĐT tương ứng của Trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội (Ulis) phiên bản phiên bản 2019 và 2022 (*mới nhất*) cho thấy có sự khác biệt trong đào tạo định hướng chuyên ngành. Như đã đề cập trong phần 2.1 trên, CTĐT của khoa tiếng Hàn Quốc - Trường Đại học Hà Nội chỉ đào tạo tập trung duy nhất một định hướng BPD nhưng trong CTĐT ngành ngôn ngữ Hàn Quốc của Trường ĐHNN - ĐHQG Hà Nội được chia thành ba định hướng gồm: 1) Biên phiên dịch tiếng Hàn Quốc; 2) Ngôn ngữ và Văn hóa; 3) Hàn Quốc học. Thêm vào đó, sinh viên theo học chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc của Trường ĐHNN- ĐHQG Hà Nội chỉ phải hoàn thành 134 tín chỉ (*phiên bản 2019*) và 132 tín chỉ (*phiên bản 2022*) trong

khi CTĐT phiên bản mới nhất 2024 ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc của Trường Đại học Hà Nội người học phải hoàn thành tới 150 tín chỉ mới đủ điều kiện tốt nghiệp. Cụ thể

được thể hiện trong bảng 5 đối sánh khung CTĐT phiên bản 2024 của Trường Đại học Hà Nội với phiên bản 2019 và 2022 của Trường ĐHNN- ĐHQG Hà Nội như sau:

Bảng 5

| NỘI DUNG                                                                                                                 | CTĐT TT 2024<br>(HANU)                       | CTĐT 2019<br>(ULIS)                            | CTĐT 2022<br>(ULIS)                             |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Tổng số tín chỉ                                                                                                          | 150 TC                                       | 134 TC                                         | 132 TC                                          |
| 1. Khối kiến thức giáo dục đại cương                                                                                     | 39 TC                                        | 23 TC                                          | 21TC                                            |
| 2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (KT cơ sở ngành và KT ngành, KT chuyên ngành); Thực tập và khóa luận tốt nghiệp | 111TC<br>+Bắt buộc:101 TC<br>+Tự chọn: 10 TC | 107 TC<br>+Bắt buộc: 84 TC<br>+ Tự chọn: 23 TC | 111 TC<br>+ Bắt buộc: 75 TC<br>+ Tự chọn: 36 TC |

Bảng 5 đối sánh trên cho thấy tổng số tín chỉ trong chương trình CTĐT phiên bản 2019 và 2022 của Trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội có số tín chỉ ít hơn khoảng 15% thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, CTĐT của Trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội có số lượng tín chỉ tương đương nhưng số lượng các học phần bắt buộc lại có tỷ lệ ít hơn khoảng từ 20% ~ 25% trong khi số tín chỉ các học phần tự chọn lại nhiều hơn 20-25% so với số lượng tín chỉ kiến thức tương ứng trong CTĐT phiên bản 2024 của Trường Đại học Hà Nội. Điều này thể hiện CTĐT Trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội có khối lượng kiến thức không tập trung đào tạo theo định hướng nghề nghiệp chuyên sâu, các học phần có tính thực hành cao

không được tăng cường nên chưa thể hiện rõ được định hướng ứng dụng trong đào tạo như CTĐT của Trường Đại học Hà Nội. Mặt khác, các học phần tự chọn có số lượng tín chỉ nhiều hơn cho thấy CTĐT của Trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội không hướng người học tập trung lựa chọn các học phần chuyên ngành mang tính thực hành, ứng dụng cao như CTĐT phiên bản 2024 của Trường Đại học Hà nội.

Số lượng tín chỉ chi tiết trong Định hướng Biên phiên dịch ứng với từng khối Kiến thức ngành (*Kiến thức tiếng, khối Kiến thức Ngôn ngữ - Văn hóa*) và khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT của Trường Đại học Hà Nội được thể hiện qua bảng đối sánh với CTĐT của Trường ĐHNN- ĐHQG Hà Nội như sau :

Bảng 6

| Khối kiến thức                     | CTĐT 2024<br>(HANU) | CTĐT 2019<br>(ULIS) | CTĐT 2022<br>(ULIS) |
|------------------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| 1. Kiến thức ngành                 | 65 TC               | 57 TC               | 51 TC               |
| 1.1. Kiến thức tiếng               | 51TC                | 39 TC               | 33 TC               |
| 1.2. Kiến thức Ngôn ngữ và Văn hóa | 14 TC               | 18 TC               | 18 TC               |
| 2. Kiến thức chuyên ngành          | 26 TC               | 27 TC               | 24 TC               |

Bảng 6 đối sánh trên thể hiện khối Kiến thức tiếng và Kiến thức chuyên ngành trong CTĐT của Trường ĐHNN- ĐHQG Hà Nội có hàm lượng kiến thức ứng dụng ít hơn so với hàm lượng kiến thức tương ứng trong CTĐT của Trường Đại học Hà Nội. Điều này cho thấy, Trường ĐHNN- ĐHQG Hà Nội không tập trung trọng tâm vào việc xây dựng và hình thành kỹ năng nghề nghiệp theo định hướng ứng dụng cho người học, không chú trọng, tập trung trang bị các kỹ năng và kiến thức chuyên sâu và kiến thức bổ trợ cho người học mà phân bổ kiến thức theo hướng dàn trải sang cả định hướng khác mặc dù các học phần này vẫn thuộc định hướng BPD. Xem xét chi tiết hơn, chúng tôi thấy CTĐT của Trường ĐHNN- ĐHQG Hà Nội có tỷ lệ giờ tín chỉ Lý thuyết và Thực hành được phân bổ bằng nhau ở từng học phần và rất ít giờ tự học trong khi số giờ tín chỉ thực hành và tự học trong CTĐT của Trường Đại học Hà Nội luôn nhiều hơn 3 lần số giờ tín chỉ lý thuyết trong mỗi học phần. Mặt khác, trong các học phần bắt buộc về Biên phiên dịch, Trường ĐHNN- ĐHQG Hà Nội đã không tiến hành chia các cấp độ Biên phiên dịch từ Cơ bản tới Trung cấp và Cao cấp tạo sự khu biệt cấp độ trong rèn luyện kỹ năng thực hành BPD như CTĐT của Trường Đại học Hà Nội mà toàn bộ các học phần này được gộp chung thành Biên phiên dịch. Cấu trúc chương trình cũng cho thấy các học phần tự chọn theo định hướng Biên phiên dịch trong CTĐT của Trường ĐHNN- ĐHQG Hà Nội có số giờ tín chỉ nhiều hơn và được chia thành nhóm các học phần chuyên sâu và nhóm các học phần bổ trợ nhưng nhóm các học phần bổ trợ lại được xây dựng những nội dung dịch chuyên ngành tương đối khó như Tiếng Hàn y học, tiếng Hàn Luật pháp, tiếng Hàn kiến trúc - xây dựng v.v.. và không mang tính phổ biến trong tác nghiệp nghề nên tính ứng dụng, mức độ áp dụng trong thực tiễn

công việc không cao, khó tạo được sự đột phá chuyên sâu, vượt trội trong rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho người học.

Những kết quả phân tích, đối chiếu so sánh cấu trúc và nội dung với CTĐT của Trường ĐHNN- ĐHQG Hà Nội cho thấy Trường ĐHNN- ĐHQG Hà Nội không tập trung mạnh vào định hướng Biên phiên dịch tiếng Hàn Quốc trong đào tạo mà có sự phân tán, định hướng đào tạo sang cả nghề nghiệp khác như Ngôn ngữ và Văn hóa hoặc Hàn Quốc học. Trái lại, CTĐT ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc của Trường Đại học Hà Nội chỉ tập trung đào tạo duy nhất định hướng Biên phiên dịch và thể hiện rõ tính ứng dụng cao, tính chuyên sâu, vượt trội trong CTĐT của nhà trường. Kết quả đối chiếu, so sánh trên cho thấy CTĐT ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc của Trường Đại học Hà Nội có nhiều tính ưu việt, vượt trội, không phân tán nhiều định hướng nghề nghiệp nên người học hoàn thành CTĐT của Trường Đại học Hà Nội sẽ được trang bị chuyên sâu hơn khả năng làm việc độc lập với tư cách Biên dịch viên hoặc Phiên dịch viên cho các cuộc gặp gỡ, cuộc họp hay có khả năng làm việc tại công ty Hàn Quốc với vai trò thư ký, trợ lý giám đốc.

#### **4.2.2. Đối sánh với khung CTĐT của khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc Đại học Phenikaa**

CTĐT ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc của Trường Đại học Phenikaa phiên bản 2021 được xây dựng với 03 định hướng gồm: 1) Định hướng BPD; 2) Định hướng du lịch; 3) Định hướng kinh tế kinh doanh. Sinh viên học chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc phải hoàn thành 140 tín chỉ cho thấy khối lượng kiến thức trong CTĐT của nhà trường nhiều hơn so với số giờ tín chỉ trong CTĐT của ĐHNN- ĐHQG Hà Nội chỉ 132 tín chỉ nhưng vẫn ít hơn so với khối lượng giờ tín chỉ trong CTĐT của Trường Đại học Hà Nội. Cụ thể được thể hiện qua bảng đối sánh sau:

Bảng 7

| NỘI DUNG                                                                                                                 | CTĐT 2024<br>(HANU)                          | CTĐT 2021<br>(Phenikaa)                         | CTĐT 2022<br>(ULIS)                           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Tổng số tín chỉ                                                                                                          | 150 TC                                       | 140 TC                                          | 132 TC                                        |
| 3. Khối kiến thức giáo dục đại cương                                                                                     | 39 TC                                        | 26TC                                            | 21TC                                          |
| 4. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (KT cơ sở ngành và KT ngành, KT chuyên ngành); Thực tập và khóa luận tốt nghiệp | 111TC<br>+Bắt buộc:101 TC<br>+Tự chọn: 10 TC | 114 TC<br>+ Bắt buộc: 82 TC<br>+ Tự chọn: 32 TC | 111 TC<br>+Bắt buộc: 75 TC<br>+Tự chọn: 36 TC |

Bảng 7 đối sánh trên cho thấy khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của Trường Đại học Phenikaa là 114 Tín chỉ nên không có sự khác biệt lớn so với khối lượng kiến thức trong CTĐT của Trường Đại học Hà Nội nhưng nhiều hơn so với khối lượng kiến thức của Trường ĐHNN- ĐHQG Hà Nội. Mặt khác, số giờ tín chỉ bắt buộc có tỷ lệ tương đương so với CTĐT của ĐHNN-ĐHQG Hà Nội nhưng lại ít hơn so với số giờ tín chỉ bắt buộc trong CTĐT của Trường Đại học Hà Nội nhưng trái lại số giờ tín chỉ tự chọn lại nhiều hơn. Do đó, CTĐT của Trường Đại học Phenikaa cũng thể hiện định hướng đào tạo dần trải không

tập trung vào một định hướng chuyên sâu và không hướng người học tập trung lựa chọn các học phần chuyên ngành có tính thực hành, tính ứng dụng cao trong thực tiễn vị trí công việc sau tốt nghiệp như CTĐT của Trường Đại học Hà Nội.

Số lượng tín chỉ chi tiết trong Định hướng Biên phiên dịch ứng với từng khối Kiến thức ngành (Kiến thức tiếng, khối Kiến thức Ngôn ngữ - Văn hóa) và khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT của Trường Đại học Phenikaa được thể hiện qua bảng đối sánh với CTĐT của Trường Đại học Hà Nội và Trường ĐHNN- ĐHQG Hà Nội như sau:

Bảng 8

| Khối kiến thức                     | CTĐT 2024<br>(HANU) | CTĐT 2021<br>(Phenikaa ) | CTĐT TT 2022<br>(ULIS) |
|------------------------------------|---------------------|--------------------------|------------------------|
| 3. Kiến thức ngành/ Cơ sở ngành    | 65 TC               | 72TC                     | 51 TC                  |
| 1.1. Kiến thức tiếng               | 51TC                | 45 TC                    | 33 TC                  |
| 1.2. Kiến thức Ngôn ngữ và Văn hóa | 14 TC               | 27 TC                    | 18 TC                  |
| 4. Kiến thức chuyên ngành          | 26 TC               | 21 TC                    | 24 TC                  |

Bảng 8 đối sánh trên thể hiện khối Kiến thức tiếng trong CTĐT của Trường Đại học Phenikaa không có sự khác biệt với khối lượng kiến thức tiếng trong CTĐT của Trường Đại học Hà Nội và nhiều hơn so với CTĐT của Trường ĐHNN- ĐHQG Hà Nội. Tuy nhiên, số lượng giờ tín chỉ trong khối

kiến thức chuyên ngành lại có sự khác biệt không chỉ về số lượng giờ tín chỉ ít nhất mà các học phần này được xây dựng 100% là học phần tự chọn. Điều này thể hiện CTĐT của Trường Đại học Phenia cũng xây dựng mang tính dần trải, không chú trọng tính chuyên sâu trong đào tạo kể cả đối với định

hướng BPD. Số giờ tự chọn chiếm tỷ trọng lớn và số giờ lý thuyết áp đảo hơn về số lượng so với giờ Thực hành và Tự học cũng cho thấy Trường Đại học Phenikaa giống với Trường ĐHN- ĐHQG Hà Nội không tập trung hỗ trợ rèn luyện cho người học kỹ năng nghề nghiệp có tính ứng dụng, tính thực hành cao. Đặc biệt, các học phần về Biên phiên dịch đều là tự chọn, tuy được chia ra ba cấp độ 1, 2, 3 nhưng không thể hiện sự khu biệt về cấp độ rõ nét như các cấp độ Cơ bản tới Trung cấp và Cao cấp như khối kiến thức chuyên ngành BPD của Trường Đại học Hà Nội. Đặc biệt, CTĐT của trường Đại học Phenikaa không có các học phần dịch nâng cao, dịch chuyên sâu hay Dịch chuyên ngành mà chỉ có một số các học phần dịch chuyên đề tự chọn theo định hướng nên không thể hiện được tính ưu việt, tính chuyên sâu và vượt trội trong đào tạo định hướng chuyên ngành cho người học.

### 5. Kết luận

Những kết quả phân tích những điểm mới trong chỉnh sửa CTĐT ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc phiên bản 2024 của Trường Đại học Hà Nội cho thấy CTĐT của nhà trường được dần được xây dựng theo hướng thu gọn, giảm bớt số giờ tín chỉ Lý thuyết và tăng cường số giờ tín chỉ Thực hành trong tất cả các học phần trong đó các học phần thuộc khối Kiến thức chuyên ngành định hướng BPD được tăng cường nhiều nhất. Các cấp độ giảng dạy trong các học phần BPD trong CTĐT của Trường Đại học Hà Nội cũng được chia rõ các cấp độ từ cơ bản, trung cấp đến cao cấp, đặc biệt còn có các học phần bổ trợ nâng cao như dịch chuyên ngành, dịch chuyên sâu và dịch chuyên đề mà CTĐT của 2 cơ sở đối sánh trên không có. Với tầm nhìn và chiến lược đào tạo chung của nhà trường, CTĐT ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc của Trường Đại học Hà Nội đang dần được điều chỉnh thể hiện sự tập trung sâu trong định hướng nghề nghiệp,

không phân tán, dàn trải nội dung giảng dạy sang các định hướng khác, tăng cường tính thực hành, tính ứng dụng cao trong rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp vượt trội cho người học để đáp ứng nhu cầu đòi hỏi ngày càng cao của các nhà tuyển dụng và các nhà sử dụng lao động là sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành ngôn ngữ Hàn Quốc các phiên bản 2019, 2022, 2024 - Trường Đại học Hà Nội
2. Chương trình đào tạo chuẩn trình độ Đại học ngành ngôn ngữ Hàn Quốc các phiên bản 2019, 2022 - Trường ĐHN- ĐHQG Hà Nội
3. Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành ngôn ngữ Hàn Quốc các phiên bản 2021 - Trường Đại học Phenikaa

### Abstract

*The latest curriculum version 2024 of Hanoi University only trains one orientation of Translation and Interpretation. It is different from the previous versions of the curriculum of Ha Noi University which also had a tourism orientation. The Ha Noi University's general training vision and strategy always shows its focus on training resources with deep professional knowledge and outstanding professional skills in specialized training fields to provide to the labor market with quality human resources, always creative, autonomous and highly adaptable in a multicultural working environment. The content of the Korean Translating and Interpretating modules in the Korean Language Curriculum for the 2017, 2022 and 2024 versions of the Ha Noi University is always revised and updated according to a learner-centered approach, helping learners equip yourself with knowledge, skills and form the capacity for autonomy and responsibility. Ha Noi*

university's Korean Translating and Interpreting modules are always changed in the direction of increasing the content of specialized knowledge, increasing the application and practicality in training content, increasing the number of credits of practical modules while reducing the number of credits for the theory modules. In addition, the elective modules are also reduced to create conditions for learners to have the opportunity to focus on choosing mandatory modules that are more applicable, practical and popular in their work. in job positions related to interpreting và translating major after graduating. When comparing with compatible curriculum of other training institutions in Viet Nam, the Ha Noi university's curriculum also shows differences in the amount of knowledge about interpretation và translation being futher enhanced, the number of practicing credits, number of hour t of self - study are three times more than the number of theory credits

in Translating and Interpreting modules. The Translating and Interpreting modules in Hanoi University's curriculum are also determined at basic, intermediate to advanced levels, there is this clear division while the other curriculums of domestic training institutions such as VNU - ULIS or Phenikaa University are not so clearly divided. This shows that the Korean Language curriculum of Hanoi University is gradually being adjusted to focus deeply on career orientation, not to scattered and spread teaching content to other orientations, increasing practicallity and high applicability in training professional skills for learners at an outstanding level to meet the increasingly demanding needs of employers who employs students graduates in Korean Language.

**Keyword:** Curriculum; interpreting và translating modules, applicattion orientation, career orientation, practicality.

## PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY HỌC PHẦN THỰC HÀNH DỊCH NÓI CHO NGƯỜI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Lê Thị Yến Thu\*  
Nguyễn Thị Thanh Trúc\*\*

### Tóm tắt

Bài viết này trình bày phương pháp dạy và học “Thực hành dịch nói” mà người viết đang áp dụng cho người học ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng. Qua đó, giới thiệu những điểm nổi bật và khác biệt trong phương pháp dạy và học “Thực hành dịch nói” mà người viết đang áp dụng. Ngoài ra, bài viết cũng tiến hành phân tích, đánh giá các tài liệu có liên quan đến các phương pháp giảng dạy biên - phiên dịch của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ, dịch thuật và phân tích Chương trình đào tạo định hướng biên - phiên dịch của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng. Trên cơ sở đó tìm ra ưu và nhược điểm trong phương pháp dạy và học “Thực hành dịch nói” mà người viết đang áp dụng. Từ đó, tìm cách khắc phục nhược điểm và phát huy ưu điểm nhằm tìm ra hướng đi hiệu quả, phù hợp để áp dụng vào giảng dạy thực hành dịch nói cho người học ngành ngôn ngữ Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng nói riêng và người học ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc của các trường trên cả nước nói chung.

**Từ khóa:** thực hành dịch nói, biên dịch, tiếng Hàn Quốc, phương pháp giảng dạy

### 1. Đặt vấn đề

Các học phần liên quan đến dịch thuật như thực hành dịch nói, thực hành dịch viết là một trong những học phần bắt buộc trong chuyên ngành ngôn ngữ nói chung và chuyên ngành ngôn ngữ Hàn Quốc nói riêng. Về cơ bản, đa số các học phần dịch thuật trong chuyên ngành ngôn ngữ Hàn Quốc của các cơ sở đào tạo đều thuộc khối kiến thức chuyên ngành và có thời lượng đào tạo ít nhất là 11 tín chỉ và nhiều nhất là khoảng 29 tín chỉ tùy theo từng cơ sở. Như vậy, có thể nói các học phần dịch thuật là một phần quan trọng trong chương trình đào tạo của chuyên ngành ngôn ngữ. Đặc biệt là đối với chuyên ngành ngôn ngữ Hàn Quốc, khi mà ngành nghề biên - phiên dịch tiếng Hàn đang nổi lên trong thị trường lao động những năm gần đây.

Tuy nhiên, cho đến nay, việc giảng dạy các học thực hành biên - phiên dịch, đặc biệt, là biên dịch (thực hành dịch nói) vẫn còn hạn chế về nhiều mặt từ giáo trình, phương pháp giảng dạy, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy cho đến giảng viên đứng lớp. Theo Nghiêm Thị Thu Hương (2020), đa phần các cơ sở đào tạo sử dụng giáo trình tự biên soạn. Các giáo trình này thường là do giảng viên trực tiếp giảng dạy biên soạn, do đó, còn mang nặng tính chủ quan, chưa xuyên suốt và thiếu tính khoa học. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy thì chỉ một số cơ sở đào tạo có trang bị phòng máy để dạy thực hành dịch nói còn lại thì hầu hết đang giảng

\* Thạc sĩ; Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng;  
Email: yenthule12345@gmail.com

\*\* Thạc sĩ; Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng;  
Email: nguyentruoc112@gmail.com

dạy theo kiểu phân vai. Giảng viên tham gia giảng dạy thì vẫn có trường hợp “người có kinh nghiệm thực nghiệm thì thiếu tính lý thuyết” hoặc ngược lại.

Chúng tôi cho rằng để khắc phục được những hạn chế nêu trên, điều quan trọng là chúng ta cần tìm ra phương pháp giảng dạy hiệu quả, bảo đảm người học được luyện tập thực hành dịch nhiều và tích lũy được một lượng kiến thức chuyên môn cần thiết, cả ngôn ngữ nguồn lẫn ngôn ngữ đích. Giáo trình tự biên soạn có thể được cho là còn mang nặng tính chủ quan, chưa xuyên suốt nhưng về cơ bản các giáo trình này đều được biên soạn trên cơ sở mục tiêu, chuẩn đầu ra của môn học, và các mục tiêu, chuẩn đầu ra này tương thích với mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Do vậy, có thể nói rằng các giáo trình đó phù hợp với định hướng của chương trình đào tạo của chính cơ sở đào tạo đó. Mặc dù vậy, phải nói rằng dù giáo trình hay, giảng viên vững về lý thuyết dịch, dày dặn về kinh nghiệm và dịch tốt cũng chưa chắc đã đủ để đào tạo ra người học dịch tốt, dịch giỏi. Chỉ có phương pháp giảng dạy có hệ thống và tỉ mỉ, người học luyện tập, thực hành nhiều mới có thể dịch giỏi.

Vì những lý do trên, chúng tôi mong muốn trình bày phương pháp giảng dạy hiện tại của mình, từ đó thực hiện những phân tích trên nhiều khía cạnh, rút ra những ưu điểm, nhược điểm trong phương pháp giảng dạy của mình nhằm tìm ra phương pháp giảng dạy tốt nhất và có hệ thống nhất. Tuy nhiên, vì những hạn chế nhất định về mặt thời gian và thu thập tài liệu nên chúng tôi chỉ xin trình bày bài viết của mình ở học phần **Thực hành dịch nói** đang được chúng tôi thực hiện tại trường Đại học ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

## 2. Tình hình nghiên cứu

Dù học phần biên - phiên dịch là một phần quan trọng trong chương trình đào tạo

chuyên ngành ngôn ngữ Hàn Quốc, nhưng các nghiên cứu liên quan đến các học phần biên - phiên dịch, đặc biệt là các nghiên cứu liên quan đến phương pháp giảng dạy các học phần biên dịch, phiên dịch vẫn còn khá khiêm tốn. Các nghiên cứu liên quan đến biên - phiên dịch có thể kể đến như:

Nguyễn Lâm Trung (2002) đã đề cập đến vấn đề quan trọng của phiên dịch là kỹ thuật ghi chép. Sau khi giải thích lý do cần phải ghi chép trong phiên dịch, người viết đã đưa ra những nội dung cần ghi chép như tóm tắt ý tưởng; ghi chú theo chiều dọc, ngôn ngữ và ký hiệu; chú ý đến mối quan hệ giữa các yếu tố liên quan. Đồng thời người viết đã đưa ra cấu trúc của 10 dạng bài tập để người học có thể luyện tập.

Kim Jin Sook (2011) đã dựa vào định nghĩa khả năng dịch thuật là khả năng phân tích tình huống dịch thuật khác nhau và xác định chiến lược dịch thuật phù hợp cho từng tình huống. Từ đó người viết áp dụng các tình huống thực tế giả định để thiết kế mô hình giảng dạy biên - dịch và thử áp dụng mô hình đó vào giảng dạy. Trong đó giả định rằng nhiệm vụ dịch thuật được giao trên lớp là bản dịch thật sự và yêu cầu người học phải xem xét bất kỳ các yếu tố liên quan đến tình huống dịch thuật được đề cập như những người dịch thuật chuyên nghiệp. Trên cơ sở dữ liệu thu được, phân tích kết quả áp dụng mô hình giảng dạy biên dịch này. Từ đó làm rõ thực trạng năng lực biên dịch, góp phần nâng cao năng lực biên dịch của người học.

Phạm Hoa Mai (2019) đã đề xuất những giải pháp cải thiện thông qua việc quan sát quá trình biên phiên dịch Hàn-Việt tại Việt Nam. Để quan sát quá trình biên phiên dịch tại Việt Nam người viết đã nghiên cứu và phân tích các tài liệu, báo cáo hiện có để xác định thực trạng biên phiên dịch tại Việt Nam. Đồng thời phân tích đối chiếu chương trình giảng dạy tiếng Hàn đang được áp dụng tại Việt Nam và so sánh

với chương trình giảng dạy của các trường biên - phiên dịch tại Hàn Quốc. Thông qua việc xác định thực trạng và các cuộc khảo sát bổ sung, người viết đưa ra những mục cần cải thiện. Dựa vào lý thuyết biên phiên dịch và lý thuyết phát triển chương trình giảng dạy biên - phiên dịch người viết thiết kế chương trình giảng dạy biên phiên dịch kiểu mẫu trong 10 buổi.

Nguyễn Thị Như Ngọc, (2020), đã tổng hợp và phân tích một số phương pháp giảng dạy biên phiên dịch trong đào tạo dịch thuật bậc đại học. Từ đó đưa ra những vấn đề liên quan đến giảng dạy dịch thuật theo quan điểm kiến tạo và truyền thụ trong giảng dạy, cách tiếp cận, phương pháp truyền thống và phi truyền thống cũng như các hoạt động đang được áp dụng trong các lớp học biên phiên dịch. Trên cơ sở đó, cung cấp tài liệu tham khảo về phương pháp giảng dạy dịch thuật, giúp giáo viên đưa ra các giải pháp phù hợp trong việc đào tạo biên dịch.

Trần Thị Hường, Nguyễn Thị Thu Vân, Đỗ Thúy Hằng, (2022), đã nêu tình hình đào tạo biên - phiên dịch ở Hàn Quốc, thực trạng đào tạo biên - phiên dịch tiếng Hàn tại Việt Nam. Đồng thời, thông qua khảo sát về số lượng cơ sở đào tạo, số lượng người học, chất lượng của chương trình đào tạo, bài viết đã tiến hành phân tích những ưu, nhược điểm còn tồn tại, những khó khăn thách thức trong đào tạo biên - phiên dịch tiếng Hàn. Từ đó đề xuất một số phương pháp nâng cao chất lượng đào tạo biên - phiên dịch.

Nguyễn Thị Quyết (2023) thông qua khảo sát, phân tích số liệu đã đưa ra những khó khăn mà người học gặp phải khi học phiên dịch. Từ bảng khảo sát cho thấy người học không gặp nhiều khó khăn ở thời lượng nghe dịch, nội dung nghe dịch, chất lượng âm thanh, mà chủ yếu gặp nhiều khó khăn tập trung về từ vựng, tốc độ nói, kỹ năng ghi chép nhanh. Từ đó đưa ra một số giải pháp

khắc phục từ phía nhà trường, giảng viên và người học nhằm nâng cao chất lượng dạy học học phần phiên dịch.

Phan Hoàng My Thương (2023) đã nêu ra những khó khăn và hạn chế trong nghiên cứu và giảng dạy biên - phiên dịch tiếng Hàn. Từ đó trình bày phương pháp giảng dạy thực tế học phần biên dịch đang được áp dụng theo phương pháp giảng dạy mới bằng việc tận dụng công nghệ thông tin, lớp học đảo ngược, kết hợp hình thức trực tuyến và ngoại tuyến, khắc phục những khó khăn nêu trên.

Có thể thấy các nghiên cứu liên quan đến biên - phiên dịch vẫn còn hạn chế so với nhu cầu thực tế. Hơn nữa, các nghiên cứu này chủ yếu đề cập đến phương pháp giảng dạy biên - phiên dịch nói chung hoặc phương pháp giảng dạy biên dịch nói riêng, phương pháp giảng dạy phiên dịch (dịch nói) vẫn chưa được nhắc đến nhiều. Trong khi đó, dù là dịch thuật, nhưng dịch nói có những tiêu chí, kỹ năng riêng mà người học cần phải đạt được. Do vậy, bài viết này trình bày phương pháp dạy và học môn “Thực hành dịch nói” mà chúng tôi đang áp dụng cho người học ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

### **3. Phương pháp và đối tượng nghiên cứu**

Bài viết trình bày phương pháp giảng dạy học phần thực hành dịch nói 1 và thực hành dịch nói 2, đồng thời cũng tiến hành phân tích, đánh giá các tài liệu có liên quan đến các phương pháp giảng dạy phiên dịch (dịch nói), phương pháp biên - phiên dịch của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ, dịch thuật và phân tích Chương trình đào tạo định hướng biên - phiên dịch của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng. Trên cơ sở đó tìm ra ưu và nhược điểm trong phương pháp dạy và học “Thực hành dịch nói” mà người viết đang áp dụng.

#### **4. Phương pháp giảng dạy học phần Thực hành dịch nói tại Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng**

##### **4.1. Mục tiêu của phương pháp giảng dạy đang tiến hành**

Chương trình đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ Hàn Quốc của Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, trường Đại học Ngoại ngữ Đại học Đà Nẵng được xây dựng theo định hướng biên - phiên dịch, tức là các học phần biên - phiên dịch được giảng dạy trong chương trình không chỉ dừng lại ở việc giảng dạy như một kỹ năng ngoại ngữ cơ bản, mà chú trọng vào việc giảng dạy biên - phiên dịch như một ngành nghề chuyên nghiệp. Do đó, ngay từ đề cương chi tiết của các học phần, đặc biệt là các học phần thực hành dịch nói đã nêu rõ chuẩn đầu ra của học phần là (1) Người học phải có khả năng vận dụng tốt kỹ thuật nội dịch, kỹ thuật dịch tóm ý để thực hiện dịch ý chính từ văn bản đọc, văn bản nghe ra ngôn ngữ đích; (2) Người học phải có khả năng chủ động định hướng trí não nghe để ghi nhớ thông tin, người học phải có kỹ thuật nghe và ghi chép một cách có ý thức; (4) Người học phải có khả năng chuyển ngữ từ-đối-từ, dòng-đối-dòng để thực hiện tốt kỹ thuật nhìn văn bản và dịch; (5) Người học phải biết vận dụng tổng hợp các kỹ thuật thông dịch cơ bản để thực hiện hoàn thiện một nhiệm vụ dịch tuần tự nhất định. (6) Người học phải tạo được nội dung thông dịch có phát âm chuẩn xác, các ý được trình bày đầy đủ, rõ ràng, phản xạ nhanh, vận dụng các biểu hiện tương đương, biểu hiện đồng nghĩa v.v ở hình thức thông dịch theo hướng đơn giản hóa. Và cuối cùng là người học phải có ý thức về các quy tắc, tiêu chí và đạo đức nghề nghiệp của người thông dịch.

Xác định rõ định hướng của chương trình đào tạo như vậy, chúng tôi đã thực hiện công tác giảng dạy học phần này tập trung chú trọng vào việc người học phải có được kỹ năng nghe và ghi chép (note taking)

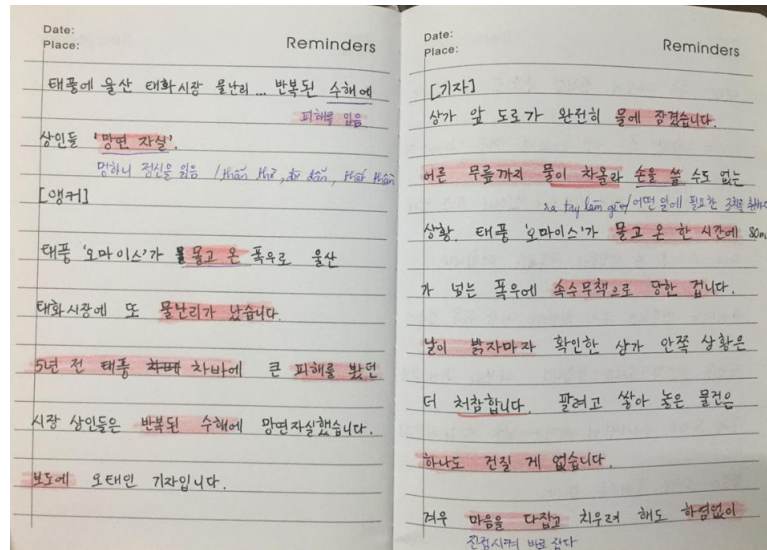
sau khi nghe đoạn văn bản hoặc đoạn hội thoại để dịch. Đồng thời, người học cũng cần có kỹ năng phân tích, ngắt cụm ngắn khi nhìn văn bản để chuyển ngữ từ đối từ, dòng đối dòng giúp người học phản xạ nhanh từ đó hỗ trợ thêm cho kỹ năng dịch tuần tự. Ngoài ra, phương pháp giảng dạy mà chúng tôi đang thực hiện cũng tuân theo những quy tắc giao tiếp, văn hóa, tri nhận, tình cảm giữa tiếng Hàn và tiếng Việt.

##### **4.2. Tiến hành giảng dạy trong lớp.**

Trong khi tiến hành giảng dạy tại lớp chúng tôi chủ trương kết hợp tất cả các công cụ hỗ trợ giảng dạy, đặc biệt, chúng tôi vận dụng tối đa phần mềm dạy - học trực tuyến trong mỗi buổi dạy trực tiếp tại lớp. Chúng tôi chia ra thành 3 giai đoạn để tiến hành lớp học: Giai đoạn 1 - chuẩn bị; giai đoạn 2 - thực hành, phân tích, nhận xét; giai đoạn 3 - sau khi lên lớp.

Giai đoạn 1 – chuẩn bị:

Trong cuộc khảo sát của Nguyễn Thị Quyết (2023:132), hầu hết người học cho rằng họ thường xuyên gặp vấn đề với từ mới mỗi khi phiên dịch. Những chủ đề không quen thuộc, cùng với nhiều từ vựng mới là một trong những khó khăn ảnh hưởng đến chất lượng dịch. Vì vậy, để đảm bảo người học có vốn hiểu biết nhất định liên quan chủ đề sẽ được thực hành dịch nói tại lớp hôm đó, chúng tôi cho người học biết trước chủ đề nhưng không cho biết nội dung cụ thể và yêu cầu người học tìm đọc các bài viết, nội dung liên quan đến chủ đề đó, bao gồm cả bài viết bằng tiếng Việt và tiếng Hàn. Quá trình này, người học không chỉ trang bị cho mình từ vựng, cấu trúc, biểu hiện, mẫu câu mà còn cả kiến thức thường thức về chủ đề sẽ thực hành dịch nói tại lớp... Hình thức chuẩn bị bài này được kiểm tra bằng cách yêu cầu người học ghi chép bài báo, tin tức liên quan, đồng thời ghi chú và tìm hiểu những từ vựng, biểu hiện chưa rõ hoặc chưa biết trong bài báo, tin tức đó và nộp cho giảng viên vào đầu mỗi buổi học.



Hình 1. Bài báo, tin tức người học chép lại và tìm hiểu trước các buổi học

Ngoài ra, chúng tôi cũng áp dụng đưa ra cùng một chủ đề có nội dung tương tự nhau tiến hành trong hai buổi, một buổi thực hành dịch nói Hàn - Việt, buổi kế tiếp sẽ tiến hành thực hành kỹ năng dịch nói Việt - Hàn. Điều này giúp người học ghi nhớ, vận dụng tốt từ ngữ, biểu hiện, cấu trúc liên quan đến chủ đề dịch và dịch tốt hơn.

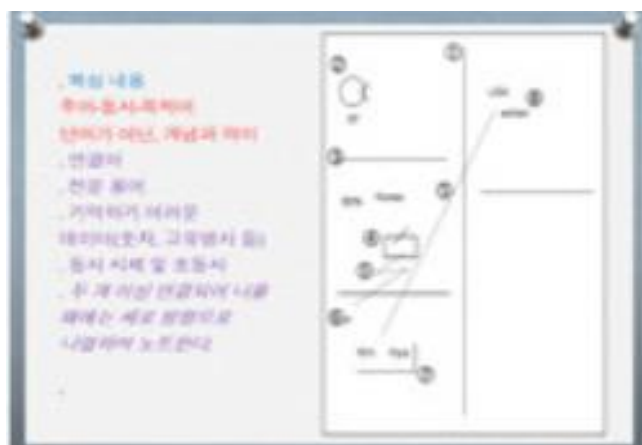
Giai đoạn 2 - thực hành, phân tích và nhân xét:

Trong mỗi buổi học, chúng tôi rèn luyện cho người học hai kỹ năng chính trong dịch nói là dịch nhìn văn bản (sight translation) giúp người học hình thành phản xạ và độ bất ngôn ngữ; và dịch tuân tự thông qua hai phần, được tiến hành như sau:

Đầu tiên, giảng viên cho một văn bản ngắn liên quan đến chủ đề (không cùng nội dung với nội dung nghe - dịch tuần tự), và yêu cầu người học thực hiện kỹ năng dịch nhìn văn bản (sight translation) tại chỗ, tức là người dịch nhận tài liệu ở ngôn ngữ gốc và đọc đến đâu sẽ dịch nói đến đó. Hình thức này giúp người học rèn luyện kỹ năng ngắt cụm, phản xạ nhanh, có thể lập tức dịch, không nhằm mục đích dịch tài liệu thành văn bản. Giảng viên sẽ mời khoảng

3~4 bạn bất kỳ thực hiện kỹ năng dịch nhìn văn bản cho sẵn và nhận xét, góp ý bản dịch. Việc nhận xét, góp ý này giảng viên và người học sẽ cùng thực hiện, trong đó giảng viên sẽ yêu cầu người học nhận xét, góp ý trước, rồi giảng viên đánh giá và góp ý bổ sung sau.

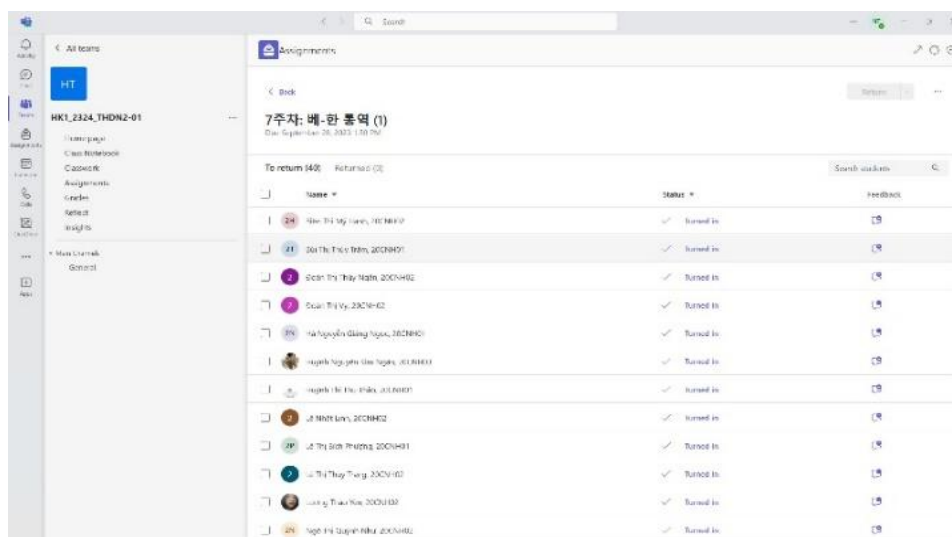
Theo Nguyễn Lân Trung (2002:39) phiên dịch là nhắc lại nội dung vừa nghe được bằng một ngôn ngữ khác nhưng trí nhớ con người lại có hạn, nên chúng ta phải nhờ đến kỹ thuật ghi chép, rồi dựa vào đó biểu đạt lại nội dung vừa nghe. Vì vậy, sau khi luyện kỹ năng dịch nhìn văn bản, giảng viên cho người học nghe nội dung cần thực hành dịch, thời lượng khoảng 1 đến 2 phút có cùng chủ đề với văn bản đã thực hiện kỹ năng dịch nhìn văn bản nhưng không cùng nội dung. Điều này giúp người học nhận biết và vận dụng nhanh các từ, biểu hiện, cấu trúc đã gặp vào thực hành dịch nói. Trong khi nghe, người học được yêu cầu phải vừa nghe vừa ghi chép lại (take-note) nội dung chính của đoạn nghe. Người học cần ghi gì, ghi như thế nào, hình thức trình bày ra sao đã được giảng viên hướng dẫn và luyện tập trong những buổi đầu của học phần.



Hình 2. Bài giảng hướng dẫn người học cách ghi chép (note taking)

Sau khi ghi chép xong, giảng viên sẽ mời 2 bạn bất kỳ lên bảng tái hiện lại phần ghi chép của mình, đồng thời cùng cả lớp góp ý, bổ sung phần ghi chép đó. Thông qua quá trình góp ý, bổ sung phần ghi chép trên bảng, người học có thể học hỏi những phần ghi chép tốt để rút kinh nghiệm cho phần ghi chép của mình. Đồng thời người học cũng có thể bổ sung những thông tin mà

mình ghi chép thiếu (nếu có). Tiếp theo, giảng viên yêu cầu người học thực hiện ghi âm lại bài dịch và nộp bài thông qua phần Assignment trên Ms Teams trong thời gian cho phép (3~5 phút). Sau đó, giảng viên mở lại các bài ghi âm bất kỳ (khoảng 5~10 bản dịch) hoặc bài ghi âm người học muốn được nhận xét để cùng cả lớp nghe và nhận xét, góp ý cho bản dịch.



Hình 3. Hình ảnh người học nộp file ghi âm bản dịch qua Assignment trên Ms Teams.

Giai đoạn 3 - sau khi lên lớp:

Trước khi kết thúc buổi học, giảng viên gửi lại đoạn nghe và file ghi âm mà người học đã dịch, nộp trên Ms Teams, và yêu cầu người học thực hiện hai nhiệm vụ như sau:

Thứ nhất, đối với đoạn nghe, người học nghe lại cố gắng tập trung để ghi chép lại nội dung chi tiết của đoạn nghe và thực hành dịch và ghi âm lại. Thứ hai, đối với file ghi âm bản dịch trong buổi học tại lớp,

người học nghe lại bản dịch và đối chiếu với những nhận xét, góp ý, đồng thời đối chiếu với bản vừa dịch chi tiết để rút kinh nghiệm. Điều này giúp tận dụng tối đa giờ tự học của người học đối với học phần này.

Ngoài ra, giảng viên vẫn có thể lưu lại file ghi âm làm tài liệu tham khảo, phục vụ cho mục đích nghiên cứu lỗi phiên dịch của người học nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy.

#### **4.3. Phân tích ưu, nhược điểm của phương pháp giảng dạy**

Phương pháp giảng dạy này chúng tôi thực hiện theo đúng định hướng nhằm đạt được tối đa các yêu cầu chuẩn đầu ra của học phần, đồng thời việc dạy kết hợp từ kỹ năng dịch nhìn văn bản, kỹ năng dịch tuân tự Hàn - Việt, Việt - Hàn với cùng một chủ đề như vậy làm tăng khả năng ghi nhớ, vận dụng, thuần thục đối với các từ ngữ, biểu hiện, cấu trúc xuất hiện trong mỗi chủ đề. Ngoài ra, trong phương pháp giảng dạy này chúng tôi cũng thực hiện kết hợp cả phần mềm dạy học trực tuyến vào dạy học trực tiếp tại lớp và nhận thấy phương pháp giảng dạy này có thể khắc phục được những bất cập của phương pháp giảng dạy trước đây như sau:

Thứ nhất, mục tiêu của học phần Thực hành dịch nói là giúp người học có cơ hội được luyện tập phiên dịch trong môi trường lớp học trước khi chính thức thực hiện hoạt động phiên dịch ngoài xã hội. Tuy nhiên, hiện tại sĩ số một lớp học ở trường đại học thường tầm 30~40 người học/lớp. Điều này khiến cho cơ hội từng người học có thể được luyện tập phiên dịch từng bài tại lớp rất ít nếu áp dụng phương pháp dạy truyền thống trước đây - là giảng viên cho nghe văn bản gốc, người học note taking, rồi gọi 2~3 người học bất kỳ luyện dịch tại lớp. Bằng phương pháp giảng dạy kết hợp này, cơ hội người học tham gia lớp học được luyện tập phiên dịch qua từng bài học tại lớp là như nhau.

Thứ hai, khối lượng giảng dạy học phần thực hành dịch nói 1 và thực hành dịch nói 2 đều là 3 tín chỉ, khoảng 165 phút/ buổi, sĩ số lớp lại tầm 30~40 người học nên dù người dạy và người học đều muốn, nhưng việc tạo điều kiện cho tất cả người học được luyện tập phiên dịch trong từng bài học trong khoảng thời gian trên là điều không thể. Nếu áp dụng phương pháp giảng dạy kết hợp thì vấn đề thời gian có thể được khắc phục.

Thứ ba, theo cách dạy truyền thống, sau khi nghe người học dịch hết một đoạn văn bản dịch, người dạy sẽ nhận xét, góp ý cho văn bản dịch đó. Tuy nhiên, do tính chất của học phần là dịch nói, dịch bằng miệng, tức là chỉ nói ra một lần và không thể nghe lại nên sau khi dịch xong, người học không nhớ chính xác từng câu chữ mình đã dịch. Do đó việc người dạy góp ý, nhận xét bản dịch sẽ không mang tính khách quan, đồng thời người học cũng không thể thấy rõ lỗi dịch của mình. Nhược điểm này có thể khắc phục bằng phương pháp giảng dạy kết hợp. Việc cho người học vừa nghe lại bản dịch vừa lắng nghe nhận xét về bản dịch sẽ tăng tính khách quan cho phần nhận xét của người dạy. Đồng thời, không chỉ người dạy, tất cả người học đều có thể tham gia vào quá trình nhận xét, đánh giá bản dịch, nâng cao chất lượng học tập.

Thứ tư, vì là học phần dịch nói nên sau khi học xong, người học rất khó trong việc lưu trữ lại những bản dịch đã được nhận xét, góp ý tại lớp để học hỏi, rút kinh nghiệm cho bản dịch sau này, người dạy khó trong việc lưu lại những bản dịch để làm tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy của mình. Phương pháp dạy kết hợp này giúp cả người dạy lẫn người học có thể lưu trữ bản dịch, nâng cao chất lượng công việc.

Thông qua bảng khảo sát đánh giá qua 15 tuần dạy và học học phần Thực hành dịch nói áp dụng phương pháp giảng dạy kết hợp này, nhiều người học nhận xét rằng bản

thân có cơ hội được thực hành dịch nói trên lớp trong suốt quá trình học, được nghe nhận xét, góp ý của giảng viên và bạn bè để cải thiện kỹ năng nghe dịch, được luyện tập kỹ năng nghe và ghi chép... Dù vậy, chúng tôi nhận thấy rằng phương pháp giảng dạy kết hợp này vẫn chưa thể tạo ra được môi trường dịch nói gắn sát với thực tế hơn để người học có thể luyện tập khả năng ứng biến và rèn luyện tâm lý vững vàng.

### 5. Kết luận

Phương pháp giảng dạy Thực hành dịch nói mà chúng tôi trình bày trong bài viết này nhằm giúp khắc phục những khó khăn trong quá trình dạy - học các học phần Thực hành dịch nói, hướng đến phương pháp giảng dạy hiệu quả theo một mô hình sư phạm, dù vậy vẫn còn một số hạn chế. Mong rằng trong thời gian tới, chúng tôi sẽ có cơ hội nghiên cứu sâu hơn nhằm tìm ra phương pháp giảng dạy đưa người học trải nghiệm sát với thực tế hơn nhưng vẫn đảm bảo được những tiêu chí đề ra của các học phần thực hành dịch nói.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghiêm Thị Thu Hương (2020), Dạy dịch ở ngành Hàn Quốc, dưới góc nhìn đào tạo theo phương thức tiếp cận năng lực; Hội thảo khoa học quốc gia KF Friends Networking 2020.
2. Nguyễn Lâm Trung (2002), Ngôn ngữ và kỹ thuật ghi chép trong phiên dịch, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Ngoại ngữ, T.XVIII, Số 2.
3. Nguyễn Thị Như Ngọc (2020), Nghiên cứu về phương pháp giảng dạy biên dịch bậc đại học, Tạp chí Khoa học xã hội số 10(266) 2020.
4. Nguyễn Thị Quyết (2023), Tìm hiểu những khó khăn mà người học gặp phải trong học phần phiên dịch và đề xuất giải pháp khắc phục, Tạp chí Khoa học trường Đại học Hồng Đức, số 63
5. Phan Hoàng My Thương (2023), Phương pháp giảng dạy Biên dịch 1 cho người học ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Trường Đại học Đông Á, Tạp chí Khoa học Đại học Đông Á, Tập 2, Số 2(6), tr. 58-73
6. Trần Thị Hương, Nguyễn Thị Thu Vân, Đỗ Thúy Hằng (2022), Bài học về đào tạo biên phiên dịch ở Hàn Quốc để nâng cao chất lượng đào tạo biên phiên dịch tại Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài, Tập 38(1), tr.69-90
7. Lee Minwoo (2012), A study on the Course Design of KIT (Korean Interpretation and Translation) for Foreigners, Journal of Korean Language Education 23-4: 233-259
8. Phạm Hoa Mai (2019), 한.베 통번역 과정 고찰 및 개선 방안 연구: 베트남 대학 내 과정을 중심으로, 한국외국어대학교 KFL대학원, 석사학위 (Phạm Hoa Mai, luận văn thạc sĩ, Đại học Ngoại ngữ Hankuk, Hàn Quốc, 2019)
9. 김진숙 (2011), 번역상황의 번역교육 적용에 관한 실험연구: 통번역대학원 번역수업을 중심으로, 한국외국어대학교 통번역대학원, 박사학위 (Kim Jin-suk, luận án tiến sĩ, Đại học Ngoại ngữ Hankuk, Hàn Quốc, 2011)

### Abstract

*This article presented the teaching and learning methods for interpreting practice that the writer is applying to Korean language students at Danang University of Foreign Languages. Thereby, introducing the highlights and differences in that teaching and learning methods. In addition, the article also analyzed and evaluated documents related to translation and interpretation teaching methods of linguistic researchers and analyzed Korean language education program focusing on translation and interpretation of Danang Foreign Languages University. On that basis, finding out the advantages and disadvantages of that teaching and learning methods. And then, finding out the ways to overcome the disadvantages and promote the advantages to find out an effective and suitable direction to apply to teaching interpreting practice for Korean language learners.*

**Keywords:** interpreting practice, interpretation, Korean, teaching methods

## VAI TRÒ VÀ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG PHÁP TÍCH HỢP KỸ NĂNG DỊCH TRONG GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TIẾNG HÀN

Nguyễn Thị Nguyệt Minh\*

### Tóm tắt

Nội dung học về kỹ năng Biên-phiên dịch rất quan trọng trong chương trình giảng dạy ngoại ngữ nói chung, tiếng Hàn nói riêng. Đây là kỹ năng cần thiết để đáp ứng chuẩn đầu ra trong đào tạo ngoại ngữ nên thường được xây dựng là một môn học độc lập trong chương trình đào tạo và thường tập trung vào đối tượng người học đạt từ trình độ trung cấp trở lên. Nhưng, trong bài viết này, chúng tôi đặt tiền đề coi hoạt động biên-phiên dịch là một công cụ giảng dạy - học tập, có vai trò hỗ trợ thúc đẩy cải thiện chất lượng dạy và kỹ năng giao tiếp của sinh viên Việt Nam chuyên ngành tiếng Hàn. Trên cơ sở đó, bài viết thực hiện khảo sát người dạy và người học về mối quan hệ giữa hoạt động dịch với hoạt động giảng dạy thực hành tiếng để làm rõ vai trò và hiệu quả của phương pháp kết hợp dịch song ngữ trong giảng dạy thực hành tiếng.

**Từ khóa:** Tiếng Hàn, dịch, tích hợp, dạy ngoại ngữ, công cụ học tập

### 1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử văn minh của nhân loại, hoạt động dịch (bao gồm cả dịch nói và dịch viết) có vai trò quan trọng trong giao tiếp giữa các quốc gia sử dụng các ngôn ngữ khác nhau. Có nhiều quan điểm khác nhau về mốc khởi đầu của hoạt động dịch trên thế giới, nhưng hầu hết các ý kiến đều thống nhất rằng: Dịch là một phương tiện quan trọng để làm cầu nối thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia về mặt chính trị, ngoại giao, quân sự, kinh tế thương mại, giáo dục...

Sau 32 năm đặt quan hệ ngoại giao chính thức, quy mô giao thương giữa Hàn Quốc và Việt Nam đã tăng trưởng gấp 160 lần kể từ con số 500 triệu USD đạt được vào năm 1992<sup>1</sup>, tương ứng với sự phát triển mạnh mẽ đó, số trường đại học mở mã ngành tiếng Hàn đã tăng từ 03 trường năm 1992 lên con số 46 trường Đại học và Cao đẳng<sup>2</sup> (chưa kể các trường đang dạy theo mô hình ngoại ngữ 2 và ngoại ngữ tự chọn - không có mã ngành đào tạo riêng) và dự kiến sẽ vẫn tăng lên trong thời gian tới. Trong những năm gần đây, khi hợp tác giữa Việt Nam và Hàn Quốc ngày càng mở

<sup>1</sup> Hiệp hội thương mại quốc tế Hàn Quốc (KITA) ngày 19/12 công bố báo cáo cho biết, kể từ sau khi Hàn Quốc và Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1992, quy mô thương mại song phương đã tăng gấp 164 lần, đầu tư song phương tăng gấp 145 lần. (<https://thoibaotaichinhvietnam.vn/quy-mo-thuong-mai-viet-nam-han-quoc-tang-manh-nhat-ke-tu-nam-1992-119014.html>)

<sup>2</sup> Việt Nam có 25,110 sinh viên theo ngành Hàn Quốc tại 46 trường Đại học (Theo số liệu của Văn phòng KF Việt Nam, 2024)

\*Thạc sĩ, Trường Đại học CMC; Email: nguyetminh0921@gmail.com

rộng, nhu cầu học tiếng Hàn để đáp ứng nhu cầu việc làm cũng ngày càng tăng trưởng mạnh mẽ.

Nội dung học về kỹ năng biên phiên dịch ngày càng được chú trọng ở khối các trường có đào tạo tiếng Hàn, coi đó là một kỹ năng cần thiết để sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng từ các doanh nghiệp Hàn Quốc và Việt Nam trong những lĩnh vực cần sử dụng tiếng Hàn Quốc. Qua khảo sát sơ bộ, môn học/học phần liên quan đến lý thuyết và kỹ năng dịch (theo chủ đề/lĩnh vực) là một nội dung xuất hiện trong hầu hết các trường có đào tạo tiếng Hàn chính quy tại Việt Nam, đặc biệt ở các cơ sở đào tạo chuyên về ngoại ngữ, học phần này còn được coi là môn học bắt buộc trong chương trình giảng dạy<sup>3</sup>. Trong đào tạo biên - phiên dịch đòi hỏi kỹ năng ngoại ngữ tích hợp của người học và kết quả nghiên cứu thường cho thấy việc nâng cao kỹ năng ngoại ngữ của người học bằng cách sử dụng kiến thức tiếng mẹ đẻ và các phương pháp đào tạo khác nhau rất hiệu quả. Tuy nhiên, cho đến nay, còn có nhiều cách hiểu chưa đúng về việc học - thực hành biên - phiên dịch, trong đó có quan điểm cho rằng khi đạt đến trình độ ngoại ngữ nhất định, người sử dụng ngoại ngữ có thể diễn giải và dịch tốt một cách tự nhiên (Ahn Mi Hyeon, 2010:39).

Trong bài viết này, chúng tôi xem xét mối quan hệ giữa hoạt động dịch Hàn - Việt/Việt - Hàn với hoạt động giảng dạy thực hành tiếng Hàn (bao gồm cả giờ học

truyền đạt kiến thức từ vựng ngữ pháp và rèn thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết). Nói cách khác, chúng tôi muốn làm rõ vai trò và hiệu quả của phương án giúp nâng cao kỹ năng thực hành tiếng Hàn của người học bằng cách tích hợp hướng dẫn dịch thông qua ý kiến của người dạy và người học. Mục tiêu tích hợp hoạt động dịch trong dạy - học thực hành tiếng thuộc phạm vi bài viết này sẽ được phân biệt và có điểm khác với đào tạo biên-phiên dịch chuyên ngành.

## 2. Cơ sở lý thuyết và thực tiễn

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

#### 2.1.1. Khái niệm về ‘dạy học tích hợp’ trong đào tạo ngoại ngữ

Theo định nghĩa trong từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên, 2007:1315), ‘tích hợp’ là ‘lắp ráp, nối kết các thành phần của một hệ thống để tạo nên một hệ thống đồng bộ’. Từ điển Oxford (2022: 825) định nghĩa ‘tích hợp là kết hợp hai hoặc nhiều thứ để chúng phối hợp được với nhau<sup>4</sup>’. Khi khái niệm ‘tích hợp’ được đưa vào trong phương pháp giảng dạy, theo từ điển giáo dục học (Bùi Hiền và cộng sự, 2013), ‘tích hợp là hành động liên kết các đối tượng nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cùng một lĩnh vực hoặc vài lĩnh vực khác nhau trong cùng một kế hoạch dạy học’. Như vậy, có thể hiểu ‘tích hợp’ là một hoạt động mà khi xét dưới góc độ là một phương pháp giảng dạy, nó không phải là phép cộng giản đơn các thuộc tính của các thành phần ghép nối mà là kết hợp nhiều thành phần/nội dung để tạo thành một thể thống nhất mới nhằm đạt được nhiều mục tiêu hơn cho đối tượng. Theo nghiên cứu của Hoàng Thị Thanh Giang (2020), cách tiếp cận tích hợp trong xây dựng chương trình giáo dục bắt đầu được đề cao ở Mỹ và các nước Châu Âu từ những năm 50-60 của thế kỷ XX, Châu Á

<sup>3</sup> Theo kết quả nghiên cứu của Tran Hai Duong (2022), đến năm 2021 có 35 trường đại học chính quy hệ 4 năm đã mở ngành đào tạo tiếng Hàn Quốc/Hàn Quốc học. Trong số đó, có 34 trường có học phần về Biên-phiên dịch bao gồm cả hình thức bắt buộc và tự chọn. 9/34 trường này đáp ứng cả 3 tiêu chí: (i) giảng dạy các học phần Biên-phiên dịch với mục tiêu nâng cao năng lực dịch thuật, (ii) trong chuẩn đầu ra có nội dung định hướng việc làm liên quan đến nghề dịch, (iii) đã và đang giảng dạy học phần liên quan đến Biên-phiên dịch.

<sup>4</sup> integrate: to combine two or more things so that they work together

vào những năm 70 và Việt Nam từ những năm 80 của thế kỉ XX. Và cho đến nay, dạy học tích hợp vẫn đang là một xu hướng giáo dục hiện đại đã và đang được thực hiện ở các cấp học từ tiểu học đến đại học, cao đẳng trong chương trình giáo dục. Theo cách hiểu này, khái niệm ‘tích hợp’ được đề ra như một quan niệm giáo dục toàn diện con người, thực hiện bằng cách lồng ghép các nội dung cần thiết vào nội dung vốn có của môn học.

Trong các chính sách của Bộ giáo dục và Đào tạo Việt Nam về đối tượng giảng dạy phổ thông, hoạt động ‘dạy học tích hợp’<sup>5</sup> theo chương trình của Bộ được khuyến khích theo bốn hình thức cơ bản: (i) Tích hợp nội môn, (ii) Tích hợp liên môn, (iii) Tích hợp đa môn và (iv) Tích hợp xuyên môn<sup>6</sup>. Theo đó, các hình thức này được phép vận dụng linh hoạt để giúp người học hiểu sâu sắc và ứng dụng tốt nội dung bài học. Việc phân loại thành 04 hình thức như thế này tương tự với quan điểm phân loại của D’Hainaut (1986) và Xavier Roegiers (1996) (trích dẫn theo Hoàng Thị Thanh Giang, 2020).

Trong đào tạo ngoại ngữ, hình thức tích hợp/lồng ghép đa dạng kiến thức trong một môn học thường được nhận diện qua các phương pháp như tích hợp dạy ngôn ngữ và văn hóa, lồng ghép dạy kĩ năng

Nghe/Nói/Đọc/Viết qua văn bản ứng dụng/tác phẩm văn học/phim ảnh... hay tích hợp dạy ngôn ngữ văn hóa trong đào tạo tiếng (ngoại ngữ)... Trong bài viết này, chúng tôi lựa chọn khái niệm ‘dạy học tích hợp’ ở phạm vi hẹp để áp dụng vào lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ, cụ thể là dạy tiếng Hàn cho người học Việt Nam. Khái niệm ‘tích hợp’ cũng được cụ thể hóa vào việc kết hợp một phần hoạt động dịch vào việc giảng dạy các môn thực hành tiếng như Từ vựng-ngữ pháp, Đọc, Viết là các môn có tỉ lệ sử dụng song ngữ (ngôn ngữ mẹ đẻ và ngoại ngữ) cao hơn. Phương pháp này tiếp thu một phần ý tưởng của hình thức tích hợp liên môn và được phân biệt khác với khung lí thuyết dạy học tích hợp áp dụng cho hệ phổ thông trong chương trình đào tạo chung theo chuẩn đánh giá của Bộ giáo dục và đào tạo Việt Nam. Trong đó, hoạt động dịch là phần phụ, bổ sung thêm nhằm nâng cao hiệu quả của môn học chính.

### **2.1.2. Nghiên cứu về giảng dạy biên - phiên dịch trong đào tạo ngoại ngữ**

Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy, cho đến nay, đã có những công trình đề cập đến việc đào tạo biên phiên dịch Hàn - Việt, cụ thể như sau:

Nghiên cứu về phát triển chương trình có Hong Jong Myung (2022), Tran Hai Duong (2022), Phát triển giáo trình dạy biên phiên dịch có: Lee Kyung và Tran Thị Vân (2022), Tran Thi Van (2023). Nghiên cứu về phương pháp giảng dạy biên phiên dịch từ các góc độ giảng dạy văn hóa, kĩ năng và nghề nghiệp có công trình của Jeong Yun Hui (2022), Đào Thị Đài Trang (2020). Các công trình này đã sử dụng các phương pháp khảo sát, phỏng vấn, nghiên cứu tư liệu thống kê để đánh giá hiện trạng giảng dạy cũng như nguồn giáo trình biên phiên dịch, phân tích nhu cầu phát triển chương trình và giáo trình nhằm đề xuất mô hình giảng dạy mang tính ứng dụng.

<sup>5</sup> Tham khảo Đề án đổi mới chương trình sách giáo khoa phổ thông thực hiện từ 2019-2020 (Bộ GD&ĐT)

<sup>6</sup> Tích hợp nội môn: tích hợp nhiều kiến thức trong một môn; Tích hợp liên môn: kết hợp kiến thức từ nhiều môn khác nhau thông qua các chủ đề, vấn đề, khái niệm lớn chung trong một bài học. Từ kiến thức của môn này, học sinh có thể ứng dụng cho các môn khác; Tích hợp đa môn: sử dụng một vấn đề, một nội dung vào nhiều môn học; Tích hợp xuyên môn: dạy học về một vấn đề, một nội dung nằm ngoài yêu cầu cơ bản của một môn học, thường áp dụng để thực hiện các dự án học tập cá nhân hoặc dự án nhóm. (Tham khảo: <https://vinschool.edu.vn/tin-giao-duc/cac-hinh-thuc-day-hoc-tich-hop/#1-cac-hinh-thuc-day-hoc-tich-hop-theo-chuong-trinh-cua-bo-gddt>, tra cứu lúc 9h, ngày 12/4/2024)

Mặc dù Biên phiên dịch hiện nay đã trở thành một đề tài nghiên cứu thu hút sự quan tâm và có mức độ độc lập cao, nhưng vẫn có rất nhiều các nghiên cứu liên quan đến biên-phiên dịch ở góc độ coi nó là một nội dung quan trọng trong đào tạo ngoại ngữ, một yếu tố quan trọng thể hiện đầu ra đào tạo. Biên phiên dịch đã có vị trí nhất định trong chương trình đào tạo ngoại ngữ, là môn học độc lập nhưng không tách rời với giảng dạy ngoại ngữ. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi nghiên cứu ở mức độ hẹp, đặt tiền đề coi hoạt động biên-phiên dịch là một công cụ giảng dạy - học tập, có vai trò hỗ trợ thúc đẩy cải thiện chất lượng dạy và kỹ năng giao tiếp của sinh viên Việt Nam học chuyên ngành tiếng Hàn.

Thực tế là, ngay cả khi đã học ngoại ngữ đến trình độ cao cấp, người học cũng khó có thể sử dụng ngôn ngữ tự nhiên giống như người bản ngữ. Bên cạnh đó, trong quá trình học, người học cũng sẽ ít nhiều gặp phải những tình huống cần sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ để đối chiếu với ngoại ngữ. Vì thế, người Việt Nam học tiếng Hàn cũng không thể tránh khỏi việc sử dụng tiếng Việt trong quá trình tiếp thu tiếng Hàn, đặc biệt khi học ngay tại Việt Nam, với giảng viên người Việt Nam. Đó chính là hai trong nhiều yếu tố tác động đến việc tiếp thu và sử dụng ngoại ngữ. Trong bối cảnh đó, hoạt động chuyển ngữ giữa ngoại ngữ và tiếng mẹ đẻ nên được vận dụng là một trong những cách hiệu quả để tiếp thu, sử dụng tốt ngoại ngữ - tiếng Hàn.

Liên quan đến ứng dụng dạy dịch trong giảng dạy các kỹ năng thực hành tiếng, các học giả Hàn Quốc đã đạt được nhiều thành tựu, có thể kể đến một vài công trình tiêu biểu sau: Tác giả Jo Yoon Kyeong (2010:271) cho rằng hoạt động dịch là một chiến lược học tập được đa phần người học ngoại ngữ ưa thích và có hiệu quả cao. Đặc biệt, dịch có hiệu quả trong việc sử dụng

ngôn ngữ mẹ đẻ để kiểm tra khả năng hiểu nội dung bài học. Bởi vì, nói theo Kang Ji Hye (2004:2), hoạt động biên-phiên dịch không phải là chuyển một ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác một cách bình đẳng mà là quá trình hiểu ngôn ngữ nguồn một cách chính xác và điều chỉnh diễn đạt ở ngôn ngữ đích sao cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. Đó là một quá trình tái hiện nội dung văn bản nguồn ở ngôn ngữ đích. Vì thế, để hiểu và dịch tốt, người học ngoại ngữ không chỉ cần có kỹ năng ngoại ngữ cơ bản để dịch đúng mà còn cần phải có kiến thức về ngôn ngữ đích phong phú để đảm bảo truyền tải tốt nội dung ý nghĩa của diễn ngôn và nâng cao hiệu quả giao tiếp. Điều này giúp khẳng định thêm, khi hiểu ngoại ngữ và diễn đạt được sang ngôn ngữ đích bằng thứ ngôn ngữ tự nhiên nhất, nghĩa là ngôn ngữ đó đã được hiểu đúng và vận dụng đúng. Tác giả Jeong Ho Jeong (2011:188-189) chỉ ra rằng hoạt động dịch sẽ đem lại một môi trường học tập mà người học có thể đồng thời sử dụng được cả bốn kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết. Với việc áp dụng hoạt động dịch trong đào tạo thực hành tiếng, công cụ này sẽ giúp người học sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác hơn, phù hợp hơn trong các tình huống giao tiếp và mục đích giao tiếp. Người học được tiếp cận chủ đề bài học theo một cách quen thuộc hơn, nhờ đó tác động tốt đến tâm lý của người học ngoại ngữ.

Đề cập trực tiếp đến đối tượng dịch Hàn-Việt, tác giả Lee Ju Yeong (2020:140) đã chọn đối tượng nghiên cứu là người Việt Nam học tiếng Hàn và tiến hành phân tích văn bản viết theo dạng viết-dịch và viết trực tiếp để tìm ra điểm khác biệt và ảnh hưởng của ngôn ngữ mẹ đẻ trong lập bố cục nội dung, sử dụng từ vựng, trau chuốt ngôn từ... nhằm nâng cao kỹ năng Viết tiếng Hàn. Lee Ju Yeong (2020) đã chỉ ra những mặt tích cực khi bổ sung kỹ năng dịch trong học

Viết. Tuy nhiên, tác giả chưa đưa ra phương án giảng dạy để cải thiện kỹ năng Viết, khắc phục được những lỗi về bố cục, từ, câu xuất hiện ở hai loại văn bản viết theo hai phương pháp đó.

Tác giả Nam Seong Woo (2006) nhận định: “dịch là quá trình hiểu ý nghĩa của văn bản nguồn và tái hiện nội dung của văn bản nguồn sang văn bản đích theo cách diễn đạt của người bản ngữ thuộc ngôn ngữ đích”. Khi liên hệ với hoạt động giảng dạy tiếng Hàn cho sinh viên Việt Nam, nếu chọn hướng dịch từ Hàn sang Việt, và người dịch là người Việt Nam thì rõ ràng, ngôn ngữ diễn đạt sẽ phải theo phong cách ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ của người dịch. Đó cũng là vấn đề mà nhiều sinh viên Việt Nam học tiếng Hàn gặp phải khi rơi vào trường hợp cần chuyển ngữ: Nghe hiểu nhưng không diễn đạt lại được dù là bằng tiếng mẹ đẻ. Để giải thích tình trạng này, có thể phân tích nguyên nhân từ nhiều góc độ, nhưng trong đó nổi lên yếu tố năng lực tiếng mẹ đẻ của người học liên quan đến lĩnh vực/nội dung đó chưa đủ, hoặc do thiếu thực hành nói/tư duy về chuyển ngữ.

## 2.2. Cơ sở thực tiễn

Chúng tôi cho rằng, ứng dụng kỹ năng dịch trong việc giảng dạy các học phần thực hành tiếng cũng là một trong những phương pháp hiệu quả để đánh giá mức độ tiếp nhận và sử dụng kiến thức thực hành tiếng. Cùng với kỹ năng Nói và Viết, dịch cũng được coi là một tiêu chí đánh giá chất lượng đầu ra của sinh viên ngoại ngữ nói chung và ngành tiếng Hàn nói riêng. Xét từ quan điểm muốn học dịch, người học phải đạt trình độ ngoại ngữ đến một mức nhất định, các trường Đại học có ngành tiếng Hàn, thường đưa bộ môn dịch vào giảng dạy khi sinh viên đã có nền tảng cơ bản về tiếng Hàn đạt trình độ trung cấp trở lên. Theo nghiên cứu của Trần Hải Dương (2022), học phần dịch thường được các cơ sở đào tạo tiếng Hàn ở bậc đại học

đưa vào giảng dạy cho sinh viên ngành Hàn từ các học kì 5 (tương đương năm thứ 3 trong hệ đào tạo 4 năm).<sup>7</sup> Như vậy, trong ít nhất 2 năm học đầu tiên, sinh viên ngành tiếng Hàn không được học dịch, dù trong thực tế, họ không hoàn toàn sử dụng tiếng Hàn trong các hoạt động học. Nghĩa là sự đối chiếu ngôn ngữ giữa tiếng Hàn và tiếng Việt đã bắt đầu xuất hiện từ khi người học mới tiếp cận tiếng Hàn nhưng không dưới góc độ dịch thuật và chưa tận dụng được các ưu điểm của hoạt động dịch. Điều này tạo nên một khoảng trống về lí luận trong thực tiễn dạy - học. Chúng tôi cho rằng, cần một phương án khiến sinh viên có thể tiếp cận kỹ năng dịch sớm hơn, vừa để hỗ trợ nâng cao năng lực thực hành tiếng vừa tạo nền tảng cơ bản để chuyển sang học dịch nâng cao ở giai đoạn sau. Trong thực tế, nhu cầu của xã hội và doanh nghiệp tuyển dụng đòi hỏi nhân lực tiếng Hàn phải sử dụng thành thạo tiếng Hàn trong giao tiếp, trong thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn, đặc biệt còn cần phải thành thạo chuyển ngữ giữa tiếng Hàn và tiếng Việt. Để đáp ứng được nhu cầu đó, cần sớm bổ sung kiến thức và kỹ năng dịch ngay từ giai đoạn đầu dạy tiếng cho sinh viên Việt Nam để trong quá trình đi từ trình độ sơ cấp lên trung cấp, sinh viên ngành tiếng Hàn đã có thể quen với việc chuyển ngữ và phát triển tư duy ngôn ngữ cả trong tiếng Hàn và ngôn ngữ mẹ đẻ là tiếng Việt.

Khảo sát về các nghiên cứu liên quan đến giảng dạy tiếng Hàn ở Việt Nam, chúng tôi tìm thấy nhiều công trình về phương pháp giảng dạy để nâng cao các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết... Trong số đó, có vài công trình đề cập đến yếu tố đối chiếu ngôn

<sup>7</sup> Tran Hai Duong (2022), 베트남 내 대학의 한국어 전공자를 위한 통-번역 교육과정 개발 연구, 표8, p.91 (Nghiên cứu phát triển chương trình đào tạo Biên-phiên dịch dành cho sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn ở các trường Đại học của Việt Nam, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sangmyung, Hàn Quốc, tr.91)

ngữ Hàn - Việt, đặc biệt trong giảng dạy kỹ năng Đọc. Ví dụ như Đặng Thị Thùy Dương (2021) nghiên cứu phương án dạy Đọc tiếng Hàn có sử dụng truyện cổ tích dành cho đối tượng người học Việt Nam trình độ trung cấp tiếng Hàn qua việc đối chiếu truyện Chi em Đậu Lạc (콩쥐팥쥐) của Hàn Quốc với Tấm Cám của Việt Nam. Hay như Nguyễn Thị Nguyệt Minh (2007) trong đề xuất phương pháp giảng dạy chữ Hán cho sinh viên Việt Nam cũng đề cập đến việc chuyển ngữ để giải nghĩa bằng tiếng Việt giúp sinh viên hiểu sâu hơn về chữ gốc Hán trong tiếng Hàn. Nhóm tác giả Đoàn Mạnh Cường, Hoàng Thị Yến (2023) đã nêu những tác dụng tích cực của việc chuyển ngữ mẫu câu tiếng Hàn sang tiếng Việt, giúp sinh viên Việt Nam hiểu sâu hơn về từ vựng và ngữ pháp của bài học ở kỹ năng Đọc và Viết. Như vậy, trong các nghiên cứu có trước đã lẻ tẻ xuất hiện các ý tưởng và hoạt động dạy - học có vận dụng việc đối chiếu ngôn ngữ - dịch bổ sung vào hoạt động giảng dạy kỹ năng thực hành tiếng.

Gần hơn với ý tưởng này, có nghiên cứu của Trần Thị Huyền Trang (2018) nghiên cứu về việc sử dụng dịch ngữ pháp (Dictogloss) vào dạy kỹ năng nghe cho sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Đại học Quốc gia Hà Nội. Nghiên cứu này đã giới thiệu chi tiết cách áp dụng phương pháp Dịch ngữ pháp (Dictogloss) vào lớp học và thực nghiệm nhằm xác định tính hiệu quả của phương pháp này. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng nhờ phương pháp này, sinh viên không chỉ cải thiện được kỹ năng nghe hiểu mà còn có thái độ tích cực hơn đối với bài học nghe và có tiến bộ trong cả những kỹ năng khác.

Như vậy, mặc dù trong thực tế giảng dạy, người dạy tiếng Hàn ở Việt Nam nói riêng và có lẽ bao gồm cả người dạy tiếng Hàn ở các quốc gia khác, các ngoại ngữ

khác nói chung đều thường sử dụng kết hợp hai ngôn ngữ (tiếng nước ngoài - L2 và tiếng mẹ đẻ - L1). Tuy nhiên, thực tế này chưa được phản ánh một cách đầy đủ (cả về lý luận và thực tiễn) trong các công trình liên quan. Nghiên cứu của chúng tôi đề cập bước đầu đến vấn đề nhận thức về hiệu quả của việc kết hợp hoạt động dịch trong dạy thực hành tiếng từ giai đoạn đầu, đặt nền tảng để tiến tới tổ chức dạy tích hợp hoạt động dịch nói/ dịch viết giúp nâng cao năng lực thực hành tiếng Hàn cho người học Việt Nam, vì thế có tính thời sự và giá trị lý luận và thực tiễn.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Trong phạm vi bài viết, để xây dựng một cơ sở lý thuyết và thực tiễn vững chắc, sau khi khoanh vùng khái niệm về phương pháp dạy học tích hợp, chúng tôi thực hiện thu thập, phân tích và tổng hợp các tài liệu từ các nghiên cứu có trước về vai trò và hiệu quả của việc tích hợp kỹ năng dịch trong các học phần thực hành tiếng, xác định các yếu tố có thể giúp cải thiện hoạt động giảng dạy các kỹ năng thực hành tiếng Hàn đối với người học Việt Nam.

Để có cái nhìn toàn diện và khách quan hơn về thực tiễn áp dụng giảng dạy tích hợp kỹ năng dịch trong các học phần thực hành tiếng, chúng tôi đã tiến hành khảo sát các đối tượng liên quan, cụ thể là: sử dụng phiếu khảo sát online với người dạy và người học, kết hợp phỏng vấn bổ sung để có thêm những thông tin cần thiết. Tác động của phương pháp giảng dạy tích hợp này với 2 nhóm đối tượng: (i) giảng viên dạy ngoại ngữ và (ii) sinh viên ngành tiếng Hàn cũng được làm rõ qua kết quả khảo sát. Trên cơ sở các tài liệu thực tế này, chúng tôi có những đánh giá chung về tính khả thi của vấn đề nghiên cứu, góp phần đưa ra những gợi ý cho các hoạt động giảng dạy phù hợp với thực tiễn.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng sử dụng phương pháp quan sát thông qua việc quan sát trực tiếp các giờ dạy thực hành tiếng của giảng viên và việc học của người học. Việc dự giờ, quan sát hoạt động dạy và học trong các tiết học là một trong những cơ sở quan trọng để đánh giá được mức độ học tập và vai trò của phương pháp bổ sung hoạt động dịch trong dạy thực hành tiếng.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

##### 4.1. Kết quả khảo sát với Giảng viên

Xuất phát từ nhận định giảng dạy tiếng Hàn là một bộ phận trong giảng dạy ngoại ngữ nói chung, các kỹ năng của người dạy ngoại ngữ nói chung đều có điểm tương đồng, trừ những khác biệt cụ thể nảy sinh do đặc thù của mỗi loại ngôn ngữ, chúng tôi đã thực hiện bảng hỏi và phỏng vấn với 16 giảng viên người Việt Nam đang giảng dạy các ngành tiếng Anh, tiếng Nhật và tiếng Hàn tại các trường Đại học Hà Nội, Đại học KHXH&NV, Đại học Thăng Long, Đại học FPT, Đại học CMC. Trong số đó, có (i) 4 giảng viên dạy tiếng Anh với 02 người kinh nghiệm 02 năm, 01 người kinh nghiệm 08 năm và 01 người kinh nghiệm 19 năm; (ii) 02 giảng viên tiếng Nhật kinh nghiệm 2,5 năm và 17 năm; (iii) 10 giảng viên tiếng Hàn với 01 người kinh nghiệm 02 năm, 06 người có kinh nghiệm từ 03~07 năm, 02 người có kinh nghiệm 17~20 năm và 01 người kinh nghiệm 25 năm. Phân loại về số năm kinh nghiệm của nhóm giảng viên tham gia khảo sát cho thấy tỉ lệ những người có kinh nghiệm lâu năm ở mức cao. Đây cũng là cơ sở để đảm bảo độ tin cậy cho kết quả khảo sát, phỏng vấn từ góc nhìn của người dạy.

Kết quả phỏng vấn cho thấy 100% giảng viên đều sử dụng phương pháp dạy các môn thực hành tiếng kết hợp với hướng dẫn sinh viên dịch đối chiếu song ngữ. Ở câu hỏi tiếp theo về chọn ra kỹ năng thực hành tiếng cần bổ sung hoạt động dịch nhất,

có tới 50% giảng viên chọn kỹ năng Đọc hiểu, 25% chọn môn Từ vựng-ngữ pháp, còn lại dàn đều cho các kỹ năng mà các thầy cô đánh giá là ít sử dụng biện pháp dịch nghĩa gồm Nghe, Nói, Viết. 6,3% giảng viên bổ sung thêm môn học gộp hai kỹ năng hỗ trợ lẫn nhau là Đọc-Viết theo phương pháp dictation<sup>8</sup>.

Với câu hỏi trả lời trực tiếp về hiệu quả của việc dạy thực hành tiếng kết hợp dịch nội dung sang tiếng mẹ đẻ và dịch ngược trở lại, các ý kiến đưa ra rất đa dạng và cụ thể nhưng đều cho thấy sự đánh giá cao về hiệu quả giảng dạy-học tập: (i) giúp hiểu sâu hơn, kỹ hơn về nội dung, ngữ cảnh, cách sử dụng từ vựng và ngữ pháp thích hợp, (ii) lựa chọn từ phù hợp hoàn cảnh và nội dung, (iii) hiểu sâu hơn về từ vựng, ngữ pháp, nắm được cách sử dụng và có so sánh với tiếng Việt/nâng cao năng lực tiếng mẹ đẻ, (iv) đối chiếu được sự khác biệt về văn hóa, cách hành văn, (v) tăng khả năng phản xạ ngôn ngữ và nắm bắt kỹ năng note-taking phục vụ cho dịch nói sau này, (vi) hiểu sâu hơn ý đồ của tác giả để làm bài đọc cho đúng, (vii) giúp ứng dụng hiệu quả hơn trong giao tiếp, hỗ trợ thêm cho kỹ năng Nói và Viết, (viii) giúp hiểu rõ sự khác biệt trong hai ngôn ngữ (từ, cấu trúc câu, ngữ pháp), (ix) có hiệu quả tích cực, sinh viên nắm nội dung bài học tốt hơn.

Từ những đánh giá tích cực đó, có 56,5% giảng viên chọn áp dụng phương pháp dạy tích hợp dịch trong dạy thực hành tiếng toàn quá trình từ sơ cấp đến cao cấp vì cho rằng nên đi từ trình độ sơ cấp là giai

<sup>8</sup> Dictation là việc nghe và ghi chép lại những đoạn văn bản, câu nói hoặc đoạn hội thoại được nghe. Phương pháp này giúp người học rèn luyện khả năng nghe hiểu, cải thiện từ vựng và ngữ pháp, cũng như nâng cao khả năng viết. Để thực hiện dictation, người học được cho nghe một đoạn văn bản hoặc câu nói bằng ngoại ngữ, sau đó ghi chép lại nội dung nghe được.

đoạn nền tảng cần hiểu rõ nắm chắc kiến thức, cấu trúc câu, phát âm...tiếp đó, lên trình độ cao hơn thì càng cần có tư duy ngôn ngữ đối chiếu để phân tích và vận dụng được các mẫu câu, từ vựng ngữ pháp tiếng Hàn phức tạp; 31,5% đề xuất dạy từ trung cấp lên cao cấp vì nhận định từ trung cấp trở đi, sinh viên đã tích lũy vừa đủ kiến thức nền, có thể tận dụng để đáp ứng yêu cầu chuẩn bị trước các kỹ năng cơ bản cần thiết cho bộ môn biên-phiên dịch sẽ học ở giai đoạn sau; 6,3% chỉ đề xuất dạy từ sơ cấp lên trung cấp và 6,3% còn lại nhấn mạnh cần dạy song ngữ nhiều hơn ở trình độ sơ cấp vì “theo độ khó của mỗi giai đoạn, người học có thể có kỹ năng biểu đạt ngôn ngữ nguồn và đích một cách tự nhiên, thành thục hơn nếu kỹ năng biểu đạt dịch ngược xuôi được hình thành và phát triển từ giai đoạn sơ cấp.” Thực tế giảng dạy tiếng Hàn của chúng tôi cũng cho thấy, hiện nay do sự phát triển của hệ thống tra từ và dịch trên nền tảng mạng, rất nhiều sinh viên năm nhất - sơ cấp có xu hướng tự tra từ, tự dịch bằng các công cụ trực tuyến đó. Nhưng chất lượng bản dịch từ các công cụ trực tuyến đó chưa thể đảm bảo chuyển ngữ chính xác, gồm đầy đủ các yếu tố nội ngôn và ngoại ngôn. Do vậy, nếu không được định hướng đúng từ giai đoạn sơ cấp, người học có thể bị dùng sai và hiểu sai ngay từ giai đoạn này.

Cũng có ý kiến nhấn mạnh ứng dụng dịch trong dạy - học từ vựng và ngữ pháp để giúp sinh viên hiểu kỹ, từ đó mới có thể áp dụng tốt.

Như vậy, các ý kiến của giảng viên đều đồng thuận với phương pháp tích hợp và thực tế các giảng viên đều đang áp dụng phương pháp đó trong các giờ dạy trên lớp hiện tại. Tuy mức độ áp dụng có khác nhau: 50% giảng viên chọn quan điểm phải hướng dẫn “dịch chi tiết theo từ vựng và ngữ pháp đang học, sau đó mở rộng để thêm vốn từ và

ngữ pháp”. Theo quan điểm của chúng tôi, đây là mức độ cao nhất, đòi hỏi tận dụng tối đa hiệu quả của hoạt động dịch trong dạy kỹ năng tiếng, tiệm cận sang giai đoạn dạy biên-phiên dịch. Tiếp đó, 31,3% chọn mức độ thấp hơn, yêu cầu “dịch chi tiết, phân tích cụ thể theo từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đang học của bài. Còn lại các ý kiến khác là: chỉ cần dịch lướt để hiểu nội dung hoặc dịch chi tiết có đối chiếu sự khác nhau trong dùng từ, ngữ pháp, hoặc đề xuất có thể linh hoạt, dịch sơ, dịch chi tiết và mở rộng tùy sự tiến triển theo từng trình độ người học.

#### **4.2. Kết quả khảo sát với sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn**

Để tiến hành khảo sát, chúng tôi đã gửi mẫu phiếu thu thập ý kiến online đến các sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn từ năm 1 đến năm 3 đang học tại các trường Đại học Hà Nội, Đại học CMC, Đại học KHXH&NV, Đại học Thăng Long. Tổng số phiếu phát ra là 120 và tổng số phiếu trả lời thu về là 99 phiếu. Tuy số phiếu thu được không đạt tỉ lệ lí tưởng nhưng đây cũng là đặc trưng của phương thức thu thập ý kiến qua online. Số phiếu thu được đạt gần 100 cũng đảm bảo mức độ tin cậy của khảo sát đối với người học.

Các câu hỏi đối với sinh viên dẫn dắt từ câu hỏi tìm hiểu động lực, mục tiêu học tiếng Hàn đến các câu hỏi yêu cầu đánh giá về hiệu quả của phương pháp tích hợp dịch trong học tiếng Hàn. Kết quả cho thấy, 50,5% sinh viên học tiếng Hàn nhằm định hướng công việc sau này sẽ liên quan đến dịch thuật (Biên -phiên dịch Hàn Việt); 24,2% muốn sau này làm công việc hành chính văn phòng có sử dụng tiếng Hàn, 12,1% có ý định học tiếng Hàn để khởi nghiệp với các dự án liên quan đến Hàn Quốc; 9,1% bày tỏ nguyện vọng tiếp tục học chuyên sâu và học lên cao, muốn trở thành nhà nghiên cứu hoặc giảng viên tiếng Hàn.

Từ vai trò của người học, ở giai đoạn đầu học tiếng, 47,5% sinh viên quan tâm đến việc học 4 kỹ năng thực hành tiếng là Nghe, Nói, Đọc, Viết; 35,4% quan tâm đến học từ vựng và ngữ pháp; 16,2% muốn tập trung học phát âm trong giai đoạn sơ cấp và chỉ có 1% trả lời quan tâm đến tất cả các vấn đề từ học phát âm đến từ vựng ngữ pháp và toàn bộ các kỹ năng tiếng. Sinh viên của các trường sử dụng các bộ giáo trình khác nhau, có giáo trình song ngữ Hàn Việt và giáo trình song ngữ Hàn-Anh. Tuy mỗi bộ giáo trình dạy tiếng Hàn lại có ưu và nhược điểm riêng, nhưng có tới 98% sinh viên cho biết họ đều được giảng viên người Việt Nam giảng kèm thêm các nội dung tiếng Việt trong giờ học thực hành tiếng; 2% còn lại cho biết có giảng viên không hướng dẫn dịch, để sinh viên tự tìm hiểu nội dung và cách dùng, hoặc giảng viên có hướng dẫn dịch nhưng không đều đặn, thường xuyên.

Với câu hỏi sinh viên được hướng dẫn kết hợp dịch Hàn-Việt nhiều nhất ở kỹ năng thực hành tiếng nào, các câu trả lời của sinh viên trường Đại học CMC rải đều cho cả 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Trong khi đó, sinh viên của các trường đại học khác, đa phần từ năm 2 trở lên hầu như chọn kỹ năng Đọc. Chúng tôi cho rằng sự chênh lệch trong câu trả lời giữa sinh viên trường Đại học CMC với các trường khác xuất phát từ khác biệt trong phương pháp giảng dạy của trường Đại học CMC và trình độ của người học của CMC khi mới chỉ có sinh viên năm nhất và đầu kì năm 2.

Tiếp đó, để làm rõ hơn đánh giá về hiệu quả của việc kết hợp dịch Hàn-Việt trong những nội dung học, chúng tôi đã có câu hỏi sâu theo từng kỹ năng gồm: Từ vựng - ngữ pháp, Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các mức độ: Rất hiệu quả - Hiệu quả - Bình thường - Không hiệu quả. Kết quả trung bình của các kỹ năng lần lượt là ~47% - 50% - 3% - 0%. Sinh viên cũng đánh giá tốt với 80,8% rất

hài lòng với cách giảng viên cung cấp thêm nội dung dịch Hàn-Việt trong bài học. Ví thể 100% sinh viên đồng ý là “sự tương tác và học hỏi tăng lên khi được hướng dẫn dịch Hàn-Việt kết hợp trong các môn thực hành tiếng”

Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy sự thống nhất cao độ của cả giảng viên và người học về hiệu quả của phương pháp vận dụng kỹ năng dịch trong giảng dạy thực hành tiếng. Thực tế đây không phải là vấn đề mới mẻ, song hiện vẫn thiếu các kết quả khảo nghiệm đủ để có thể xây dựng thành một phương pháp “chính danh” như nó xứng đáng được như vậy. Hoặc cũng có thể do cách nghĩ cho rằng học ngoại ngữ thì chỉ cần tập trung học ngoại ngữ, cần “tắm mình vào ngoại ngữ” chứ không nên có sự can thiệp của ngôn ngữ mẹ đẻ. Tuy nhiên, xuất phát từ nhu cầu và điều kiện thực tiễn và tiêu chí đào tạo ngoại ngữ ở bậc cử nhân của các quốc gia bên ngoài Hàn Quốc, quá trình đào tạo tiếng Hàn nói riêng và ngoại ngữ nói chung thường gắn với kỹ năng biên-phiên dịch. Ngoài việc giỏi ngoại ngữ, người học cũng cần có năng lực tiếp nhận và biểu đạt bằng tiếng mẹ đẻ tốt, có tư duy đối chiếu, chuyển ngữ và vận dụng ngôn ngữ phù hợp trong các ngữ cảnh và tình huống giao tiếp (khẩu ngữ và bút ngữ). Những đòi hỏi này cần được nhận thức đúng đắn để được vận dụng trong toàn bộ quá trình dạy - học.

### **4.3. Vận dụng phương pháp tích hợp hoạt động dịch trong dạy thực hành tiếng**

Như đã giới hạn rõ trong phần mở đầu, mục tiêu tích hợp kỹ năng dịch trong học thực hành tiếng thuộc phạm vi bài viết này sẽ được phân biệt và có điểm khác với đào tạo biên-phiên dịch chuyên ngành. Đây được xác định là công cụ hỗ trợ nâng cao hiệu quả học thực hành tiếng. Từ kết quả khảo sát ở trên cho thấy, việc đối dịch song ngữ có hiệu quả ngay từ giai đoạn học

tiếng Hàn sơ cấp. Nhưng khi này, sinh viên chưa có đủ năng lực ngoại ngữ, cũng chưa được học kiến thức và kĩ năng về dịch, do đó hoạt động dịch bổ sung chỉ nên dừng lại ở mức bám sát các từ và mẫu câu liên quan trực tiếp đến nội dung, chủ đề bài học. Theo 18,7% ý kiến người dạy cho rằng chỉ cần dịch lướt trong kết quả khảo sát phía trên, chúng tôi nghĩ rằng điều này cho thấy thực tế dạy của giảng viên người Việt có áp dụng hoạt động chuyển ngữ. Nhưng hoạt động chuyển ngữ mẫu câu này không nên chỉ dừng lại ở mức độ giải nghĩa câu mà cần được hệ thống lại theo một phương pháp vận dụng kĩ năng dịch để qua đó, không phải nhằm giúp người học hiểu mẫu câu đơn thuần mà phải giúp người học hiểu sâu hơn về mẫu câu, từ đó tích lũy được kĩ năng dịch. Do vậy, người dạy có thể vận dụng linh hoạt các tiêu chí đánh giá bản dịch bao gồm các vấn đề về: chính tả, ngữ pháp, lựa chọn từ vựng, nội dung dịch, ngữ dụng và phong cách ngôn ngữ... để tạo thành các ‘típ’ dịch cung cấp cho người học một cách phù hợp theo nội dung bài học nhằm tăng hiệu quả ghi nhớ và sử dụng chính xác câu tiếng Hàn. Giảng viên có thể lồng ghép các ‘típ’ chuyển ngữ đơn giản mà chưa cần phải đề cập đến thuật ngữ lí thuyết dịch vào trong các mẫu câu của bài học. Chúng tôi lấy ví dụ phương pháp dạy với mẫu câu A/V(으)면 trong bài 15, sách 1B Giáo trình tiếng Hàn Seoul (ĐHQG Seoul) như sau:

**Chuẩn bị:** sinh viên được chuẩn bị trước về từ vựng theo chủ đề bài 15, mẫu ngữ pháp và ý nghĩa ngữ pháp của A/V(으)면 (mẫu câu điều kiện, nêu giả định)

**Thực hành mẫu câu:** ‘집에 도착하면 전화하세요’

**Bước 1:** Thực hành đặt câu. Sinh viên thực hiện thay thế các từ vựng trong chủ đề bài 15 để tạo thành các câu mới theo cùng mẫu ngữ pháp. Bước này là bước làm quen

mẫu câu, thực hành với các từ vựng đã học và từ vựng theo chủ đề bài, do đó sinh viên thực hiện khá dễ dàng trong vốn từ của mình theo mẫu ‘Nếu...thì’.

**Bước 2:** Sinh viên được yêu cầu chuyển ngữ sang tiếng mẹ đẻ. Khi này, giảng viên sẽ giúp sinh viên tăng mức độ nhận diện mẫu với nhiều cách dịch linh hoạt.

- Dịch thô: (Giữ nguyên cấu trúc ngữ pháp) Nếu về đến nhà thì gọi điện thoại nhé.

- Phân tích: Giảng viên tiếp tục gọi ý các ‘típ’ dịch thông qua sự khác biệt trong cấu trúc câu Hàn-Việt, liên hệ đến loại hình ngôn ngữ, đặc điểm câu tiếng Hàn, gọi ý cách bổ sung chủ ngữ, cách lựa chọn từ xưng hô....

- Hoàn thiện: Khi nào về nhà thì gọi điện nhé/Về đến nhà thì gọi điện cho tôi nhé/ Anh(chị) về nhà rồi gọi điện nhé.

**Bước 3:** Sinh viên được yêu cầu dùng các câu đã dịch sang tiếng Việt và vốn ngữ pháp đã tích lũy từ trước, dịch ngược về tiếng Hàn. Các kết quả dịch ngược càng đa dạng càng thể hiện vốn ngữ pháp phong phú của sinh viên (집에 도착하면/집에 오면/집에 올 때/ 집에 도착할 때/제에 오고; 전화하세요/전화 주세요/ 연락 주세요/ 연락해 주세요/연락하세요...) khi các kết quả dịch ngược đa dạng như vậy, giảng viên sẽ giúp sinh viên so sánh đối chiếu và chọn ra câu tiếng Hàn tự nhiên và phù hợp nhất với văn hóa bản ngữ. Ở bước này, giảng viên có thể kết hợp kĩ năng nhìn dịch (시역/보고 통역하기), nghe dịch (듣고 통역하기) để tăng khả năng thực hành tiếng.

Như vậy, từ việc đặt các mẫu câu đơn giản liên quan đến bài học, sinh viên đồng thời được luyện phát âm và kết hợp đủ các kĩ năng nghe, đọc, nói và viết. Từ đó, sinh viên sẽ dần nắm chắc được kiểu câu, có kĩ năng phân tích thành phần câu tiếng Hàn và đối chiếu với tiếng Việt, dần dần hình thành phản xạ nghe nói và năng lực chuyển ngữ. Giảng viên cũng có thể hướng dẫn thực

hành các thủ pháp dịch mà không cần gọi tên theo thuật ngữ trong biên-phiên dịch nhưng về sau, chính những kĩ năng được vun đắp dần dần này sẽ được gặp lại trong nội dung học dịch chuyên ngành.

### 5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu của bài viết có thể được khái quát như sau:

Thứ nhất, bài viết đã xác định được hoạt động dịch (bao gồm dịch nói và dịch viết) có thể giúp tạo ra một môi trường học tập thúc đẩy cải thiện được bốn kỹ năng đọc, viết, nghe và nói trong thực hành ngoại ngữ. Với sự định hướng của giảng viên, người học có thể diễn giải được đúng và đủ nội dung từ diễn ngôn gốc sang diễn ngôn đích, đồng thời có thể tiến hành dịch ngược, qua đó tự rèn luyện để làm phong phú thêm vốn từ vựng và ngữ pháp. Nhờ đó, người học có thể sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác và phù hợp trong nhiều tình huống giao tiếp khác nhau. Tuy nhiên, hiện nay các cơ sở giáo dục ngoại ngữ nói chung, các ngành tiếng Hàn/Hàn Quốc học nói riêng tại Việt Nam vẫn quan niệm và triển khai hình thức phổ biến là xây dựng nội dung học phiên dịch và biên dịch thành các học phần/môn học độc lập. Các học phần này hầu hết được bố trí khi người học đang học đến trình độ trung cấp hoặc đã qua trung cấp, bước vào cao cấp.

Thứ hai, qua khảo sát tình hình giảng dạy tiếng Hàn tại các cơ sở đào tạo có ngành tiếng Hàn/Hàn Quốc học tại Việt Nam, có thể thấy rõ việc sử dụng tiếng Việt (tiếng mẹ đẻ của người học) trong giảng dạy của giảng viên người Việt Nam là thực tế rõ nét. Việc sử dụng song ngữ Hàn - Việt trong giảng dạy tiếng Hàn là điều khó tránh khỏi vì hầu hết giảng viên cơ hữu của các trường đều là người Việt Nam, phổ biến trong nhiều học phần từ thực hành tiếng, lí thuyết tiếng đến các môn học và văn hóa, lịch sử, kinh tế...

Thứ ba, xét từ quan điểm của người học, nếu hoạt động dịch được tích hợp và sử dụng như một công cụ hoặc một phương pháp trong giảng dạy ngoại ngữ thì sẽ giúp người học có được cách tiếp cận kiến thức sâu hơn về nội dung kiến thức mới. Người học được rèn luyện cách chuẩn bị trước kĩ lưỡng đối với các nội dung cả lí thuyết và thực hành của bài học, tăng mức độ nhận diện với chủ đề bài học, tạo tâm lí thoải mái hơn trong các giờ học và thảo luận.

Thứ tư, cùng với kĩ năng Nói và Viết, dịch chính là một trong những phương thức và công cụ được sử dụng để đánh giá kết quả học tập và đánh giá năng lực tiếng của người học ngoại ngữ. Điều này ngày càng được các cơ sở đào tạo nhận thức rõ qua việc bổ sung các nội dung học dịch trong chương trình đào tạo ngoại ngữ, bắt đầu quan tâm phát triển nguồn học liệu, giáo trình. Do đó, việc nghiên cứu tìm hiểu sự tác động có lợi giữa hoạt động dịch với hoạt động giao tiếp tiếng Hàn để từ đó tích hợp kĩ năng dịch vào các học phần nhằm hỗ trợ người học tiếng Hàn nâng cao khả năng diễn đạt, tích lũy kiến thức về cả hai ngôn ngữ là hoạt động có ý nghĩa trong bối cảnh hiện nay.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

#### *Tài liệu tiếng Việt*

- 1) Đoàn Mạnh Cường, Hoàng Thị Yến (2023). Kết hợp rèn kĩ năng Đọc và Viết trong dạy Đọc hiểu tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp (theo phương thức liên bậc nhận thức). Kí yếu HTQT KF Friends Networking Workshop 2023: Tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Hàn Quốc học và ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc theo các tiêu chuẩn đánh giá, đảm bảo chất lượng giáo dục của Bộ GD&ĐT. Quỹ Giao lưu quốc tế Hàn Quốc (KF), Hội nghiên cứu khoa học về Hàn Quốc tại Việt Nam (KRAV), Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng phối hợp tổ chức ngày 6-7/10/2023, tr.295-308

- 2) Hoàng Thị Thanh Giang (2020), Dạy học tích hợp trong môn Địa lí 9 ở trường trung học cơ sở, LATS, Đại học Sư phạm Hà Nội.
- 3) Trần Thị Huyền Trang (2018), Nghiên cứu hành động về việc sử dụng dịch ngữ pháp (Dictogloss) vào dạy kỹ năng nghe cho sinh viên không chuyên tiếng Anh tại ĐHQGHN, Kỷ yếu Hội thảo KHQG: Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam.

### Tài liệu tiếng Hàn

- 1) Tran Hai Duong (2022), 베트남 내 대학의 한국어 전공자를 위한 통·번역 교육과정 개발 연구, Nghiên cứu phát triển chương trình đào tạo Biên-phiên dịch dành cho sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn ở các trường Đại học của Việt Nam, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sangmyung, Hàn Quốc
- 2) Dang Thi Thuy Duong (2021), 베트남인 한국어 중급 학습자를 위한 전래동화를 활용한 한국어 읽기 교육 방안 연구, Nghiên cứu phương án giảng dạy môn Đọc tiếng Hàn có sử dụng chất liệu truyện cổ tích dành cho người học tiếng Hàn Việt Nam trình độ trung cấp, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Kyung In, Hàn Quốc, p48
- 3) Nguyen Thi Nguyet Minh (2007), <베트남 한국어 학습자를 위한 漢字語 敎育 방안 (하노이 국립 외국어대학교를 중심으로)>, Phương án giảng dạy chữ gốc Hán cho người Việt Nam học tiếng Hàn, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế kỉ niệm 10 năm thành lập khoa tiếng Hàn Quốc, Đại học ngoại ngữ, ĐHQGHN
- 4) Tran Thi Van (2023), 베트남 내 대학교 한국어 통번역 교재 개발 연구, Nghiên cứu phát triển giáo trình Biên- phiên dịch tiếng Hàn tại các trường Đại học của Việt Nam, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Honam, Hàn Quốc
- 5) Kang Ji Hye (2004), 통역의 이해, Tìm hiểu về phiên dịch, NXB Văn hóa Hàn Quốc, Seoul.
- 6) Kim Seo Yeong (2006), 읽기 후 번역 활동이 고등학생의 영어 독해력에 미치는 영향, Tác động của việc Dịch sau Đọc đến khả năng đọc hiểu tiếng Anh của học sinh cấp 3, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Pusan, Hàn Quốc.
- 7) Lee Kyung, Tran Thi Van (2022), 베트남 내 대학의 한국어 학습자를 위한 한-베 통번역 교재 개발 기초 연구: 대학 교원 대상 설문 및 인터뷰 결과를 중심으로, Nghiên cứu bước đầu về phát triển giáo trình Biên-phiên dịch dành cho người học tiếng Hàn tại các trường Đại học của Việt Nam - Dựa trên kết quả khảo sát và phỏng vấn giảng viên các trường đại học, Hội giao lưu văn hóa quốc tế Hàn Quốc, Tạp chí giao lưu văn hóa và giảng dạy đa văn hóa, Vol 11 No5
- 8) Lee Ju Yeong (2021), 번역쓰기와 직접쓰기를 통해 나타난 베트남인 학습자의 쓰기 연구: 설명문과 주장문을 중심으로, Nghiên cứu kỹ năng viết của người học tiếng Hàn Việt Nam qua hai hình thức Viết-dịch và Viết-trực tiếp trọng tâm vào dạng bài miêu tả và nghị luận, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Suk Myung, Hàn Quốc
- 9) Song Jae Ran, 2018, 한국어교육에서 언어-문화 통합 교육 모형 연구, Nghiên cứu mô hình giảng dạy tích hợp ngôn ngữ-văn hóa trong đào tạo tiếng Hàn Quốc, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Dongshin, Hàn Quốc
- 10) Ahn Mi Hyeon (2010), 외국어교육과 번역교육의 상관관계, Giảng dạy ngoại ngữ và mối tương quan với dạy dịch, Tiếng Đức như một ngoại ngữ số 27, Hiệp hội giảng dạy tiếng Đức của Hàn Quốc, pp. 39-61.
- 11) Jeong Ho Jeong (2011), 「영어구사력 교육도구로서의 통역·번역」, 한국통역번역학회 통역과 번역 제13권 2호, pp.187-201.
- 12) Jeong Yun Hui (2022), 한-베 통번역 학습자를 위한 한국문화 이해도 평가 방안 연구: 문화감지도구 활용을 중심으로, Nghiên cứu phương án đánh giá mức độ hiểu biết văn hóa dành cho người học Biên-phiên dịch Hàn-Việt - trọng tâm vào việc sử dụng công cụ nhận diện văn hóa, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học ngoại ngữ Pusan, Hàn Quốc.
- 13) Jo Yun Kyeong(2010), 교사의 학습자 모국어 사용에 따른 교실 상호작용 관찰 연구, Nghiên cứu quan sát tương tác trên lớp của giảng viên về việc sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ của người học, Tạp chí ngôn ngữ học số 16, Hiệp hội ngôn ngữ học Jungwon Hàn Quốc, pp. 269-288.
- 14) Hong Jong Myung (2022), 해외 한국어 학습자 대상 한국어 통번역 교육과정 개발 기초연구 - 베트남과 미얀마를 중심으로, Nghiên

cứu bước đầu về xây dựng chương trình đào tạo Biên-phiên dịch tiếng Hàn dành cho đối tượng người học tiếng Hàn ở nước ngoài - trọng tâm là Việt Nam và Myanmar, Học hội Hàn-Á, Tạp chí nghiên cứu châu Á, Vol 25, pp.4

#### **Từ điển**

- 1) Từ điển tiếng Việt, Hoàng Phê chủ biên, NXB Đà Nẵng, 2007
- 2) Từ điển Oxford Advanced Learner's, NXB Đại học Oxford (Tái bản lần thứ 10), 2022
- 3) Từ điển giáo dục học, Bùi Hiền, Vũ Văn Tào, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh, NXB Từ điển Bách Khoa, Hà Nội, 2013

#### **Abstract**

*The study of interpreting and translation skills is crucial in foreign language education in general, specifically in Korean language education. This skill is essential to meet the learning outcomes in*

*language education, so it is often developed as an independent subject in the curriculum, typically targeting learners at the intermediate level and above. However, in this article, we propose viewing interpreting and translation activity as a teaching and learning tool, serving as a complementary role to enhance the quality of teaching and communication skills of Vietnamese students majoring in Korean language. Based on this, this article conducts a survey of both teachers and students to clarify the relationship between translation activities and practical language teaching activities, aiming to understand the role and effectiveness of this integrated approach.*

**Keywords:** Korean, translate, intergrated, foreign language education, learning tool

## PHÂN TÍCH LỖI DỊCH SỐ TRONG PHIÊN DỊCH VIỆT - HÀN

Bá Thị Nga\*

**Tóm tắt**

*Dịch số là một trong những nội dung khá khó trong phiên dịch các ngôn ngữ nói chung, tiếng Hàn nói riêng. Bài nghiên cứu tập trung vào phân tích lỗi dịch số trong phiên dịch tiếng Hàn, qua ngữ liệu là các bài ghi âm bài phiên dịch cuối học phần “Dịch chuyên đề kinh tế - thương mại”, hiện đang được triển khai tại Khoa Tiếng Hàn Quốc - Trường Đại học Hà Nội. Bài nghiên cứu đưa ra các lỗi sai trong dịch số, từ đó đưa ra một số đề xuất trong giảng dạy phiên dịch tiếng Hàn giúp cải thiện khả năng dịch số đối với người học.*

**Từ khóa:** Lỗi dịch số, phiên dịch tiếng Hàn, giảng dạy phiên dịch

**1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Đổi vào các loại hình phiên dịch nào (phiên dịch tuần tự hay phiên dịch song song) hay chiều phiên dịch ngôn ngữ (Hàn - Việt hay Việt - Hàn), mức độ chính xác và trung thực của ngữ nguồn gốc được truyền tải là một yếu tố quan trọng trong việc đánh giá bản dịch hay nội dung phiên dịch. Ngoài những diễn đạt trong nội dung phiên dịch còn có những yếu tố như cách dịch chữ Hán, danh từ riêng, từ ngoại lai v.v... thì dịch số còn là một nội dung khá quan trọng trong phiên dịch. Thông thường, đối với biên phiên dịch không nhất thiết phải có một phương án dịch, và tiêu chí để đánh giá bản dịch nào tốt hơn bản dịch nào cũng khá đa dạng, thì dịch số mang một “màu sắc” khác khi gần như chỉ có một phương án dịch chính xác cho số, và việc đánh giá dịch số đúng hay sai cũng khá rõ ràng. Hầu hết người dịch nói chung, người học dịch nói riêng khá căng thẳng khi phải dịch số. Lý do lớn nhất khiến người dịch ngại và sợ dịch số là do khi dịch số sẽ không có chuyện “đoán” mà phải nghe và dịch được chính xác con số đó. Một lý do nữa khiến người phiên dịch gặp khó khăn trong việc phiên dịch số đó là người dịch phải có “sức bật” tốt đối với con số. Khác với biên dịch có nhiều thời gian để trau chuốt, chuyển đổi hoặc sửa sai nếu cần thiết khi biên dịch số, phiên dịch đòi hỏi người dịch phải làm tất cả các công việc trên thật nhuần nhuyễn và nhanh chóng để có thể dịch được ngay sau khi nghe văn bản gốc. Mặc dù dịch số cũng có nhiều cấp độ khó khác nhau, từ mức độ dễ như số

---

\* Thạc sĩ, Trường Đại học Hà Nội; Email: nga39hq87@gmail.com

lượng nhỏ “1, 2, 3, 4” đến ngày tháng đơn giản, đến mức độ khó hơn gồm các số lớn như đơn vị “nghìn hay trăm, triệu, tỷ” hoặc các loại đơn vị mà không tương đương giữa các ngôn ngữ với nhau, ví dụ như tiếng Việt không dùng đơn vị “vạn” v.v... Tuy nhiên, với người học dịch chưa được luyện tập dịch thực tế nhiều thì dịch số ở mức độ nào cũng là thử thách lớn. Với những lý do như vậy, người viết tập trung phân tích một số lỗi dịch số của sinh viên trong phiên dịch tiếng Hàn, trong đó tập trung vào lỗi phiên dịch của sinh viên Dịch chủ đề kinh tế - thương mại. Bài viết đưa ra các lỗi dịch cơ bản liên quan đến dịch số, tần số xuất hiện lỗi sai và đề xuất cách giải quyết để áp dụng trong giảng dạy phiên dịch, đặc biệt là dạy các học phần phiên dịch có nhiều dữ liệu về số được tốt hơn.

## 2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Lịch sử nghiên cứu về riêng lỗi dịch số chưa nhiều, chủ yếu tập trung vào các nghiên cứu phân tích lỗi biên phiên dịch nói chung. Nghiên cứu khảo sát lỗi dịch, tác giả Kim Jin Ah (2003) cho rằng trong các nguyên nhân dẫn đến lỗi dịch có nguyên nhân “Lỗi do áp dụng ngôn ngữ nguồn một cách máy móc mà không xem xét đến đặc điểm của ngôn ngữ đích”. Điều này có tương ứng với lỗi dịch số khi người dịch không xem xét đến sự khác biệt về đơn vị của số mà dịch máy móc dẫn đến lỗi sai. Trong các nguyên nhân dẫn đến lỗi dịch, tác giả Tak Jeong Suk (2006) đề cập đến tầm quan trọng của kỹ năng note taking, nghiên cứu chỉ ra tầm quan trọng và các khó khăn của note taking đối với việc ghi chép Hán tự, danh từ riêng, dùng dấu ngoặc hoặc các loại ký hiệu đối với các câu có cấu trúc dài v.v.... Về mục đích và tầm quan trọng của phân tích lỗi dịch, tác giả Shin Bong Soo (1994) cho rằng, phân tích lỗi dịch giúp đo lường khả năng tiếng thực tế của người học,

tìm ra vấn đề của người học theo từng cấp độ và kết quả phân tích lỗi dịch của người học sẽ là tài liệu quan trọng trong việc xây dựng kế hoạch bài giảng, phát triển giáo trình v.v... Đối với dịch kinh tế, thương mại, business, do tính chất về truyền đạt thông tin nhiều, nên bản dịch truyền đạt “đúng” được đánh giá cao hơn bản dịch “hay” (Kwon Hyung Tae, 1999). Tác giả cũng đề cập đến tầm quan trọng của dịch số trong biên phiên dịch business, cũng như tầm quan trọng của các kiến thức nền tảng liên quan để có thể dịch chính xác nội dung ngữ nguồn sang ngữ đích giúp người nghe hiểu chính xác nội dung.

Đối với dịch số, tác giả Kim Han Sik (2002) đã thực hiện khảo sát đối với cả học viên cao học và suy nghĩ của người dạy về sự khó khăn của người học khi biên dịch tuần tự và biên dịch song song, kết quả là tất cả học viên cao học gặp áp lực về dịch số lớn hơn nhiều so suy nghĩ của người dạy, trả lời gặp khó khăn lớn (hầu hết là khó nhất hoặc khó thứ 2 trong số các yếu tố được nghiên cứu như: danh từ riêng, Hán tự, từ ngoại lai, số). 金漢植 (2016) đã nghiên cứu về lỗi sai trong dịch số Hàn - Nhật với đối tượng người học dịch tuần tự và dịch song song, kết quả cho thấy xuất hiện nhiều lỗi dịch số trong dịch song song hơn so với dịch tuần tự, và các nguyên nhân dẫn đến lỗi dịch số không chỉ ở những “con số” đó mà cả những lý do khác như “hàm lượng thông tin của cả câu dịch có chứa con số đó”, “số lượng con số xuất hiện trong một câu / đoạn ngữ nguồn”, “tâm lý người dịch” v.v... Tác giả cũng chỉ ra những lỗi dịch số thường xuyên xuất hiện do những nguyên nhân như số có cách phát âm na ná giống nhau trong tiếng Hàn (VD: số 1 và số 2), hiện tượng bị dịch ngược số (xy thành yx), dịch sai đơn vị v.v... Tác giả Kwon Hyung Tae (1999) chủ

trương rằng “người dịch thường bị căng thẳng khi dịch số” và “khi dịch sai số thì không có biện minh nào cho lỗi này”. Cho đến nay, gần như chưa có bài nghiên cứu cụ thể nào về lỗi dịch số Việt - Hàn.

### 3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài nghiên cứu được triển khai nhằm phân tích một số lỗi dịch số của người học qua ngữ liệu phân tích là hơn 503 bài thi phiên dịch kết thúc học phần của sinh viên năm 4 Khoa Tiếng Hàn Quốc - Trường Đại học Hà Nội. Đối tượng nghiên cứu là các lỗi dịch của người học khi dịch Việt - Hàn và Hàn - Việt. Tất cả hình thức dịch đều là phiên dịch tuần tự.

Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu và phương pháp thống kê. Bài viết đưa ra lại các định nghĩa và các tiêu chuẩn đánh giá bản dịch, cụ thể là bản dịch chuyên đề Kinh tế - thương mại, một số các kết quả và nội dung nghiên cứu về lỗi dịch số ở các ngôn ngữ khác (Hàn - Trung, Hàn - Nhật) v.v...qua nghiên cứu tài liệu. Phần phân tích lỗi sai dịch số, người viết liệt kê tỷ lệ các loại lỗi sai bằng phương pháp thống kê, sau đó phân tích các lỗi đó dựa trên đặc trưng ngôn ngữ, các bối cảnh về nội dung văn bản dịch, tâm lý người dịch v.v... dẫn đến các lỗi sai đó. Về ngữ liệu phân tích, học phần “Dịch chuyên đề kinh tế - thương mại”<sup>1</sup> của Khoa Tiếng Hàn - Trường Đại học Hà Nội được giảng dạy cho sinh viên hệ chính quy, hệ chất lượng cao (hệ chất lượng cao bắt đầu từ H19) và hệ vừa

học vừa làm<sup>2</sup> chủ yếu ở những học kỳ cuối cùng của cả chương trình đào tạo, tức là khoảng kỳ 7 hoặc kỳ 8. Đây là học phần 2 tín chỉ, được áp dụng giảng dạy từ năm 2021, đến nay đã giảng dạy được 4 năm. Do tính chất là một học phần dịch “chuyên đề”, tức là khá nâng cao và chuyên sâu nên nội dung có phần khó đối với người học. Ngoài lý do về kiến thức chuyên ngành và nội dung chuyên sâu, dịch số liệu cũng là một rào cản lớn với người học. Hơn nữa, ngữ liệu là bài thu âm thi kết thúc học phần, tức là khi người học cũng khá áp lực với thi cử và điểm số nên cũng ảnh hưởng đến khả năng dịch.

Về định nghĩa “lỗi dịch” trong bài nghiên cứu, tất cả những kết quả dịch không đúng với đáp án đều được xem là “lỗi dịch”. Ví dụ: “9,1%” bị dịch thành “9%” hoặc “9,2%” hay “19,4%” bị dịch ngược thành “14,9%” hoặc “khoảng 19%”, hoặc “46,8 triệu đô” bị dịch sai đơn vị thành “46,8 triệu (thiếu đơn vị đô)” v.v.. Ngoài ra, tất cả các bài dịch bỏ qua, không dịch đủ liệu về số cũng bị tính là lỗi dịch.

### 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 4.1 Các lỗi dịch số hay xuất hiện

Bài viết tập trung phân tích các lỗi sai về số qua 4 bài thi cuối kỳ năm 2021, 2022, 2023, 2024 của sinh viên chính quy khóa H17, H18, H19, H20 với tổng mẫu là 503 bài thi, tổng 49 con số xuất hiện. Cụ thể, số file ghi âm bài thi cuối kỳ kỹ năng phiên dịch (Nghe - Dịch) học phần “Dịch Kinh tế - Thương mại” của các khóa như sau:

<sup>1</sup> Trước đây, học phần này có tên là “Biên phiên dịch chuyên đề Kinh tế - Thương mại”, từ năm 2022, học phần đổi tên thành “Dịch chuyên đề Kinh tế - thương mại”.

<sup>2</sup> Bài nghiên cứu chỉ lấy đối tượng nghiên cứu là sinh viên hệ chính quy: bao gồm hệ chuẩn và hệ chất lượng cao, không bao gồm hệ vừa làm vừa học.

**Bảng 1: Số file ghi âm bài thi cuối kỳ theo từng khóa<sup>3</sup>**

| STT  | Khóa | Năm học   | Số file ghi âm |
|------|------|-----------|----------------|
| 1    | H17  | 2020-2021 | 160            |
| 2    | H18  | 2021-2022 | 104            |
| 3    | H19  | 2022-2023 | 128            |
| 4    | H19C |           | 42             |
| 5    | H20  | 2023-2024 | 69             |
| Tổng |      |           | 503            |

Trình độ của sinh viên khi thực hiện bài thi cuối kỳ này là sinh viên đã học đến kỳ 7 hoặc kỳ 8, học phần “Dịch chuyên đề kinh tế - thương mại” là môn tự chọn thứ 3 của sinh viên và sinh viên đã học gần xong các học phần dịch. Ở phần này, người viết tổng hợp các lỗi của sinh viên, sau đó đưa ra một vài phân tích nguyên nhân làm tiền đề để đưa ra một số đề xuất tổng hợp về phương pháp giảng dạy để khắc phục lỗi những lỗi dịch này ở phần sau. Các lỗi dịch được thống kê và phân tích như sau:

#### **4.1.1 Dịch nhầm các số có cách phát âm gần giống nhau như “1”, “2” và “3”, “4”**

Do phát âm trong tiếng Hàn của số Hán Hàn 1 và 2 (일 và 이), 3 và 4 (삼 và 사) dễ nhầm với nhau nên khi dịch nếu người nghe không nghe kỹ hoặc không ghi chép kỹ thì rất dễ dịch sai. Trong bài thi có một số số liệu có số ‘1’, ‘2’ và ‘3’, ‘4’ và thống kê lỗi sai như trong bảng sau:

**Bảng 2: Thống kê lỗi dịch số có chứa những số phát âm gần giống nhau**

| STT | Số xuất hiện trong văn bản | Tổng file dịch | Số dịch sai | Tỷ lệ dịch sai (%) | STT | Số xuất hiện trong văn bản | Tổng file dịch | Số dịch sai | Tỷ lệ dịch sai (%) |
|-----|----------------------------|----------------|-------------|--------------------|-----|----------------------------|----------------|-------------|--------------------|
| 1   | 32.1%                      | 160            | 113         | 70,6               | 17  | 46,8 triệu USD*            | 160            | 132         | 82,5               |
| 2   | 10개월*                      | 264            | 172         | 65                 | 18  | 4068 dự án*                | 160            | 103         | 64,3               |
| 3   | 2100건                      | 264            | 155         | 58,7%              | 19  | 63,7 tỷ USD*               | 160            | 72          | 41,8               |
| 4   | 9.1%                       | 264            | 109         | 41,3               | 20  | 370 dự án*                 | 197            | 102         | 27,6               |
| 5   | 19.4%                      | 264            | 109         | 41,3               | 21  | năm 2022                   | 269            | 45          | 16,7               |
| 6   | 2020년                      | 264            | 89          | 33,7               | 22  | năm 2020                   | 264            | 43          | 16,3               |
| 7   | 2014년                      | 264            | 28          | 10,6%              | 23  | 10 ngày                    | 42             | 5           | 11,9               |
| 8   | 63개                        | 197            | 54          | 27,4               | 24  | tháng 12                   | 264            | 30          | 11,3               |
| 9   | 2022년                      | 197            | 44          | 22,3               | 25  | 14 ngày                    | 104            | 11          | 10,6               |
| 10  | 2위                         | 42             | 4           | 9,5                | 26  | 7592 dự án*                | 160            | 16          | 10                 |
| 11  | 4년                         | 160            | 4           | 2,5                | 27  | 11 tháng                   | 197            | 17          | 8,6                |
| 12  | 2016년                      | 264            | 4           | 1,5                | 28  | Tháng 2                    | 264            | 19          | 7,2                |
| 13  | 20%                        | 306            | 4           | 1,3                | 29  | Ngày 10                    | 42             | 3           | 7,1                |
| 14  | 2년                         | 160            | 0           | 0                  | 30  | 2 năm, 4 năm               | 160            | 0           | 0                  |
| 15  | 10%, 17%                   | 264            | 0           | 0                  | 31  | 20%                        | 42             | 0           | 0                  |
| 16  | 100%                       | 160            | 0           | 0                  |     |                            |                |             |                    |

**\* Các lỗi dịch số do các nguyên nhân khác hơn là do cách phát âm gần giống nhau.**

<sup>3</sup> Từ H19, khoa tiếng Hàn Quốc – Trường Đại học Hà Nội có thêm hệ Chất lượng cao (H19C, H20C...). Thời điểm tiến hành nghiên cứu H20C chưa thi cuối kỳ nên không có dữ liệu

Theo thống kê ở <Bảng 1>, các lỗi dịch số có tỷ lệ sai nằm ở những số có chứa số “1, 2” khá nhiều. Tuy nhiên, cũng theo bảng trên, không phải cứ chứa số “1, 2” là người học bị sai, mà do kết hợp cả các yếu tố khác. Ví dụ, “2 년 (2 năm)”, “10%”, “17%”, “100%” không ghi nhận lỗi sai nào. Điều này được lý giải do các số này nằm ở vị trí đầu tiên thứ tự các chữ số trong dữ liệu đó, nên 10% (십 퍼센트) không bị nhầm lẫn sang 20% (이십 퍼센트). Tuy nhiên, khi các số có cách phát âm gần giống nhau ở vị trí thứ hai, hoặc thứ 3, lại kết hợp thêm với công thức nhị phân, khiến cho người nghe dễ nhầm lẫn. Con số bị dịch sai nhiều nhất là “32,1 %”, có tỷ lệ dịch sai lên đến 70,6%, và trong các phương án dịch sai thì phương án dịch từ “32,1%” thành “31,1%” chiếm đến hơn một nửa, ngoài ra là các lỗi dịch khác như dịch sai thành 41,1%, 23,1%, bỏ không dịch v.v... Tương tự, số “9,1%” cũng bị dịch sai nhiều (109/264, chiếm 41,3%) với cùng lý do là do số 1 nằm ở vị trí thứ hai, và là số nhị phân khiến người học dịch nhầm sang nhiều nhất là phương án 9,2%, ngoài ra là các phương án dịch sai 9%, 6,1% và bỏ không dịch v.v... Ngoài ra, số “2100 건” (2100 dự án) bị dịch sai sang 1200, 100, 7000, giảm 200, bỏ không dịch v.v... do phát âm na ná giữa “1” và “2”. “2020년” (năm 2020) bị dịch sang năm 2012, 2017, 2011, 2016, bỏ không dịch v.v... hoặc “2022년” (năm 2022) bị dịch sang năm 2020, 2011, 2021, 2012 v.v... khá nhiều cũng vì lý do này. Khi thống kê số lỗi sai, tỷ lệ dịch sai khá nhiều về ngày tháng ở người học năm thứ 4 là kết quả khá bất ngờ. Khi khảo sát ngắn với người học sau mỗi lần thi, hầu hết người học đều trả lời do câu có nhiều số, khi xuất hiện liên tiếp người dịch không kịp ghi chép, hoặc bị mất tập trung, căng thẳng tâm lý dẫn đến việc dịch số sai, đặc biệt các số xuất hiện phía sau sai nhiều hơn.

- Câu dịch trong bài (1): ...전년 동기 대비 32.1% 에 해당하고, 투자가치는 9.1% 감소했습니다

⇒ Dịch: ... bằng 32,1% so với năm ngoái và giá trị đầu tư giảm 9,1%.

- Câu dịch trong bài (2): 2020년 10개월동안...을 10개월간 총 2100건

⇒ Dịch: trong 10 tháng đầu năm 2020.... Có 2100 dự án... trong 10 tháng năm nay.

Ở chiều ngược lại (dịch Việt - Hàn) cũng ghi nhận những lỗi tương tự, “năm 2020” (2020년) bị dịch thành năm 2012, 2010, 2011 v.v..., “năm 2022” (2022년) bị dịch thành năm 2021년, 2012년, 2011년 v.v.. nhưng tỷ lệ sai ít hơn. Nguyên nhân là do khi dịch Việt - Hàn, người nghe nếu đã nghe được tiếng Việt hầu hết dịch sai do phát âm, do ghi chép không đầy đủ, còn khi dịch Hàn - Việt, tỷ lệ người học nghe chính xác được các âm phát âm na ná nhau ít hơn, dẫn đến tỷ lệ sai nhiều hơn. Tương tự ở các lỗi dịch ngày tháng khác như: tháng 12, tháng 2, 10 ngày, 11 tháng.

- Câu dịch trong bài (3):...tính đến tháng 12 năm 2020...

⇒ Dịch: 2020년 12월 기준으로...

- Câu dịch trong bài (4): Trong 11 tháng đầu năm 2022

⇒ Dịch: 2022년 11개월간...

- Câu dịch trong bài (5): ....trước ngày 10/2/2022

⇒ 2022년 2월 10일 이전에

Tương tự như trường hợp của “1, 2”, các lỗi dịch số ở các dữ liệu chứa số “3”, “4” cũng xuất hiện khá nhiều. Số liệu “19,4%” bị dịch nhầm thành 19, 3%, 19%, hơn 19%, 19,8% khá nhiều (chiếm đến 41,1%). Dữ liệu “năm 2014” bị dịch sai sang năm 2013 có ghi nhận 28 trường hợp, chiếm khoảng 10,6%. Tuy nhiên, trường hợp của dữ liệu “베트남 지역63개” (63 tỉnh thành Việt Nam) cũng ghi nhận lỗi dịch là

27,4% nhưng hầu hết là hiểu sai hoàn toàn sang ý khác dẫn đến dịch sai - dịch thành 63 dự án, 64 dự án, 60 tỉnh, bỏ không dịch chữ không ghi nhận trường hợp nào dịch thành 64 tỉnh thành. Điều này được lý giải là do người học đã có nền tảng kiến thức cơ bản về số tỉnh thành của Việt Nam là 63, nên nếu không nghe được chính xác thì người học có thể căn cứ vào một số từ nghe được, kết hợp thêm nền tảng kiến thức giúp đưa ra phương án dịch chính xác được.

- Câu dịch trong bài (6): ...전년 동기 대비 19.4% 감소한 금액이라고 밝혔습니다.

⇒ Dịch: ... đã giảm 19,4% so với cùng kỳ năm ngoái

- Câu dịch trong bài (7): 베트남 지역 63개 중에서 59개 지역

⇒ Dịch: 59 trên 63 tỉnh thành của Việt Nam

Trong bảng trên có các dữ liệu “10개월” (10 tháng), 63,7 tỷ USD (637억 달러), “46,8 triệu USD” (4천6백 8십만 달러), 370 dự án (370건), 7592 dự án (7592건) có tỷ lệ lỗi dịch lớn, có chứa các số phát âm gần giống nhau, nhưng khi thống kê lỗi thì

những dữ liệu này bị dịch sai vì các lý do khác nhiều hơn. Ví dụ, “10개월” (10 tháng), được xuất hiện 2 lần trong ngữ nguồn, thì hơn 76% (200 lần) trong số đó là lỗi không dịch, lỗi này sẽ được phân tích ở bên dưới khi có yếu tố gây nhiễu (phân tích kỹ hơn ở 4.1.4). Dữ liệu “46,8 triệu USD” và “4068 dự án” có số lượt dịch sai nhiều nhất, nhưng chủ yếu là do lỗi không dịch (chiếm lần lượt 64,3% và 58,8% trong các lỗi dịch)<sup>4</sup> (phân tích kỹ hơn ở 4.1.4).

#### 4.1.2 Lỗi dịch sai các số có giá trị lớn

Người dịch thường cảm thấy căng thẳng khi dịch các số có giá trị lớn. Một trong các lý do lớn là do số hàng “vạn” trong đơn vị tiếng Hàn không được sử dụng trong tiếng Việt, thay vào đó là hàng “10 nghìn” nên không tránh khỏi người dịch bối rối và dịch sai với những đơn vị này. Sự chệnh lênh khi quy đổi hàng từ vạn trở lên như “vạn”, “trăm nghìn”, “triệu” “tỷ”. rất phức tạp, dễ gây nhầm lẫn. Nếu người học không có sự chuẩn bị kỹ càng trước lúc thi hay khi tác nghiệp thực tế thì rất có thể bị dịch sai.

**Bảng 3: Thống kê lỗi dịch số các số có giá trị lớn**

| STT | Số xuất hiện trong văn bản | Tổng file dịch | Số dịch sai | Tỷ lệ dịch sai (%) |
|-----|----------------------------|----------------|-------------|--------------------|
| 1   | 46,8 triệu USD             | 146            | 75          | 51,4               |
| 2   | 63,7 tỷ                    | 160            | 72          | 41,8               |
| 3   | 77억달러                      | 197            | 66          | 33,5               |
| 4   | 80 tỷ USD                  | 197            | 62          | 31,5               |
| 5   | 4 tỷ USD                   | 197            | 62          | 31,5               |
| 6   | 700,000 lao động           | 42             | 12          | 26,2               |

<sup>4</sup> Số liệu chi tiết tham khảo ở <Bảng 3>, phần 4.1.4

Thống kê trong <Bảng 2> cho thấy, tỷ lệ dịch sai các số lớn khá cao. Các nguyên nhân hầu hết đều do người học không nắm chắc sự chênh lệch giữa đơn vị số giữa tiếng Việt và tiếng Hàn. Ví dụ, số liệu “46,8 USD” đã được phân tích ở bên trên nhưng tỷ lệ dịch lỗi chủ yếu đến từ lỗi bỏ dịch. Vì vậy, người viết đã người viết đã chỉnh sửa và rút ngắn câu dịch ở lần thi sau để đo lường chính xác hơn thì kết quả vẫn ghi nhận số lượt dịch sai khá lớn (75/146, tương đương 51,4%). Các phương án dịch lỗi gồm có: 4천68만, 4백8십천, 46천8, 4백6십8억, 4천만달러 이상, 46,8%, 4천6백8십백만....Thực tế cho thấy từ 10 triệu trở lên người học rất dễ dịch sai số. Ngoài ra, các câu dịch liên quan đến “tỷ” cũng ghi nhận nhiều lỗi dịch số. Trong tiếng Hàn, đơn vị “1억” (1 ức)<sup>5</sup> tương đương với 100 triệu trong tiếng Việt. Vì vậy, 77억 (77 ức) phải được chính xác là 7,7 tỷ, hoặc 7 tỷ 700 triệu. 66/197 (khoảng 33,5%) phương án dịch sai như <Bảng 2> nêu trên chủ yếu là dịch thành phương án 77 tỷ, 77 triệu, hơn 70 tỷ, 7,6 tỷ, lỗi không dịch hoặc những trường hợp đáng tiếc dịch đúng số nhưng sai đơn vị tiền tệ (7,7 tỷ đồng- trong bài là 7,7 tỷ đô). Chiều dịch Việt - Hàn cũng ghi nhận những trường hợp tương tự. Ví dụ, 80 tỷ USD cần dịch chính xác thành 800억 (800 ức), tuy nhiên các phương án dịch lỗi sai số thường là: 80억 (8 tỷ), 8000억 (800 tỷ), 50억 (5 tỷ) .... Lỗi tương tự xảy ra với “4 tỷ”. Với trường hợp của “63,7 tỷ”, các lỗi cũng tương tự nhưng ghi nhận nhiều lỗi dịch hơn do có kết hợp thêm số nhị phân. Dữ liệu “700 nghìn lao động” cũng bị dịch sai nhiều, các phương án sai thường là: 7 triệu, 700, 7 nghìn v.v...

- Câu trong bài thi dịch (9): Tổng vốn đăng ký là 63,7 tỷ USD

<sup>5</sup> “ức” là lớp bội số đo lường lớn thứ hai (sau vạn) của Trung Quốc, được dùng là đơn vị tính toán ngày xưa của Việt Nam, tuy nhiên hiện nay Việt Nam gần như không dùng đơn vị này.

⇒ Dịch: . 총 등록자본은 637억불입니다

- Câu trong bài thi dịch (10): Tổng vốn đầu tư đăng ký là 46,8 triệu USD

⇒ Dịch: 총 등록자본은

4천6백8십만달러입니다.

- Câu trong bài thi dịch (11): 베트남의 FDI 집행액은 77억달러로...

⇒ Dịch: Vốn giải ngân FDI của Việt Nam là 7,7 tỷ USD...

- Câu trong bài thi dịch (12): ...tổng số vốn đầu tư hơn 4 tỷ USD

⇒ Dịch: 총 투자자본은 40억달러로...

- Câu trong bài thi dịch (13): ... tạo việc làm cho trên 700,000 lao động

⇒ Dịch: ...70만 이상의 일자리를 창출하여...

#### 4.1.3 Lỗi dịch số từ Hàn Hàn và thuần Hàn

Lỗi này không xuất hiện nhiều với người học năm thứ 4 sắp ra trường, tuy nhiên vẫn thỉnh thoảng xuất hiện ở những người học không chắc. Ví dụ, các lỗi dịch thường thấy của “7 ngày” là “일곱일” hoặc “일곱날”. Giải thích cho lỗi dịch này là vì để dịch đúng dữ liệu “7 ngày” thì người dịch sẽ cần phải xác định xem mình sẽ dùng danh từ đơn vị gì phía sau. Rõ ràng nếu dùng ‘ngày’ là danh từ Hán Hàn “일” thì phải dùng số từ Hán Hàn ở phía trước là “칠”. Trong khoảng thời gian ngắn cần sức bật nhanh, người dịch có thể tự duy rằng “7 ngày” là “đếm số ngày” thì phải dùng số thuần Hàn, tuy nhiên ‘ngày’ lại là một danh từ đơn vị khá đặc biệt khi 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày... đều được dùng danh từ riêng như 하루, 이틀, 사흘... Vì vậy để dịch cụm từ “7 ngày” thì người dịch sẽ phải vận dụng kiến thức đã học để dịch chính xác là “일흔” hoặc đơn giản hơn là “칠일”. Tương tự “10 ngày” ghi nhận một số lỗi dịch là “열일” hoặc “열날”. Hoặc “11 tháng” bị dịch sang “열한 개월”...

- Câu dịch trong bài thi (8): ... trong vòng 7 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng

⇒ Dịch: 계약 체결 후 칠일 이내로...

- Câu dịch trong bài thi (9): ... trong vòng 10 ngày kể từ ngày chúng tôi nhận được hàng hóa  
⇒ Dịch: 물품을 받은 후 10일 이내로...
- Câu dịch trong bài thi (10): Trong 11 tháng đầu năm 2022...  
⇒ Dịch: 2022년 (첫) 11개월 간...

#### 4.1.4. Một số lỗi dịch khác về số

##### a) Lỗi không dịch số

Trong bài nghiên cứu này, không dịch

dữ liệu nào đó xuất hiện trong bài cũng bị coi là lỗi dịch số. Lý do của việc không dịch thường là không nghe được chính xác nên không dịch, hoặc do xử lý các thông tin trước đó mất thời gian quá nên không kịp dịch, hoặc các số liệu xuất hiện liên tục khiến người dịch không ghi chép kịp để dịch v.v.. Bài nghiên cứu thống kê một số dữ liệu bị bỏ không dịch nhiều để phân tích các lỗi đó.

**Bảng 4: Thống kê lỗi không dịch**

| STT | Số xuất hiện trong văn bản | Tổng file dịch | Số bài không dịch số | Tỷ lệ lỗi không dịch số (%) |
|-----|----------------------------|----------------|----------------------|-----------------------------|
| 1   | 46,8 triệu USD             | 160            | 103                  | 64,4                        |
| 2   | 4068 dự án                 | 160            | 94                   | 58,8                        |
| 3   | 10 개월                      | 264            | 140                  | 53                          |
| 4   | 2100 건                     | 264            | 93                   | 35,2                        |
| 5   | 7.8%                       | 197            | 64                   | 32,5                        |
| 6   | 4 tỷ USD                   | 197            | 54                   | 27,4                        |

Hai dữ liệu “46,8 triệu USD” và “4068 dự án” bị bỏ lỡ không dịch với tỷ lệ cao nhất, do đoạn dịch khá dài, hàm lượng thông tin lớn, nhiều thuật ngữ xuất hiện, nhiều dữ liệu số xuất hiện liên nhau trong câu dịch khiến nhiều người học không kịp dịch. Tương tự, dữ liệu “2100건” (2100 dự cũng là dữ liệu số có tỷ lệ dịch lỗi khá nhiều (58,7% - bảng 1), trong đó có đến 35,2% người dịch chọn “bỏ dịch” với các lý do tương tự như: không nghe rõ, nhiều dữ liệu xuất hiện liên tục v.v... Số “4 tỷ USD” cũng không phải là số quá khó, nhưng cũng bị bỏ không dịch khá nhiều (27,4% / tổng lỗi dịch là 31,5%).

- Câu dịch trong bài (11): Tính về FDI của Hàn Quốc tại Việt Nam theo lĩnh vực, công nghiệp chế biến, chế tạo đứng đầu với 4068 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký là 46,8 triệu USD.  
⇒ Dịch: 분야별로 베트남 내 한국 FDI에 대해서는 제조 가공업은 4,068건의

프로젝트로 1위를 차지하며, 총 투자등록액은 4,680만 달러입니다.

- Câu dịch trong bài (12): và số dự án đầu tư với gần 9500 dự án và hơn 80 tỷ USD. Trong 11 tháng đầu năm 2022, ....với hơn 370 dự án, tổng số vốn đầu tư hơn 4 tỷ USD.

⇒ Dịch: ...9500건의 사업과

800억달러로...2022년 11개월간, 370건의 사업과 40억달러 이상의 총 투자자본으로...

- b) Dịch sai hoàn toàn sang dữ liệu khác

Không thiếu những tình huống người dịch không nghe được dữ liệu số, không kịp ghi chép nên dịch sai hoàn toàn dữ liệu, không liên quan gì đến dữ liệu số của văn bản gốc. Ví dụ “giảm 19,4%” thì bị dịch lỗi sang “giảm 14 tỷ đô la Mỹ” hoặc “tăng 19 triệu đô la Mỹ” v.v... Hoặc cụm “올10개월” (10 tháng năm nay) có từ “gây nhiễu” cho người dịch là từ “올” với nghĩa là “năm nay”, nhưng từ này được phát âm khá

giống với từ “오” là “số 5” nên nhiều người dịch bị dịch sai dữ liệu này. Các lỗi dịch sai có thể là “trong vòng 5 tháng” hoặc “trong vòng 5 năm” hoặc “10 tháng 5 ngày” hoặc “5 năm” v.v....

Những lỗi dịch sai hoàn toàn sang dữ liệu khác hoàn toàn không liên quan thường xuất hiện ở phần dịch Hàn - Việt, ít thấy xuất hiện ở phần dịch Việt - Hàn. Lỗi này xảy ra do một số lý do như tâm lý căng thẳng khiến người nghe hoàn toàn không nghe được số, do quá tập trung vào nội dung bao gồm cả những từ mới chưa được nghe bao giờ khiến người nghe không tập trung được vào số liệu, do đơn vị lớn nên chưa kịp định hình để có thể dịch chính xác số liệu v.v....

#### 4.2 Một số đề xuất cho việc dạy dịch số

Thực tế giảng dạy ở học phần “Dịch chuyên đề kinh tế - thương mại” cho thấy, người học năm thứ tư có tâm lý khá ‘ngại’ dịch số. Các lý do đã được tổng kết ở mục 4.2 bên trên, bao gồm kỹ năng nghe số kém, tâm lý, kỹ năng ghi chép v.v... Để cải thiện kỹ năng dịch số, người viết đưa ra một vài đề xuất như sau:

- Hệ thống lại những lỗi sai thường gặp của người dịch, cụ thể là người đang học dịch năm thứ 4, giúp người dịch nắm được những lỗi sai thường gặp để tìm cách cải thiện. Việc này đang được thực hiện thông qua bài nghiên cứu này.
- Cho người học dịch luyện tập thường xuyên: Thực ra, không phải là người học dịch không biết những lỗi dịch số, vì trong quá trình xem xét mẫu, người viết nhận ra có rất nhiều người dịch sai, sau đó “à” rồi tự sửa lại phương án dịch của mình. Như vậy, có thể thấy người dịch cũng nhận ra mình dịch sai, nhưng trong khoảng thời gian ngắn cần độ bật tốt thì người dịch chưa thể bật đúng phương án chính xác. Hơn nữa, khi nghe dữ liệu số, người dịch không chỉ

tập trung nghe số mà còn nghe những thông tin khác bên trong nên bị thiếu tập trung vào số, nghe 1 hoặc 2 lần vẫn chưa kịp ghi chép v.v... Để khắc phục điều này, người học dịch cần được luyện tập nghe số thường xuyên. Người viết đã từng yêu cầu mỗi sinh viên tự đi thu thập 10 câu âm thanh dịch Hàn - Việt, 10 câu dịch Việt - Hàn. Kho dữ liệu này dùng khi sinh viên học online có thể tự làm tư liệu để luyện nghe và luyện dịch số liệu cùng nhau (thực hiện trong breakout room khi học online). Nhìn chung cần tăng cường luyện dịch số trong các học phần thực hành phiên dịch.

- Hướng dẫn người học cách nghe và ghi chép số một cách cụ thể hơn: Do việc dạy dịch còn được thực hiện một cách thiếu hệ thống, cụ thể là thiếu hệ thống giáo trình, tài liệu xuyên suốt nên người học hầu hết không được học cách nghe và ghi chép số một cách bài bản. Những học phần có hàm lượng dữ liệu số nhiều như học phần “Dịch chủ đề kinh tế - thương mại” cần được bố trí thời gian để người học được học cách nghe và ghi chép số một cách cụ thể hơn.

### 5. KẾT LUẬN

Việc dịch số liệu là một trong những nội dung dịch rất quan trọng góp phần vào thành công chung của phiên dịch. Tuy nhiên, qua phân tích người dịch vẫn còn hay phiên dịch lỗi số liệu do rất nhiều các lý do. Bài viết đã thông qua bài thi dịch của 503 người học dịch năm thứ 4 để phân tích một số lỗi dịch số, qua nguồn ngữ liệu là bài ghi âm đánh giá cuối học phần “Dịch chuyên đề kinh tế - thương mại”. Bài viết hy vọng trở thành tài liệu giúp người dạy sử dụng tham khảo khi dạy phiên dịch cho sinh viên, và là tài liệu giúp người học sử dụng để cải thiện khả năng dịch số của mình. Trong khuôn

khô bài nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu mới chỉ hạn chế trong sinh viên, và bối cảnh bài thi. Người viết hy vọng bài nghiên cứu này sẽ trở thành nghiên cứu mở đầu cho những nghiên cứu có đối tượng nghiên cứu rộng hơn như người dịch thực tế ở những bài viết sau.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cho Hang Rok và các tác giả (2020), *Tiếng Hàn tổng hợp cho người Việt Nam (từ quyển 1 đến quyển 6)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Đề thi cuối học phần Dịch chuyên đề kinh tế - thương mại, Khoa Tiếng Hàn Quốc-Trường Đại học Hà Nội (năm 2021, 2022, 2023, 2024).
3. 김진아(2003) 「중국어 관련사어 학습상의 오류문제에 대하여」, 『논문집』 제 4집, 한국외국어대학교 통역번역연구소, pp.31-46. (Kim Jin-ah, Nghiên cứu vấn đề lỗi trong học tập quan hệ từ tiếng Trung, Tập công trình nghiên cứu, quyển 4, Sở Nghiên cứu Biên phiên dịch Đại học Ngoại ngữ Hankuk, 2003)
4. 김한식(2002) 「한일 통역 및 번역 강의에 대한 조사연구 -통역번역대학원 학생 및 교강사 대상 설문조사 결과를 중심으로-」, 통역번역연구소 논문집, 제6집, pp.21-52(39). (Kim Han-sik, Nghiên cứu điều tra về giảng dạy biên phiên dịch Hàn - Nhật: Lấy kết quả điều tra khảo sát học viên và giảng viên đào tạo sau đại học ngành biên phiên dịch làm trọng tâm, Sở Nghiên cứu Biên phiên dịch, Tập công trình nghiên cứu, quyển 6, 2002)
5. 김한식(金漢植) (2016), *한일통역에 있어서의 숫자 오역 분석*, 한국일본언어문화학회. (Kim Han-sik, Phân tích lỗi dịch về số trong thông dịch Hàn Nhật, Hội Văn hóa ngôn ngữ Hàn Quốc - Nhật Bản, 2016)

6. 권형태(1999) 「비즈니스 통역과 번역에 관한 연구」, 석사학위 논문, 계명대학교국제학대학원. (Kwon Hyoung-tae, Nghiên cứu về biên dịch và phiên dịch thương mại, luận văn thạc sĩ, 1999)
7. 신봉수(1994) 「제 2언어 학습자의 오류이론에 관한 연구」, 박사학위 논문, 고려대 대학원. (Shin Bong-soo, Nghiên cứu về lý thuyết lỗi của người học ngôn ngữ thứ hai, luận án tiến sĩ, đại học Korea, 1994)
8. 탁정숙(2006) 「효율적인 한-일 일-한 순차통역 전략에 관한 연구」, 석사학위 논문, 부산외국어대학교 통역번역 대학원. (Tak Jeong-suk, Nghiên cứu về chiến lược “dịch đuổi” Nhật - Hàn, Hàn - Nhật hiệu quả, luận văn thạc sĩ, Đại học Ngoại ngữ Busan, 2006)

### Abstract

#### ANALYSIS ON THE MISINTERPRETING OF NUMBERS IN VIETNAMESE - KOREAN TRANSLATION

*Number interpreting is one of the difficult contents in translating languages in general, and Korean in particular. The study focuses on analyzing the misinterpreting of numbers of learners in Korean interpretation, focusing on the errors of learners in the module "Translating and interpreting economic - commercial topics", which is currently being implemented at the Korean Language Department of Hanoi University. The study identifies misinterpreting of numbers from learners, thereby making some suggestions in teaching Korean interpreting to help improve digital translation for learners.*

**Keywords:** Misinterpreting of numbers, Korean translation, teaching interpretation

## XÂY DỰNG HỌC PHẦN BIÊN DỊCH NỘI DUNG VĂN HÓA DÀNH CHO ĐỐI TƯỢNG SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH TIẾNG HÀN (TẬP TRUNG VÀO LĨNH VỰC BIÊN DỊCH PHIM ẢNH VÀ WEBTOON)\*

Trần Tùng Ngọc\*\*

### Tóm tắt

Trong những năm gần đây, sự mở rộng của làn sóng văn hóa Hàn Quốc (Hallyu) cùng sự kết hợp công nghệ truyền thông kỹ thuật số đã góp phần đưa ngành công nghiệp sáng tạo nội dung văn hóa K-Contents của Hàn Quốc phát triển nhanh chóng. Hàn Quốc là một trong những quốc gia có thị trường nội dung web rất lớn và năng động. Đặc biệt hiện nay văn hóa được tạo ra và chia sẻ thông qua nền tảng trực tuyến ngày càng lớn hơn không chỉ ở Hàn Quốc mà còn lan tỏa ra phạm vi toàn cầu. Để đáp ứng được nhu cầu của thị trường, công tác đào tạo và nâng cao chất lượng dịch thuật nội dung văn hóa đã được đề ra một cách cấp thiết. Các lĩnh vực đi kèm trong biên dịch nội dung văn hóa rất đa dạng và phong phú trong đó có thể kể đến một số mảng tiêu biểu như biên dịch phim (điện ảnh, truyền hình, show trực tuyến,...), biên dịch truyện tranh, webtoon, trò chơi điện tử, tiểu thuyết mạng... Trong lĩnh vực này, biên dịch nội dung văn hóa đòi hỏi cần có những kiến thức chuyên môn và các quy tắc riêng so với các loại hình biên dịch truyền thống như văn học, văn bản thương mại hay tin tức báo chí. Để góp phần nâng cao tính đa dạng trong đào tạo biên phiên

dịch tiếng Hàn và đáp ứng nhu cầu đang ngày càng gia tăng của thị trường, bài viết đặt trọng tâm vào vấn đề xây dựng học phần biên dịch content văn hóa dành cho sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn và Hàn Quốc học, trong đó tập trung chủ yếu vào hai lĩnh vực chính là phim ảnh và webtoon. Theo đó, trên cơ sở kế thừa thành quả của các nghiên cứu đi trước và tham khảo chương trình đào tạo của các đơn vị tại Hàn Quốc, bài viết sẽ đưa ra khung chương trình dự kiến cùng một số đề xuất về phương thức giảng dạy cũng như kiểm tra đánh giá cho học phần này.

**Từ khóa:** Biên dịch tiếng Hàn, biên dịch nội dung văn hóa, giáo dục tiếng Hàn, văn hóa Hàn Quốc, K-Contents

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, hoạt động biên dịch nội dung văn hóa tại Hàn Quốc đã trở nên ngày càng phát triển theo hướng đa dạng hóa và chuyên môn hóa. Các nội dung văn hóa Hàn Quốc như phim truyền hình, phim điện ảnh, âm nhạc, trò chơi điện tử,... đã thu hút sự quan tâm toàn cầu. Làn sóng văn hóa Hàn Quốc (Hallyu) đã trở thành một hiện tượng văn hóa toàn cầu, và với sự lan rộng của nó, sự cần thiết về biên dịch nội dung liên quan cũng tăng lên. Người hâm mộ Hallyu trên khắp thế giới mong đợi sự dịch thuật và phụ đề chất lượng để tiếp cận nội dung mà họ yêu

\* Bài viết thuộc Đề tài NCKH cấp sơ sở mã số PU2024-1-C-03 trường Đại học Phenikaa

\*\* Thạc sĩ; Đại học Phenikaa; Email: ngoc.trantung@phenikaa-uni.edu.vn

thích. Điều này đã tạo ra nhu cầu lớn hơn cho các dịch vụ biên dịch và phụ đề để phục vụ khán giả quốc tế.

Bên cạnh đó, sự phát triển của internet và đặc biệt là sự gia tăng của các nền tảng mạng xã hội đã mở ra cánh cửa cho việc truy cập vào nội dung văn hóa từ mọi nơi trên thế giới. Các dịch vụ streaming trực tuyến như Netflix, Youtube,... cung cấp nhiều tùy chọn phụ đề và lựa chọn ngôn ngữ, từ đó tăng cơ hội cho việc tiếp cận nội dung văn hóa Hàn Quốc. Công nghệ dịch thuật tự động như trí tuệ nhân tạo (AI) hay machine learning đã cải thiện đáng kể trong thời gian gần đây. Điều này đã làm tăng khả năng chính xác và tốc độ của các dịch vụ biên dịch, giúp cho việc tiếp cận nội dung văn hóa trở nên dễ dàng hơn. Các công ty và cá nhân ở Hàn Quốc cũng đã và đang tăng cường hợp tác quốc tế về biên dịch văn hóa. Họ thường hợp tác với các đối tác quốc tế để biên dịch và phân phối nội dung của họ đến nhiều quốc gia hơn. Điều này giúp tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người học tiếng Hàn trong bối cảnh mới.

Từ điều kiện thực tế trên, bài viết đặt ra vấn đề xây dựng học phần biên dịch nội dung văn hóa Hàn Quốc cho sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn tại Việt Nam, đặc biệt là sinh viên thuộc định hướng đào tạo biên phiên dịch. Đây sẽ môn học giúp sinh viên trang bị thêm không chỉ những kiến thức về văn hóa xã hội Hàn Quốc, kỹ năng biên phiên dịch, nâng cao năng lực tiếng Hàn,... mà còn làm quen với việc sử dụng các công cụ công nghệ thông tin trong hoạt động dịch thuật nội dung văn hóa như Photoshop CS6 hay Aegisub,... Nội dung trọng tâm của bài viết bao gồm việc khảo sát nội dung đào tạo của một số chương trình dạy về biên dịch nội dung văn hóa hay biên dịch nghe nhìn tại Hàn Quốc và trên thế giới từ đó đề xuất nội dung đào tạo cho học phần Biên dịch nội dung văn hóa tại Việt Nam.

Đồng thời, người viết cũng đưa ra thêm một số đề xuất liên quan đến phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá học phần. Với mục tiêu xây dựng học phần biên dịch nội dung văn hóa (tập trung vào lĩnh vực biên dịch phim ảnh và webtoon), người viết kỳ vọng có thể đóng góp một ý kiến nhỏ góp phần vào quá trình đổi mới chương trình dạy và học biên phiên dịch tiếng Hàn tại Việt Nam theo hướng nắm bắt xu thế thị trường, đáp ứng nhu cầu của thời đại chuyển đổi số.

## NỘI DUNG

### 1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

#### 1.1. Khái niệm nội dung văn hóa (Content) và các loại hình nội dung văn hóa

Theo định nghĩa của *Luật Chấn hưng Công nghiệp Nội dung văn hóa* (콘텐츠산업 진흥법) được Quốc hội Hàn Quốc ban hành và có hiệu lực từ 8/8/2023, khái niệm nội dung văn hóa (content) được định nghĩa bao gồm “các tài liệu và thông tin như phù hiệu, văn tự, đồ hình, màu sắc, âm thanh, phối khí, hình ảnh, video,... (và bao hàm cả các loại hình phức hợp của các loại trên)” (Khoản 1 - Điều 2)<sup>1</sup>.

Phạm vi nội dung văn hóa rất rộng, bao gồm nhiều thể loại đa dạng như xuất bản, phát sóng, phim ảnh, hoạt hình, truyện tranh, trò chơi, nhân vật (character), biểu diễn, âm nhạc và lễ hội. Ngoài ra, khi công nghệ kỹ thuật số phát triển, các phương tiện truyền thông với các loại hình nội dung văn hóa (Content) mới được dự đoán sẽ tiếp tục xuất hiện trong tương lai.

Đặc điểm lớn nhất của nội dung văn hóa nằm ở yếu tố "One Source Multi Use", sử dụng các sản phẩm truyền thông đa dạng dựa trên một nguồn (nội dung) để nâng cao giá trị gia tăng. Trong quá khứ, các phương

<sup>1</sup> 국가법령정보센터 (2023). 「콘텐츠번역진흥법」. <https://www.law.go.kr/법령/콘텐츠산업진흥법>, truy cập ngày 28/3/2024

tiện truyền thông đại chúng thường vận hành một cách riêng biệt như xuất bản, phim ảnh, biểu diễn, v.v... Tuy nhiên, bước sang thời đại kỹ thuật số (Digital), các nội dung văn hóa chia sẻ đặc tính hữu cơ tạo nên một cấu trúc khổng lồ tất cả các phương tiện truyền thông. Do đó, các nội dung văn hóa như Dae Jang Geum, Boys Over Flowers,... đã và đang tạo ra giá trị gia tăng vô cùng lớn.

Trong thời gian qua, nhiều cường quốc trên thế giới đã chọn nội dung văn hóa là ngành công nghiệp trọng tâm của thế kỷ 21 để mở rộng các dự án đầu tư và hỗ trợ. Đặc biệt, tại châu Á các nước phát triển Nhật Bản, Hàn Quốc,... đang bước vào giai đoạn nền dân số già hóa ở mức độ cao, các chính phủ nhận thấy rằng về lâu dài họ khó có thể cạnh tranh trong ngành sản xuất, do đó họ đã sớm tận dụng các yếu tố nội dung văn hóa để kích thích nền kinh tế dịch vụ và củng cố hoạt động xuất khẩu văn hóa, thúc đẩy gia tăng quyền lực mềm,... Quá trình này phản ánh sự tái cơ cấu từ nền kinh tế dựa trên sản xuất sang nền kinh tế dựa trên tri thức và nền kinh tế dựa trên nội dung văn hóa. Nói cách khác, các quốc gia đang tiến từ thời đại công nghiệp hữu hình sang thời đại công nghiệp vô hình<sup>2</sup>.

Chính phủ Hàn Quốc đã ban hành Luật cơ bản về thúc đẩy công nghiệp văn hóa (문화산업진흥기본법) vào năm 1999 và thành lập Viện Chấn hưng Nội dung văn hóa Hàn Quốc (한국콘텐츠진흥원) vào năm 2002. Tháng 5/2009, chính phủ Hàn Quốc hợp nhất Viện Chấn hưng Nội dung truyền hình (방송영상산업진흥원), Viện Chấn hưng Công nghiệp Game (한국게임산업진흥원) vào Viện Chấn hưng Nội dung văn hóa Hàn Quốc.

Gần đây nhất, tháng 8/2023, Quốc hội Hàn Quốc đã thông qua Luật Chấn hưng Công nghiệp Nội dung văn hóa, trong đó quy định rõ về hoạt động xúc tiến các dự án thúc đẩy sự hợp tác quốc tế của ngành công nghiệp nội dung văn hóa, đồng thời thâm nhập thị trường nước ngoài. Các dự án được quy định trong Điều 17 của Luật này bao gồm (1) Hỗ trợ hoạt động quảng bá và tiếp thị nội dung văn hóa ở nước ngoài; (2) Thu hút đầu tư của người nước ngoài; (3) Tham gia lễ trao giải quốc tế, hội chợ, triển lãm, buổi biểu diễn và thu hút khách hàng ở trong nước; (4) Xây dựng hệ thống hợp tác liên quan đến xuất khẩu nội dung văn hóa; (5) Hỗ trợ hoạt động bản địa hóa nội dung văn hóa ở nước ngoài; (6) Hỗ trợ đồng sản xuất nội dung văn hóa ở nước ngoài; (7) Hợp tác kỹ thuật và trao đổi nhân lực trong và ngoài nước, (8) Tiêu chuẩn hóa quốc tế liên quan đến nội dung văn hóa; (9) Triển khai các dự án cần thiết để hợp tác quốc tế và tiến ra nước ngoài. (Điều 17)

## 1.2. Nhu cầu đào tạo biên dịch nội dung văn hóa Hàn Quốc (K-Contents)

Đứng trước nhu cầu quảng bá và xuất khẩu nội dung văn hóa ra thị trường nước ngoài, chính phủ Hàn Quốc đã triển khai các hoạt động nghiên cứu, đầu tư, đào tạo đội ngũ nhân lực cho lĩnh vực biên dịch nội dung văn hóa. Chỉ tính riêng trong năm 2022, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch Hàn Quốc đã đầu tư 1,36 tỉ won cho dự án đào tạo nhân lực biên dịch nội dung văn hóa (콘텐츠 번역인력 양성)<sup>3</sup>. Trong đó bao gồm các nội dung như xây dựng và vận hành khóa đào tạo cao cấp về nghiệp vụ biên dịch nội dung văn hóa, đầu tư hỗ trợ giáo dục nghiệp vụ cho biên dịch viên, tổ chức các

<sup>2</sup> 정창권 (2010). 「문화콘텐츠와 스토리텔링」. 『포항공대신문』. <https://times.postech.ac.kr/news/>. truy cập ngày 28/3/2024.

<sup>3</sup> Tham khảo: 한류지원협력과 (2022). 「중점관리 대상사업 - 콘텐츠 번역인력 양성」. 문화체육관광부. [https://mcst.go.kr/kor/s\\_open/realnmPolicy/realnmPolicyView.jsp?pSeq=206](https://mcst.go.kr/kor/s_open/realnmPolicy/realnmPolicyView.jsp?pSeq=206), truy cập ngày 28/3/2024.

buổi hội thảo khoa học và các chương trình trao thưởng cho biên dịch viên xuất sắc. Trong số các lĩnh vực về đào tạo biên dịch nội dung văn hóa, chính phủ Hàn Quốc đang đặt trọng tâm vào hai mảng chính là phim ảnh và webtoon (truyện tranh mạng). Tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha là ba ngôn ngữ đầu tiên được tiến hành đào tạo từ năm 2020, sau đó tiếp tục bổ sung thêm tiếng Trung (2021), tiếng Nhật và tiếng Pháp (2022). Điều này cho thấy Việt Nam đã được xác định là một trong những thị trường trọng tâm về xuất khẩu nội dung văn hóa của Hàn Quốc trong thời gian tới.

Theo xu thế chung của thời đại kỹ thuật số, ngành giáo dục và đào tạo tiếng Hàn tại Việt Nam chắc chắn cũng không thể đứng ngoài làn sóng của thị trường về đào tạo đội ngũ biên dịch chất lượng cao cho nội dung văn hóa. Tuy nhiên, trên thực tế, hoạt động đào tạo về biên dịch nội dung văn hóa tại các cơ sở đào tạo tiếng Hàn và Hàn Quốc học tại Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. Các học phần đào tạo biên dịch đang được tiến hành vẫn chủ yếu hướng đến lĩnh vực biên dịch truyền thống như tin tức báo chí, văn phòng, kinh tế, văn hóa, xã hội,... Lý giải cho vấn đề này có thể kể đến nhiều yếu tố chủ quan và khách quan như cần có thời gian để nghiên cứu và chuẩn bị trước khi cập nhật bổ sung chương trình đào tạo, sự thiếu hụt về đội ngũ giảng viên và thiếu hụt tài liệu giảng dạy ở các cơ sở đào tạo, yêu cầu đặc thù của lĩnh vực biên dịch nội dung văn hóa liên quan đến việc sử dụng phần mềm và các công cụ thiết kế hỗ trợ dịch thuật,...

Việc ứng dụng giảng dạy biên dịch nội dung văn hóa tiêu biểu như phim ảnh hay webtoon không chỉ đáp ứng nhu cầu thực tiễn mà còn thể hỗ trợ một cách tích cực cho người học trong quá trình nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ. Một số nhà nghiên

cứu dịch thuật và giảng dạy dịch thuật trên thế giới đã đưa đến kết luận “các công nghệ mới cùng với khả năng linh hoạt và đổi mới phương pháp giảng dạy và mô phạm, đưa ra những cách học rất chủ động thông qua bài tập dịch thuật (theo nghĩa rộng nhất”. Tiêu biểu, việc sử dụng phụ đề liên ngôn ngữ trong các văn bản nghe nhìn không chỉ giúp cải thiện một kỹ năng ngôn ngữ cụ thể mà còn thúc đẩy giáo dục ngôn ngữ liên văn hóa, khả năng học tập hợp tác giữa các sinh viên học từ xa và nâng cao hiệu quả tiếp thu từ vựng... (Alonso-Perez, Rosa & Sanchez Requena, Alicia, 2018, p.11). Trên đây là một số cơ sở để bài viết có thể đưa ra kết luận về tính cần thiết cho việc xây dựng học phần biên dịch văn hóa dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Hàn, đặc biệt là định hướng đào tạo biên phiên dịch hiện nay.

### ***1.3. Đặc trưng của biên dịch nội dung văn hóa***

Dịch thuật nội dung văn hóa là quá trình chuyển đổi văn bản nội dung văn hóa (content) từ một ngôn ngữ sang ngôn ngữ khác mà không chỉ tập trung vào việc chuyển đổi ngữ pháp và từ vựng mà còn cố gắng bảo toàn và truyền đạt một cách hiệu quả ý nghĩa, cảm xúc, và văn hóa ban đầu của tác phẩm. Dịch thuật nội dung văn hóa bao gồm một đặc trưng cơ bản như sau:

Thứ nhất, dịch giả cần phải có kiến thức sâu về cả ngôn ngữ và văn hóa của cả văn bản nguồn và ngôn ngữ đích để hiểu rõ những yếu tố văn hóa ẩn sau từng cụm từ, câu chuyện, hoặc biểu hiện nào đó. Đặc biệt trong các văn bản nội dung văn hóa thường xuất hiện nhiều từ tượng hình, từ tượng thanh, tiếng lóng, các biểu hiện hài hước,... Do đó, để có thể truyền đạt được trọn vẹn ý nghĩa và cảm xúc khi chuyển ngữ, đòi hỏi ở dịch giả không chỉ năng lực ngoại ngữ mà còn phải cập nhật các xu hướng văn hóa mới.

Thứ hai, dịch giả có nhiều cơ hội để phát triển khả năng tự do sáng tạo hơn trong quá trình dịch. Đôi khi, để bảo toàn ý nghĩa và cảm xúc của tác phẩm, dịch giả cần phải có sự điều chỉnh văn phong, cấu trúc câu, hoặc thậm chí là thêm vào những phần mở rộng để việc dịch thuật trở nên hiệu quả.

Thứ ba, khả năng truyền đạt và tái tạo cảm xúc. Dịch giả cần phải có khả năng truyền đạt tối đa cảm xúc và tình cảm trong văn bản gốc và tái tạo chúng một cách chân thực trong ngôn ngữ đích. Các biểu hiện ví von, hài hước,... của văn nói thường xuyên xuất hiện trong văn bản nội dung văn hóa với tần suất lớn hơn nhiều so với văn bản dịch thuật thông thường. Khi tiến hành biên dịch, người dịch không chỉ cần diễn đạt đúng ý mà còn phải diễn đạt bằng ngôn ngữ đích một cách tự nhiên.

Thứ tư, tính giới hạn về không gian - thời gian. Thông tin trong văn bản nội dung văn hóa thường được trình bày một cách ngắn gọn và bị giới hạn bởi phạm vi không gian và thời gian. Ví dụ đối với dịch thuật webtoon, yêu cầu nội dung dịch phải nằm trọn trong bong bóng thoại. Đối với dịch thuật phim ảnh, yêu cầu về số lượng chữ tối đa trong một dòng và số giây tối thiểu trên màn hình để khán giả có thể kịp đọc nội dung. Với mỗi một loại hình nội dung văn hóa lại có những yêu cầu riêng của nền tảng đăng tải mà dịch giả cần phải tuân thủ. Do tính giới hạn về không gian và thời gian, dịch giả cần lựa chọn những phương án dịch ngắn gọn nhất có thể. Phương án sử dụng chú thích (cước chú - vĩ chú) của loại hình dịch thuật thông thường bị hạn chế tối đa trong dịch thuật nội dung văn hóa.

Thứ tư, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin. Thay vì chỉ thao tác với sách vở và các phần mềm soạn thảo văn bản như loại hình dịch thuật truyền thống, dịch thuật nội dung văn hóa đòi hỏi người dịch cần phải

thao tác được trên các phần mềm chuyên dụng, ví dụ như phần mềm Photoshop phục vụ cho edit hình ảnh, truyện tranh,... hay phần mềm Aegisub phục vụ cho chèn phụ đề vào video, phim ảnh.

Thứ năm, chiến lược dịch cần áp dụng các nguyên tắc về bản địa hóa. Khái niệm bản địa hóa được hiểu và việc chuyển ngữ nhằm giúp cho các khán giả hay độc giả mà văn bản đang hướng đến có thể hiểu được các nội dung ngôn ngữ văn hóa vốn lạ lẫm đối với họ. Việc bản địa hóa giúp thu hẹp khoảng cách về văn hóa giữa ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích, giúp độc giả và khán giả dễ dàng tiếp cận được nội dung mà không dẫn đến phản kháng hay xung đột văn hóa<sup>4</sup>.

## 2. Mục tiêu, phương pháp và phạm vi nghiên cứu

Bài viết này hướng đến mục tiêu đề xuất xây dựng học phần biên dịch nội dung văn hóa cho sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn tại Việt Nam. Do tính đa dạng và phức hợp của các loại hình nội dung văn hóa (content), người viết đặt mục tiêu trọng tâm vào hai loại hình nội dung văn hóa chính là phim ảnh và webtoon. Đây là hai loại hình có những ưu điểm như thể hiện đầy đủ đặc tính đa phương tiện của nội dung văn hóa trong thời đại kỹ thuật số, nguồn tài liệu phong phú, dễ dàng tiếp cận, ngôn ngữ và văn hóa gần gũi với đời sống xã hội. Đặc biệt, như đã chỉ ra ở phần trên, đây cũng là hai loại hình đào tạo chính mà chính phủ Hàn Quốc đang xác định cho mục tiêu nuôi dưỡng lực lượng biên dịch nội dung văn hóa trong giai đoạn hiện nay.

Để thực hiện mục tiêu này, bài viết sẽ xây dựng mô hình nghiên cứu theo các bước cụ thể như sau: **Bước 1:** Khảo sát một số chương trình đào tạo nội dung văn hóa hiện

<sup>4</sup> 번역아카데미 (2023). 「기초 미디어번역이론」. 한국문화번역원. 5쪽

hành tại Hàn Quốc và trên thế giới (tập trung vào lĩnh vực biên dịch phim ảnh và webtoon). **Bước 2:** Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm từ các đơn vị đào tạo và thực tiễn hoạt động biên dịch phim ảnh và webtoon, xây dựng đề cương cho học phần đào tạo biên dịch phim ảnh và webtoon (tương ứng với 3 tín chỉ). **Bước 3:** Đề xuất và phân tích một số vấn đề liên quan đến phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá học phần.

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng trong bài viết bao gồm phương pháp phân tích tư liệu và phương pháp phỏng vấn. Đối với phương pháp phân tích tư liệu, người viết tập trung vào vấn đề thu thập và xử lý nguồn tư liệu liên quan đến các chương trình đào tạo biên dịch nội dung văn hóa trên thế giới để phân tích áp dụng vào trường hợp Việt Nam. Bên cạnh đó, tham khảo các công trình nghiên cứu đi trước về chiến lược biên dịch phim ảnh và webtoon để đề xuất

phương án giảng dạy và kiểm tra đánh giá học phần. Đối với phương pháp phỏng vấn, người viết lựa chọn phỏng vấn một số học viên đã tốt nghiệp chương trình đào tạo nghiệp vụ biên dịch nội dung văn hóa tại Viện Dịch thuật Văn học Hàn Quốc niên khóa 2023, qua đó rút kinh nghiệm trong quá trình xây dựng học phần tại Việt Nam.

### 3. Khảo sát một số chương trình biên dịch nội dung văn hóa trên thế giới

#### 3.1. Đào tạo biên dịch nội dung văn hóa tại Hàn Quốc

Chương trình đào tạo nghiệp vụ biên dịch nội dung văn hóa của Viện Dịch thuật Văn học Hàn Quốc bắt đầu tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm 2021 với chương trình đào tạo kéo dài 6 tháng. Bắt đầu từ năm 2022, chương trình được mở rộng lên một năm với hai học kỳ. Học phần biên dịch nâng cao dành cho lĩnh vực phim ảnh và webtoon trong năm 2023 được thiết kế theo 15 tuần với những nội dung cụ thể như sau:

*Bảng 1: Kế hoạch giảng dạy học phần thực tập biên dịch nâng cao dành cho phim điện ảnh, phim truyền hình và webtoon - học kỳ 2 năm 2023 (Viện Dịch thuật Văn học Hàn Quốc)*

| Tuần | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Học liệu và bài tập                                                                                                                                                     | Ghi chú            |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1    | Trao đổi về những điểm khó trong quá trình biên dịch, những vấn đề như từ vựng và câu văn liên quan đến khác biệt văn hóa giữa Việt nam và Hàn Quốc, xem xét cấu trúc toàn thể và ý đồ của tác giả.                                                                                                                                                                                                              | Phim <i>Cờ Thái cực giương cao</i> và Webtoon <i>Nhật ký ở riêng (tập 1)</i>                                                                                            | Điện ảnh & Webtoon |
| 2    | Chuẩn bị biên dịch phụ đề phim <i>Cờ Thái cực giương cao</i> (Nắm bắt bối cảnh thời gian và không gian, quan hệ của các tuyến nhân vật, các điểm chuyển biến trong cấu trúc phim, thông điệp của đạo diễn, xã hội truyền thống Hàn Quốc, yếu tố ngôn ngữ văn hóa). Kiểm tra đánh giá bản dịch webtoon <i>Nhật ký ở riêng</i> , xem xét các yếu tố như từ tượng hình, tượng thanh và yếu tố truyền thống Hàn Quốc | Các câu văn chứa yếu tố văn hóa truyền thống Hàn Quốc, tiếng địa phương và thuật ngữ trong phim <i>Cờ Thái cực giương cao</i> và Webtoon <i>Nhật ký ở riêng (tập 2)</i> | Điện ảnh & Webtoon |

|    |                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                           |                    |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 3  | Thuyết minh về bản dịch phim và webtoon. (Tập trung vào các từ tượng hình, từ tượng thanh, thuật ngữ và câu văn phản ánh văn hóa truyền thống Hàn Quốc)                                      | Phim <i>Thuật xem tướng</i> và Webtoon <i>Nhật ký ở riêng (tập 3)</i>                                                                                                                     | Điện ảnh & Webtoon |
| 4  | Biên dịch phụ đề phim <i>Thuật xem tướng</i> . Kiểm tra đánh giá bản dịch webtoon <i>Nhật ký ở riêng</i> , xem xét các yếu tố như từ tượng hình, tượng thanh và yếu tố truyền thống Hàn Quốc | Các câu văn chứa yếu tố văn hóa truyền thống Hàn Quốc, tiếng địa phương và thuật ngữ trong phim <i>Thuật xem tướng</i> và chuẩn bị dịch tập 1 webtoon <i>Secretly, Greatly</i>            | Điện ảnh & Webtoon |
| 5  | Thuyết minh về bản dịch phim <i>Thuật xem tướng</i> và webtoon <i>Secretly, Greatly</i>                                                                                                      | Chuẩn bị biên dịch phụ đề phim <i>Từ điển Mal-Mo-E</i> và dịch webtoon <i>Secretly, Greatly (tập 2)</i>                                                                                   | Điện ảnh & Webtoon |
| 6  | Biên dịch phụ đề phim <i>Từ điển Mal-Mo-E</i> . Kiểm tra và đánh giá bản dịch webtoon <i>Secretly, Greatly</i>                                                                               | Các câu văn chứa yếu tố văn hóa truyền thống Hàn Quốc, tiếng địa phương và thuật ngữ trong phim <i>Từ điển Mal-Mo-E</i> và dịch webtoon <i>Secretly, Greatly (tập 3)</i>                  | Điện ảnh & Webtoon |
| 7  | Thuyết minh về bản dịch phụ đề phim <i>Từ điển Mal-Mo-E</i> và webtoon <i>Secretly, Greatly</i>                                                                                              | Chuẩn bị dịch phụ đề phim <i>Bi kịch triều đại</i> và webtoon <i>Lookism (tập 1)</i>                                                                                                      | Điện ảnh & Webtoon |
| 8  | Biên dịch phim <i>Bi kịch triều đại</i> và biên dịch webtoon <i>Lookism</i>                                                                                                                  | Các câu văn chứa yếu tố văn hóa truyền thống Hàn Quốc, tiếng địa phương và thuật ngữ trong phim <i>Bi kịch triều đại</i> và dịch webtoon <i>Lookism (tập 2)</i>                           | Điện ảnh & Webtoon |
| 9  | Thuyết minh bản dịch phim <i>Bi kịch triều đại</i> và webtoon <i>Lookism</i>                                                                                                                 | Chuẩn bị biên dịch phim <i>Thử thách thần chết: Giữa hai thế giới</i> và webtoon <i>Cầu cầu vòng (tập 1)</i>                                                                              | Điện ảnh & Webtoon |
| 10 | Biên dịch phim <i>Thử thách thần chết: Giữa hai thế giới</i> và webtoon <i>Cầu cầu vòng</i>                                                                                                  | Các câu văn chứa yếu tố văn hóa truyền thống Hàn Quốc, tiếng địa phương và thuật ngữ trong phim <i>Thử thách thần chết: Giữa hai thế giới</i> và dịch webtoon <i>Cầu cầu vòng (tập 2)</i> | Điện ảnh & Webtoon |
| 11 | Thuyết minh bản dịch phim <i>Thử thách thần chết: Giữa hai thế giới</i> và webtoon <i>Cầu cầu vòng</i>                                                                                       | Biên dịch một số nội dung trích xuất trong 24 tập phim Mr. Sunshine                                                                                                                       | Phim truyền hình   |
| 12 | Biên dịch phim <i>Mr. Sunshine</i>                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                           |                    |
| 13 | Biên dịch phim <i>Mr. Sunshine</i>                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                           |                    |
| 14 | Biên dịch phim <i>Mr. Sunshine</i>                                                                                                                                                           | Bản đánh giá và phê bình về tính khác biệt trong biên dịch phim ảnh và webtoon trong quá trình học tập.                                                                                   | Phim truyền hình   |
| 15 | Seminar đánh giá phê bình về tính khác biệt trong biên dịch phim ảnh và webtoon trong quá trình học                                                                                          |                                                                                                                                                                                           | Phim truyền hình   |

Căn cứ theo nội dung trên, có thể thấy, học phần biên dịch Hàn Viện lĩnh vực phim ảnh và webtoon được thiết kế với trọng tâm hướng đến là phân tích đánh giá bản dịch. Trong đó, môn học tập trung vào việc nắm bắt bối cảnh thời gian và không gian, quan hệ của các tuyến nhân vật, các điểm chuyển biến trong cấu trúc phim, thông điệp của đạo diễn, xã hội truyền thống Hàn Quốc, yếu tố ngôn ngữ văn hóa đối với phim ảnh và các yếu tố như từ tượng hình, tượng thanh và yếu tố truyền thống Hàn Quốc đối với webtoon. Nội dung của khóa học chưa bao gồm việc đào tạo kỹ năng sử dụng phần mềm thiết kế hỗ trợ cho quá trình dịch.

Để làm rõ thêm về những điểm mạnh và hạn chế của chương trình học cũng như rút ra bài học kinh nghiệm cho việc cải thiện nội dung học phần trong trường hợp áp dụng tại Việt Nam, người viết đã tiến hành phỏng vấn trực tiếp một số học viên của khóa học này. Theo đó, học viên H.T.L đánh giá cao về nội dung phân tích đánh giá bối cảnh tác phẩm dịch, đặc biệt các môn chung trước đó trang bị kiến thức nền về văn hóa rất thiết thực. Các tác phẩm được lựa chọn phản ánh một cách sinh động bối cảnh xã hội Hàn Quốc bao gồm truyền thống và hiện đại. Phân đánh giá bản dịch và phân tích chiến lược dịch có nhiều tiết phân tích sâu về nội dung phim. Tuy nhiên, học viên cũng bày tỏ mong muốn có thể bổ sung nội dung thực hành trên phần mềm chuyên dụng đồng thời tăng cường thêm hoạt động giao lưu học hỏi với những chuyên gia trong lĩnh vực biên dịch nội dung văn hóa.

Học viên N.M.H đánh giá khóa học được thực hiện bởi những giảng viên ưu tú, dày dặn kinh nghiệm, với nhiều chuyên đề giao lưu với các đối tác lưu hành nội dung văn hóa và các hoạt động trải nghiệm thực tế. Khóa học có phần phân tích phim cung cấp nhiều kiến thức bổ ích về lịch sử, văn hóa, xã hội Hàn Quốc, tuy nhiên nhiều khi

phần phân tích bên lề chiếm nhiều thời lượng dẫn đến giảm số lượng bài dịch. Học viên mong muốn tăng cường hoạt động thực hành dịch và phản hồi đánh giá bản dịch hơn. Ngoài ra về phần mềm, học viên sử dụng chính vẫn là các công cụ cơ bản như word, excel hay phần mềm đọc và edit pdf nên việc thao tác với bản dịch còn khá thô sơ.

Như vậy, có thể thấy, đề xuất của học viên tập trung chủ yếu liên quan đến nội dung tăng cường thực hành, các hoạt động thực tế trải nghiệm và nội dung học tập phần mềm công nghệ thông tin để có thể thao tác dễ dàng hơn với bản dịch cũng như hoàn thiện sản phẩm biên dịch nội dung văn hóa.

### **3.2. Đào tạo biên dịch nội dung văn hóa tại một số quốc gia khác trên thế giới**

Trên thực tế, truyện tranh và phim ảnh từ lâu đã được ứng dụng như những tài liệu quan trọng phục vụ giảng dạy cho sinh viên và học viên cao học chuyên ngành Dịch thuật tại nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, riêng đối với truyện tranh trực tuyến hay webtoon thì hiện nay người viết chưa khảo sát được học phần cụ thể nào liên quan. Do vậy, trong giới hạn bài nghiên cứu này, người viết sẽ tập trung vào việc khảo sát nội dung một số chương trình đào tạo liên quan đến lĩnh vực Dịch thuật nghe nhìn (Audiovisual Translation).

Học phần *Nhập môn về Dịch thuật nghe nhìn* (Introduction to Audiovisual Translation) của Khoa Phương Đông và Châu Phi (Đại học London)<sup>5</sup> được thiết kế cho sinh viên năm cuối với thời lượng 15 buổi học các nội dung chính như sau: (1) Giới thiệu về dịch thuật nghe nhìn - Lịch sử và công nghệ; (2) Làm phụ đề - Khái niệm và thực hành - Giới thiệu các phần mềm làm phụ đề; (3) Phụ đề: thị trường,

<sup>5</sup> SOAS University of London (2023). *Introduction to Audiovisual Translation*, <https://www.soas.ac.uk/courseunits/introduction-audiovisual-translation>, truy cập ngày 25/2/2024.

ngành và tính chuyên nghiệp - Thực hành phần mềm; (4) Các hạn chế về dịch phụ đề và chiến lược - Thực hành phần mềm; (5) Văn hóa và phụ đề - Thực hành phần mềm; (6) Làm phụ đề phim tài liệu/tin tức (dịch từ tiếng Anh); (7) Làm phụ đề phim truyền hình/hài kịch (dịch từ tiếng Anh); (8) Làm phụ đề phim truyện (dịch từ tiếng Anh); (9) Làm phụ đề phim tài liệu (dịch sang tiếng Anh); (10) Làm phụ đề phim truyền hình (dịch sang tiếng Anh); (11) Làm phụ đề phim truyện (dịch sang tiếng Anh). Với chương trình trên, hình thức đánh giá bao gồm 30% điểm cho bài luận (question essay) và 70% điểm cho bài tập dự án.

Học phần *Dịch thuật nghe nhìn* (Audiovisual Translation) (Mã: TRAM498) của trường Đại học Surrey Anh Quốc cung cấp cho sinh viên các tính năng đặc biệt của dịch thuật đa phương thức, chẳng hạn như phụ đề, lồng tiếng, mô tả âm thanh và phụ đề trực tiếp<sup>6</sup>. Học phần bao gồm các nội dung chính như sau: (1) Loại hình dịch thuật nghe nhìn; (2) Các phương pháp tiếp cận chuyên biệt bao gồm ký hiệu học, đa phương thức và các khía cạnh xã hội của việc chuyển tải qua các phương tiện truyền thông; (3) Phân tích truyền thông nghe nhìn cho mục đích AVT; (4) Các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong văn bản nghe nhìn; (5) Những quy ước và vấn đề đặc trưng của dịch thuật/chuyển giao trong các loại hình dịch thuật nghe nhìn; (6) Dịch ngôn ngữ nói và hội thoại; (7) Dịch hình ảnh trực quan; (8) Công nghệ và dịch thuật nghe nhìn; (9) Xu hướng dịch thuật nghe nhìn trong quá khứ và hiện tại (cách tiếp cận ngôn ngữ và văn hóa, sự tiếp nhận và con đường nghiên cứu trong tương lai).

Học phần *Dịch phụ đề* (Subtitling) của Đại học London Metropolitan (Mã:

TR7057)<sup>7</sup> được thiết kế với mục tiêu chuẩn đầu ra cho sinh viên bao gồm (1) Phân biệt những thách thức mà người dịch phải đối mặt khi làm việc với tài liệu nghe nhìn, tức là sự kết hợp ký hiệu phức tạp giữa ngôn ngữ (đối thoại và các tín hiệu bằng lời nói khác) và các yếu tố phi ngôn ngữ (ví dụ: chuyển động và biểu cảm, bối cảnh, tâm trạng, âm thanh); (2) Áp dụng các kỹ thuật thực tế và chiến lược dịch thuật quan trọng để giải quyết các vấn đề này (ví dụ: thời gian, phân đoạn, cô đọng, thiếu sót); (3) Phát triển khả năng giải quyết thành công giữa ưu và nhược điểm của chế độ phụ đề trong bối cảnh văn hóa của khán giả mục tiêu; (4) Thảo luận một cách nghiêm túc xem văn bản nghe nhìn mang những giá trị xã hội, khuôn sáo và thành kiến ở mức độ nào cũng như mức độ ảnh hưởng của điều này đến nhận thức của khán giả mục tiêu về thế giới và các quyết định của người dịch. Học phần không yêu cầu môn tiên quyết nhưng đòi hỏi người học cần có kiến thức về công nghệ thông tin.

Học phần *Dịch thuật nghe nhìn* của Đại học Bologna Italia (Mã: 82054)<sup>8</sup> được tổ chức thành hai phần tương ứng hai phương thức cơ bản của AVT gồm phụ đề và lồng tiếng. Cả hai phương thức sẽ bao gồm phần giới thiệu lý thuyết và thực hành cũng như các bài tập với nhiều sản phẩm nghe nhìn. Trong nội dung học phần, phần đầu tiên sẽ bao gồm phân tích so sánh và phê phán cũng như edit phụ đề và chuyển thể lồng tiếng. Phần thứ hai sẽ bao gồm các bài tập thực hành trên lớp và bài tập ở nhà bao gồm

<sup>7</sup> London Metropolitan University (2024). TR7057 - Subtitling (2024/25), <https://intranet.londonmet.ac.uk/module-catalogue/record.cfm?mc=TR7057>, truy cập ngày 5/5/2024.

<sup>8</sup> Università di Bologna (2024). 82054 – Audiovisual Translation (CL1), <https://www.unibo.it/en/study/phd-professional-masters-specialisation-schools-and-other-programmes/course-unit-catalogue/course-unit/2022/485394>, truy cập ngày 5/5/2024.

<sup>6</sup> University of Surrey (2023). *Audiovisual Translation – 2023/4*, <https://catalogue.surrey.ac.uk/2023-4/module/TRAM498>, truy cập ngày 5/5/2024.

học cách sử dụng phần mềm và kỹ thuật phụ đề và lồng tiếng, tức giải mã, chấm điểm, dịch và các bài tập làm phụ đề/lồng tiếng, bài tập đọc.

Khóa học trực tuyến về *Dịch thuật nghe nhìn và phụ đề* (Diploma in Audiovisual Translation and Subtitling - Online Program) của Trung tâm học tập trọn đời Hellenic American KΔBM<sup>9</sup> bao gồm các nội dung dịch thuật về phim truyền hình nhiều tập (TV Series), hoạt hình, phim tài liệu, phim điện ảnh, trailers, quảng cáo. Thời lượng học bao gồm 72 tiếng với các nội dung chính như sau: (1) Giới thiệu về dịch thuật nghe nhìn (khái niệm và thực hành); (2) Làm việc trong ngành công nghiệp nghe nhìn (xu hướng mới và quy trình thử nghiệm); (3) Nguyên tắc cơ bản về dịch thuật nghe nhìn (hướng dẫn ngôn ngữ và kỹ thuật); (4) Giới thiệu nền tảng dịch thuật và phần mềm phụ đề (lý thuyết và thực hành); (5) Phụ đề xuyên ngôn ngữ (*Cross-linguistic*) (thực hành trong phim truyền hình và phim điện ảnh); (6) Dịch sáng tạo (*Transcreation*) và các ngành công nghiệp sáng tạo (quảng cáo, giải trí và tiếp thị); (7) Bản địa hóa trò chơi điện tử (lý thuyết và thực hành); (8) Dịch phụ đề ngược (*Reverse subtitling*) (tiếng Hy Lạp sang tiếng Anh); (9) Thử thách dịch thuật: cách chơi chữ và tài liệu tham khảo về văn hóa (thực hành với các ví dụ mở rộng); (10) Biên tập và hiệu đính phụ đề (lý thuyết và thực hành); (11) Phụ đề không có script (phiên âm và đánh dấu); (12) Đồng bộ hóa phụ đề (*Synchronizing subtitles*); (13) Khả năng tiếp cận: phụ đề dành cho người khiếm thính - Mô tả âm thanh.

Khóa học đào tạo về *Dịch thuật nghe nhìn* tại Trung tâm Giáo dục Khai phóng

<sup>9</sup> Hellenic American KΔBM (2022), *Diploma in Audiovisual Translation and Subtitling - Online Program*, <https://www.haec.gr/en/online-diploma-in-audiovisual-translation>, truy cập ngày 25/2/2024.

Ứng dụng (Center for Applied Liberal Arts) thuộc Đại học New York (Mã: TRAN1-GC3035)<sup>10</sup> tập trung vào vấn đề cung cấp thông tin cho sinh viên về dịch thuật nghe nhìn (AVT) và thực tiễn ứng dụng của nó. AVT là một lĩnh vực dịch thuật rất đặc biệt, với một số phương thức: phụ đề, lồng tiếng, SDH (phụ đề chi tiết), mô tả âm thanh, phụ đề và dịch chữ viết, v.v. Mỗi người trong số họ đều có những đặc điểm, thách thức và yêu cầu cụ thể. Khóa học này nhằm mục đích giới thiệu các phương thức chính của AVT cho sinh viên, cung cấp cho họ các công cụ, chiến lược và phương pháp thực hành tốt nhất cần thiết.

Qua một số ví dụ như trên, có thể thấy, xu hướng đào tạo biên dịch nội dung văn hóa tại các nước Âu Mỹ thường được thiết kế bao gồm cả hai nội dung lý thuyết và thực hành. Đối với nội dung lý thuyết, bên cạnh chiến lược dịch, người học cũng được tìm hiểu về các yếu tố liên quan đến phân tích liên văn hóa, các yếu tố văn hóa xã hội của văn bản nguồn/đích. Đối với nội dung thực hành, người học không chỉ thao tác trên văn bản mà còn trực tiếp tham gia vào quá trình hoàn thiện bản dịch dưới dạng sản phẩm nội dung văn hóa.

#### **4. Đề xuất xây dựng nội dung học phần biên dịch nội dung văn hóa**

Dựa trên cơ sở tham khảo một số chương trình đào tạo đã và đang được thực hiện tại một số cơ sở giáo dục quốc tế, kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình giảng dạy, người viết đưa ra đề xuất về khung chương trình dành cho học phần học phần biên dịch nội dung văn hóa cụ thể (3 tín chỉ tự chọn) như sau:

<sup>10</sup> Center for Applied Liberal Arts, *Audiovisual Translation Course*, NYU School of Professional Studies, <https://www.sps.nyu.edu/homepage/academics/courses/TRAN1-GC3035-audiovisual-translation.html>, truy cập ngày 25/2/2024.

Bảng 2: Kế hoạch giảng dạy học phần Biên dịch nội dung văn hóa (đề xuất)

| Buổi | Nội dung bài học                                                                                                                                                                                          | Hoạt động dạy và phương pháp                                                        | Bài tập chuẩn bị                                                                                  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1    | Tổng quan về biên dịch nội dung văn hóa - Đặc trưng và Phân loại. Vấn đề bản địa hóa trong biên dịch nội dung văn hóa                                                                                     | Giảng dạy: Thuyết giảng, giải đáp những thắc mắc của sinh viên về nội dung bài học. | Tham khảo nội dung chiến lược biên dịch webtoon và download phần mềm Photoshop CS6                |
| 2    | Tổng quan về chiến lược biên dịch webtoon và hướng dẫn các kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng phần mềm edit để xóa và chèn lời thoại vào văn bản webtoon                                                   | Giảng dạy: Thuyết giảng, giải đáp những thắc mắc của sinh viên về nội dung bài học. | Biên dịch Webtoon số 1 (Làm qua google sheet)                                                     |
| 3    | Phân tích bản dịch Webtoon số 1 - Tập trung vào nắm bắt cảm xúc của nhân vật, biên dịch từ tượng hình, từ tượng thanh và các yếu tố văn hóa - xã hội trong webtoon.                                       | Giảng dạy và Thảo luận, giải đáp những thắc mắc của sinh viên về nội dung bài học.  | Edit webtoon số 1 (Làm qua Photoshop CS6) - Biên dịch Webtoon số 2 (Làm qua google sheet)         |
| 4    | Phân tích bản dịch Webtoon số 2 - Tập trung vào nắm bắt cảm xúc của nhân vật, biên dịch từ tượng hình, từ tượng thanh và các yếu tố văn hóa - xã hội trong webtoon.                                       | Giảng dạy và Thảo luận, giải đáp những thắc mắc của sinh viên về nội dung bài học.  | Edit webtoon số 2 (Làm qua Photoshop CS6)                                                         |
| 5    | Kiểm tra, nhận xét và đánh giá bản thành phẩm webtoon 1 - 2. Thao tác chỉnh sửa từ hiệu ứng với Photoshop CS6 (Nâng cao)                                                                                  | Giảng dạy, đánh giá nhóm và thực hành với bài tập cụ thể                            | - Chỉnh sửa và hoàn thiện bản webtoon số 1 + 2<br>- Biên dịch Webtoon số 3 (Làm qua google sheet) |
| 6    | Phân tích bản dịch Webtoon số 3 - Tập trung vào nắm bắt cảm xúc của nhân vật, biên dịch từ tượng hình, từ tượng thanh và các yếu tố văn hóa - xã hội trong webtoon.<br>Sinh viên đăng ký tác phẩm giữa kì | Giảng dạy và Thảo luận, giải đáp những thắc mắc của sinh viên về nội dung bài học.  | - Edit webtoon số 3 (Làm qua Photoshop CS6) - Biên dịch Webtoon số 4 (Làm qua google sheet)       |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                            |                                                                                                                                 |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7  | <p>Phân tích bản dịch Webtoon số 4 - Tập trung vào nắm bắt cảm xúc của nhân vật, biên dịch từ tượng hình, từ tượng thanh và các yếu tố văn hóa - xã hội trong webtoon.</p> <p>Thông qua danh sách tác phẩm sử dụng cho bài tập dự án giữa kì</p>     | <p>Giảng dạy và Thảo luận, giải đáp những thắc mắc của sinh viên về nội dung bài học.</p>  | <p>- Edit webtoon số 4 (Làm qua Photoshop CS6)</p> <p>- Biên dịch tác phẩm giữa kì và đăng tải lên trang đánh giá cộng đồng</p> |
| 8  | <p>Kiểm tra, nhận xét và đánh giá bản thành phẩm webtoon 3 - 4.</p> <p>Nhận xét bài giữa kì</p>                                                                                                                                                      | <p>Giảng dạy và Thảo luận, giải đáp những thắc mắc của sinh viên về nội dung bài học.</p>  | <p>- Chỉnh sửa và hoàn thiện bản webtoon số 3 + 4</p>                                                                           |
| 9  | <p>Tổng quan về chiến lược biên dịch phim ảnh và hướng dẫn các kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng phần mềm chèn phụ đề Aegisub</p>                                                                                                                    | <p>Giảng dạy: Thuyết giảng, giải đáp những thắc mắc của sinh viên về nội dung bài học.</p> | <p>- Biên dịch và chèn phụ đề vào trích đoạn phim truyền hình 1 (Làm qua Aegisub)</p>                                           |
| 10 | <p>Phân tích bản dịch trích đoạn phim truyền hình 1: Nắm bắt bối cảnh, đặc trưng của nhân vật, các yếu tố ngôn ngữ văn hóa xã hội Hàn Quốc).</p> <p>Phân tích kỹ thuật, kiểm tra độ phù hợp về thời gian và dung lượng của các đoạn chèn phụ đề.</p> | <p>Giảng dạy và Thảo luận, giải đáp những thắc mắc của sinh viên về nội dung bài học.</p>  | <p>Biên dịch và chèn phụ đề vào trích đoạn phim truyền hình 2 (Làm qua Aegisub)</p>                                             |
| 11 | <p>Phân tích bản dịch trích đoạn phim truyền hình 2: Nắm bắt bối cảnh, đặc trưng của nhân vật, các yếu tố ngôn ngữ văn hóa xã hội Hàn Quốc).</p> <p>Phân tích kỹ thuật, kiểm tra độ phù hợp về thời gian và dung lượng của các đoạn chèn phụ đề.</p> | <p>Giảng dạy và Thảo luận, giải đáp những thắc mắc của sinh viên về nội dung bài học.</p>  | <p>Biên dịch và chèn phụ đề vào trích đoạn phim điện ảnh 1 (Làm qua Aegisub)</p>                                                |
| 12 | <p>Phân tích bản dịch trích đoạn phim điện ảnh 1: Nắm bắt bối cảnh, đặc trưng của nhân vật, các yếu tố ngôn ngữ văn hóa xã hội Hàn Quốc).</p> <p>Phân tích kỹ thuật, kiểm tra độ phù hợp về thời gian và dung lượng của các đoạn chèn phụ đề.</p>    | <p>Giảng dạy và Thảo luận, giải đáp những thắc mắc của sinh viên về nội dung bài học.</p>  | <p>Biên dịch và chèn phụ đề vào trích đoạn phim điện ảnh 2 (Làm qua Aegisub)</p>                                                |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                    |                                                                                         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| 13 | Phân tích bản dịch trích đoạn phim điện ảnh 2: Nắm bắt bối cảnh, đặc trưng của nhân vật, các yếu tố ngôn ngữ văn hóa xã hội Hàn Quốc).<br>Phân tích kỹ thuật, kiểm tra độ phù hợp về thời gian và dung lượng của các đoạn chèn phụ đề.<br>Đăng ký nội dung phim dùng cho bài dự án cuối kì) | Giảng dạy và Thảo luận, giải đáp những thắc mắc của sinh viên về nội dung bài học. | Biên dịch và chèn phụ đề vào tác phẩm cuối kì.<br>Đăng tải lên trang đánh giá cộng đồng |
| 14 | Thuyết trình tác phẩm cuối kì                                                                                                                                                                                                                                                               | Thảo luận, giải đáp những thắc mắc của sinh viên và đánh giá chung                 |                                                                                         |
| 15 | Thuyết trình tác phẩm cuối kì                                                                                                                                                                                                                                                               | Thảo luận, giải đáp những thắc mắc của sinh viên và đánh giá chung                 |                                                                                         |

Nội dung đào tạo trên đây được thiết kế dành cho môn học tự chọn 3 tín chỉ thuộc định hướng đào tạo Biên phiên dịch theo thời lượng 15 tuần tương ứng với 15 tiết lý thuyết và 60 tiết thực hành. Hiện nay, một số đơn vị đang tiến hành đào tạo theo hình thức rút gọn trong vòng 8 tuần, trong trường hợp đó, người thiết kế chương trình sẽ có sự điều chỉnh giữa các nội dung luyện tập trên lớp và bài tập về nhà để phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn.

Đối với chương trình này, người học sẽ được học song song cả về kỹ năng biên dịch và kỹ năng thao tác với các phần mềm hỗ trợ dịch thuật và edit văn bản nội dung văn hóa. Theo đó, người học sẽ không chỉ được củng cố khả năng sử dụng tiếng Hàn mà còn có thể tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin và công việc biên dịch, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực biên dịch của thời đại chuyển đổi số.

## 5. Một số vấn đề liên quan đến phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá

Phương pháp giảng dạy và học tập sẽ bao gồm hai nội dung chính là lý thuyết và

thực hành. Nội dung lý thuyết bao gồm phần thuyết trình do giảng viên hướng dẫn để giới thiệu cho học viên các hình thức dịch thuật cũng như chiến lược biên dịch văn bản nội dung văn hóa khác nhau. Bên cạnh đó, người học cũng sẽ được làm quen với một số điểm đặc thù của biên dịch nội dung văn hóa như các vấn đề và ràng buộc chính về không gian, thời gian và kỹ thuật liên quan đến việc edit văn bản truyện tranh hay tạo phụ đề cho phim ảnh. Bên cạnh đó, giảng viên cũng sẽ hướng dẫn cách thao tác với phần mềm trong quá trình biên dịch.

Phần thực hành sẽ bao gồm cả nội dung biên dịch văn bản vào thao tác với phần mềm hỗ trợ. Bài tập của các thành viên sẽ được đăng tải tại vào một nền tảng chung để người học có thể tham khảo và học hỏi lẫn nhau. Nội dung thảo luận sẽ tập trung vào đánh giá và phê bình bản dịch do người khác tạo ra và thảo luận về các chiến lược tạo phụ đề mới. Ngoài việc sử dụng phần mềm trên lớp, sinh viên sẽ phải làm việc độc lập với phần mềm để phát triển kỹ năng của mình và chuẩn bị bài tập dự án

cho bài thi giữa kì và cuối kì. Bên cạnh đó, để phát triển thêm kĩ năng đọc hiểu và biên dịch và phân tích bản dịch, giảng viên cũng có thể giao bài tập cho sinh viên liên quan đến việc đọc các tài liệu phân tích về chiến lược dịch, tham khảo một số bản dịch phim ảnh và webtoon có sẵn từ đó đưa ra nhận xét về cách thức chuyển ngữ của dịch giả.

Đối với kỹ năng sử dụng phần mềm, trong khung nội dung đề xuất, người học có 2 buổi nghe hướng dẫn và thực hành kỹ năng sử dụng Photoshop CS6 dùng trong biên dịch webtoon (1 buổi cơ bản cho kỹ năng xóa và chèn lời thoại trong bong bóng thoại, 1 buổi nâng cao tập trung vào edit các từ hiệu ứng). Thực tế giảng dạy thực nghiệm của người viết cho thấy, phần lớn sinh viên có khả năng sử dụng thành thạo kỹ năng xóa và chèn lời thoại ngay trong buổi học đầu tiên. Đối với phần mềm dịch phụ đề Aegisub, các nghiên cứu trước đó trên thế giới cũng đã chỉ ra 90% sinh viên tham gia nghiên cứu đều có thể ứng dụng tốt phần mềm này. Sinh viên chỉ cần học một buổi là có thể áp dụng phần mềm vào thực tế, khi tích cực tham gia sử dụng phần mềm hàng tuần, họ đã trở nên quen thuộc và thao tác linh hoạt với phần mềm này (Achmad Basari & Raden Arief Nugroho, 2017, p.55).

Với nội dung kiểm tra đánh giá, người học sẽ có ba đầu điểm chính gồm điểm thường xuyên, điểm giữa kì và điểm cuối kì. Trong đó, điểm thường xuyên sẽ bao gồm điểm chuyên cần và điểm nộp bài tập biên dịch thường xuyên. Điểm giữa kì là bài tập dự án biên dịch webtoon và điểm cuối kì là bài tập dự án biên dịch phim ảnh. Đối với bài cuối kì, sinh viên sẽ trình chiếu sản phẩm và thuyết trình về chiến lược biên dịch đối với một số yếu tố ngôn ngữ văn hóa xã hội liên quan. Điểm đánh giá bản dịch bao gồm hai phần chính là điểm

của giảng viên và điểm đánh giá từ độc giả/khán giả.

### KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Biên dịch nội dung văn hóa (Cultural Contents Translation) đang trở thành một đối tượng mới nhận được nhiều sự quan tâm của giới nghiên cứu và đào tạo biên dịch trên thế giới đặc biệt là tại Hàn Quốc. Việc biên dịch nội dung văn hóa có nhiều điểm khác biệt trong tương quan so sánh với biên dịch truyền thống. Trong đó, biên dịch nội dung văn hóa đòi hỏi người dịch phải thao tác trên các phần mềm xử lý chuyên dụng như chỉnh sửa hình ảnh, chèn phụ đề, căn chỉnh nội dung,... Ngoài ra, tính giới hạn về không gian và thời gian của văn bản yêu cầu người dịch phải lựa chọn những phương án dịch ngắn gọn nhất mà vẫn đảm bảo hiệu quả chuyển ngữ. Do nhân tố quan trọng hàng đầu là bảo lưu ý nghĩa và cảm xúc của bản gốc, người dịch cần lựa chọn một chiến lược biên dịch phù hợp để đảm bảo độc giả có thể dễ dàng tiếp cận và hiểu được cảm xúc cũng như ý nghĩa của văn bản. Theo đó, dịch giả cũng được trao nhiều quyền hơn trong việc tự do sáng tạo nội dung thậm chí thay đổi hình thức/nội dung của bản gốc trong một số trường hợp cụ thể để đảm bảo truyền đạt ý đồ của tác giả.

Giảng dạy biên dịch nội dung văn hóa cho sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn có vai trò quan trọng và mang lại nhiều lợi ích như: hiểu biết sâu hơn về văn hóa Hàn Quốc, nâng cao kỹ năng biên dịch, tạo cơ hội nghề nghiệp, tạo điều kiện cho việc cải thiện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin,... Trên phương diện văn hóa, việc học biên dịch nội dung văn hóa giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các khía cạnh văn hóa, tập tục, truyền thống của đất nước Hàn Quốc. Điều này giúp họ trở thành những người dịch có kiến thức chuyên sâu và nhạy bén về văn hóa. Trên phương diện ngôn ngữ,

biên dịch nội dung văn hóa đòi hỏi sự linh hoạt và khả năng hiểu biết sâu rộng về ngôn ngữ và văn hóa. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ, từ vựng, ngữ pháp cũng như khả năng phân tích và diễn giải ngữ cảnh. Việc thành thạo kỹ năng này sẽ giúp sinh viên có nhiều cơ hội nghề nghiệp trong tương lai đặc biệt là gia nhập vào ngành công nghiệp sáng tạo nội dung văn hóa.

Trong bài nghiên cứu này, trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm từ một số chương trình đào tạo hiện hành tại Hàn Quốc và trên thế giới, người viết đã tiến hành xây dựng chương trình tham khảo cho học phần Biên dịch Nội dung văn hóa Hàn Quốc. Chương trình được xây dựng theo mô hình môn học tự chọn 3 tín chỉ (1 tín chỉ lý thuyết và 2 tín chỉ thực hành). Bên cạnh đó, người viết cũng đã đề xuất một số vấn đề liên quan đến phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo định hướng tăng cường tính chủ động và sáng tạo cũng như mức độ tham gia của sinh viên vào hoạt động biên dịch và đánh giá văn bản dịch.

Trong thời gian sắp tới, để có thể kiểm nghiệm và bổ sung cho hướng nghiên cứu này, người viết sẽ tiếp tục triển khai một số hoạt động giảng dạy thực nghiệm cho sinh viên năm thứ Ba chuyên ngành Biên phiên dịch. Đồng thời, mở rộng thêm một số hướng nghiên cứu chuyên sâu hơn về chiến lược biên dịch văn bản nội dung văn hóa để sử dụng làm tư liệu phục vụ cho hoạt động giảng dạy.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Anh

- 1) Achmad Basari & Raden Arief Nugroho (2017). "The use of Aegisub in teaching audiovisual translation classes: A review on it-based subtitling course". *Proceedings Education and Language International Conference*, Vol 1, No 1 (2017). 49-56.

- 2) Alonso-Perez, Rosa & Sanchez Requena, Alicia (2018). "Teaching foreign languages through audiovisual translation resources: teachers' perspectives". *Applied Language Learning*, 28 (2), 1-24.
- 3) Center for Applied Liberal Arts, *Audiovisual Translation Course*, NYU School of Professional Studies, <https://www.sps.nyu.edu/homepage/academics/courses/TRAN1-GC3035-audiovisual-translation.html>, truy cập ngày 25/2/2024.
- 4) Hellenic American KΔBM (2022), Diploma in Audiovisual Translation and Subtitling - Online Program, <https://www.haec.gr/en/online-diploma-in-audiovisual-translation>.
- 5) London Metropolitan University (2024). TR7057 - Subtitling (2024/25), <https://intranet.londonmet.ac.uk/module-catalogue/record.cfm?mc=TR7057>.
- 6) SOAS University of London (2023). Introduction to Audiovisual Translation, <https://www.soas.ac.uk/courseunits/introduction-audiovisual-translation>.
- 7) Università di Bologna (2024). 82054 - Audiovisual Translation (CL1), <https://www.unibo.it/en/study/phd-professional-masters-specialisation-schools-and-other-programmes/course-unit-catalogue/course-unit/2022/485394>.
- 8) University of Surrey (2023). *Audiovisual Translation - 2023/4*, <https://catalogue.surrey.ac.uk-/2023-4/module/TRAM498>.

### Tiếng Hàn

- 1) 국가법령정보센터 (2023). 「콘텐츠번역지침법」. <https://www.law.go.kr/>
- 2) 번역아카데미 (2023). 「기초 미디어번역이론」. 한국문학번역원
- 3) 정창권 (2010). 「문화콘텐츠와 스토리텔링」. 포항공대신문. <https://times.postech.ac.kr/>.
- 4) 한류지원협력과 (2022). 「중점관리 대상사업 - 콘텐츠 번역인력 양성」. 문화체육관광부. <https://mcst.go.kr/kor/>.

**Abstract**

COMPILING CULTURAL CONTENT  
TRANSLATION MODULE FOR KOREAN-  
MAJORED STUDENTS (FOCUS ON FILM  
AND WEBTOON TRANSLATION FIELD)

**Tran Tung Ngoc, M.A**  
**Faculty of Korean Language -**  
**Phenikaa University**

*The recent years witness a booming of the Korean cultural wave (Hallyu) coupling with digital media technology, which contributes to the rapid growth of Korean cultural content (K-Contents) creation. Korea embraces an enormous and dynamic web content market. Particularly, in these days, online platforms have been a fruitful condition for culture to be created and shared not only in Korea but also other countries over the world. To meet the market requirements, it is urgent to train and improve the quality of cultural content translation. The fields involved in translating cultural content are extremely diverse and prosperous, including some typical fields such as film translation (cinema, television, online shows,...),*

*translation of comics, webtoons, video games, online novels... In the scope of this area, translating cultural content requires specialized knowledge and unique rules compared to traditional types of translation such as literature, business texts or press news. To contribute to improving diversity in Korean translation and interpretation training and meet the rising demands of the market, the article lays its emphasis on compiling a cultural content translation module for students majoring in Korean language and Korean studies, in which two main aspects are mostly focused: movies and webtoons. Accordingly, upon the findings of previous research and referencing the training programs of several Korea institutions, the research proposes a program outline and some suggestions on teaching methods as well as assessment tools for this module.*

**Keywords:** Korean translation, Cultural content translation, Korean education, Korean culture, K-Contents

## ĐỊNH HƯỚNG TRONG ĐÀO TẠO BIÊN PHIÊN DỊCH CHO SINH VIÊN NGÀNH TIẾNG HÀN Ở VIỆT NAM

Nguyễn Lê Thu\*

### Tóm tắt

*Nghiên cứu đặt mục tiêu đề xuất một định hướng trong đào tạo biên phiên dịch cho sinh viên ngành tiếng Hàn ở Việt Nam hiện nay. Để có cơ sở đề xuất, nghiên cứu đã khảo sát những lý thuyết chính liên quan đến dịch thuật và hình thành năng lực dịch thuật, từ đó, xác định những yêu cầu đối với một biên phiên dịch viên tiếng Hàn. Sau khi khảo sát tình hình đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn ở các trường đại học, nghiên cứu đi đến những đề xuất để khắc phục những vấn đề hiện tại, qua đó, cho thấy định hướng trong công tác đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn ở Việt Nam.*

**Từ khóa:** biên phiên dịch, đào tạo biên phiên dịch, tiếng Hàn v.v...

### 1. Đặt vấn đề

Biên - Phiên dịch là môn học không thể thiếu trong chương trình đào tạo các ngành ngôn ngữ nước ngoài nói chung và ngành ngôn ngữ Hàn Quốc nói riêng. Thông qua việc học tập Biên - Phiên dịch, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức về ngôn ngữ nước ngoài đã được học trong các môn học thực hành của giai đoạn cơ sở, hình thành năng lực ứng dụng ngoại ngữ trên thực tế. Do vậy, các môn học biên phiên dịch không chỉ giúp sinh viên ôn tập, củng cố các kiến thức tiếng đã học mà còn nâng cao trình độ tiếng của sinh viên, giúp sinh viên bước đầu có kỹ năng và thói quen sử dụng ngôn ngữ mà mình đã theo học trên thực tế.

Các học phần Biên - Phiên dịch dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc thường được xem là những học phần cần thiết trong chương trình giảng dạy ngoại ngữ để thực hành các kỹ năng tiếng Hàn. Các trường đại học, cao đẳng đào tạo tiếng Hàn thường đưa các học phần Biên - Phiên dịch vào chương trình đào tạo sau giai đoạn tập trung học thực hành tiếng Hàn, một số đơn vị đã bước đầu biên soạn giáo trình và tài liệu giảng dạy môn học có định hướng cụ thể, vận dụng các phương pháp giảng dạy biên phiên dịch, sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá hữu hiệu để không chỉ nâng cao trình độ tiếng Hàn mà còn trang bị năng lực biên phiên dịch tiếng Hàn cho sinh viên.

Hầu hết mục tiêu đào tạo của các trường đại học có ngành tiếng Hàn ở Việt Nam hiện nay đều xác định đào tạo nguồn nhân lực

---

\* Tiến sĩ; Đại học Phenikaa; Email: thunl1981@gmail.com

tiếng Hàn có kiến thức và năng lực tiếng Hàn đạt trình độ cao cấp, có năng lực dịch thuật tiếng Hàn, có thể sử dụng tiếng Hàn một cách thành thạo trong việc chuyển ngữ từ tiếng Hàn sang tiếng Việt và ngược lại. Điều này cũng xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của xã hội là cần một lực lượng lớn các biên dịch viên, phiên dịch viên tiếng Hàn có thể đảm nhiệm tốt công việc biên phiên dịch trong công ty, doanh nghiệp Hàn Quốc. Như vậy, mục tiêu giảng dạy biên phiên dịch tiếng Hàn ở các trường đại học sẽ không chỉ dừng lại ở việc coi biên phiên dịch tiếng Hàn là những học phần giúp thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mà còn hướng đến mục đích xa hơn là đào tạo nghề nghiệp dịch thuật cho sinh viên để sinh viên có thể trở thành biên phiên dịch viên tiếng Hàn chuyên nghiệp. Đây là thách thức không nhỏ đối với các cơ sở đại học bởi đào tạo nguồn nhân lực biên phiên dịch tiếng Hàn bài bản không chỉ dạy các kỹ năng tiếng Hàn mà còn phải trang bị cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ, kỹ năng dịch thuật. Bài viết tập trung vào tìm hiểu và phân tích cơ sở lý thuyết về dịch thuật và năng lực dịch thuật và các yêu cầu đối với sinh viên ngành tiếng Hàn, đối tượng sẽ sử dụng tiếng Hàn cho công việc dịch thuật sau khi tốt nghiệp. Đồng thời, nghiên cứu cũng tìm hiểu thực trạng đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn ở các trường đại học, từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của việc đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn ở các trường đại học Việt Nam hiện nay.

## 2. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Các quan điểm về dịch thuật

Có nhiều quan điểm về khái niệm dịch thuật khác nhau, nhưng nhìn chung, đại đa số các nhà nghiên cứu đều coi dịch thuật là quá trình chuyển dịch từ ngữ và ý nghĩa từ một văn bản của ngôn ngữ này sang một văn bản sử dụng ngôn ngữ khác, hay còn gọi là từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ

đích. Quá trình chuyển dịch này không đơn thuần là sự chuyển đổi từ ngữ mà còn phải hướng tới sự chuyển tải ý nghĩa hàm ẩn trong từ ngữ của ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích. Quá trình này bao gồm nhiều công đoạn như tìm hiểu, cắt nghĩa nội dung văn bản nguồn thông qua phương tiện từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, giá trị giao tiếp, bối cảnh văn hóa của ngôn ngữ nguồn, từ đó tái cấu trúc thông điệp ấy bằng cách sử dụng các phương tiện ngữ pháp, từ vựng phù hợp với các chuẩn mực ngôn ngữ và bối cảnh văn hóa của ngôn ngữ đích.<sup>1</sup>

Nhắc đến dịch thuật, không thể không bàn đến khái niệm tương đương. Trong lịch sử, dịch được coi là một nhánh của lý thuyết ngôn ngữ và phải đến nửa sau của thế kỷ XX, dịch thuật mới được phát triển thành một bộ môn khoa học. Ngay từ khi dịch thuật ra đời, tương đương dịch thuật đã được bàn đến, từ sự giống và khác nhau của hai đơn vị ngôn ngữ nào đó của hai hệ thống ngôn ngữ, sau này, tương đương dịch thuật đã trở thành vấn đề phức tạp hơn, được bàn luận không ngừng với các tên tuổi như Savory, Catford, Nida và Taber, Wilss, Barkhudarop, Newmark, Koller, Baker, Venuti v.v... Hiện nay, tương đương dịch thuật được gói gọn trong nhóm quan điểm: (1) Tương đương là điều kiện cần thiết để dịch thuật thực hiện được và tương đương là mục đích của dịch thuật, là cái có thể đạt được (Catford, Nida, Toury, Koller); (2) Tương đương dịch thuật là không thể thực hiện được và là điều cản trở cho việc nghiên cứu dịch thuật (Snell - Hornby, Gentzler); (3) Tương đương là cách phân loại hữu ích để mô tả và nghiên cứu dịch thuật (Baker), là khái niệm tận dụng để nghiên cứu dịch thuật và thực hành dịch thuật chứ không hẳn là do đơn vị nào đó của khái niệm này trong lý

<sup>1</sup> Lê Thị Giao Chi (2015), Một số cách tiếp cận tương đương dịch thuật, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, Số 4(89).2015. tr.51.

thuyết dịch. Những quan niệm về tương đương dịch thuật phản ánh quan niệm về bản chất của dịch thuật và vấn đề tương đương dịch thuật vẫn còn tiếp tục cần được nghiên cứu.<sup>2</sup> Qua đó, có thể thấy, những người làm công việc giảng dạy dịch thuật không thể không nắm bắt và cập nhật những thành tựu nghiên cứu liên quan.

## **2.2. Năng lực dịch thuật, năng lực biên phiên dịch và yêu cầu đối với biên phiên dịch viên tiếng Hàn**

### **2.2.1. Năng lực dịch thuật và năng lực biên phiên dịch**

Theo Lê Hùng Tiến (2017), về bản chất, dịch thuật là một hoạt động phức tạp bao gồm sự hiểu biết và thành thạo ở nhiều lĩnh vực và kỹ năng. Năng lực dịch thuật bao hàm tính phức tạp, tính tương đối, tính mở và tính lịch sử. Trong đó, tính phức tạp của năng lực dịch thuật được hiểu là sự phức tạp của kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và kiến thức về các chuyên ngành liên quan, và những kỹ năng cần có của một biên phiên dịch. Năng lực dịch thuật mang tính tương đối bởi biên phiên dịch viên dù có năng lực toàn diện về ngôn ngữ cùng với sự hiểu biết sâu về chuyên ngành dịch đến đâu cũng vẫn không thể đạt tới trình độ chuyên gia về hiểu biết và còn chịu ảnh hưởng bởi kỹ năng của người phát ngôn và người tiếp nhận. Năng lực dịch thuật còn có tính lịch sử dựa trên kinh nghiệm của người dịch tích lũy được trong quá trình xử lý các khác biệt về ngôn ngữ. Vì vậy, năng lực dịch thuật còn mang tính mở và biên phiên dịch viên luôn phải thường xuyên trau dồi kiến thức và tự nâng cao các năng lực cần có, cũng như tích lũy các kinh nghiệm dịch thuật để xử lý được các tình huống dịch mới.<sup>3</sup>

<sup>2</sup> Lê Hùng Tiến (2010), Tương đương dịch thuật và tương đương trong dịch Anh - Việt, Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Ngoại ngữ 26, tr.142.

<sup>3</sup> Lê Hùng Tiến (2017), Về cơ sở lý luận đào tạo biên phiên dịch ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài, Tập 33, Số 2 (2017). Tr. 109.

Neubert (2000) đã phân chia năng lực dịch thuật thành các năng lực thành phần cụ thể: năng lực ngôn ngữ, năng lực ngôn cảnh, năng lực chuyên ngành, năng lực văn hóa và năng lực chuyển dịch. Năng lực ngôn ngữ được hiểu là năng lực cao nhất trong thang bậc đo lường khả năng vận dụng ngôn ngữ bởi nó đòi hỏi sự thành thục và tinh tế trên bình diện từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp của cả ngữ nguồn và ngữ đích. Năng lực ngôn cảnh được hiểu là năng lực diễn ngôn, có thể hiểu và tái tạo ngôn bản trong hoàn cảnh cụ thể để đạt được mục đích giao tiếp, năng lực xử lý và kiến tạo ngôn bản. Năng lực chuyên ngành được hiểu là mức độ hiểu biết về kiến thức chuyên ngành đủ để chuyển dịch nội dung chuyên môn và năng lực này được bồi đắp một cách rõ rệt ở biên phiên dịch viên hành nghề lâu trong một chuyên ngành. Năng lực văn hóa là năng lực chuyển dịch phù hợp và dàn hòa được những bất đồng từ khác biệt văn hóa của ngữ nguồn và ngữ đích. Năng lực chuyển dịch là năng lực sử dụng các thủ thuật và chiến lược chuyển đổi văn bản từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích. Năm năng lực thành phần này kết hợp và tương tác với nhau tạo thành năng lực dịch thuật, làm cho dịch thuật khác biệt với các hoạt động và lĩnh vực giao tiếp khác.<sup>4</sup>

Các nhà nghiên cứu cũng đều cùng chung quan điểm đào tạo biên phiên dịch viên cần phải gắn với nhu cầu của xã hội, gắn với hoàn cảnh hành nghề là hoàn cảnh văn hóa xã hội cụ thể. Vì vậy, ngoài năng lực dịch thuật, biên phiên dịch viên cần được phát triển những kỹ năng phù hợp với đòi hỏi của nghề biên phiên dịch như kỹ năng tương tác với con người như với đồng nghiệp, với các nhà chuyên môn, nhà quản lý và khách hàng ...; kỹ năng học tập và tự trau dồi, tự tìm hiểu và phát hiện các chuẩn mực, nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp ...; kỹ

<sup>4</sup> Lê Hùng Tiến (2019), như trên, tr. 109 ~ 110.

năng thích nghi với môi trường và điều kiện làm việc (dịch với máy móc, phần mềm hỗ trợ, sử dụng các cơ sở dữ liệu thuật ngữ ...); kỹ năng tra cứu, phân tích, đánh giá, kỹ năng hiệu đính, kỹ năng biên tập v.v...

### **2.2.2. Yêu cầu đối với biên phiên dịch viên tiếng Hàn**

Trên cơ sở những phân tích về năng lực dịch thuật và năng lực biên phiên dịch, có thể thấy, biên phiên dịch viên tiếng Hàn cũng cần được trang bị những năng lực dịch thuật và năng lực biên phiên dịch nêu trên. Biên phiên dịch viên tiếng Hàn cần có những kiến thức và hiểu biết về tiếng Hàn và tiếng Việt, biết vận dụng tiếng Hàn và tiếng Việt một cách thành thục và tinh tế trên tất cả các phương diện ngôn ngữ bao gồm từ vựng, ngữ âm và ngữ pháp của tiếng Hàn, tiếng Việt. Đội ngũ biên phiên dịch viên tiếng Hàn ở đây được hiểu chủ yếu là biên phiên dịch viên người Việt biết tiếng Hàn. Bởi vậy, kiến thức và hiểu biết về tiếng Hàn được coi là điều kiện bắt buộc và tiên quyết, quyết định năng lực dịch thuật của biên phiên dịch. Biên phiên dịch tiếng Hàn cần hiểu được đặc điểm ngôn ngữ tiếng Hàn là ngôn ngữ chắp dính, khác với loại hình ngôn ngữ đơn lập là tiếng Việt, những phạm trù và đặc điểm ngữ pháp chủ yếu của tiếng Hàn. Đồng thời, biên phiên dịch viên tiếng Hàn cần phải là người có năng lực diễn ngôn, có thể hiểu và tái tạo được ngôn bản từ tiếng Hàn sang tiếng Việt và ngược lại, trong hoàn cảnh cụ thể để đạt được mục đích giao tiếp. Vì vậy, biên phiên dịch viên tiếng Hàn cần có độ nhạy cảm nhất định với những đặc trưng ngôn ngữ thể hiện qua từ vựng, cấu trúc của tiếng Hàn và tiếng Việt. Bên cạnh đó, biên phiên dịch tiếng Hàn cũng cần có năng lực chuyên ngành, năng lực này được hiểu là kiến thức chuyên ngành về lĩnh vực chuyên môn liên quan đến hoạt động dịch thuật. Năng lực này cần được tích lũy từ sớm thông qua việc tự trau dồi, học tập hoặc tiếp nhận thông tin qua các

phương tiện truyền thông, internet v.v... đảm bảo có thể tự tìm kiếm và tự trang bị cho mình ở mức độ hiểu biết nhất định khi cần tới. Ngoài ra, người làm công tác biên phiên dịch tiếng Hàn cũng cần là người có một vốn hiểu biết sâu sắc về đất nước, văn hóa Hàn Quốc, hiểu rõ những tương đồng và khác biệt trong văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc, hệ giá trị và cách ứng xử, lối suy nghĩ, tư duy của hai dân tộc. Cuối cùng, biên phiên dịch viên tiếng Hàn cũng cần có năng lực chuyển dịch ngôn ngữ nhất định. Họ cần được trang bị những thủ thuật và chiến lược chuyển đổi văn bản từ tiếng Hàn sang tiếng Việt và ngược lại. Năng lực này giúp cho quá trình chuyển ngữ của biên phiên dịch viên được chính xác, đầy đủ và tối đa ý nghĩa của ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích. Ngoài ra, biên phiên dịch viên tiếng Hàn cũng cần được trang bị những kỹ năng phục vụ cho quá trình hành nghề, cần được tối luyện những phẩm chất và thái độ phù hợp với những đòi hỏi của nghề dịch thuật.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

Ở nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng những phương pháp nghiên cứu cần thiết cho một nghiên cứu lý thuyết, trong đó, đặc biệt phát huy tối đa các phương pháp lý luận và phương pháp thu thập dữ liệu, phân tích, tổng hợp. Phương pháp lý luận giúp chúng tôi vận dụng các luận điểm, lý luận làm cơ sở, nền tảng cho những luận điểm về dịch thuật và năng lực dịch thuật trong nghiên cứu. Phương pháp thu thập số liệu thể hiện qua việc tìm kiếm, tổng hợp thông tin, kiến thức và lý thuyết từ các nguồn sẵn có để xây dựng cơ sở lý thuyết cho nghiên cứu, đồng thời, thu thập các thông tin, dữ liệu về tình hình đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn hiện nay ở Việt Nam để làm sáng rõ những hạn chế, khó khăn của ngành. Từ những luận cứ, kết quả thu được trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi tổng hợp lại và đưa ra những luận điểm mang tính đề xuất về định hướng đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn ở Việt Nam.

## 4. Kết quả nghiên cứu

### 4.1. Tình hình đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn ở các trường đại học Việt Nam

Theo thống kê của Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam và Văn phòng Hà Nội của Quỹ Giao lưu Quốc tế Hàn Quốc (Korea Foundation), tính đến thời điểm hiện tại, ở

Việt Nam có khoảng 46 trường đại học, cao đẳng có thành lập khoa tiếng Hàn Quốc/Hàn Quốc học hoặc có đào tạo chuyên ngành tiếng Hàn Quốc.<sup>5</sup> Các chương trình đào tạo chủ yếu đặt mục tiêu đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, Hàn Quốc học và đều xác định vị trí việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp có liên quan đến công việc biên phiên dịch tiếng Hàn. Để trang bị năng lực dịch thuật cho sinh viên, phần lớn các chương trình đào tạo được thiết kế theo đường hướng học tiếng Hàn ở hai năm cơ sở (hoặc học tiếng Hàn là chính) và cộng thêm một số học phần dạy về biên phiên dịch ở các học kỳ cuối. Thực trạng đào tạo các môn liên quan đến biên phiên dịch tiếng Hàn ở các trường đại học Việt Nam có thể khái quát trong bảng sau<sup>6</sup>:

| Stt | Tên cơ sở đào tạo            | Học kì đào tạo | Tên học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | GT/TLTK                                                                                            | Cơ sở vật chất, trang thiết bị <sup>7</sup>               |
|-----|------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN | Học kì 5       | Phiên dịch, Biên dịch, Lý thuyết nghiệp vụ biên phiên dịch, Phiên dịch chuyên ngành (Kinh tế thương mại), Biên dịch chuyên ngành (Kinh tế thương mại), Dịch văn bản tin tức báo chí, Phiên dịch nâng cao, Biên dịch nâng cao, Phân tích đánh giá bản dịch, Dịch cabin                                                         | Giáo trình Biên dịch, Giáo trình Dịch, Giáo trình Dịch nâng cao + Tập bài giảng do GV tự biên soạn | Có phòng máy dạy thực hành dịch và va li dịch di động     |
| 2   | Trường ĐH Hà Nội             | Học kì 6       | Nhập môn biên phiên dịch, Biên dịch 1, 2, 3, Phiên dịch 1, 2, 3, Biên phiên dịch nâng cao, Phân tích đánh giá bản dịch, Biên phiên dịch chuyên đề Báo chí, Biên phiên dịch chuyên đề Kinh tế - Thương mại, Biên phiên dịch chuyên đề Du lịch, Biên phiên dịch chuyên đề Văn hóa - Xã hội, Biên phiên dịch chuyên đề Pháp luật | Tập bài giảng do GV tự biên soạn                                                                   | Có phòng thực hành phiên dịch với phần mềm dạy phiên dịch |

<sup>5</sup> <https://www.facebook.com/share/dKASKgGYhhsqbDM3/?mibextid=WC7FNe>

<sup>6</sup> Nghiên cứu chủ yếu thống kê các học phần của định hướng này và khoanh vùng phạm vi khảo sát ở một số trường đại học có lịch sử và quy mô đào tạo tương đối lớn hiện nay. Các chương trình đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Hàn Quốc có định hướng đào tạo Biên - Phiên dịch và số lượng các học phần liên quan đến biên phiên dịch nhiều hơn.

<sup>7</sup> Hầu hết các trường đại học đều có phòng máy tính được trang bị máy tính, loa đài, mic phục vụ cho việc giảng dạy nói chung. Tuy nhiên, các giờ dạy dịch vẫn chủ yếu được tiến hành ở phòng học thông thường. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được đề cập ở đây được hiểu là phòng thực hành dịch, nơi giảng viên và sinh viên có thể tiến hành hoạt động dạy-học biên phiên dịch với máy móc, phần mềm.

|    |                                           |           |                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                         |  |
|----|-------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--|
| 3  | Trường ĐH KHXH&NV                         | Năm thứ 3 | Đối dịch Hàn - Việt (Biên dịch), Đối dịch Hàn - Việt (Phiên dịch)                                                                                                                                                                               | Tập bài giảng do GV tự biên soạn                                        |  |
| 4  | Trường ĐH Thăng Long                      | Năm thứ 3 | Lý thuyết dịch, Dịch viết (1, 2, 3), Dịch nói (1, 2, 3), Dịch viết (1, 2, 3)                                                                                                                                                                    | Tập bài giảng do GV tự biên soạn                                        |  |
| 5  | Đại học Công nghiệp Hà Nội                | Học kì 6  | Lý thuyết dịch tiếng Hàn Quốc, Biên dịch tiếng Hàn Quốc (1, 2, 3), Phiên dịch tiếng Hàn Quốc (1, 2, 3)                                                                                                                                          | Tập bài giảng do GV tự biên soạn                                        |  |
| 6  | Đại học Hạ Long                           | Học kì 5  | Lý thuyết dịch, Thực hành phiên dịch, Thực hành biên dịch, Biên dịch chuyên ngành, Phiên dịch chuyên ngành, Phân tích đánh giá văn bản dịch                                                                                                     | Tập bài giảng do GV tự biên soạn                                        |  |
| 7  | Đại học Đại Nam                           | Học kì 4  | Nhập môn Biên phiên dịch, Biên dịch cơ bản, Phiên dịch cơ bản, Biên dịch trung cấp, Phiên dịch trung cấp, Biên dịch nâng cao, Phiên dịch nâng cao                                                                                               | Tập bài giảng do GV tự biên soạn                                        |  |
| 8  | Đại học Phenikaa                          | Học kì 5  | Nhập môn Biên phiên dịch, Biên dịch 1, 2, 3, Phiên dịch 1, 2, 3, Biên phiên dịch chuyên đề kinh tế, Biên phiên dịch chuyên đề văn hóa xã hội, Phân tích đánh giá bản dịch, Biên phiên dịch chuyên đề du lịch, Biên phiên dịch chuyên đề kinh tế | Tập bài giảng do GV tự soạn                                             |  |
| 9  | Đại học CMC                               | Học kì 5  | Thực hành Biên dịch Hàn Việt, Thực hành Phiên dịch Hàn Việt, Dịch thuật nâng cao                                                                                                                                                                | Tập bài giảng do GV biên soạn                                           |  |
| 10 | Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế     | Học kì 6  | Lý thuyết dịch 1, 2, Thực hành dịch Viết 1, 2, 3, Thực hành dịch Nói 1, 2, 3, Dịch nâng cao, Dịch văn bản, Dịch văn học                                                                                                                         | Tập bài giảng do GV tự soạn kết hợp với tài liệu tham khảo của Hàn Quốc |  |
| 11 | Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng | Học kì 5  | Lý thuyết dịch, Thực hành dịch nói Hàn - Việt 1, 2, Thực hành dịch viết Hàn - Việt 1, 2, Thực hành dịch nói Việt - Hàn 1, 2, Thực hành dịch viết Việt - Hàn 1, 2                                                                                | Tập bài giảng do GV tự biên soạn                                        |  |

|    |                                   |          |                                                                                                                                                                                                                 |                                  |                                    |
|----|-----------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|
| 12 | Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG TP HCM     | Học kì 6 | Biên phiên dịch tiếng Hàn cơ bản, Biên dịch tiếng Hàn nâng cao, Phiên dịch tiếng Hàn nâng cao                                                                                                                   | Tập bài giảng do GV tự biên soạn |                                    |
| 13 | Đại học sư phạm TP HCM            | Học kì 3 | Lý thuyết dịch, Thông dịch luân phiên Hàn-Việt 1,2, Biên dịch hành chính văn phòng Hàn -Việt, Việt Hàn, Biên dịch kinh tế xã hội, Dịch văn bản Hàn- Việt, Việt - Hàn                                            | Tập bài giảng do GV tự biên soạn |                                    |
| 14 | Đại học Văn Lang                  | Học kì 5 | Lý thuyết và kĩ thuật biên phiên dịch, Phiên dịch tổng hợp, Biên dịch tổng hợp, Phiên dịch thương mại, Biên dịch văn học, Biên dịch Báo chí - tin tức, Phân tích và đánh giá bản dịch, Biên phiên dịch nâng cao | Tập bài giảng do GV tự biên soạn |                                    |
| 15 | Đại học Công nghệ TP HCM (HUTECH) | Năm 3    | Lý thuyết biên phiên dịch tiếng Hàn, Phiên dịch tiếng Hàn 1, Phiên dịch tiếng Hàn 2, Biên dịch tiếng Hàn 1, Biên dịch tiếng Hàn 2                                                                               | Tập bài giảng do GV tự biên soạn | Có phòng thực hành biên phiên dịch |
| 16 | Đại học Đông Á                    | Học kì 4 | Lý thuyết dịch, Biên dịch 1, Biên dịch 2, Biên dịch nâng cao, Phiên dịch 1, Phiên dịch 2, Phiên dịch nâng cao                                                                                                   | Tập bài giảng do GV tự biên soạn |                                    |
| 17 | Đại học Quốc tế Hồng Bàng         | Học kì 5 | Lý thuyết dịch, Phiên dịch tiếng Hàn, Biên dịch tiếng Hàn                                                                                                                                                       | Tập bài giảng do GV tự biên soạn |                                    |
| 18 | Đại học Đà Lạt                    | Học kì 7 | Dịch nói tiếng Hàn 1, 2, Dịch viết tiếng Hàn 1, 2                                                                                                                                                               | Tập bài giảng do GV tự biên soạn |                                    |
| 19 | Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu         | Học kì 7 | Thực hành dịch 1, Thực hành dịch 2                                                                                                                                                                              | Tập bài giảng do GV biên soạn    |                                    |

Thống kê cho thấy, đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn ở Việt Nam mới chủ yếu hiện thực hóa mục tiêu hỗ trợ nâng cao kĩ năng thực hành tiếng cho sinh viên. Các học phần biên phiên dịch thường được bố trí ở học kì 3, 4, sau khi giai đoạn cơ sở, là khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức và kĩ năng thực hành tiếng Hàn. Sau giai đoạn này, các

trường triển khai các giảng dạy các học phần biên, phiên dịch, học phần liên quan đến lý thuyết dịch ở giai đoạn chuyên ngành. Mô hình đào tạo này theo khái niệm của Pym là “Đường hướng Lục địa (The Continental approach)”<sup>8</sup>. Các học phần cũng chủ yếu

<sup>8</sup> Lê Hùng Tiến (2017), tr. 112.

hướng đến thực hành, chỉ có một học phần liên quan đến lý thuyết dịch hoặc một học phần liên quan đến kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch. Đội ngũ giảng dạy đa phần là giảng viên được đào tạo về ngôn ngữ Hàn Quốc hoặc Hàn Quốc học. Bên cạnh đó, hầu hết các cơ sở đào tạo đều chưa có giáo trình chính thức, chủ yếu là tập bài giảng do giảng viên tự soạn, kết hợp với tài liệu tham khảo là một số giáo trình, sách tham khảo về biên phiên dịch tiếng Hàn của một số tác giả người Việt và một số đầu sách về lý luận biên phiên dịch của tác giả Hàn Quốc. Việc nhiều cơ sở áp dụng tập bài giảng do giảng viên tự soạn cho thấy sự thiếu hụt một giáo trình hệ thống, bài bản, chuyên sâu về đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn. Mặt khác, phần lớn các giảng viên phụ trách môn học đều không có chuyên môn sâu về dịch thuật, chủ yếu đứng lớp với vai trò truyền nghề, truyền kinh nghiệm. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy dịch còn thiếu thốn, rất ít các trường đại học có phòng thực hành dịch (có sử dụng thiết bị máy móc kết hợp với phần mềm đào tạo dịch). Từ đó, có thể đánh giá được rằng hiện nay các cơ sở đào tạo tiếng Hàn chính quy khó đạt được mục tiêu đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn đáp ứng nhu cầu xã hội bởi hầu hết mới chỉ dừng lại ở đào tạo biên phiên dịch như là các học phần bổ trợ cho đào tạo kỹ năng ngôn ngữ, hơn là đào tạo biên phiên dịch theo định hướng nghề nghiệp. Vì vậy, việc giảng dạy biên phiên dịch theo hướng chuyên nghiệp cần có sự nhận thức của các cơ sở đào tạo, những nỗ lực nhằm đưa ra những giải pháp phù hợp về thời lượng, cũng như khối lượng kiến thức và thực hành dịch thuật.

#### **4.2. Một số đề xuất mang tính định hướng cho đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn ở các trường đại học**

Trong bối cảnh đào tạo tiếng Hàn chính quy đang không ngừng gia tăng về

quy mô, các trường đại học cần tập trung vào nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo sinh viên sau khi ra trường có thể đảm nhận ngay công việc biên phiên dịch tiếng Hàn tại các cơ quan, doanh nghiệp Hàn Quốc. Cho đến nay đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn ở Việt Nam chủ yếu được tiến hành theo mô hình Đường hướng Lục địa, đó là đào tạo kiến thức kỹ năng tiếng Hàn ở giai đoạn cơ sở và đào tạo các học phần liên quan đến thực hành dịch, thêm vào đó đội ngũ giảng viên đa số đều tốt nghiệp chuyên ngành ngôn ngữ Hàn Quốc, Hàn Quốc học, hầu hết đều chưa có chứng chỉ biên phiên dịch, cộng với việc cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động thực hành dạy dịch chưa được đầu tư bài bản và hệ thống như hiện nay, để có thể đào tạo được nguồn nhân lực biên phiên dịch tiếng Hàn chính quy được chuẩn hóa và có chất lượng, đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn ở Việt Nam cần những bước thay đổi tích cực. Những thay đổi đó nên tập trung vào: 1) Chính sửa, xây dựng nội dung của chương đào tạo theo đường hướng tăng cường kiến thức về dịch thuật, phương pháp dịch thuật cho sinh viên; 2) Chuẩn hóa đội ngũ phụ trách giảng dạy biên phiên dịch tiếng Hàn; 3) Xây dựng giáo trình, tài liệu giảng dạy dành cho biên phiên dịch tiếng Hàn người Việt Nam; 4) Trang bị cơ sở vật chất cho hoạt động dạy thực hành dịch, trang bị phần mềm đào tạo dịch thuật.

Trước hết, chương trình đào tạo cử nhân ngôn ngữ Hàn Quốc ở các trường đại học cần rà soát, điều chỉnh chương trình để tăng thêm kiến thức về lý luận dịch thuật, phương pháp dịch thuật cho sinh viên. Các khoa đào tạo cần đặc biệt quan tâm hơn đến nền tảng lý luận về phương pháp dịch, về quy trình dịch thuật, kỹ năng nghiệp vụ trong đào tạo dịch thuật chuyên nghiệp. Ngoài những khối kiến thức ngôn ngữ, các

chương trình cần tiếp tục củng cố khối kiến thức về đất nước và văn hóa, về giao tiếp liên văn hóa để trang bị cho người học những hiểu biết đúng đắn về đất nước và con người Hàn Quốc, hệ giá trị và những tương đồng, khác biệt trong văn hóa của hai nước. Bên cạnh đó, các học phần biên phiên dịch cũng cần chú trọng rèn luyện năng lực tra cứu và xây dựng thuật ngữ, kiến thức và ngôn ngữ chuyên ngành (ví dụ như một số lĩnh vực hành nghề phổ biến sau khi tốt nghiệp như luật, kinh tế-thương mại, kỹ thuật v.v...).

Đồng thời, trong đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn, không thể mặc định là tiếng Việt của người học đã tốt. Do vậy, trong chương trình đào tạo cần đưa vào một số học phần giúp nâng cao năng lực tiếng mẹ đẻ cho người học, như những học phần liên quan đến luyện âm, luyện ngữ điệu, luyện khả năng thuyết trình bằng tiếng mẹ đẻ nhằm giúp người học sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách hiệu quả, hoặc những học phần rèn kỹ năng phân tích văn bản, tìm ra những đặc điểm cốt lõi, những quy ước, đặc điểm điển hình của những loại hình văn bản thông dụng để từ đó người học biết cách tổ chức, sắp xếp các thông tin trong văn bản, giúp cho việc biểu đạt hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, nội dung các bài học ở giai đoạn cơ sở (thực hành tiếng) cần được bổ sung những bài tập để rèn luyện kỹ năng Nói và Viết là hai kỹ năng chủ yếu trong hoạt động dịch thuật. Ví dụ như các bài tập luyện nhắc lại, thuyết trình, soạn thảo văn bản, tóm tắt nội dung chính của văn bản v.v...

Đối với đội ngũ giảng dạy các học phần biên phiên dịch, việc phát triển đội ngũ cần đến từ hai phía. Về phía các cơ sở đào tạo, cần tạo điều kiện cho những giảng viên phụ trách các học phần biên phiên dịch được tiếp tục củng cố, nâng cao kiến thức về lý

luận và phương pháp dịch thuật. Các cơ sở đào tạo cần khuyến khích giảng viên tham gia các chương trình, khóa học để nâng cao năng lực dịch thuật. Về phía giảng viên, để đảm nhiệm tốt công việc dạy dịch, cần nỗ lực trong việc học hỏi, trau dồi, đổi mới phương pháp giảng dạy. Giảng viên cần tự xây dựng lộ trình học tập để tích lũy các kiến thức lý luận chung về biên phiên dịch, tích lũy chứng chỉ biên phiên dịch chuyên nghiệp, đồng thời, cần cọ xát với thực tế để tích lũy kinh nghiệm dịch thuật. Giảng viên cần tiếp cận với các phương pháp dạy dịch mới, thoát khỏi phương pháp dạy dịch truyền thống. Ví dụ như thay vì cách tiếp cận theo hướng phân tích lỗi của người học, giảng viên cần hướng đến đào tạo cho sinh viên những kỹ năng dịch thuật cần thiết, chú trọng vào việc cảm thụ ngôn ngữ và văn hóa. Hoặc giảng viên cần hướng dẫn cho sinh viên biết cách phân tích văn bản nguồn, tìm ra nghĩa chìm sau lớp vỏ ngôn ngữ của văn bản gốc, biết cách tái tạo, chuyển đổi nghĩa từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích. Thông qua việc được hướng dẫn các bước cụ thể và thực hành quá trình dịch thuật (hiểu, chuyển đổi/tái tạo và hoàn tất bản dịch), sinh viên sẽ được tiếp cận và tích lũy các kỹ năng dịch thuật. Ngoài ra, giảng viên cần cập nhật và lựa chọn những ứng dụng công nghệ thông tin (các phần mềm dịch thuật) để tạo môi trường dịch thuật trong lớp học.

Tiếp theo, các cơ sở đào tạo cần khuyến khích các nghiên cứu về ngôn ngữ và dịch thuật tiếng Hàn, cũng như các hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo cho các học phần biên phiên dịch tiếng Hàn. Hiện nay, đã có một số đầu sách về giáo trình biên phiên dịch tiếng Hàn do các giảng viên, chuyên gia của ngành tiếng Hàn biên soạn, từ những giáo trình, sách tham khảo mang tính khái quát chung cho các lĩnh vực

kinh tế, thương mại, đến các lĩnh vực cụ thể như Dịch văn bản tin tức báo chí vv... Các cơ sở đào tạo và các giảng viên phụ trách học phần biên phiên dịch cần có sự tham khảo, đánh giá mức độ phù hợp để có thể áp dụng thành giáo trình phục vụ cho việc học tập và tiếp thu kiến thức của sinh viên trong điều kiện chưa xây dựng được giáo trình biên phiên dịch.

Việc trang bị các phòng thực hành dịch và các phần mềm hỗ trợ giảng dạy thực hành dịch thuật cũng cần được chú trọng hơn nữa. Các phòng học thực hành dịch và các phần mềm giảng dạy dịch thuật sẽ hỗ trợ đáng kể cho việc tạo ra môi trường dịch thuật cụ thể, giúp cho người học nuôi dưỡng được năng lực dịch thuật và những kỹ năng cần thiết cho hoạt động dịch thuật ngay từ giai đoạn sinh viên đại học. Hiện nay cũng có nhiều phần mềm có thể áp dụng cho việc dạy dịch như Canvas, Quizizz v.v..., vì vậy, giảng viên cũng cần cập nhật các ứng dụng công nghệ, nâng cao năng lực sử dụng công nghệ để đổi mới phương pháp giảng dạy, dạy dịch hiệu quả chỉ với máy tính và internet v.v...

Ngoài ra, các trường đại học cũng có thể triển khai những khóa đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn ngoại khóa dành cho cả hai đối tượng giảng viên và sinh viên để bổ sung kiến thức về lý luận và rèn luyện kỹ năng thực hành cho người học. Các khóa đào tạo này cần được xây dựng chương trình bài bản với sự tham gia của các chuyên gia, nhà nghiên cứu dịch thuật, biên phiên dịch viên chuyên nghiệp đến từ các lĩnh vực ngoại ngữ khác, không chỉ lĩnh vực tiếng Hàn, để trang bị những kiến thức nền tảng về lý thuyết dịch và kỹ năng biên phiên dịch cho người học.

### 5. Kết luận

Nghiên cứu đã phác thảo sơ bộ bức tranh trong đào tạo tiếng Hàn nhằm đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp trong lĩnh vực

biên phiên dịch ở các trường đại học Việt Nam hiện nay. Có thể thấy, đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn ở Việt Nam mới chỉ dừng lại ở bậc cử nhân, các học phần biên phiên dịch chủ yếu được thực hiện nhằm hỗ trợ các kỹ năng tiếng Hàn. Các cơ sở đào tạo mặc dù có đặt mục tiêu hướng đến đào tạo biên phiên dịch như một định hướng nghề nghiệp, song thực tế, để đạt được mục tiêu này, hầu hết đều đang gặp khó khăn. Nguyên nhân chủ yếu liên quan đến nội dung đào tạo, đội ngũ giảng viên, giáo trình, tài liệu và cơ sở vật chất. Không thể phủ nhận vai trò to lớn của các trường đại học trong việc đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực biên phiên dịch tiếng Hàn cho xã hội hiện nay, tuy nhiên, để việc đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn được chuẩn hóa, các cơ sở đào tạo cần có những nhìn nhận và đánh giá nghiêm túc về hiện trạng đào tạo biên phiên dịch và mức độ đáp ứng yêu cầu của các cơ quan, doanh nghiệp ngoài xã hội. Trong khuôn khổ bài viết, nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở việc chỉ ra tính cấp thiết của việc cần thay đổi và chú trọng hơn nữa trong đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn ở các trường đại học Việt Nam, cũng như đưa ra một số ý kiến đóng góp cho công tác đào tạo biên phiên dịch tiếng Hàn ở Việt Nam.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Lê Hùng Tiến (2017), Về cơ sở lý luận đào tạo biên phiên dịch ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài, Tập 33, Số 2, 105-117.
- 2) Lê Hùng Tiến (2010), Tương đương dịch thuật và tương đương trong dịch Anh - Việt, Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Ngoại ngữ 26, 141-150.
- 3) Lê Thị Giao Chi (2015), Một số cách tiếp cận tương đương dịch thuật, Tạp chí Khoa học và công nghệ Đại học Đà Nẵng, Số 4(89), 51-56.

- 4) Trần Thị Hương (nhóm tác giả), Bài học về đào tạo biên phiên dịch ở Hàn Quốc để nâng cao chất lượng đào tạo biên phiên dịch tại Việt Nam (2022), Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài, Tập 38, Số 1, 69 - 90.
- 5) Nguyễn Thị Như Ngọc (2020), Nghiên cứu về phương pháp giảng dạy biên dịch bậc đại học, Tạp chí Khoa học xã hội, Số 10 (266), 47-59.
- 6) 서유경(2022), 통번역 수요와 공급 불균형 개선을 위한 통번역 교육 방안 고찰: 신남북방 언어를 중심으로, 통번역교육연구, Vol.20, No.4, pp.5-28
- 7) 임형재(2016), 통번역 목적 한국어교육을 위한 교육과정 개발 기초 연구 - 중·일 학습자의 교육과정에 대한 평가를 중심으로-, 중한언어문화연구, 10(0). 125-155.
- 8) 임형재& 송은정, 외국인을 위한 통번역 목적 한국어 교육 연구 - 중국어 화자의 한국어 통번역 교육현황과 교육내용을 중심으로-, 외국어로서의 한국어 교육, Vol 42. No. 303~332.
- 9) 쩌하이즈영(2022), 베트남내 대학의 한국어 전공자를 위한 통·번역 교육과정 개발 연구, 박사학위논문, 상명대학교.

## Abstract

### ORIENTATION OF KOREAN TRANSLATION AND INTERPRETATION TRAINING IN VIETNAM

**Nguyen Le Thu, PhD**  
**Phenikaa University**

*The research aims to direct the translation and interpretation training for Korean language students in Vietnam. To achieve such goal, the study review specific theories related to translation and the formation of translation capacity, therefore determining the requirements for a Korean translator and interpreter. After surveying the situation of Korean translation and interpretation training at some universities, the study came up with proposals to overcome prevailing issues, thereby showing the orientation in translator and interpreter training Korean in Vietnam.*

**Keywords:** translation, interpretation, training, Korean language, etc.

## KHẢO SÁT LỖI PHIÊN DỊCH TIẾNG HÀN CỦA HỌC VIÊN KHÓA BIÊN PHIÊN DỊCH TẠI HỌC VIỆN KING SEJONG HÀ NỘI 2

**Bùi Thị Oanh\***  
**Hà Thu Hoàng\*\***

### Tóm tắt

Bài viết này nhằm mục đích khảo sát và phân tích các lỗi phiên dịch trong quá trình học phiên dịch tiếng Hàn Quốc của học viên tham gia khóa Biên phiên dịch I, II do Học viện King Sejong Hà Nội 2 tổ chức. Trong nghiên cứu này, người viết đã kết hợp phân tích lỗi phiên dịch của học viên trên cơ sở phân tích các bản dịch trong giáo trình dạy thử nghiệm của khóa biên phiên dịch I, II và các bài kiểm tra giữa học kỳ, cuối học kỳ. Kết quả nghiên cứu sơ bộ cho thấy phần lớn học viên thường gặp các lỗi về nội dung bản dịch và kỹ năng dịch. Về mặt nội dung, học viên hay mắc phải những lỗi về từ vựng, lỗi về ngữ pháp, lỗi ngữ dụng... Từ kết quả phân tích, người viết đưa ra một số đề xuất để nâng cao chất lượng dạy - học trong quá trình dạy và học phiên dịch. Người viết cũng hy vọng, nghiên cứu này sẽ là một nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho giáo viên và học viên theo học biên phiên dịch tiếng Hàn.

**Từ khóa:** Lỗi, Phiên dịch, Tiếng Hàn, Nội dung bản dịch, Kỹ năng dịch

### Đặt vấn đề

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp tự nhiên và phức tạp nhất của con người. Bằng cách sử dụng ngôn ngữ, con người chia sẻ lối sống và tạo ra những nền văn hóa đa dạng. Văn hóa được phát triển đa dạng hơn thông qua sự gặp gỡ và giao lưu với các nền văn hóa khác. Khi hai hoặc nhiều ngôn ngữ được sử dụng trong khi các nền văn hóa trên gặp gỡ nhau hiện tượng phiên dịch, biên dịch diễn ra một cách tự nhiên. Từ góc độ này, việc phiên dịch và biên dịch đã có lịch sử và truyền thống lâu đời trong lịch sử loài người.

Hiện nay, nhu cầu về nhân lực biên phiên dịch tiếng Hàn ngày càng cao kéo theo nhu cầu nâng cao hiệu quả và chất lượng phiên dịch tiếng Hàn ngày càng cấp thiết. Trên con đường luyện tập để trở thành phiên dịch viên, việc người học mắc lỗi là việc khó tránh khỏi. Tuy nhiên, cũng cần có những phương pháp giảng dạy và học tập hiệu quả nhằm hạn chế và khắc phục những sai lầm đó. Đây chính là bài toán đặt ra cho những nhà giáo dục nói chung và những người đang trực tiếp giảng dạy tiếng Hàn nói riêng.

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả kết hợp khảo sát và phân tích lỗi trong quá trình học khóa học Biên phiên dịch của Học viện King Sejong Hà Nội 2 và nội dung nghiên cứu chính của bài viết là:

- Khảo sát và phân tích lỗi phiên dịch (lấy trọng tâm là lỗi liên quan đến sản

\* Thạc sĩ; Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc,  
Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN;  
Email: xinchaoanh@gmail.com

\*\* Thạc sĩ; Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc,  
Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN;  
Email: amychan712@gmail.com

phẩm dịch thuật) của học viên tham gia học khóa học Biên phiên dịch của Học viện King Sejong Hà Nội 2.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm phần nào đó giúp người dạy và người học có thể hạn chế và khắc phục một cách hiệu quả những lỗi thường gặp trong quá trình luyện tập phiên dịch.

## **Nội dung**

### **1. Cơ sở lý luận: Tiêu chí đánh giá bản dịch trong dịch nói**

Trong đào tạo ngoại ngữ, việc giảng dạy các kỹ năng cơ bản như nghe - nói - đọc - viết (hay được gọi là các kỹ năng “thực hành tiếng”) luôn là bước khởi đầu, giúp người học làm quen và từng bước tiếp cận với một ngôn ngữ mới. Khi các kỹ năng thực hành tiếng đã dần trở nên thuần thục (thường là trình độ trung cấp trở lên), người học sẽ được làm quen với các kỹ năng ở cấp độ cao hơn, trong đó không thể bỏ qua kỹ năng dịch thuật. “Dịch thuật” bao gồm biên dịch và phiên dịch, luôn là những học phần tất yếu trong tất cả các chương trình đào tạo chuyên ngữ nói chung, đặc biệt là tại các trường đại học. Dù vậy, khác với các môn thực hành tiếng, vấn đề kiểm tra đánh giá các môn dịch thuật không hề dễ dàng. Nếu như các môn thực hành tiếng có thể dễ dàng kiểm tra đánh giá chất lượng đầu ra của người học bằng các bài kiểm tra trực quan, với các thang điểm hay bậc năng lực đã được quy chuẩn hóa, thì việc đánh giá năng lực dịch thông qua chất lượng của sản phẩm đầu ra là bản dịch của học viên lại phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Chỉ cần đưa ra một ví dụ đơn giản về yêu cầu đối với chất lượng bản dịch, cần phải biết được người đánh giá mong muốn một bản dịch ở mức độ nào: ĐÚNG hay HAY, và nếu ĐÚNG thì đúng ở mức độ nào, còn HAY là hay như thế nào, đều là những khái niệm khá mơ hồ và mang tính chủ quan. Bên cạnh đó, trình

độ của người đánh giá cũng là một điều kiện quan trọng. Càng là người có kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực dịch thuật, hay là một giáo viên có sự hiểu biết phong phú về đời sống cũng như văn hóa của hai nền ngôn ngữ, thì yêu cầu đối với một bản dịch ĐÚNG (chưa nói đến một bản dịch HAY) chắc chắn sẽ còn cao hơn. Như vậy, việc đánh giá chất lượng bản dịch phụ thuộc vào yếu tố chủ quan khá nhiều, và đó cũng là lý do khiến vấn đề đánh giá dịch thuật luôn thu hút sự chú ý của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ, các dịch giả và các trung tâm đào tạo dịch. Như Vũ Văn Đại (2020) đã khẳng định, mặc dù các ý kiến đề xuất của các nhà nghiên cứu không hoàn toàn đối lập nhau, song cũng chưa thể đi đến ý kiến về những tiêu chí đánh giá chất lượng bản dịch. Một vấn đề lớn hơn là, cũng trong nghiên cứu của mình, tác giả Vũ Văn Đại đã nhắc đến việc “các công trình đã công bố chủ yếu là nghiên cứu về đánh giá bản dịch, là kết quả của quá trình dịch viết, các nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng dịch nói hầu như vắng bóng”. Điều là dịch thuật, song quá trình dịch thuật, chiến lược chuyển ngữ và yêu cầu đối với sản phẩm dịch thuật của dịch nói (Phiên dịch) vẫn có những đặc thù khác biệt với dịch viết (Biên dịch).

Trong nghiên cứu của mình, chúng tôi đã khảo sát và tổng hợp một vài quan điểm về tiêu chí đánh giá chất lượng phiên dịch đã được các nhà nghiên cứu tổng kết và đề xuất trong một số nghiên cứu liên quan tới giảng dạy biên phiên dịch tại Việt Nam gần đây như sau.

Nguyễn Thị Kiều Thu (2017) trong nghiên cứu khảo sát cách đánh giá môn dịch thuật tại một số trường đại học Việt Nam đã nhắc đến 2 cách tiếp cận trong đánh giá đo lường bản dịch là: hướng Toàn bộ - Holistic (hoặc còn gọi là Chức năng - Functional) và hướng Phân tích - Analytical (hoặc còn gọi

là Phân tích lỗi). Trên cơ sở dẫn lại nhiều cách đề xuất tiêu chí đánh giá bản dịch, tác giả đã đưa ra các tiêu chí đánh giá môn dịch thuật chủ yếu về các bình diện như (1) Ngữ nghĩa: chính xác về nghĩa, không được cắt xén hoặc bóp méo, (2) Ngữ pháp: đối với môn dịch ngược thì đây là tiêu chí tiên quyết, (3) Tự nhiên: đối với môn dịch xuôi thì đây là tiêu chí quan trọng. Đặc biệt với môn Phiên dịch, bên cạnh các tiêu chí như môn Biên dịch thì còn có thêm một số tiêu chí khác như: cách phát âm, trọng âm; trôi chảy; phản xạ nhanh; phong thái.

Trần Ngọc Anh và cộng sự (2023) trong nghiên cứu phân tích một số lỗi phiên dịch tiếng Hàn của sinh viên năm thứ tư trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên cũng đã đưa ra một số yếu tố đánh giá một bản dịch nói tiếng Hàn như sau: (1) Truyền tải đúng ý, đúng nội dung yêu cầu từ văn bản gốc sang ngôn ngữ đích bằng lời nói; (2) Sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng ngữ cảnh, tình huống; (3) Luôn chú ý sử dụng kính ngữ trong quá trình dịch; (3) Trình bày trôi chảy, lưu loát, phát âm rõ ràng, ngữ điệu uyển chuyển; (4) Tác phong nhanh nhẹn, thái độ tự tin dịch nói trước đám đông.

Có thể dễ dàng nhận thấy, cả hai cách đề xuất tiêu chí đánh giá bản dịch nói nêu trên đều nhắc tới hai phương diện nội dung và hình thức của bản dịch. Nội dung liên quan đến việc truyền tải đúng ý, đúng ngữ nghĩa, đúng ngữ pháp và đảm bảo tính tự nhiên trong nội dung dịch thuật. Còn phần hình thức liên quan đến cách phát âm, phản xạ, phong thái của người dịch thuật. Những đặc điểm này liên quan mật thiết tới năng lực của người dịch thuật, chính là năng lực về ngôn ngữ (khả năng sử dụng thuần thục hai ngoại ngữ, có bao gồm cả tri thức ngôn ngữ cũng như tri thức văn hóa), và năng lực về giao tiếp trong dịch thuật.

Quay lại với nghiên cứu của Vũ Văn Đại (2020), mặc dù bài viết trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng tiêu chí đánh giá dịch viết, nhưng trong phần kết luận, tác giả đã khẳng định một luận điểm quan trọng là “căn cứ vào những năng lực thực hành dịch để xác định các tiêu chí đánh giá chất lượng sẽ là một cách tiếp cận khoa học phù hợp. Mặt khác việc dựa trên cơ sở năng lực dịch để đánh giá chất lượng dịch phẩm sẽ giúp tránh được những tiêu chí truyền thống cảm tính, không rõ ràng hoặc phiến diện”. Luận điểm này khá gần với chủ trương “Đổi mới phương pháp dạy học chuyển từ chương trình giáo dục tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực của người học” đã được Đảng và Chính phủ khẳng định trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2013; và cũng khá phù hợp với các đề xuất về tiêu chí đánh giá bản dịch nói đã được đề cập tới ở trên.

Như vậy, thông qua việc tìm hiểu tổng quan nghiên cứu về tiêu chí đánh giá bản dịch nói chung và trong dịch nói nói riêng, người viết nhận thấy có thể xây dựng các tiêu chí đánh giá bản dịch nói tập trung ở 2 khía cạnh. Đầu tiên đó là *tiêu chí liên quan trực tiếp đến sản phẩm dịch thuật*, tức bản dịch cần đáp ứng các yêu cầu về mặt ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng hay lỗi diễn đạt (tự nhiên, phong phú, sáng tạo...). Do là hình thức dịch nói, nên sản phẩm dịch thuật cũng cần đảm bảo yếu tố liên quan tới phát âm. *Tiêu chí thứ hai liên quan tới kỹ năng dịch thuật*, chính là khả năng phản xạ, tác phong phiên dịch... Những tiêu chí này cũng chính là cơ sở để chúng tôi đưa ra những nhận xét, đánh giá về lỗi phiên dịch của học viên trong phân kết quả nghiên cứu dưới đây.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết là kết quả nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp phân tích tổng kết kinh nghiệm từ giảng dạy thực tế. Trên cơ sở nhận định, tổng hợp dữ liệu, bài viết sẽ phân tích các lỗi phiên dịch khi học phiên dịch của học viên Khóa Biên phiên dịch Sejong tại Học viện King Sejong Hà Nội 2; đồng thời trên cơ sở lí luận được giới thiệu trong phần đầu bài viết để lý giải và hệ thống hóa các lỗi mà học viên thường gặp. Cuối cùng, bài viết tổng hợp, kết nối các kết quả nghiên cứu để đưa ra một số giải pháp giúp học viên (đặc biệt là các học viên tương lai sẽ tham gia Khóa Biên phiên dịch của Học viện King Sejong Hà Nội 2) có thể tự nhận biết và khắc phục nhược điểm.

## 3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng khảo sát của nghiên cứu này là các học viên tham gia khóa học Biên

phiên dịch của Học viện King Sejong Hà Nội 2 từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2023.

Năm 2023, Quỹ Học viện King Sejong Hàn Quốc đã tài trợ cho các Học viện King Sejong tại một số nước thực hiện thí điểm các Khóa học Biên phiên dịch Sejong. Đây là dự án nằm trong khuôn khổ Biên soạn giáo trình Biên phiên dịch Sejong của Quỹ, dựa trên kết quả thực hiện các lớp Biên phiên dịch này để chỉnh sửa và hoàn thiện bộ giáo trình.

Học viện King Sejong Hà Nội 2 đã được tài trợ để thực hiện 2 lớp Biên phiên dịch, trong đó có 01 lớp ở trình độ Trung cấp - lớp Biên phiên dịch 1 (dành cho học viên có TOPIK 4 trở xuống và tương đương) và 01 lớp ở trình độ Cao cấp - lớp Biên phiên dịch 2 (dành cho học viên có TOPIK 5 trở lên và tương đương). Cụ thể như sau:

**Bảng 1. Thông tin chung về 2 lớp Biên phiên dịch**

|                           |                                    |                     |                                                          |
|---------------------------|------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------|
| Thời gian thực hiện dự án | 2023.09.18 ~ 2023.12.15            | Ngôn ngữ sử dụng    | Tiếng Hàn Quốc - tiếng Việt                              |
| Số lớp                    | 02                                 | Số tiết             | 2.5 tiếng/buổi x 2 buổi = 05 tiếng/tuần/lớp              |
| Tổng số giờ dạy           | 60 tiết/lớp                        | Hình thức đánh giá  | Đánh giá chuyên cần<br>Thi giữa kì + Thi cuối kì         |
| Hình thức giảng dạy       | Online (qua zoom)                  |                     |                                                          |
| Số học viên               | BPD 1: 18 người<br>BPD 2: 20 người | Tiêu chí tốt nghiệp | Điểm chuyên cần: trên 70%<br>Điểm đánh giá: trên 60 điểm |

Là dự án được hỗ trợ bởi Quỹ Sejong, nên cả 2 lớp học đều không thu học phí và nhận đăng kí online theo hình thức 선착순. Vì vậy, đối tượng học viên khá đa dạng, có cả cựu học viên Sejong, người đang đi làm hay cả sinh viên và cựu sinh viên. Mục tiêu theo học khá đa dạng: một số học viên hiện đang làm việc tại các doanh nghiệp của Hàn Quốc, đăng kí đi học với mục đích tăng cường khả năng dịch thuật của bản thân để thích ứng với môi trường công việc; các học viên là sinh viên mong muốn thử thách và

nâng cao năng lực tiếng Hàn; đồng thời cũng có những người muốn có thêm một chứng chỉ phục vụ cho việc đi xin việc sau này.

Tài liệu đánh giá là giáo trình được sử dụng trong 02 lớp học này, là Giáo trình Biên phiên dịch Sejong 1 và 2. Mỗi quyển bao gồm 14 bài, trong đó có 01 bài về Lý thuyết dịch, 07 bài Biên dịch và 06 bài Phiên dịch. Cấu trúc bài học và quy trình tiến hành một bài học thông thường trong 4 tiết được yêu cầu như sau:

**Bảng 2. Cấu trúc bài học trong giáo trình Biên phiên dịch**

|          | <b>Cấu trúc bài học Biên dịch</b>     | <b>Cấu trúc bài học Phiên dịch</b>    |
|----------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| <b>1</b> | Chuẩn bị dịch                         | Chuẩn bị dịch                         |
|          | Cùng suy nghĩ                         | Cùng suy nghĩ                         |
|          | Kiến thức nền                         | Kiến thức nền                         |
|          | Làm quen với từ vựng và cách biểu đạt | Nghe và nói lại                       |
|          |                                       | Làm quen với từ vựng và cách biểu đạt |
| <b>2</b> | Thực chiến Biên dịch                  | Thực chiến Phiên dịch                 |
|          | Đọc hiểu cả đoạn                      | Tình huống phiên dịch                 |
|          | Dịch câu                              | Nghe và ghi chú                       |
|          | Dịch cả đoạn                          | Hiểu nội dung đoạn Hội thoại          |
|          |                                       | Dịch câu                              |
|          |                                       | Nghe và đọc theo                      |
|          |                                       | Dịch Hội thoại                        |
|          |                                       | Nhìn và dịch                          |
|          |                                       | Kịch nhập vai                         |
| <b>3</b> | Bài tập Biên dịch                     | Bài tập Phiên dịch                    |
|          | Đọc hiểu cả đoạn                      | Nghe và dịch                          |
|          | Dịch cả đoạn                          | Dịch và ghi âm lại                    |
|          | Tự đánh giá                           | Tự đánh giá                           |

**Bảng 3. Quy trình tiến hành giờ học Biên Phiên dịch**

| <b>Buổi học</b> | <b>Tiết học</b> | <b>Nội dung học (Phiên dịch)</b>                                                                                       | <b>Nội dung học (Biên dịch)</b>                                                                                        | <b>Chuẩn bị</b>                                |
|-----------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1               | Tiết 1          | - Giới thiệu mục tiêu bài học<br>- Cùng suy nghĩ<br>- Chia sẻ kiến thức nền<br>- Làm quen với từ vựng và cách biểu đạt | - Giới thiệu mục tiêu bài học<br>- Cùng suy nghĩ<br>- Chia sẻ kiến thức nền<br>- Làm quen với từ vựng và cách biểu đạt | - Người học: đọc bài trước<br>- Giáo viên: ppt |
|                 | Tiết 2          | Thực chiến phiên dịch 1                                                                                                | Thực chiến biên dịch 1                                                                                                 |                                                |
| 2               | Tiết 3          | Thực chiến phiên dịch 2                                                                                                | Thực chiến biên dịch 2                                                                                                 |                                                |
|                 | Tiết 4          | - Thực chiến phiên dịch 3<br>- Luyện tập và kết thúc                                                                   | - Thực chiến biên dịch 3<br>- Luyện tập và kết thúc                                                                    |                                                |

Như vậy, với một bài học phiên dịch, học viên được cung cấp đầy đủ kiến thức nền liên quan đến nội dung bài học, đồng thời được luyện tập đầy đủ các kỹ năng cần thiết, từ nghe, ghi chú, hiểu tổng thể, hiểu chi tiết và dịch thuật. Việc thực hiện các hoạt động nhóm phiên dịch giúp học viên có điều kiện luyện tập song song cả tiếng Hàn và tiếng Việt, đồng thời có thể tự kiểm tra lại mức độ hiểu cũng như khả năng dịch thuật của bản thân. Trong suốt quá trình này, các lỗi phiên dịch của học viên được xác nhận và thu thập dựa trên kinh nghiệm giảng dạy thực tiễn của giảng viên. Đó cũng chính là dữ liệu đầu vào cho nghiên cứu lần này.

#### **4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

##### **4.1. Điểm hạn chế của nghiên cứu**

Thứ nhất là hạn chế liên quan đến đối tượng nghiên cứu. Mặc dù đã có quy định về đầu vào (đánh giá chủ yếu qua chứng chỉ Sejong - đối với học viên là cựu học viên của Sejong hay qua TOPIK - đối với học viên đăng kí tự do khác); song mức độ chênh lệch về trình độ tiếng Hàn giữa học viên vẫn khá lớn, sự khác biệt về kiến thức nền (giữa các học viên đã đi làm và học viên là sinh viên).

Số lượng học viên - đối tượng nghiên cứu chính của đề tài - cũng là một hạn chế khác của nghiên cứu, với tổng số 38 học viên tham gia cả 2 khóa học kéo dài từ 18.9.2023 - 15.12.2023.

Xét về cả quy mô và thời gian, đây chỉ có thể coi là nghiên cứu bước đầu và mang tính định hướng nhất định. Để có thể đưa ra những đánh giá có tính tổng kết và làm cơ sở để đưa ra những giải pháp có tính hệ thống cho việc giảng dạy Biên phiên dịch, nhóm tác giả dự kiến sẽ tiếp tục triển khai nghiên cứu các đối tượng mang tính đặc trưng hơn như người đi làm, sinh viên, học sinh... trong thời gian sắp tới.

Thứ hai, do hình thức tổ chức lớp học là trực tuyến qua zoom online, nên trong quá trình dạy học vẫn phát sinh một số vấn đề

như một số học viên thiếu tập trung, không tương tác với giáo viên, do ảnh hưởng của đường truyền mạng nên không nghe rõ học viên phát biểu... Điều này khiến giáo viên đôi khi gặp khó khăn khi muốn đánh giá phát âm hay ngữ điệu của người học. Và đặc biệt, giáo viên gặp khá nhiều khó khăn trong việc xác nhận tư thế, phong thái, phản xạ của học viên khi thực hành các tình huống dịch thuật. Do đó, nghiên cứu chưa thể đưa ra những đánh giá chính xác về các tiêu chí liên quan đến kỹ năng phiên dịch, trong đó có bao gồm cử chỉ và tác phong của học viên.

Một hạn chế khác liên quan đến nội dung giáo trình. Theo yêu cầu từ phía Quỹ, giáo trình được áp dụng trong khóa học này là giáo trình Hàn - Việt, theo đó học viên sẽ được tiếp cận với các nội dung Hội thoại bằng tiếng Hàn và học cách dịch sang tiếng Việt. Phần dịch ngược không hề có trong nội dung bài học, chỉ được bổ sung thêm trong phần Luyện tập và Luyện tập mở rộng theo kế hoạch giảng dạy riêng của học viên. Điều đó cũng có nghĩa học viên sẽ không có cơ hội được học và thực hành kỹ năng dịch Việt - Hàn một cách chính thức trong suốt khóa học. Do vậy, việc đánh giá về khả năng lựa chọn và sử dụng từ vựng, ngữ pháp của tiếng Hàn khi dịch thuật cũng bị hạn chế phần nào.

Trên đây là một số hạn chế của nghiên cứu và những tác động của nó đối với việc đánh giá chất lượng bản dịch theo các tiêu chí đề xuất mà nhóm tác giả đã nêu ở phần trên.

##### **4.2. Một số lỗi phiên dịch thường gặp**

###### **4.2.1. Lỗi liên quan đến sản phẩm dịch thuật**

###### **a. Lỗi phát âm**

- Lỗi phát âm âm căng, âm bật hơi thành âm thường

Nội dung nguồn: 불편 [불편], 치료 [치료], 처방전 [처방전] (제7과 통역1,2)

Cách phát âm của học viên: 불편 [불변], 치료 [지료], 처방전 [저방전]

Nội dung nguồn: 바쁘실 텐데 [바쁘실 텐데], 애써 [애써], 띄워 [띠위] (제14과 통역1)

Cách phát âm của học viên: 바쁘실 텐데 [바쁘실 텐데], 애써 [애서], 띄워 [디워]

Cách phát âm âm thường, âm căng, âm bật hơi là nội dung cơ bản và được dạy từ những ngày đầu học tiếng Hàn. Tuy nhiên, rất nhiều học viên không phát âm chuẩn trường hợp của một số âm căng và âm bật hơi không quen thuộc. Điều này có thể được lí giải bởi sự khác biệt về mặt ngôn ngữ, học viên bị ảnh hưởng bởi tiếng mẹ đẻ, trong tiếng Việt không có một số âm căng và âm bật hơi giống như tiếng Hàn dẫn đến tình trạng khó nhận diện và khó phát âm. Tình trạng này hoàn toàn có thể được khắc phục bằng việc luyện tập phát âm một cách bài bản ngay từ khi bắt đầu học tiếng Hàn.

- *Lỗi không tuân thủ các quy tắc phát âm*

#### ① Quy tắc nối âm

Nội dung nguồn: 한국에 [한구게] (제3과 통역1)

Cách phát âm của học viên: 한국에 [한국에]

Nội dung nguồn: 끊임없이 [끄니멈씨] (제10과 통역2)

Cách phát âm của học viên: 끊임없이 [끄넵업시], [끈넵업씨]

Nội dung nguồn: 필요한 것이 있으신가요 [피료한 거시 이쓰신가요] (제3과 통역2)

Cách phát âm của học viên: 필요한 것이 있으신가요 [필료한 겐시 인쓰신가요], [피요한 거시 이쓰신가요]

Theo đúng quy tắc nối âm, nếu âm tiết đứng trước có chứa phụ âm cuối và âm tiết đứng sau bắt đầu bằng một nguyên âm thì khi phát âm, chúng ta phải nối phụ âm cuối của âm tiết trước thành phụ âm đầu của âm tiết sau. Tuy nhiên, trong một số trường hợp không quá quen thuộc, học viên thường không tuân thủ quy tắc nối âm này, đặc biệt trường hợp âm tiết đứng trước có chứa phụ âm cuối kép. Học viên hoặc là không thực hiện nối âm, hoặc là giữ nguyên cách phát âm phụ âm cuối của âm tiết đứng trước, đồng thời vẫn nối phụ âm cuối của âm tiết trước thành phụ âm đầu của âm tiết sau.

#### ② Quy tắc âm mũi hóa

Nội dung nguồn: 업무 [엄무] (제12과 통역1)

Cách phát âm của học viên: 업무 [엄무]

Nội dung nguồn: 맞는다고 [만는다고] (제12과 통역1)

Cách phát âm của học viên: 맞는다고 [맞는다고]

Nội dung nguồn: 준비했는데 [준비헨는데] (제14과 통역2)

Cách phát âm của học viên: 준비했는데 [준비헨는데]

Đây là quy tắc khi các phụ âm cuối [ㄱ], [ㄷ], [ㄴ], [ㄹ], [ㄷ], [ㄷ] (ㄱ, ㄷ, ㄴ, ㄹ, ㄷ, ㄷ), [ㄷ] (ㄱ, ㄷ, ㄴ, ㄹ, ㄷ, ㄷ), [ㄷ] (ㄱ, ㄷ, ㄴ, ㄹ, ㄷ, ㄷ) gặp [ㄴ], [ㄷ] là phụ âm đầu của âm tiết sau thì sẽ chuyển thành các âm tương ứng là [ㅇ], [ㄴ], [ㄷ]. Tuy nhiên, phần lớn các học viên đều không nắm vững quy tắc này dẫn đến tình trạng phát âm theo cách viết, tức là viết như nào đọc y nguyên như thế.

Nội dung nguồn: 하노이국립대 [하노이궁립대] (제12과 통역1)

Cách phát âm của học viên: 하노이국립대 [하노이궁립대], [하노이궁립대]

Nội dung nguồn: 박람회 [방남회] (제3과 통역1)

Cách phát âm của học viên: 박람회 [박남회], [박람회]

Quy tắc phụ âm cuối [ㄱ], [ㄷ] khi gặp phụ âm đầu [ㄴ] của âm tiết sau thì [ㄱ] chuyển thành [ㄴ], đồng thời [ㄱ], [ㄷ] chuyển thành [ㅇ], [ㄷ]. Tuy nhiên, học viên thường không nhận diện được trường hợp biến âm này và đọc không biến âm theo cách viết (하노이국립대 [하노이궁립대], 박람회 [박남회]), hoặc có biến âm nhưng biến âm nửa chừng theo thói quen mà không hề nắm được bản chất của quy tắc biến âm này (하노이국립대 [하노이궁립대], 박람회 [박남회]).

#### ③ Quy tắc âm căng hóa

Nội dung nguồn: 맛집 [만집] (제14과 통역2)

Cách phát âm của học viên: 맛집 [만집]

Nội dung nguồn: 땀게 [맨게] (제14과 통역1)

Cách phát âm của học viên: 땀게 [맨게]

Nội dung nguồn: 합작 [합작]

Cách phát âm của học viên: 합작 [합작]

Quy tắc âm căng hóa là quy tắc khi các phụ âm cuối [ㄱ] (ㄱ, ㅋ, ㆁ, ㄷ), [ㄴ] (ㄴ, ㄹ, ㄷ, ㄹ, ㄷ, ㄹ) gặp [ㄱ], [ㄴ], [ㄷ], [ㄴ], [ㄷ] là phụ âm đầu của âm tiết sau thì phụ âm đầu của các âm tiết sau sẽ chuyển thành các âm căng tương ứng là [ㄱ], [ㄴ], [ㄷ], [ㄴ], [ㄷ]. Tuy nhiên, cũng giống với trường hợp của quy tắc âm mũi hóa, phần lớn các học viên đều phát âm theo đúng cách viết (맏게 [맏게], 합작 [합작]), không phát âm âm tiết đứng sau thành âm căng.

### b. Lỗi từ vựng

Nội dung nguồn: “Nhiều trường hợp **chính quyền địa phương** cung cấp các loại ưu đãi dành cho các **nhà đầu tư**.”

Bản dịch của học viên: “**지방정부**는 **투자자들**을 위해 많은 혜택을 주는 경우가 많습니다.”/ “**지자체**에서 **투자하는 사람들**에게 여러 혜택을 제공하는 경우도 많습니다.”

Bản dịch gợi ý: “**지자체**에서 **투자자들**을 위한 여러 혜택을 제공하는 경우도 많습니다.”

Trong nội dung nguồn có hai khái niệm “chính quyền địa phương” và “nhà đầu tư” được dịch lần lượt là “지자체” và “투자자”, tuy nhiên do chưa thật sự hiểu đúng về khái niệm “chính quyền địa phương” nên học viên dịch thành “지방정부” và khái niệm “nhà đầu tư” được dịch là “투자자” do nhớ sai từ hoặc diễn đạt thành “투자하는 사람” do chưa nắm được thuật ngữ chính xác của từ “nhà đầu tư”. Đây là lỗi rất nhiều học viên mắc phải.

### c. Lỗi ngữ pháp

- Lỗi sử dụng sai tiểu từ

Nội dung nguồn: “K pop sẽ ngày càng phát triển nếu kết hợp với đa dạng các nội dung văn hóa và đi trước thời đại.”

Bản dịch của học viên: “K팝은 다양한 문화 콘텐츠에 결합하고 시대를 앞서가면 더 성장할 것이예요.”

Bản dịch gợi ý: “다양한 문화 콘텐츠와 결합하여 시대를 선도한다면 더욱 성장할 것으로 보입니다.”

Trong nội dung dịch trên, học viên khi dịch cụm từ “kết hợp với” đã dùng tiểu từ “에” thay vì dùng tiểu từ “와”. Đây là sai lầm rất dễ gặp khi người học dịch từ “với” trong tiếng Việt do nhận thức tiểu từ “와/과” thường được hiểu tương đương với từ “và”, “에” thường được hiểu tương đương với từ “với”.

Nội dung nguồn: “Đảo Jeju nổi tiếng với quýt ngọt nên các sản phẩm làm từ quýt rất được ưa chuộng.”

Bản dịch của học viên: “제주도는 달한 감귤을 유명해서 감귤을 사용한 제품을 인기가 많아요.”/ “제주도는 단 귤이 유명해서 귤을 만드는 제품이 인기가 많아요.”

Bản dịch gợi ý: “제주도는 감귤이 유명해서 귤로 만든 제품이 인기가 많아요.”

Trong bản dịch của hai học viên trên đều mắc lỗi dùng sai tiểu từ “을/를”, thay vì sử dụng tiểu từ chủ ngữ trong “감귤이 유명해서” thì học viên lại dùng tiểu từ tân ngữ “감귤을 유명해서”, thay vì “귤로 만든 제품” thì học viên lại dùng “귤을 만드는 제품”. Từ các lỗi sai này có thể thấy người học chưa nắm vững và chưa phân biệt được cách sử dụng các loại tiểu từ. Hệ thống tiểu từ trong tiếng Hàn tương đối đa dạng có thể là nguyên nhân dẫn đến sự nhầm lẫn trong khi sử dụng, tuy nhiên, những lỗi sai về tiểu từ có thể nói là sai sót cơ bản nhất của người học. Người học cần có sự so sánh đối chiếu về điểm giống và khác nhau của các tiểu từ, đồng thời cần có những bài tập luyện tập về cách dùng của các tiểu từ khác nhau để hạn chế tình trạng nhầm lẫn, từ đó nâng cao khả năng ngoại ngữ của mình.

- Lỗi sử dụng kính ngữ

Nội dung nguồn: “Xin cảm ơn ông/bà/ngài đã gửi lời mời đến tôi.”

Bản dịch của học viên: “초대해서 감사합니다.”/ “초대해 줘서 감사하십니다.”/ “초대해 주셔서 감사합니다.”

Bản dịch gợi ý: “초대해 주셔서 감사드립니다.”

Kính ngữ được coi là một phạm trù ngữ pháp, tuy nhiên đồng thời nó cũng là một yếu tố rất quan trọng trong giao tiếp. Thông

qua việc sử dụng kính ngữ, chúng ta có thể thể hiện sự khiêm nhường của bản thân cũng như sự tôn trọng với đối phương. Việc sử dụng kính ngữ nếu được tận dụng tốt sẽ tạo được thiện cảm từ phía người nghe. Từ bản dịch thiếu và sai kính ngữ của học viên có thể thấy học viên chưa thực sự hiểu và vận dụng đúng cách sử dụng kính ngữ “(으)시” và “드리다”, thậm chí nhầm lẫn hai biểu hiện này với nhau. Để hạn chế tình trạng này, học viên cần hệ thống lại các loại kính ngữ và phân biệt các trường hợp sử dụng các loại kính ngữ đó và thường xuyên sử dụng kính ngữ trong quá trình luyện tập dịch.

#### d. Lỗi ngữ dụng

Nội dung nguồn: “선한 영향력을 줄 수 있는 아티스트로 거듭나도록 노력하겠습니다.”

Bản dịch của học viên: “Chúng tôi sẽ cố gắng tái sinh với tư cách là một nghệ sĩ có thể cho những ảnh hưởng tốt đẹp”

Bản dịch gợi ý: “Chúng tôi sẽ cố gắng gây dựng dòng âm nhạc K-pop khiến cả thế giới phải ngạc nhiên.”

Từ bản dịch của học viên, có thể thấy đây là một bản dịch từ, đối từ, thiên về nghĩa đen, chú trọng dịch từng từ từ tiếng Hàn sang tiếng Việt. Xét về góc độ văn cảnh của nội dung nguồn là một cuộc phỏng vấn tại một studio của một đài truyền hình thì cách diễn đạt trên của học viên có phần không tự nhiên với văn phong của người Việt. Thay vì cách dịch trên, chúng ta hoàn toàn có thể dịch theo bản dịch gợi ý: “Chúng tôi sẽ cố gắng gây dựng dòng âm nhạc K-pop khiến cả thế giới phải ngạc nhiên.”, mặc dù cách dịch này không thực sự sát nghĩa với nội dung nguồn, tuy nhiên việc chuyển dịch phong cách này giúp giữ được sắc thái của nội dung gốc, tạo cảm giác bớt cứng nhắc hơn.

#### e. Lỗi ngữ nghĩa: dịch thừa/ thiếu nội dung

Nội dung nguồn: “올해 안에 MOU를 체결하고 공장부지를 가계약하는 해외 기업을 대상으로 전기, 수도 등의 공과금 50%, 토지세 30%를 감면해 줄 예정입니다.”

Bản dịch của học viên: “Chúng tôi dự định giảm 50% **hóa đơn điện, nước** và giảm 30% **thuế đất** cho đối tượng là các doanh nghiệp nước ngoài ký Bản ghi nhớ và ký **hợp đồng** về đất công xưởng trong năm nay”

Bản dịch gợi ý: “Chúng tôi có kế hoạch giảm 50% các **hóa đơn tiện ích như điện, nước** và giảm 30% **thuế đất** cho các công ty nước ngoài ký Biên bản ghi nhớ và ký **hợp đồng tạm thời** về đất nhà máy trong năm nay.”

Trong bản dịch này của học viên, các từ “가계약” được dịch là “hợp đồng”, tuy nhiên, trong từ điển tiếng Hàn, từ này được giải thích là “Hợp đồng tạm thời được ký kết trước khi hợp đồng chính thức được ký kết”, vì lẽ đó mà “가계약” là “hợp đồng” mà không có chữ “tạm thời” thì chưa thể hiện đầy đủ ý nghĩa của chữ “가” theo nghĩa “tạm thời” ở đây.

Tiếp theo, “전기, 수도 등의 공과금” không đồng nghĩa với “hóa đơn điện, nước” như trong bản dịch của học viên. Bản chất của từ “공과금” có nghĩa là “hóa đơn tiện ích” và trong đó có bao gồm “hóa đơn điện, nước”. Như vậy, bản dịch của học viên đã thu hẹp phạm vi vốn có của nội dung nguồn.

#### 4.2.2. Lỗi liên quan đến kỹ năng phiên dịch

Ngoài những lỗi về nội dung kể trên, học viên còn gặp một số những lỗi về kỹ năng phiên dịch như: lỗi cử chỉ, tác phong (quá rụt rè, căng thẳng khiến hoạt động dịch diễn ra không suôn sẻ, ăn mặc không chỉnh chu...), lỗi về kỹ năng diễn đạt, tác phong giao tiếp (nói quá to hoặc quá nhỏ, không biết ngắt lời người nói một cách hợp lý, nói ngọng, nói lắp, lời nói ấp úng, không rõ ràng mạch lạc,...), hay một số lỗi về nghiệp vụ phiên dịch như kỹ năng ghi nhớ, phân tích, ghi chép, ...

Trên thực tế, trong quá trình thực hành dịch nói, học viên sẽ được gọi tên và hoạt động dịch diễn ra dưới hình thức online, vì vậy, kỹ năng trình bày trước đám đông của học viên chưa được chú trọng đúng mức. Chính vì vậy, trong quá trình giảng dạy, ngoài việc trực tiếp hướng dẫn các nội dung

dịch thuật trong chương trình, giảng viên nên dành thời gian để tìm hiểu và xử lý các vấn đề liên quan đến kỹ năng dịch còn nhiều hạn chế của học viên.

Như vậy, tổng kết lại, lỗi phiên dịch thường gặp của các học viên tham gia khóa Biên phiên dịch tại Học viện King Sejong Hà Nội 2 bao gồm các lỗi sau (bảng 4).

**Bảng 4. Lỗi phiên dịch thường gặp**

| STT | Tên lỗi       | Diễn giải lỗi                                   |
|-----|---------------|-------------------------------------------------|
| 1   | Lỗi phát âm   | Lỗi phát âm âm căng, âm bật hơi thành âm thường |
|     |               | Lỗi không tuân thủ các quy tắc phát âm          |
|     |               | Quy tắc nối âm                                  |
|     |               | Quy tắc âm mũi hóa<br>Quy tắc âm căng hóa       |
| 2   | Lỗi từ vựng   | Lỗi dùng sai từ vựng                            |
| 3   | Lỗi ngữ pháp  | Lỗi sử dụng sai tiểu từ                         |
|     |               | Lỗi sử dụng kính ngữ                            |
| 4   | Lỗi ngữ dụng  |                                                 |
| 5   | Lỗi ngữ nghĩa | Lỗi dịch thừa/ thiếu nội dung                   |

Có thể dễ nhận thấy lỗi phát âm chiếm tỉ lệ khá cao, và đa dạng (từ những quy tắc phát âm đơn giản như nối âm, âm căng... tới những quy tắc có độ khó cao hơn). So với những lỗi phiên dịch thường gặp ở đối tượng sinh viên, thì mức độ phổ biến của các lỗi phát âm cao hơn, do đối tượng người học phi chính quy sẽ hạn chế hơn đối tượng người học chính quy ở những kiến thức ngôn ngữ cơ bản ban đầu, thời gian học không tập trung và dễ bị chi phối bởi các yếu tố xung quanh (giao tiếp với người Hàn không sử dụng tiếng Hàn chuẩn trong môi trường công sở...). Dù vậy, cũng chính nhờ đặc điểm đối tượng học viên phi chính quy, nên kiến thức nền, kiến thức chuyên ngành... lại không phải là vấn đề khó khăn trong quá trình giảng dạy, và việc học viên có kiến thức từ vựng đời sống khá rộng cũng giúp giáo viên dễ dàng hơn trong việc truyền tải kiến thức.

### Kết luận

Từ việc khảo sát bản dịch nói của học viên Khóa Biên phiên dịch Sejong tại Học viện King Sejong Hà Nội 2, chúng tôi đã nhận diện một số dạng lỗi cơ bản thường xuyên lặp lại trong phần phiên dịch của người học. Các lỗi về nội dung được minh họa và phân tích cụ thể bao gồm: lỗi phát âm,

lỗi về từ vựng, lỗi ngữ pháp, lỗi ngữ dụng, lỗi dịch thừa/thiếu/ nội dung. Nguyên nhân chủ yếu của những lỗi sai này theo đánh giá sơ bộ của chúng tôi là do kiến thức từ vựng, kiến thức ngữ pháp của học viên còn hạn chế, sự ảnh hưởng của tư duy ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ cũng là một vấn đề lớn mà người học đang phải đối mặt. Và như đã nói ở trên, đối tượng của chương trình đào tạo nhìn chung tương đối đa dạng, khả năng ngôn ngữ và kỹ năng trình bày trước đám đông của học viên có cách biệt lớn gây nhiều khó khăn trong quá trình dạy phiên dịch. Vì vậy, để hạn chế lỗi phiên dịch của học viên, chúng tôi xin đưa ra một số đề xuất như sau:

- Tập trung dạy và hướng dẫn luyện tập phát âm cho học viên.
- Bên cạnh việc hướng dẫn nội dung phiên dịch trong khóa học, cần tăng cường củng cố kiến thức về từ vựng - ngữ pháp, văn hóa cho học viên.
- Phát triển các kỹ năng liên quan đến nghiệp vụ phiên dịch như: kỹ năng ghi nhớ, phân tích, ghi chép, ...
- Tạo cơ hội để người học cùng thảo luận về phương án dịch của nhau và cùng đóng góp ý kiến để học hỏi các cách dịch khác nhau và cùng nhau đưa ra phương án dịch tối ưu nhất.

- Thấu hiểu tâm lí của học viên, luôn có phương án kích lệ, cổ vũ, động viên, khuyến khích học viên tự tin lên trình bày, dịch nói trước đám đông.

- Thường xuyên thay đổi phương pháp thực hành dịch theo dưới các hình thức khác nhau như: dịch trực tiếp, ghi âm bản dịch, quay phim, ghi hình... nhằm hoàn thiện các kỹ năng của người phiên dịch, luyện tập tác phong chủ động, tự tin trước đám đông.

Bài nghiên cứu chủ yếu đưa ra những lỗi phiên dịch về nội dung mà học viên thường hay mắc phải trong quá trình luyện tập để trở thành phiên dịch viên. Do vẫn còn nhiều hạn chế về số lượng đối tượng nghiên cứu cũng như thời gian nghiên cứu, nên những đánh giá được rút ra trong bài mới dừng lại ở kết quả nghiên cứu bước đầu, đề xuất gọi tên hiện tượng. Chúng tôi sẽ tiếp tục có những nghiên cứu với các đối tượng mang tính đặc trưng hơn như người đi làm, sinh viên, học sinh... và phân tích sâu sắc hơn nữa về các loại lỗi mô hình hóa các loại lỗi thường gặp của học viên trong những bài nghiên cứu tiếp theo.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Ngọc Anh, Tăng Thị Thùy Ngân (2023), Phân tích một số lỗi phiên dịch tiếng Hàn của sinh viên năm thứ tư trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên, Tạp chí Khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên, số 288 (11), 45-52
2. Trần Đình Bình (2012), Đánh giá năng lực ngoại ngữ theo đường hướng giao tiếp hành động, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Ngoại ngữ 28, 90-99
3. Vũ Văn Đại (2020), Cơ sở của tiêu chí dịch thuật, Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ, số 61 (tháng 3/2020), 94-105
4. Nghiêm Thị Thu Hương (2020), Dạy dịch ở ngành Hàn Quốc - Dưới góc nhìn đào tạo theo phương thức tiếp cận năng lực, Hội thảo quốc tế KF Friends Networking 2020, Trường Đại học Hạ Long, 12.2020, 170-174
5. Trần Thị Hương, Nguyễn Thị Phương Mai, Park Ji Hoon (2018), Giáo trình dịch Việt - Hàn, từ lý thuyết đến thực tiễn, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2018
6. Hồ Thu Quyên (2016), Nghiên cứu về dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực người học, Tạp chí Quản lý giáo dục, số 83 - tháng 4/2016, 15-22
7. Nguyễn Quang Nhật, Nguyễn Ngọc Phương Dung (2017), Giảng dạy phiên dịch theo phương pháp tiếp cận năng lực và một số kiến nghị (2017), Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự, số 08 - 7/2017, 62-68
8. Nguyễn Thị Kiều Thu (2017), Khảo sát cách đánh giá môn dịch thuật tại một số trường đại học Việt Nam, Tạp chí phát triển KH&CN, tập 20, số 1-2017, 83-90

#### Abstract

A SURVEY OF KOREAN INTERPRETATION MISTAKES OF STUDENTS OF THE TRANSLATION AND INTERPRETING COURSE AT KING SEJONG HANOI 2

**Bui Thi Oanh, Ha Thu Huong**

*This article aims to survey and analyze the interpretation mistakes made by students enrolled in Translation and Interpreting Courses I and II at King Sejong Hanoi 2 during their Korean interpretation training. The analysis is based on translations found in the experimental textbooks used in these courses, as well as students' mid-semester and end-of-semester exams. The preliminary research findings indicate that most students frequently encounter errors related to both interpretation content and interpretation skills. Regarding content-related errors, students often make mistakes in vocabulary, grammar, and pragmatics. Based on the analysis results, the authors propose a number of suggestions to improve the quality of teaching and learning in the interpretation program. Additionally, the authors hope that this research will serve as a valuable reference source for teachers and students studying Korean translation and interpretation.*

**Keywords:** mistakes, translation, Korean, Contents of the translation, Translation skills

## PHÂN TÍCH LỖI DỊCH MÁY VIỆT-HÀN VÀ MỘT VÀI ĐỀ XUẤT VỀ ÁP DỤNG DỊCH MÁY TRONG GIẢNG DẠY BIÊN DỊCH TIẾNG HÀN\*

Thân Thị Thúy Hiền\*\*

### Tóm tắt

*Dịch máy đang được sử dụng một cách phổ biến trong quá trình giao tiếp với người nước ngoài, tìm kiếm thông tin, học tập ngoại ngữ, vv. Gần đây, trong ngành giáo dục tiếng Hàn, giảng dạy biên dịch và nghiên cứu về biên dịch bắt đầu được quan tâm và nghiên cứu nhưng chưa có công trình nghiên cứu về giảng dạy dịch máy cho người học Việt Nam. Điều này đòi hỏi dịch máy cần được nghiên cứu tích cực nhằm đưa ra các giải pháp áp dụng dịch máy hiệu quả hơn nữa. Nhận thấy tính cấp thiết của việc nghiên cứu về dịch máy, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sẽ phân tích các lỗi sai hình thức, từ vựng, ngữ pháp và ngữ dụng trong bản dịch máy Papago và Google từ hai bài báo online. Dựa trên kết quả phân tích, chúng tôi dự định sẽ đưa ra một số gợi ý cho việc áp dụng dịch máy trong giảng dạy biên dịch Việt - Hàn.*

**Từ khóa:** Dịch máy, giảng dạy biên dịch, tiếng Hàn, người học Việt Nam

### 1. Đặt vấn đề

Dịch máy (machine translation) là quá trình tự động dịch nội dung từ ngữ nguồn sang ngữ đích mà không cần bất kỳ tác động của con người. Dịch máy không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho biên dịch viên chuyên nghiệp, người bình thường trong đời sống hàng ngày mà còn góp phần nâng cao hiệu quả trong dạy và học ngoại ngữ. Sau khi dịch máy được sử dụng một cách phổ biến, các nghiên cứu về dịch máy trong giáo dục cũng bắt đầu xuất hiện. Arenas và Moorkens (2019) cho biết dịch máy đã được đưa vào chương trình giảng dạy biên dịch tại Tây Ban Nha. Lee Hyeon-ju & Yuxuan Lin (2021) khẳng định dịch máy giúp ích cho người học ngoại ngữ, đặc biệt trong các kỹ năng biên dịch, viết và đọc. Trong ngành giáo dục tiếng Hàn, có thể kể đến các nghiên cứu về dịch máy như Nam Sin-hye (2019), Lim Hyung-jae & Ja Yang-pan (2020), Han Seol-ok (2020), Kong Tae-su & Baek Jae-pa (2021), Jun Mi-hwa (2022), Kim Ji-eun (2023), Kim Min-young (2023), Lee Sun-woo & Lee Sang-bin (2023), Park Ji-min & Galanova Dilnoza (2023), vv. Trong đó, Jun Mi-hwa (2022) thực hiện khảo sát về trải nghiệm và nhận thức của người học tiếng Hàn tại các trường đại học Trung Quốc còn Park Ji-min & Galanova Dilnoza (2023) thực hiện khảo sát trên người học Uzbekistan, Nam Sin-hye (2019) thực hiện trên người học sơ cấp và trung cấp tại Hàn Quốc đến từ nhiều quốc gia khác nhau. Ba nghiên cứu này đều kết luận rằng hầu như tất cả đối tượng được

\* This work was supported by the Core University Program for Korean Studies of the Ministry of Education of the Republic of Korea and Korean Studies Promotion Service at the Academy of Korean Studies (AKS-2022-OLU-2250002).

\*\* Tiến sĩ; Trường ĐHKHXNV- ĐHQG TP.Hồ Chí Minh;  
Email: thuyhien@hcmussh.edu.vn

khảo sát đều trả lời sử dụng dịch máy cho nhiều mục đích khác nhau nhưng chủ yếu trong kỹ năng viết, biên dịch và đọc.

Chú trọng vào kỹ năng biên dịch, Lim Hyung-jae & Ja Yang-pan (2020), Kong Tae-su & Baek Jae-pa (2021), Kim Ji-eun (2023) thực hiện nghiên cứu trên đối tượng là du học sinh nước ngoài theo học chương trình thạc sĩ thông biên dịch tiếng Hàn. Cả ba nhóm tác giả này đều chỉ ra rằng đa số người học sử dụng dịch máy một cách rộng rãi trong kỹ năng biên phiên dịch nhưng hầu như chưa được huấn luyện về kỹ năng này. Dựa trên kết quả khảo sát, cả ba nhóm tác giả đều nêu bật tính cấp thiết của việc đưa dịch máy vào giảng dạy biên dịch và các phương án giảng dạy nhằm nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng dịch máy trong biên dịch.

Tương tự với các nghiên cứu trên, Han Seol Ok (2020) phân tích khả năng sử dụng công nghệ dịch máy từ góc độ giáo dục ngôn ngữ Hàn Quốc trên đối tượng là sinh viên các trường đại học tại Trung Quốc. Tác giả đã so sánh và phân tích bản dịch máy và bản dịch con người đối với văn bản thông tin, văn bản biểu cảm và văn bản kêu gọi ở các khía cạnh từ vựng, ngữ pháp và ngữ dụng. Sau khi chỉ ra những hạn chế của dịch máy trong ba khía cạnh kể trên và dựa trên kết quả phân tích, tác giả đã đề xuất sử dụng dịch máy trong giảng dạy biên dịch theo ba yếu tố: mục đích dịch, loại hình văn bản và trình độ của người học.

Trong ngành giáo dục tiếng Hàn, giảng dạy và nghiên cứu biên dịch mới được quan tâm trong những năm gần đây. Vì thế, các nghiên cứu về biên dịch chỉ chiếm số lượng rất ít ỏi. Ra đời sau người dịch, dịch máy lại càng ít được đưa vào giảng dạy và nghiên cứu một cách thấu đáo mặc dù trên thực tế, nó đã được sử dụng một cách rộng rãi. Qua đó, có thể nhận thấy áp dụng dịch máy vào giảng dạy tiếng Hàn, đặc biệt là kỹ năng biên dịch là xu thế tất yếu. Hơn nữa, dù đã

được cải thiện, bản dịch máy vẫn tồn tại nhiều lỗi sai trong nhiều khía cạnh khác nhau. Vì vậy, để đưa dịch máy vào giảng dạy, cần có phương pháp luận giáo dục cụ thể để khắc phục những lỗi sai này. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu này sẽ chỉ ra một số lỗi dịch của dịch máy, từ đó, đề xuất một vài gợi ý khi áp dụng dịch máy vào giảng dạy biên dịch Việt - Hàn ở bậc đại học.

## 2. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu về lỗi dịch máy chủ yếu được đề cập như một phần của đánh giá dịch máy. Cohen 2009 chia đánh giá dịch thuật máy thành hai loại: thứ nhất là cách con người trực tiếp đánh giá kết quả dịch máy, thứ hai là sử dụng máy tính để so sánh và tự động so sánh kết quả dịch máy với bản dịch tham khảo mà con người đã dịch. Villar (2006) chỉ ra rằng rất khó để xác định mối quan hệ giữa tiêu chuẩn tự động đánh giá lỗi và lỗi xuất hiện trong kết quả dịch thực tế. Vì mối liên hệ giữa tiêu chuẩn đánh giá tự động và kết quả dịch thực tế không rõ ràng nên tác giả khẳng định tầm quan trọng của phương thức phân tích trực tiếp của con người. Villa (2006) đã đưa ra một loại lỗi để phân tích lỗi dịch máy do con người thực hiện và chia lỗi theo các yếu tố tính chính xác, tính lưu loát, cấu trúc cú pháp, đánh máy; tính chính xác lại được chia thành ý nghĩa, dịch sót từ, tính lưu loát bao gồm lỗi sai về ngữ cảnh, lỗi sai trật tự từ, cú, cấu trúc cú pháp bao gồm câu chưa hoàn chỉnh và các lỗi ngữ pháp khác. Zhao (2013, trích dẫn từ Seo Bo-hyun và Kim Soon-young, 2018) thì đưa ra tiêu chuẩn đánh giá lỗi dịch Anh - Trung bao gồm từ vựng không chính xác, sót nội dung, trật tự từ sai, dịch sai ý nghĩa ngữ nguồn, lỗi viết tên riêng, viết sai con số, số lượng/ tính từ/ từ biểu thị thời gian. Cách phân loại lỗi của Villa (2006) và Zhao lần lượt nhắm vào các đặc điểm của tiếng Anh và tiếng Hoa và cả hai đều mang tính khái quát. Dựa trên phân loại của Villa

(2006), các nhà nghiên cứu Hàn Quốc đã đưa ra phân loại lỗi dịch và bộ tiêu chí biên tập sau cụ thể hơn. Có thể kể đến cách phân loại lỗi dịch máy của Yoon Mi-seon (2018), Kim Hye-rim (2021), Gwag Soon-lei (2022), Choi Sung-hyuk (2023). Đặc điểm chung trong cách phân loại lỗi của các nhà nghiên cứu này là chú trọng vào đặc điểm của tiếng Hàn. Trong bài này, chúng tôi nghiên cứu về biên dịch theo chiều Việt - Hàn, vì thế, người biên tập sau phải chú trọng những đặc điểm của tiếng Hàn để chỉnh sửa sao cho thông điệp của ngữ nguồn được chuyển tải một cách gần nhất và tự nhiên nhất với ngữ đích như định nghĩa của Kim Hyo-jung (1998) mà chúng tôi đã trình bày ở trên. Tuy sử dụng các thuật ngữ khác nhau, tiêu chí đánh giá lỗi của Yoon Mi-seon (2018), Kim Hye-rim (2021), Gwag Soon-lei (2022) khá tương tự nhau. Yoon Mi-seon (2018) đưa ra tiêu chuẩn đánh giá lỗi là ý nghĩa, ngôn ngữ và ngữ pháp và cấu

trúc, sau đó ý nghĩa lại được phân loại thành tính chính xác, tính hoàn chỉnh, tính nhất quán, ngôn ngữ và ngữ pháp được chia thành cấu trúc cú pháp, chính tả và dấu câu, cấu trúc được chia thành văn phong và hình thức. Hình thức là phần hầu như người biên tập sau phải thực hiện nên trong nghiên cứu này, chúng tôi không coi là tiêu chí đánh giá lỗi dịch. Là ngôn ngữ đơn lập, tiếng Việt không có cấu trúc mang tính hình thái biểu thị thì, thay vào đó sử dụng các trạng từ như “đã”, “đang”, “sẽ”. Đôi khi, các trạng từ này được tinh lược, người đọc hoặc người nghe dựa vào ngữ cảnh để suy đoán thì tương ứng của câu hoặc đoạn văn. Lỗi sai về thì được dự đoán có thể xuất hiện trong kết quả của dịch máy. Vì thế, chúng tôi tham khảo tiêu chí đánh giá lỗi của Choi Sung-hyuk (2023) để bổ sung thì vào tiêu chí đánh giá lỗi sai bản dịch máy của nghiên cứu này. Tiêu chí đánh giá lỗi của nghiên cứu này được trình bày như sau:

<Bảng1> Bảng tiêu chí đánh giá lỗi

| Phạm trù lỗi sai | Nội dung lỗi sai                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tính chính xác   | <ul style="list-style-type: none"> <li>· Viết cách chính xác hay không?</li> <li>· Sử dụng dấu câu chính xác hay không?</li> <li>· Có phiên âm tiếng Việt sang tiếng Hàn và phiên âm đúng hay sai?</li> <li>· Chuyển tải chính xác ý nghĩa của văn bản nguồn hay không?</li> </ul> |
| Từ vựng          | <ul style="list-style-type: none"> <li>· Sử dụng từ vựng có nhất quán hay không?</li> <li>· Sử dụng thuật ngữ và từ vựng đúng hay không?</li> <li>· Ý nghĩa của từ đa nghĩa phù hợp với ngữ cảnh hay không?</li> </ul>                                                             |
| Ngữ pháp         | <ul style="list-style-type: none"> <li>· Sử dụng trợ từ đúng hay không?</li> <li>· Trình bày trật tự từ đúng hay không?</li> <li>· Sử dụng thì phù hợp với tình huống hay không?</li> <li>· Sử dụng phương tiện liên kết câu phù hợp hay không?</li> </ul>                         |
| Ngữ dụng         | <ul style="list-style-type: none"> <li>· Sử dụng văn phong phù hợp hay không?</li> <li>· Sử dụng đuôi từ kết thúc câu phù hợp hay không?</li> </ul>                                                                                                                                |

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi phân tích bản dịch máy của hai bài báo của Tuổi Trẻ Online và Nhân Dân Online. Bài báo thuộc văn bản thông tin theo phân loại của

Reiss (1977<sup>1</sup>), là dạng văn bản vừa mang tính nghi thức vừa mang tính đại chúng

<sup>1</sup> Dựa vào chức năng của văn bản, Reiss (1977) đã phân chia văn bản thành ba loại hình: văn bản thông tin (informative text) văn bản biểu cảm (expressive text) và văn bản kêu gọi (operative text).

được tiếp cận thường xuyên nhất trong cuộc sống hàng ngày, đồng thời được áp dụng phổ biến trong giảng dạy biên dịch trong đó có dịch máy. Chúng tôi tiến hành dịch máy trên công cụ dịch máy của Google và Naver Papago, sau đó phân tích lỗi tuân tự theo các tiêu chí cụ thể đã đề cập ở phần cơ sở lý thuyết: tính chính xác, từ vựng, ngữ pháp, ngữ dụng. Chúng tôi áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính, tìm ra lỗi sai nhưng không thống kê số lỗi sai và không đối chiếu lỗi sai giữa hai công cụ dịch Google và Naver. Nghiên cứu này tập trung phân tích hạng mục lỗi trong ba khía cạnh từ vựng, ngữ pháp và ngữ dụng. Dựa trên kết quả phân tích, chúng tôi sẽ đưa ra một số gợi ý nhằm nâng cao hiệu quả khi áp dụng dịch máy vào giảng dạy biên dịch Việt - Hàn.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

##### 4.1. Tính chính xác

- Viết cách không chính xác:

(01) ST 1-5: Người đại diện của nhà cầm quân người Hàn Quốc - ông Lee Dong-jun giữ vị trí Phó Chủ tịch.

MT- G<sup>2</sup>: 대한민국 군 지도자의 대표인 이동준씨가 부의장직을 맡고 있습니다.

Theo quy định chính tả của tiếng Hàn, họ tên và danh từ phụ thuộc '씨' phải được viết cách nhưng trong bản dịch máy của Google, họ tên và '씨' được viết liền.

(02) ST 1-14. Kể từ sau khi Hoàng tử Lý Long Tường, hậu duệ của nhà Lý ở Việt Nam, đến Cao Ly, Việt Nam và Hàn Quốc đã duy trì "quan hệ thông gia" trong suốt 800 năm qua.

MT-P: 베트남에 있는 리 왕조의 후손인 리롱뜨엡 왕자가 까오리에 도착한 이후, 베트남과 한국은 800년 동안 "통사 관계"를 유지해 왔습니다.

Thông thường, tên của người Việt được phiên âm và viết liền trong tiếng Hàn nhưng trong ví dụ trên, “Lý Long Tường” được

viết thành 리롱뜨엡, có dấu cách giữa tên đệm và tên.

(03) ST 1-14: Mong rằng những thay đổi nhỏ mà tôi đang bắt đầu sẽ thúc đẩy bóng đá trẻ Việt Nam phát triển, góp phần vào văn hóa, giáo dục Việt Nam", ông Park nói.

MT-P: "제가 시작하고 있는 작은 변화가 베트남 청소년 축구가 발전하고 베트남 문화와 교육에 기여하도록 촉진하기를 바랍니다,"라고 박씨는 말했다.

Dấu ngoặc kép “” được sử dụng khi trích dẫn trực tiếp câu hoàn chỉnh trong tiếng Việt và tiếng Hàn và trong cả hai ngôn ngữ đều không có dấu phẩy vì câu đã kết thúc. Nhưng trong ví dụ trên, dấu phẩy được thêm vào sau câu tường thuật trực tiếp.

- Tiếng Việt không được phiên âm sang tiếng Hàn hoặc phiên âm sai

(04) ST: Buổi lễ ra mắt học viện của thầy Park còn có sự góp mặt của Chủ tịch Liên đoàn Bóng đá Việt Nam (VFF) Trần Quốc Tuấn cùng huấn luyện viên Mai Đức Chung.

MT- P: 박 선생님의 아카데미 출범식에는 베트남 축구 연맹 (VFF) Tran Quoc Tuan 회장과 Mai Duc Chung 코치가 참석했습니다.

MT-G: 박 감독의 아카데미 출범식에는 베트남축구연맹(VFF) 전꾸옥뚜안 회장과 마이득쵡 감독도 참석했다.

Tên của hai người Việt không được phiên âm sang tiếng Hàn trong bản dịch của Papago còn một trong hai bị phiên âm sai trong bản dịch của Google.

- Ý nghĩa của văn bản nguồn không được chuyển tải chính xác

(05) ST 1-5: Đây là dự án được huấn luyện viên Park Hang-seo "áp ủ" nhằm phát triển bóng đá học đường, đồng thời đào tạo thêm nhiều gương mặt mới cho bóng đá trẻ Việt Nam.

MT-P: 이것은 박항서 감독이 학교 축구를 발전시키고 베트남 청소년 축구에 새로운 얼굴을 더 많이 양성하기 위해 "숨긴" 프로젝트이다.

MT-G: 이는 학교 축구를 발전시키는 동시에 베트남 청소년 축구의 새로운 얼굴을 더 많이

<sup>2</sup> Đây là các ký hiệu của các câu trích dẫn từ dữ liệu thử nghiệm, 'ST' là văn bản ngữ nguồn, 'MT-P' là bản dịch của Naver Papago và 'MT-G' là bản dịch của Google.

양성하기 위해 박항서 감독이 '소중히' 진행하는 프로젝트이다.

(06) ST 2- 33: Ngày 22-6, thông báo về chuyến thăm cấp nhà nước của Tổng thống Yoon Suk Yeol và phu nhân, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam Phạm Thu Hằng khẳng định chuyến thăm diễn ra trong bối cảnh "quan hệ hai nước đang phát triển tốt đẹp nhất từ trước đến nay".

MT-P: 6월 22일 윤석열 대통령과 부인, 팜투항 베트남 외교부 대변인은 "양국 관계가 역대 가장 잘 발전하고 있다"고 밝혔다.

Đây là câu phức có cùng chủ ngữ là “người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam Phạm Thu Hằng” nên được tỉnh lược ở về trước nhưng trong bản dịch của Papago, vị ngữ “thông báo về chuyến thăm cấp nhà nước của” bị dịch sót. “Tổng thống Yoon Suk Yeol và phu nhân” còn lại, kết hợp với về sau của câu nên câu trích dẫn trong “” được hiểu thành câu nói của cả Tổng thống Yoon Suk Yeol và phu nhân và người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam Phạm Thu Hằng.

(07) ST2-22: Ở cấp bậc cuối và cũng là cao nhất, học viện tạo điều kiện cho các học viên tiềm năng nhất đi theo con đường bóng đá chuyên nghiệp.

MT: 마지막이자 가장 높은 수준에서 아카데미는 가장 잠재력 있는 학생들이 프로 축구의 길을 따를 수 있는 조건을 조성합니다.

Một trong những chiến lược dịch là bổ sung thông tin. Trong tiếng Việt, khi nhắc lại cơ quan, đoàn thể, định từ “này”, “đó” có thể được tỉnh lược nhưng trong tiếng Hàn, để chỉ rõ đối tượng đã được đề cập ở trước, định từ “này”, “đó” thường được sử dụng. Trong ví dụ trên, công cụ dịch tự động đã không cân nhắc yếu tố ngữ cảnh để bổ sung định từ cho phù hợp, khiến câu kém tự nhiên và khó hiểu.

#### 4.2. Từ vựng

- Dịch sai ý nghĩa của từ vựng:

(08) ST 2-14: "Kể từ sau khi Hoàng tử Lý Long Tường, hậu duệ của nhà Lý ở Việt

Nam, đến Cao Ly, Việt Nam và Hàn Quốc đã duy trì "quan hệ thông gia" trong suốt 800 năm qua.

MT-P: "베트남에 있는 리 왕조의 후손인 리롱뜨엉 왕자가 까오리에 도착한 이후, 베트남과 한국은 800년 동안 "통사 관계"를 유지해 왔습니다.

MT-G: "베트남 리(Ly) 왕조의 후예인 리롱뜨엉(Ly Long Tuong) 왕자가 한국에 온 이래로 베트남과 한국은 지난 800년 동안 '사촌관계'를 유지해왔습니다.

Từ tương ứng của “thông gia” trong tiếng Hàn là “사돈” nhưng trong cả hai bản dịch của Papago và Google, ‘thông gia’ được dịch thành “통사” và “사촌”. Cũng trong câu này, “Cao Ly” lần lượt được dịch thành “까오리” và “한국”.

- Sử dụng từ vựng thiếu nhất quán:

(09) ST 1-2: Chiều 30/8, huấn luyện viên Park Hang-seo cùng các cộng sự tổ chức lễ ra mắt Học viện bóng đá quốc tế Park Hang-seo, với hy vọng thúc đẩy phát triển bóng đá học đường tại Việt Nam.

MT-P: 박항서 감독과 그의 동료들은 8월 30일 오후 베트남에서 학교 축구 발전을 촉진하기 위해 박항서 국제 축구 아카데미 출범식을 가졌다.

(10) ST 1-9: Ông hy vọng Học viện bóng đá quốc tế Park Hang-seo sẽ mở ra chân trời mới, là gốc rễ vững chắc cho sự phát triển của bóng đá Việt Nam trong tương lai.

MT-P: 그는 박항서 국제축구학원이 앞으로 베트남 축구 발전에 든든한 뿌리가 되는 새로운 지평을 열기를 바란다.

Tên gọi chính thức của “Học viện bóng đá quốc tế Park Hang-seo” trong tiếng Hàn là “박항서국제축구교실” nhưng trong bản dịch của Papago, tên của học viện lần lượt được dịch là “박항서 국제 축구 아카데미” và “박항서 국제축구학원”.

(11) ST 2- 4: Ngày 22-6, Tổng thống Hàn Quốc Yoon Suk Yeol và phu nhân đã đến Hà Nội, bắt đầu chuyến thăm cấp nhà nước đầu tiên đến Việt Nam kể từ khi nhậm chức.

MT-P: 6월 22일, 한국 대통령 윤석열과 부인은 하노이에 도착하여 취임 후 처음으로 베트남을 국민 방문에 들어갔다.

MT-G: 지난 6월 22일 윤석열 대통령 내외가 하노이에 도착해 취임 후 첫 베트남 국민방문을 시작했다.

(12) ST 2- 5: Việt Nam cũng là quốc gia Đông Nam Á đầu tiên ông Yoon đến trên cương vị mới, cho thấy sự coi trọng của Seoul với mối quan hệ này.

MT-P: 베트남은 윤씨가 새로운 직위에 오른 첫 동남아 국가로서 서울의 이런 관계를 중시하고 있음을 보여준다.

MT-G: 베트남은 윤 총장이 부임 후 처음으로 방문하는 동남아 국가이기도 해 한국의 관계에 대한 존중을 보여주고 있다.

“Tổng thống Yoon Suk Yeol” ở câu 4 và “ông Yoon” ở câu 5 chỉ về cùng một đối tượng, đây là cách diễn đạt phổ biến trong tiếng Việt. Khi dịch sang tiếng Hàn, cần sử dụng từ gần nghĩa “윤 대통령” tương ứng với “ông Yoon” nhưng bản dịch Papago sử dụng “윤씨” còn bản dịch Google sử dụng “윤 총장”.

### 4.3. Ngữ pháp

- Sai trợ từ

(13) ST: Buổi lễ ra mắt học viện của thầy Park còn có sự góp mặt của Chủ tịch Liên đoàn Bóng đá Việt Nam (VFF) Trần Quốc Tuấn cùng huấn luyện viên Mai Đức Chung.

MT-P: 박 선생님의 아카데미 출범식에는 베트남 축구 연맹 (VFF) Tran Quoc Tuan 회장과 Mai Duc Chung 코치가 참석했습니다.

Mang nghĩ liệt kê, liên từ “còn” trong tiếng Việt tương ứng với trợ từ “도”, trạng từ “또한” nhưng thay vì “도” hay “또한”, bản dịch của Papago sử dụng “가”. Khi sử dụng “가”, ý nghĩa liệt kê của ngữ nguồn đích bị giảm so với ngữ nguồn.

- Sai trật tự từ:

(14) ST2-17: Những gia đình đa văn hóa này, theo TS Huỳnh Tâm Sáng (Trường ĐH KHXH&NV, Đại học Quốc gia TP.HCM), đã trở thành các "sứ giả ngoại

giao công chúng", góp phần thắt chặt quan hệ song phương.

MT-P: Huynh Tam Sang 박사 (호치민시 사회 및 NV 대학, 국립 호치민시)에 따르면 이 다문화 가정들은 양국 관계를 강화하는데 기여하는 "대중 외교 사절"이 되었다고 한다.

Trong tiếng Hàn, trật tự từ thường đi từ toàn thể tới bộ phận, trái ngược với tiếng Việt. Vì vậy, “Trường ĐH KHXH&NV, Đại học Quốc gia TP.HCM” phải được dịch thành “호치민시국립대학교 인문사회과학대학” nhưng trong bản dịch của Papago, vị trí từ được sắp xếp theo quy định của tiếng Việt.

(15) ST 2-34: Đại diện Bộ Ngoại giao cũng cho biết trong chuyến thăm của Tổng thống Hàn Quốc, lãnh đạo hai nước sẽ tập trung trao đổi các biện pháp lớn nhằm tăng cường hơn nữa quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước, thúc đẩy hợp tác kinh tế, mở rộng đầu tư, ổn định chuỗi cung ứng và tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực khác như tài chính, ngân hàng, chuyển đổi số, đào tạo nguồn nhân lực...

MT-P: 외교부 당국자는 또 한국 대통령 방문 기간 중 양국 정상은 양국 간 포괄적 전략적 동반자 관계 강화, 경제 협력 증진, 투자 확대, 공급 사슬 안정 및 금융, 은행 등 다른 분야에서의 협력 강화를 위한 주요 방안을 집중 논의할 것이라고 말했다. 디지털 전환, 인적 자원 교육 등

MT-G: 외교부 대변인은 또 이번 한국 대통령의 방한 기간 동안 양국 정상은 양국 간 포괄적인 전략적 동반자 관계를 더욱 강화하고 협력을 증진하기 위한 주요 방안을 교환하는 데 중점을 둘 것이라고 밝혔습니다. 투자, 공급망 안정화, 금융, 은행, 디지털 전환, 인력 양성 등 다른 분야의 협력 강화...

Trong ngữ nguồn, đây là một câu phức khá dài nhưng trong ngữ đích, câu bị tách làm hai: phần trước là câu hoàn chỉnh, phần còn lại không phải là câu hoàn chỉnh. Đặc biệt trật tự của các từ sau dấu chấm được giữ nguyên theo trật tự từ của câu tiếng Việt thay vì được sắp xếp theo trật tự từ của tiếng Hàn.

- Sai phương tiện liên kết câu:

(16) ST2-15: Giờ đây, không có gì là thái quá khi nói chúng ta là người một nhà", Tổng thống Yoon bày tỏ.

MT-P: 이제 우리가 한 가족이라고 말하는 것은 지나치지 않다"고 윤 대통령은 말했다.

MT-G: 이제 아무것도 없습니다. 한 가족"이라고 윤 대표는 말했다.

Để chuyển tải chính xác ý nghĩa của văn bản nguồn, cần sử dụng phương tiện liên kết câu là “-아/어/여도” nhưng cả hai bản dịch đều không sử dụng phương tiện liên kết câu. Bản dịch của Papago tái cấu trúc câu trong ngữ nguồn thành câu đơn bằng cách chuyển về trước của câu thành chủ ngữ, còn bản dịch của Google thì thiếu các thành phần của câu và thay đổi trật tự từ. Vì thiếu phương tiện liên kết câu, ý nghĩa của văn bản nguồn không được chuyển tải một cách chính xác.

- Lỗi sai về thì: Khác với dự đoán, hai bản dịch máy không xuất hiện lỗi về thì. Lý do thì được sử dụng chính xác trong các bản dịch là trong bản gốc tiếng Việt xuất hiện các trạng từ biểu thị thì như “đã”, “đang”, “sẽ” nên hạn chế được lỗi sai về thì.

#### 4.4. Ngữ dụng

- Sử dụng văn phong không phù hợp:

(17) ST 1-1: Quan hệ Việt - Hàn đang ở giai đoạn vàng

MT-P: 한-베 관계는 황금기에 있다

MT-G: 베트남-한국 관계는 황금 단계에 있습니다

Đây là tựa đề của bài báo. Thông thường, tựa đề của bài báo có thể là câu hoàn chỉnh hoặc câu không hoàn chỉnh nhưng trong tiếng Việt nhưng là câu không hoàn chỉnh trong tiếng Hàn. Cho nên, tựa đề trên có thể được dịch thành cụm từ “황금시대로 접한 한-베 관계” nhưng cả Papago và Google đều dịch thành câu hoàn chỉnh. Đặc biệt, trong bản dịch của Google, đuôi từ kết thúc câu “-습니다” không phù hợp với văn phong báo chí.

- Sử dụng đuôi từ kết thúc câu không phù hợp:

(18) ST 2-10: 10. Sau 30 năm, nhờ nỗ lực của cả hai bên, giao lưu nhân dân giữa hai nước đã phát triển nhanh chóng.

MT-G: 30년이 지난 지금, 양국의 노력에 힘입어 양국 간 인적교류는 급속히 발전해왔습니다.

Theo quy định về ngôn ngữ, đuôi từ kết thúc câu được sử dụng trong văn phong báo chí là “(ㄴ/는)다” nhưng như đã thấy ở trên, “ㅂ니다” xuất hiện khá nhiều trong bản dịch máy Google. Điểm đáng chú ý là “ㅂ니다” không xuất hiện xuyên suốt văn bản mà đan xen với “(ㄴ/는)다”, nghĩa là đuôi từ kết thúc câu trong cùng dạng văn bản không được sử dụng một cách nhất quán trong dịch máy.

#### 5. Kết luận và đề xuất

Như đã phân tích ở trên, chúng tôi đã phát hiện ra nhiều lỗi sai khác nhau về hình thức, từ vựng, ngữ pháp và ngữ dụng trong hai bản dịch của Papago và Google. Trong các khía cạnh trên, các lỗi sai về từ vựng được phát hiện nhiều nhất, bao gồm lỗi dịch sai nghĩa của từ, dịch sót từ, sử dụng từ thiếu nhất quán. Trong bản dịch máy của cả công cụ dịch Papago và Google, có nhiều lỗi khác nhau về từ vựng, ngữ pháp và ngữ dụng xuất hiện trong một câu. Nguyên nhân chính của lỗi sai này là do công cụ dịch máy loại bỏ ngữ cảnh, bám sát hình thái của ngữ nguồn: từ đối từ, cấu trúc đối cấu trúc. Ngoài ra, công cụ dịch máy cũng gặp khó khăn trong việc hiểu chính xác ý nghĩa của tác giả ngữ nguồn muốn chuyển tải cho nên không thể lựa chọn từ vựng, ngữ pháp, văn phong phù hợp với loại hình văn bản. Kim Yoon-jeong (2018), Han Seung-hee (2021), Hwang Ji-youn & Yang Seul-a (2020) cũng đã chỉ ra các hạn chế này của dịch máy.

Mặc dù chất lượng của dịch máy càng ngày càng được nâng cao nhưng như chúng

ta đã thấy ở trên, bản dịch máy vẫn tồn tại nhiều lỗi sai. Điều này một lần nữa khẳng định tính cấp thiết của phương pháp luận để có thể áp dụng dịch máy vào giảng dạy biên dịch, giúp người học khắc phục những hạn chế và phát huy ưu điểm của dịch máy. Dựa vào kết quả nghiên cứu, chúng tôi đưa ra một số đề xuất như sau:

Thứ nhất, giúp người học tiếp cận với các công cụ dịch đa dạng như Papago, Google, DeepL, Chat GPT, Bard, vv; đồng thời, đưa ra nguyên tắc, ưu- nhược điểm của từng công cụ. Thứ hai, giúp người học tiếp cận với đa dạng các loại hình văn bản. Nên lựa chọn loại hình văn bản từ dễ đến khó để áp dụng vào quá trình dịch máy, hướng dẫn người học phân tích và biên tập sau. Ví dụ, chọn văn bản thông tin trước tiên vì so với các loại văn bản khác, dạng văn bản này ít có biến số về ngôn ngữ. Thứ ba, đưa ra hướng dẫn (guideline) cụ thể về các yếu tố của ngôn ngữ mà người học cần cân nhắc khi đối chiếu bản gốc và bản dịch để biên tập sau. Trước khi cho người học biên tập sau văn bản dịch máy, hướng dẫn người học phân tích chức năng mục đích và đặc điểm ngôn ngữ của văn bản nguồn. Thứ tư, một văn bản dịch có nhiều chi tiết cần quá trình hậu chỉnh sửa<sup>3</sup> thì cân nhắc trình độ của người học để lựa chọn nội dung giảng dạy và cần đặt ra thứ tự để việc giảng dạy đạt hiệu quả cao, ví dụ: (1) hình thức, (2) từ vựng, (3) ngữ pháp, (4) ngữ dụng. Cuối cùng, song song với áp dụng dịch máy, người dạy phải không ngừng nỗ lực giúp người học nâng cao năng lực ngữ đích, khả năng biên dịch và kiến thức nền. Bởi vì dịch máy chỉ có thể được sử dụng đúng cách nếu nó được hỗ trợ bởi các kỹ năng dịch thuật vững chắc.

<sup>3</sup> Theo Bowker & Ciro (2019), post-editing (hậu chỉnh sửa) là hoạt động của chuyên gia ngôn ngữ chỉnh sửa lỗi sai trong bản thảo thô của bản dịch máy ở mức độ có thể chấp nhận được.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Hàn:

- 1) 공태수&백재과(2021). 한국어 학습자의 기계번역 활용 실태 연구. *학습자중심교과교육연구*, 21(5), 859-871.
- 2) 박순례(2022). 한국어- 아랍어 기계번역에 관한 고찰 -비문학 텍스트를 중심으로-. *아랍어와 아랍문학*, 26(2), 65-87.
- 3) 김민영(2023). 한국어 번역 교육을 위한 번역오류의 유형화 연구. *국제한국언어문화학회(INK) 제35차 춘계 학술대회*, 299-314.
- 4) 김지은 (2023). 외국어로서의 한국어 번역교육 중 기계번역 활용 고찰- 외국인학생 대상 설문조사 기반-. *T&I REVIEW*, 13(1), 7-26.
- 5) 남신혜 (2019). 한국어 학습자의 온라인 기계번역 도구 사용 경험 및 태도에 관한 연구: 초급 및 중급 학습자를 대상으로. *언어와 문화*, 15(2), 55-81.
- 6) 박지민 & 갈라노바딜노자(2023). 우즈베키스탄 한국어 학습자의 기계 번역기 사용에 대한 연구-사용 양상, 태도, 인식, 기대치를 중심으로-. *국제한국어교육학회 춘계학술발표논문집*, 295-315.
- 7) 이선우 & 이상빈(2023). 기계번역 사용, 기계번역 교육, 번역가 진로에 관한 인식 조사: 학부번역전공자를 대상으로 한 소규모 설문조사를 기반으로. *통역과 번역*, 25(1), 49-73.
- 8) 윤미선 외(2018). 영어-한국어 언어쌍에 적합한 포스트에디팅 가이드라인: 미래 포스트에디터를 위한 가이드라인과 그 실효. *번역학연구*, 19(5), 43-76.
- 9) 전미화(2022). 중국 대학 한국어 학습자의 기계번역 사용 경험 및 인식 연구. *인문사회* 21, 13(4), 953-962.
- 10) 최승혁(2023). 법률 도메인 특화를 위한 중한 기계번역 오류의 귀납적 분석: 중국 민법전의 파파고 번역을 중심으로. *번역학연구*, 24(3), 507-537.
- 11) 한설옥(2020). 인공지능 시대의 한국어 교육에서 기계번역 활용 가능성-중한 번역을 중심으로-. *한중인문학연구* 69, 111-132.

### Tài liệu điện tử:

- 1) <https://nhandan.vn/chinh-thuc-ra-mat-hoc-vien-bong-da-park-hang-seo-tai-viet-nam-post770035.html>
- 2) <https://tuoitre.vn/quan-he-viet-han-dang-o-giai-doan-vang-20230623080451213.htm>

**Abstract**

*The purpose of this study is to analyze errors in Korean translation texts of two articles used Papago and Google machine translation tools. Because of the development of artificial intelligence, automatic translation tools are being commonly used in searching for information, communicating with foreigners, foreign language education, etc. Recently, in the Korean language education, translation education and research have received attention and there have begun to be research projects on teaching machine translation, but there have been no research projects on teaching machine translation for*

*students. Vietnamese learners. This requires that machine translation needs to be researched actively in order to come up with solutions to apply machine translation more effectively. Recognizing the urgency of research on machine translation, this study was conducted to analyze errors in the formal, lexical, grammatical and pragmatic aspects of machine translation. Based on the research results, we intend to give some suggestions for applying machine translation in teaching translation.*

**Keywords:** Vietnamese-Korean machine translation, errors, translation education

---

## THẺ LỆ GỬI BÀI CHO TẠP CHÍ HÀN QUỐC

1. Bài gửi Tạp chí là bài chưa công bố trên các sách, báo, tạp chí khác.
2. Bản thảo được soạn trên máy vi tính, khổ A4, phông chữ Times New Roman (thuộc mã UNICODE), cỡ chữ 12, giãn dòng 1.1.
3. Danh mục Tài liệu tham khảo để ở cuối bài, theo từng khối: Việt, Anh, Pháp, Hàn Quốc, Trung Quốc, ... và Internet.
4. Bài viết gửi qua email: [tapchihanquoc@gmail.com](mailto:tapchihanquoc@gmail.com) Tòa soạn không trả lại bản thảo.
5. Bài viết phải có tóm tắt và từ khóa bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Tóm tắt và từ khóa bằng tiếng Việt để ở phần trên của bài, dưới tên bài và tên tác giả. Tóm tắt và từ khóa bằng tiếng Anh để ở cuối bài, sau Tài liệu tham khảo.
6. Cấu trúc bài viết gồm đủ 5 phần: 1. Đặt vấn đề; 2. Cơ sở lý thuyết; 3. Phương pháp nghiên cứu; 4. Kết quả nghiên cứu; 5. Kết luận và phần Tài liệu tham khảo.  
(Mọi thắc mắc về bố cục bài đăng tạp chí xin liên hệ qua email [tapchihanquoc@gmail.com](mailto:tapchihanquoc@gmail.com) để biết thông tin chi tiết)